

<b>Chương 1: Kinh doanh ở Úc.....</b>	<b>8</b>
Tổng quan về thị trường .....	8
Một số thông tin cần biết về thị trường Úc.....	10
Những thách thức về thị trường.....	17
Chiến lược thâm nhập thị trường.....	17
<b>Chương 2: Môi trường kinh tế và chính trị.....</b>	<b>19</b>
Hệ thống nhà nước.....	19
Tình hình kinh tế.....	21
Quan hệ chính trị - kinh tế giữa Việt Nam và Úc.....	25
Hợp tác song phương.....	26
<b>Chương 3: Bán sản phẩm và dịch vụ .....</b>	<b>30</b>
Sử dụng đại lý hoặc nhà phân phối.....	30
Thiết lập văn phòng .....	32
Nhượng quyền thương mại .....	34
Tiếp thị trực tiếp .....	36
Liên doanh / cấp giấy phép.....	37
Bán cho chính phủ .....	39
Kênh phân phối và bán hàng .....	40
Các loại hình doanh nghiệp bán sỉ của Úc .....	40
Chuyên phát nhanh .....	41

Các yếu tố/kỹ thuật bán hàng .....	41
Thương mại điện tử .....	42
Xúc tiến thương mại và quảng cáo .....	45
Định giá cả.....	51
Dịch vụ bán hàng / Hỗ trợ khách hàng .....	53
Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.....	54
Thẩm định đúng mức.....	55
Các dịch vụ chuyên nghiệp địa phương .....	55
Các hiệp hội ngành nghề chính .....	56
Các nguồn thông tin.....	57
<b>Chương 4: Quan hệ thương mại song phương Việt Nam và Úc .....</b>	<b>59</b>
Quan hệ thương mại giữa Úc và Việt Nam .....	59
Đầu tư của Úc tại Việt Nam .....	59
Thương mại song phương giữa Việt Nam và Úc .....	61
Tiềm năng và cơ hội cho các nhà đầu tư hai nước .....	95
Các hiệp định song phương .....	96
Một số thoả thuận hợp tác quan trọng khác: .....	97
Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Úc - New Zealand và cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam.....	98
Cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam.....	100
<b>Chương 5: Các quy định thương mại, hải quan và các tiêu chuẩn.....</b>	<b>103</b>

Thuế hải quan .....	103
Các FTA của Úc hiện có.....	105
Thuế hàng hóa và dịch vụ (GST) .....	106
Tạm nhập .....	106
Các rào cản thương mại .....	107
Các quy định về Hải quan và thông tin liên hệ.....	119
Các tiêu chuẩn thương mại .....	120
Những mặt hàng thuộc đối tượng áp dụng tiêu chuẩn bắt buộc tại Úc .....	123
Đánh giá sự phù hợp.....	125
Chứng nhận sản phẩm .....	125
Công nhận.....	125
Xuất bản các qui định kỹ thuật .....	126
Các yêu cầu về an toàn sinh học khi nhập khẩu vào Úc .....	126
Qui định đối với mặt hàng dệt may khi nhập khẩu vào Úc .....	127
Cảnh báo về quy định ghi nhãn xuất xứ thực phẩm mới của Úc .....	132
Quy định về nhãn hàng khi nhập khẩu giày dép vào Úc .....	133
Hàng hoá yêu cầu mô tả thương mại khi nhập khẩu vào Úc.....	134
Các yêu cầu về an toàn thực phẩm khi nhập khẩu vào Úc .....	139
Yêu cầu về dán nhãn và các yêu cầu thông tin khác .....	140
Yêu cầu về một số loại thực phẩm .....	142
Yêu cầu về chế biến và hạn mức vi sinh học .....	142
Yêu cầu đối với ngũ cốc .....	143

Yêu cầu đối với thịt, trứng và cá .....	143
Yêu cầu đối với trái cây và rau củ .....	143
Yêu cầu đối với các loại dầu ăn.....	144
Yêu cầu đối với các sản phẩm bơ sữa .....	144
Yêu cầu đối với đồ uống không cồn.....	145
Yêu cầu đối với đồ uống có cồn .....	146
Yêu cầu đối với đường và mật ong.....	146
Yêu cầu đối với các thực phẩm riêng biệt .....	147
Các tiêu chuẩn cho các thực phẩm khác.....	148
Qui định đối với mặt hàng gỗ nhập khẩu vào Úc.....	149
Qui định đối với mặt hàng rau, củ, quả đông lạnh, chế biến hoặc đã qua bảo quản .....	150
Qui định đối với mặt hàng cua, ghẹ đông lạnh nhập khẩu vào Úc.....	153
Qui định đối với mặt hàng cà phê nhập khẩu vào Úc .....	154
Qui định đối với mặt hàng chè nhập khẩu vào Úc .....	155
Qui định đối với các loại hạt đã qua chế biến nhập khẩu vào Úc .....	157
Qui định đối với các loại hạt thô nhập khẩu vào Úc .....	159
Qui định về nhãn mác xuất xứ của Úc.....	160
Các nguồn thông tin trên web.....	163
<b>Chương 6: Môi trường đầu tư .....</b>	<b>165</b>
Đầu tư nước ngoài .....	165
Các hạn chế về quyền quản lý của nước ngoài.....	167

Các lĩnh vực nhạy cảm .....	167
Tạo thuận lợi cho doanh nghiệp .....	168
Đầu tư ra nước ngoài .....	168
Tính minh bạch của hệ thống pháp lý .....	168
Hệ thống pháp lý và độc lập tư pháp .....	169
Các luật và quy định về đầu tư trực tiếp nước ngoài.....	170
Qui trình phê duyệt.....	171
Chính sách chuyển đổi và chuyển tiền .....	172
Luật cạnh tranh và chống độc quyền .....	172
Tước quyền sở hữu và bồi thường.....	172
Giải quyết tranh chấp.....	173
Các quy định phá sản.....	173
Các chính sách công nghiệp - Ưu đãi đầu tư.....	174
Khu ngoại thương / Cảng tự do .....	174
Các yêu cầu về thành quả và nội địa hóa dữ liệu .....	175
Quyền sở hữu tư nhân và thành lập doanh nghiệp .....	175
Bảo vệ quyền sở hữu tài sản .....	175
Quyền sở hữu trí tuệ .....	175
Thị trường vốn và đầu tư gián tiếp .....	176
Tiền tệ và hệ thống ngân hàng.....	176
Quản lý ngoại hối và kiều hối.....	176
Cạnh tranh với các doanh nghiệp nhà nước .....	177

Chương trình tư nhân hóa.....	177
Trách nhiệm xã hội của công ty .....	178
Bạo lực chính trị .....	179
Tham nhũng.....	179
Các thỏa thuận đầu tư song phương và các thỏa ước về thuế .....	181
Lao động .....	181
Các khu Ngoại thương/các cảng tự do .....	182
Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài .....	183
Đầu tư ra nước ngoài của Úc.....	186
<b>Chương 7: Tài trợ thương mại và dự án .....</b>	<b>190</b>
Phương thức thanh toán.....	190
Tạm ứng.....	190
Tín dụng thư .....	190
Hội phiếu thương mại.....	190
Hệ thống ngân hàng.....	191
Quản lý ngoại hối .....	192
Tài trợ dự án .....	193
<b>Chương 8: Việc đi lại khi kinh doanh.....</b>	<b>195</b>
Thị thực nhập cảnh vào Úc.....	195
Các lưu ý quan trọng .....	203
Viễn thông .....	203

Giao thông vận tải.....	204
Y tế .....	206
Trong một tình huống khẩn cấp, hãy gọi Triple Zero (000).....	206
Tập quán kinh doanh .....	206
Giờ làm việc và ngày lễ.....	209
Tạm nhập vật dụng và hành lý cá nhân .....	211
Các cơ quan du lịch Úc.....	212
<b>Chương 9: Thông tin liên lạc .....</b>	<b>213</b>
Các đầu mối tiếp xúc .....	213
Các cơ quan chính phủ Úc.....	227
Tài liệu tham khảo .....	230



## Chương 1: Kinh doanh ở Úc

### Tổng quan về thị trường

**Tên đầy đủ:** Thịnh vượng chung Úc (The Commonwealth of Australia).

**Vị trí địa lý:** Úc thuộc Châu Đại Dương, là lục địa ở Nam bán cầu, nằm giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Các quốc gia lân cận của Úc gồm có Indonesia, Đông Timor và Papua New Guinea ở phía bắc; Quần đảo Solomon, Vanuatu, và Nouvelle-Calédonie thuộc Pháp ở phía đông-bắc; và New Zealand ở phía đông-nam.



**Diện tích:** Úc là quốc gia lớn thứ sáu trên thế giới sau Nga, Canada, Trung Quốc, Mỹ và Braxin. Diện tích khoảng 7,7 triệu km<sup>2</sup>, là một lục địa rộng lớn bao phủ khoảng cách 3.700 km từ điểm cực bắc đến điểm cực nam và gần 4.000 km từ đông sang tây.

**Dân số:** Trong năm 2017, tổng dân số của Úc đã vượt quá 24,5 triệu người. Người dân Úc chủ yếu sống ở vùng ngoại vi đảo, tập trung cao nhất ở phía đông nam. Một trung tâm dân số thứ cấp nằm trong khu vực Perth và xung quanh về phía tây. Trong số các bang và vùng lãnh thổ, New South Wales có dân số lớn nhất trong khi các khu vực trung tâm đảo và các vùng hẻo lánh có dân số rất thưa thớt.

**Các nhóm dân tộc:** Người Anh: 25,9%, Úc: 25,4%, Ireland: 7,5%, Scotland: 6,4%, Ý: 3,3%, Đức: 3,2%, Trung Quốc: 3,1%, Ấn Độ: 1,4%, Hy Lạp: 1,4%, Hà Lan: 1,2%, các dân tộc khác 15,8% (bao gồm thổ dân Úc 0,5%), không xác định: 5,4%



**Cấu trúc dân số:** 0-14 tuổi: 17,8%, 15-24 tuổi: 12,79%, 25-54 tuổi: 41,45%, 55-64 tuổi: 11,83%, trên 65 tuổi: 16,14%. Tỷ lệ tăng dân số 1,03% (2017).

**Ngôn ngữ:** Tiếng Anh: 72,7%, tiếng Hoa phổ thông: 2,5%, tiếng Ả Rập: 1,4%, tiếng Quảng Đông: 1,2%, tiếng Việt: 1,2%, tiếng Ý: 1,2%, tiếng Hy Lạp: 1%, ngôn ngữ khác: 14,8%, không xác định: 6,5%. Theo cuộc Điều tra Dân số năm 2016, tiếng Việt là ngôn ngữ phổ biến thứ tư được nói ở nhà tại Úc.

**Thủ đô:** Canberra.

**Các bang chính:** Úc có 6 tiểu bang chính nằm trên đại lục là New South Wales, Victoria, Tây Úc, Nam Úc, Queensland, Tasmania và 2 vùng lãnh thổ chính là lãnh thổ Bắc Úc và lãnh thổ thủ đô Úc (ACT). Ngoài ra, Úc còn có một vài lãnh thổ phụ khác nằm dưới sự quản lý của chính phủ liên bang như đảo Norfolk, đảo Christmas, quần đảo Cocos và Keeling (có người sinh sống) và một số vùng lãnh thổ rộng lớn bên ngoài và không có người sinh sống như quần đảo Biển san hô, quần đảo Heard và McDonald và lãnh thổ châu nam cực.

## Chính phủ

Có ba cấp chính quyền ở Úc:

- Chính phủ Úc (còn được gọi là Commonwealth hoặc chính phủ liên bang) - chịu trách nhiệm chính về các vấn đề như quốc phòng, ngoại thương và quan hệ quốc tế, thuế thu nhập, phúc lợi xã hội, nhập cư, viễn thông và phát thanh, thương mại và tiền tệ;
- Chính quyền tiểu bang — chịu trách nhiệm về các dịch vụ như giáo dục, y tế, nhà ở, thực thi pháp luật, tài nguyên thiên nhiên, đường xá và giao thông, và du lịch;
- Các hội đồng địa phương — chịu trách nhiệm về các dịch vụ như đường xá địa phương, quy hoạch đô và dọn dẹp chất thải và vệ sinh.

## Một số thông tin cần biết về thị trường Úc

### ➤ Nền kinh tế Úc

Úc đã đạt thành tích tăng trưởng kinh tế hàng năm liên tục trong suốt 27 năm qua, một trong số rất ít nền kinh tế thế giới đạt được điều này trong giai đoạn sau Thế chiến II - (2017-18) *(theo Cục Thống kê Úc)*

Úc là quốc gia giàu có đứng thứ 2 về số người giàu trong số người trưởng thành chỉ sau Thụy Sĩ (2017), theo Báo cáo sự thịnh vượng toàn cầu, Credit Suisse.

Đô la Úc là đồng tiền được giao dịch nhiều thứ 5 - (2016) *(theo Ngân hàng Thanh toán Quốc tế)*

Úc có nhóm quỹ đầu tư dưới sự quản lý lớn thứ 6 thế giới (2,1 nghìn tỷ USD). Tuy nhiên, trong phạm vi khu vực châu Á nước Úc được xếp hạng 1 - (2017) *(theo Viện Công ty Đầu tư)*

Úc ước tính có GDP cao thứ 13 thế giới và GDP bình quân đầu người cao thứ 11 (tính bằng đô la Mỹ) - 2017 *(theo Quỹ Tiền tệ quốc tế)*

Thị trường chứng khoán Úc là sàn giao dịch chứng khoán lớn thứ 16 trên thế giới (theo lượng vốn hóa thị trường trong nước) - 2017 *(Liên đoàn các Sàn Giao dịch thế giới)*

### ➤ Thương mại và đầu tư quốc tế

Úc là nước đứng đầu thế giới về xuất khẩu quặng sắt, than và chì chưa gia công, đứng thứ 2 về xuất khẩu quặng nhôm và đứng thứ 3 về xuất khẩu quặng đồng và quặng kẽm (tính theo giá trị) - 2017 *(Cơ sở dữ liệu Comtrade của Liên hợp quốc)*

Úc là nước xuất khẩu khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) lớn thứ 4 trên thế giới (theo số lượng) - 2017 *(Cơ sở dữ liệu Comtrade của Liên Hiệp Quốc)*

Úc là nước xuất khẩu lớn thứ ba nhất thế giới về đá zircon và ngọc trai và đứng thứ 7 về xuất khẩu vàng (tính theo giá trị) - 2017 (*Cơ sở dữ liệu Comtrade của Liên hợp quốc*)

Úc là nước xuất khẩu lớn thứ 2 thế giới về thịt bò và đậu lăng, lớn thứ 3 về xuất khẩu đường và lớn thứ 5 về xuất khẩu rượu vang (tính theo giá trị) - 2017 (*Cơ sở dữ liệu Comtrade của Liên hợp quốc*)

Úc là nước xuất khẩu len lớn nhất thế giới và xếp thứ 2 về xuất khẩu bông (tính theo giá trị) - 2017 (*Cơ sở dữ liệu Comtrade của Liên hợp quốc*)

Úc là nước xuất khẩu rau quả lớn thứ 9 trên toàn cầu, xuất khẩu trái cây lớn thứ 10 và lớn thứ 12 về xuất khẩu các sản phẩm sữa (tính theo giá trị) - (2017) (*Cơ sở dữ liệu Comtrade của Liên hợp quốc*)

Úc là nước xuất khẩu thiết bị chỉnh hình lớn thứ 15 thế giới (tính theo giá trị) - 2017 (*Cơ sở dữ liệu Comtrade của Liên hợp quốc*)

Úc nhận được lượng chi tiêu du lịch quốc tế từ du khách nước ngoài lớn thứ 10 thế giới - 2016 (*Các chỉ số phát triển thế giới của Liên Hợp Quốc*)

Úc thu hút số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) lớn thứ 13 thế giới và các nhà đầu tư Úc đóng góp lượng vốn FDI lớn thứ 17 trên toàn cầu - 2017 (*Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển - UNCTAD*)

### ➤ **Tiến hành kinh doanh**

Úc xếp hạng thứ 2 (cùng với Nhật Bản) về Chỉ số Tham gia Web – 2016 (*theo Tổ chức World Wide Web Foundation*)

Úc xếp thứ 5 về tự do kinh tế - 2018 (*Chỉ số Tự do Kinh tế*)

Úc xếp hạng 5 về Chỉ số Doanh nhân Toàn cầu – 2018 (*Viện Kinh doanh và Phát triển Toàn cầu*)

Úc xếp thứ 8 về khả năng phục hồi kinh tế - 2018 (*Niên giám về tính cạnh tranh thế giới IMD*)

Úc xếp thứ 11 về Chỉ số Cạnh tranh Tài năng Toàn cầu – 2018 (*Báo cáo Chỉ số Cạnh tranh Tài năng toàn cầu*)

Úc xếp thứ 12 về môi trường kinh doanh trong giai đoạn 2018-2022 - (*Economist Intelligence Unit*)

Úc xếp thứ 14 về dễ dàng kinh doanh - 2018 (*Nhóm Ngân hàng Thế giới*)

Úc xếp thứ 15 về khả năng cạnh tranh kỹ thuật số thế giới – 2017 (*Xếp hạng cạnh tranh kỹ thuật số thế giới IMD*)

Úc xếp thứ 19 về khả năng cạnh tranh trên thế giới - 2018 (*Niên giám cạnh tranh thế giới IMD*)

Úc xếp hạng 19 về tài năng thế giới - 2017 (*IMD World Talent Ranking*)

### ➤ **Giáo dục và đào tạo**

Úc là điểm đến lớn thứ 3 thế giới cho sinh viên quốc tế (đại học), sau Hoa Kỳ và Vương quốc Anh - 201) (*UNESCO*)

Úc đứng thứ 4 về số lượng đại học nằm trong top 100 thế giới (Đại học Melbourne xếp hạng 39, Đại học Queensland 55, Đại học Monash 78, Đại học Sydney 83, Đại học Tây Úc 91, Đại học Quốc gia Úc 97) - (2017) (*theo Xếp hạng học thuật của các trường đại học thế giới*)

Úc xếp thứ 4 về tỷ lệ nhập học trung học niên học 2017-2018 (*Chỉ số cạnh tranh toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới*)

Úc xếp thứ 5 về truy cập internet trong các trường học – 2017-2018 (*Chỉ số cạnh tranh*)

*toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới)*

Úc xếp thứ 8 về tỉ lệ người dân từ 25 đến 64 tuổi có trình độ đại học – 2016 (theo OECD - 2017)

Được biết đến như là một trong những đất nước sản xuất nông nghiệp, khai thác mỏ và năng lượng chủ yếu, Úc cũng là một trong những nền kinh tế mở nhất và đa dạng nhất thế giới, với một lực lượng lao động có trình độ cao và lãnh vực dịch vụ phong phú.

Cơ sở cho nền kinh tế vững mạnh của nước Úc chính là môi trường đầu tư và thương mại cởi mở và minh bạch, hệ thống luật định thân thiện với doanh nghiệp và các mối liên kết kinh tế - thương mại với các nền kinh tế mới nổi, đặc biệt là ở châu Á.

Lãnh vực dịch vụ đóng vai trò lớn nhất của nền kinh tế Úc, chiếm khoảng 3/4 tổng sản phẩm trong nước và chiếm 4 trong số 5 công ăn việc làm tại đất nước này. Úc cũng là một trung tâm tài chính quan trọng và đang tăng trưởng, với lĩnh vực dịch vụ tài chính phức tạp và luật định mạnh mẽ.

Quá trình cải cách liên tục để mở cửa nền kinh tế hơn nữa và tăng cường năng lực cạnh tranh đã là yếu tố mấu chốt cho sự thành công của Úc.

Úc xếp hạng thứ 21 trong Báo cáo Cạnh tranh toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới 2017-2018, nhờ có các tổ chức công cộng và tư nhân minh bạch, cơ sở hạ tầng phát triển tốt, môi trường kinh tế vĩ mô tốt, nền y tế và giáo dục tiểu học vững mạnh. Điều này được hỗ trợ thêm bởi một hệ thống tài chính mạnh mẽ và hiệu quả với lãnh vực ngân hàng vững mạnh.

Úc là một lục địa đảo ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương với diện tích khoảng 7,6 triệu km<sup>2</sup>. Úc có khí hậu ôn đới ở hầu hết các khu vực dân cư và khí hậu nhiệt đới ở phía bắc. Úc là một xã hội đa văn hóa sôi động với dân số khoảng 24,2 triệu người.

Với tốc độ tăng trưởng dân số hàng năm là 1,4%, thị trường nội địa luôn mở rộng, khiến



Úc trở thành điểm đến hấp dẫn cho các công ty đang tìm cách mở rộng dịch vụ ra nước ngoài. Các lĩnh vực chính của nền kinh tế Úc là dịch vụ (79,2%), xây dựng (8,8%), sản xuất (7,4%), nông nghiệp (2,7%) và khai thác mỏ (1,9%). Với triển vọng kinh tế mạnh mẽ và niềm tin đáng kể về các thể chế chính trị, pháp lý và kinh tế, Úc là một điểm đến vô cùng hấp dẫn đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

Úc luôn nằm trong top 10 điểm đến FDI hàng đầu thế giới. Các nguồn FDI tích lũy lớn nhất của Úc hiện là Hoa Kỳ, Nhật Bản và Vương quốc Anh. Với một nền kinh tế liên kết chặt chẽ với châu Á - và đặc biệt là với Trung Quốc - sự phát triển kinh tế trong tương lai của Úc sẽ vẫn tiếp tục theo chiều hướng tích cực.

Trên thực tế, nền kinh tế của Úc đã có sự tăng trưởng không bị gián đoạn trong 26 năm qua, dài nhất trong thế giới phát triển. Úc lại có các thị trường xuất khẩu rất mạnh.

Vì 70% dân số sống ở các thành phố lớn, và đặc biệt dọc theo bờ biển phía đông ở Brisbane, Sydney và Melbourne, hầu hết các hoạt động kinh doanh đều diễn ra ở những khu vực này.

	<b>2015 (ước)</b>	<b>2016 (ước)</b>	<b>2017 (ước)</b>
GDP (tương đồng sức mua - ngàn tỷ USD)	1,185	1,214	1,246
GDP (theo tỉ giá chính thức - ngàn tỷ USD)			1,38
Tăng trưởng GDP thực tế	3,5%	2,6%	2,3%
GDP đầu người (PPP)	49.400 USD	49.800 USD	50.300 USD



Tỉ lệ tiết kiệm quốc gia	21,5% GDP	20,7% GDP	21,1% GDP
GDP – theo nhu cầu sử dụng:			
• Tiêu thụ gia đình			57,1%
• Tiêu thụ của chính phủ			19%
• Đầu tư tài sản cố định			24,2%
• Đầu tư hàng dự trữ			0%
• XK hàng hóa và dịch vụ			20,5%
• NK hàng hóa và dịch vụ			-20,8%
GDP – theo lãnh vực:			
• Nông nghiệp			3,6%
• Công nghiệp			26,1%
• Dịch vụ			70,3%
Tăng trưởng sản lượng công nghiệp			1%
Lực lượng lao động			12,91 triệu
Tỉ lệ thất nghiệp		5,7%	5,6%
Ngân sách			
• Thu			461 tỷ USD
• Chi			484,9 tỷ USD

Thuế + thu khác			33,2% GDP
Thâm hụt			-1,7% GDP
Lạm phát (giá tiêu dùng)		1,3%	2%
Dự trữ ngoại tệ và vàng		55,07 tỷ USD	60,3 tỷ USD
Nợ công		40,6%	41,6% GDP
Nợ nước ngoài		1,547 ngàn tỷ USD	1,67 ngàn tỷ USD
FDI trong nước		617,7 tỷ USD	647,7 tỷ USD
FDI ở nước ngoài		441,4 tỷ USD	443,4 tỷ USD
Tỷ giá hối đoái so với USD	1,34	1,34	1,31

**Các sản phẩm nông nghiệp:** Lúa mì, lúa mạch, mía đường, trái cây; gia súc, cừu, gia cầm

**Công nghiệp:** Khai khoáng, thiết bị công nghiệp và vận tải, chế biến thực phẩm, hóa chất, sắt thép

**Năm tài chính:** 01/07 – 30/06

**Xuất khẩu:** xếp thứ 25 trên thế giới, kim ngạch ước đạt 224,5 tỷ USD trong năm 2017, so với 191,7 tỷ USD trong năm 2016.

**Các hàng hóa xuất khẩu chính:** than đá, quặng sắt, vàng, khí thiên nhiên, thịt bò, quặng nhôm, len, alumina, lúa mì, rượu, máy móc và thiết bị vận tải

**Các đối tác xuất khẩu chính:** Trung Quốc 33,5%, Nhật 14,6%, Hàn Quốc 6,6% , Ấn Độ 5%, Hong Kong 4% (2017)

**Nhập khẩu:** xếp thứ 23 trên thế giới, kim ngạch ước đạt 215,4 tỷ USD trong năm 2017, so với 198,5 tỷ USD trong năm 2016.

**Các hàng hóa nhập khẩu chính:** xe cộ, xăng dầu, thiết bị và phụ kiện viễn thông, dầu thô, dược phẩm, vàng, máy tính...

**Các đối tác nhập khẩu chính:** Trung Quốc 22,9%, Hoa Kỳ 10,8%, Nhật Bản 7,5%, Thái Lan 5,1%, Đức 4,9%, Hàn Quốc 4,5% (2017).

### Những thách thức về thị trường

Những yếu tố như nước Úc nằm cách xa những phần còn lại của thế giới, có diện tích đất rộng lớn, và dân số tương đối nhỏ đã dẫn đến sự thống trị thị trường của một vài công ty lớn trong một số lĩnh vực nhất định.

Úc đã hội nhập vào nền kinh tế thế giới và vẫn là một trung tâm tài chính và thương mại cho khu vực. Các công ty nước ngoài sẽ nhận thấy rằng các đối thủ cạnh tranh Úc và từ các nước thứ ba ở Úc có một số nhãn hiệu được thiết lập lâu đời, nhiều tiếng tăm và đã có các mối quan hệ với các cung ứng hiện hữu.

Úc đã tiếp cận các nhà sản xuất có chi phí thấp thuộc châu Á và những nơi khác. Vì thế các công ty nước ngoài phải đưa ra giá trị gia tăng vừa đủ để trang trải các chi phí đưa sản phẩm đến thị trường và để cạnh tranh.

### Chiến lược thâm nhập thị trường

Những chiến lược thâm nhập thị trường thành công đối với thị trường Úc gồm ba yếu tố thông thường: am hiểu về thị trường, lựa chọn đối tác tối ưu và hỗ trợ liên tục cho đối tác đó tại thị trường này.

Thấu hiểu tình hình của từng sản phẩm và dịch vụ, đối thủ cạnh tranh, các tiêu chuẩn, quy tắc, các kênh mua bán và những ứng dụng là điều rất quan trọng.

Sự thành công trong thị trường Úc thường đòi hỏi phải thiết lập các đại diện bán hàng tại chỗ. Đối với những nhà xuất khẩu nước ngoài, điều này có nghĩa là phải chỉ định một đại lý hoặc nhà phân phối. Các phạm vi ủy quyền phải thương lượng rõ ràng, và có thể chỉ bao trùm một vài tiểu bang nhất định của Úc, toàn quốc, hay gộp cả New Zealand. Ngày càng có nhiều các doanh nghiệp và các nhà đầu tư xem Úc là một bộ phận an toàn để phục vụ cho các thị trường thứ 3 ở châu Á.

Khoảng cách xa xôi với các đối tác thương mại và kích thước lục địa rộng lớn khiến các công ty Úc coi trọng việc hỗ trợ và dịch vụ tại chỗ.

Các công ty nước ngoài phải đến thăm nước Úc để gặp các đối tác tương lai và đưa ra sự hỗ trợ liên tục vì đây là thông lệ của các đối thủ cạnh tranh.

## Chương 2: Môi trường kinh tế và chính trị

### Hệ thống nhà nước

Liên bang Úc là một nhà nước theo thể chế quân chủ lập hiến với Nữ hoàng Elizabeth II của Vương quốc Anh cũng là Nữ hoàng của Úc, một vai trò riêng biệt và tách rời khỏi địa vị là Elizabeth II của Vương quốc Anh, và được chấp nhận rộng rãi là nguyên thủ quốc gia, mặc dù không được quy định trong hiến pháp và pháp luật của Úc. Nữ hoàng được đại diện trên danh nghĩa bởi vị Toàn quyền ở cấp liên bang và bởi các thống đốc ở cấp tiểu bang. Theo Hiến pháp Úc vai trò của Nữ hoàng hầu như chỉ mang ý nghĩa nghi thức.

Chính phủ Úc cũng theo truyền thống người Anh (Westminster). Toàn quyền thực thi quyền hành pháp tối cao của Khối thịnh vượng chung. Trong thực tế, vị Toàn quyền này hành động theo lời tư vấn của người đứng đầu Chính phủ là Thủ tướng và các bộ trưởng khác.

Thủ tướng Chính phủ lãnh đạo một nội gồm các bộ trưởng. Các vị bộ trưởng, bao gồm cả Thủ tướng, được vị Toàn quyền bổ nhiệm theo tư vấn của lãnh đạo của một đảng chính trị hoặc liên minh đại diện cho đa số trong Hạ viện thuộc quốc hội liên bang. Các hệ thống tương tự cũng điều hành các hoạt động tại các bang và vùng lãnh thổ.

Hiến pháp Năm 1901 của Liên bang Úc định ra các quyền hạn của Khối thịnh vượng chung và tiểu bang. Mỗi bang có hiến pháp thành văn của riêng mình. Tòa án tối cao của Úc và Tòa án Liên bang Úc có thẩm quyền giải thích các điều khoản của hiến pháp. Theo Hiến pháp, quyền lập pháp của Liên bang được trao cho quốc hội liên bang. Quốc hội làm ra luật lệ, ủy quyền cho Chính phủ chi tiêu công quỹ, giám sát các hoạt động của chính phủ, và là một diễn đàn cho tranh luận về các vấn đề quốc gia.

Tất cả công dân Úc trên 18 tuổi đều phải bỏ phiếu trong cuộc bầu cử của bang và liên bang.

Hệ thống lãnh đạo được đảm trách bởi 3 quyền lực liên hệ lẫn nhau:

- Lập pháp: Quốc hội Liên bang, bao gồm Nữ hoàng, Thượng viện và Hạ viện; Nữ hoàng được đại diện bởi vị Toàn quyền, người mà theo truyền thống hành động theo tư vấn của các Bộ trưởng.
- Hành pháp: Hội đồng Hành pháp Liên bang (Toàn quyền, Thủ tướng và các Bộ trưởng)
- Tư pháp: Tòa án Tối cao Úc và các tòa án liên bang. Chánh án và sáu vị thẩm phán khác của Tòa án Tối cao được Toàn quyền bổ nhiệm theo tư vấn của chính phủ.

### ➤ Ngành lập pháp

Quốc hội lưỡng viện bao gồm Nữ hoàng, Thượng viện gồm 76 thượng nghị sĩ và Hạ viện gồm 150 thành viên. Các ghế trong Hạ viện được phân bổ cho các tiểu bang trên cơ sở dân số, mỗi tiểu bang đảm bảo tối thiểu năm ghế. Tại Thượng viện, mỗi tiểu bang được đại diện bởi 12 thượng nghị sĩ, và mỗi vùng lãnh thổ bởi hai nghị sĩ. Các cuộc bầu cử cho cả hai viện được tổ chức ba năm một lần. thường chỉ một nửa Thượng viện được bầu lại, vì Thượng nghị sĩ có nhiệm kỳ 6 năm. Đảng có đa số ủng hộ trong Hạ viện sẽ hình thành chính phủ và vị lãnh đạo đảng sẽ trở thành Thủ tướng.

Có hai nhóm chính trị lớn hình thành nên chính phủ: Đảng Lao động Úc và Liên minh gồm 2 đảng: Đảng Tự do và đối tác nhỏ của mình là Đảng Quốc gia.

Có hai nhóm chính trị lớn thường hình thành nên chính phủ ở cấp liên bang và tiểu bang: Đảng Lao động Úc (Công Đảng) và Liên minh là một nhóm chính thức của Đảng Tự do và đối tác nhỏ của mình là Đảng Quốc gia. Trong nền chính trị Úc, Liên minh được coi là nhóm trung hữu và Đảng Lao động được coi là nhóm trung tả. Các thành viên độc lập và một số đảng nhỏ cũng đã có các đại diện trong nghị viện Úc, chủ yếu là ở Thượng viện.



Vào tháng 9 năm 2015, Malcolm Turnbull đã chiến thắng Tony Abbott để lãnh đạo Liên minh và đã tuyên thệ nhậm chức Thủ tướng thứ 29 của Úc. Cuộc bầu cử liên bang gần đây nhất được tổ chức vào ngày 2 tháng 7 năm 2016 và dẫn đến việc Liên minh thành lập được chính phủ đa số.

Ngày 24/8, Thủ tướng Úc Malcolm Turnbull đã mất vị trí lãnh đạo đảng cầm quyền Tự do trong lần thách thức thứ hai từ cựu bộ trưởng Nội vụ Peter Dutton. Điều này cũng đồng nghĩa việc ông Turnbull sẽ phải từ chức thủ tướng. Tại nước Úc, thủ tướng là người lãnh đạo đảng cầm quyền.

Ông Scott Morrison, cựu bộ trưởng Tài chính Australia, giành chiến thắng trước cựu bộ trưởng Nội vụ Peter Dutton trong cuộc bỏ phiếu nội bộ đảng hôm 24/8. Với 45/85 phiếu bầu giành được, ông Morrison sẽ trở thành lãnh đạo mới của đảng và là thủ tướng thứ 30 của Australia.

## Tình hình kinh tế

Úc là nước xuất khẩu lớn về các nguồn tài nguyên thiên nhiên, năng lượng và thực phẩm. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào và đa dạng của Úc đang thu hút một lượng lớn đầu tư nước ngoài, bao gồm các trữ lượng than, sắt, đồng, vàng, khí tự nhiên, uranium và các nguồn năng lượng tái tạo. Một loạt các khoản đầu tư lớn, chẳng hạn như Dự án Khí tự nhiên lỏng Gorgon trị giá 40 tỷ USD, sẽ giúp mở rộng đáng kể lĩnh vực tài nguyên.

Trong gần hai thập kỷ tính đến năm 2017, Úc đã được hưởng nhiều lợi ích từ sự gia tăng đáng kể về mặt thương mại. Khi giá xuất khẩu tăng nhanh hơn giá nhập khẩu, nền kinh tế Úc đã tăng trưởng liên tục, thất nghiệp thấp, kiềm hãm được lạm phát, có nợ công rất thấp và hệ thống tài chính vững mạnh, ổn định. Bước vào năm 2018 Úc đang phải đối mặt với một loạt các hạn chế tăng trưởng, chủ yếu là do sự sụt giảm mạnh về giá hàng hóa xuất khẩu chính trên toàn cầu. Nhu cầu về nguồn tài nguyên và năng lượng từ châu Á, đặc biệt là Trung Quốc đang tăng trưởng chậm hơn và giá xuất khẩu giảm mạnh đã

ảnh hưởng đến tăng trưởng.

Theo số liệu mới nhất của Ngân hàng Thế giới, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Úc là 1.323,42 tỷ USD vào năm 2017, tăng 9,55% so với con số 1.208,04 tỷ USD của năm 2016. GDP năm 2018 dự kiến sẽ đạt 1.442,53 tỷ USD nếu nền kinh tế Úc vẫn giữ nguyên nhịp độ tăng trưởng GDP như năm vừa rồi.

Tính đến năm 2017, Úc đã tăng trưởng liên tiếp 104 quý, tương đương khoảng 26 năm chưa suy giảm lần nào, mức dài nhất trong lịch sử kinh tế hiện đại. Đứng thứ 2 là Hà Lan với 103 quý.

Đất nước này đã vượt qua được hàng loạt cuộc khủng hoảng kinh tế và biến động của thị trường. Tỷ lệ lạm phát luôn được giữ quanh mức 2 - 3%, ngân sách thặng dư, nợ công rất thấp bất chấp các cuộc khủng hoảng trong khu vực.

Nhờ kết hợp những chính sách kinh tế hợp lý cùng một lượng lớn tài nguyên mà đất nước Úc đã giữ được tăng trưởng trong một thời gian rất dài từ năm 1991. Dẫu vậy, quốc gia này cũng đang phải đứng trước những thử thách do chính mình tạo ra.

Những số liệu chính thức cho thấy sản lượng của các ngành sản xuất tại Úc đang giảm tốc, qua đó ảnh hưởng đến tiêu chuẩn cuộc sống cũng như tâm lý của người dân nước này. Ngoài ra, bong bóng thị trường bất động sản đang tăng cao do lãi suất ở mức thấp, qua đó thúc đẩy nợ xấu trong các hộ gia đình và đe dọa đến ổn định ngành tài chính. Tội tệ hơn, ngân sách thâm hụt đang khiến Australia có nguy cơ bị hạ mức xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức tín dụng quốc tế.

Trong suốt 30 năm khi Trung Quốc bùng nổ, Úc đã được lợi vô cùng lớn do xuất khẩu được tài nguyên sang thị trường số 1 thế giới này. Thậm chí khi nền kinh tế toàn cầu lâm vào khủng hoảng năm 2008, Úc vẫn thuộc những nước chịu ảnh hưởng ít nhất nhờ nguồn thu ngoại tệ từ Trung Quốc.

Tuy vậy, khi Trung Quốc bắt đầu chuyển mình từ tập trung xuất khẩu, sản xuất mặt hàng kỹ thuật thấp sang hàng tiêu dùng và công nghệ cao, như cầu nguyên liệu tài nguyên đối với Úc vẫn còn nhưng không được như trước. Thêm vào đó, người Trung Quốc giờ đã đủ giàu để có thể mua lại những trang trại, hầm mỏ, công ty tại Úc nhằm phục vụ cho công việc kinh doanh của mình.

Bên cạnh đó, việc tập trung quá nhiều cho xuất khẩu tài nguyên như dầu khí, dầu mỏ khiến Úc có lượng ngoại tệ lớn, đẩy giá đồng nội tệ lên cao, khiến các sản phẩm của nước này bị mất lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

Ngoài ra, nền kinh tế giàu tài nguyên thiên nhiên của Úc cũng đang đối mặt nhiều thách thức khác, trong lúc chính quyền Tổng thống Donald Trump leo thang căng thẳng thương mại với Trung Quốc và bất ổn gia tăng tại một số thị trường mới nổi đe dọa kéo tụt tăng trưởng toàn cầu.

Giá bất động sản ở Úc cũng đang sụt giảm dẫn tới lo ngại rằng tiêu dùng - một động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế nước này - sẽ suy giảm khi người tiêu dùng cảm thấy tài sản của họ hao hụt.

Bên cạnh đó, tỷ lệ tiết kiệm của các hộ gia đình Úc đã giảm xuống mức thấp nhất kể từ trước cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Đây là một dấu hiệu cho thấy ngân sách của các hộ gia đình vẫn đang chịu sức ép đáng kể.

Tiền lương ở Úc cũng đang tăng với tốc độ chậm chạp, và đây là một vấn đề đã tồn tại dai dẳng ở nước này nhiều năm.

Tuy nhiên, Ngân hàng Trung ương Úc (RBA) vẫn lạc quan rằng kinh tế Úc sẽ tăng trưởng 3% trong năm nay và năm tới, đủ để giúp cho tỷ lệ thất nghiệp tiếp tục giảm và kích thích lạm phát tăng theo thời gian. Trong tháng 7/2018, tỷ lệ thất nghiệp của Úc đã xuống gần mức thấp nhất trong vòng 7 năm qua.

RBA đã giữ lãi suất ở mức thấp kỷ lục trong vòng 2 năm trở lại đây. Mặc dù đồng đô la Úc đã giảm giá từ năm 2018 do biến động trên thị trường toàn cầu, nhưng sự mát giá đồng tiền này được RBA và các công ty xuất khẩu Úc hoan nghênh.

Nếu chiến tranh thương mại gây tác động mạnh đến kinh tế Trung Quốc, các công ty xuất khẩu quặng sắt, than và khí đốt Úc hy vọng Bắc Kinh sẽ có biện pháp kích cầu tăng trưởng.

Trong vòng 1 năm tính đến hết tháng 6 năm nay, GDP của Úc đạt mức 1,84 nghìn tỷ đô la Úc, tương đương 1,33 nghìn tỷ USD, với GDP bình quân đầu người đạt 74.000 đô la Úc.

Úc dự kiến sẽ kéo dài thêm được thành tích 29 năm không bị suy thoái đến năm 2020 trong khi chính phủ và nhiều công ty tiếp tục đầu tư để hỗ trợ nhu cầu ngày càng tăng. Nền kinh tế này có thể được hưởng lợi từ các điều kiện toàn cầu tích cực nhờ sự phục hồi toàn cầu đồng bộ vốn đã bắt đầu trong năm 2017, gia tăng chi tiêu ở châu Á, sự phục hồi giá cả hàng hóa, cắt giảm thuế gần đây tại Hoa Kỳ và lãi suất thấp trên toàn thế giới. Nhiều doanh nghiệp vẫn lạc quan khi tiêu dùng và đầu tư mạnh của chính phủ và việc gia tăng các khoản đầu tư tư nhân (không phải khai thác mỏ) dự kiến sẽ bù đắp cho sự sụt giảm về đầu tư của người dân. Niềm tin của người tiêu dùng cũng đã chuyển sang tích cực hơn.

Cho đến những năm 1960, Anh Quốc và Hoa Kỳ là những đối tác thương mại chính của Úc. Nhưng hiện nay trọng tâm thương mại của Úc đã chuyển về châu Á, với 4 trong 5 đối tác thương mại hàng đầu của Úc nằm ở đây. Trung Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Hàn Quốc và Singapore hiện là các đối tác thương mại lớn nhất của Úc.

Úc là một thị trường rất cởi mở với rất ít hạn chế đối với việc nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ. Điều này đã giúp gia tăng năng suất, kích thích tăng trưởng và khiến cho nền kinh tế linh hoạt và năng động hơn.

Úc đã phát triển lợi thế cạnh tranh trong hàng loạt hàng hóa và dịch vụ, từ các sản phẩm công nghệ cao như thiết bị y tế và khoa học cho tới đồ rượu vang và thực phẩm chế biến chất lượng cao. Xuất khẩu dịch vụ chính bao gồm giáo dục, du lịch, các dịch vụ chuyên nghiệp và tài chính. Dịch vụ của các công ty Úc hoạt động ở nước ngoài cũng đóng góp rất lớn cho nền kinh tế Úc.

Úc vẫn tiếp tục thúc đẩy tự do hóa thương mại đơn phương, song phương và đa phương để tăng cường hợp tác kinh tế quốc tế, giảm bớt những rủi ro mà nền kinh tế toàn cầu đang phải đối mặt và thúc đẩy tăng trưởng. Úc cũng đã đàm phán nhiều hiệp định thương mại song phương và khu vực với nhiều nước để tăng cường thương mại và đầu tư. Hiện nay, Úc đang đóng một vai trò tích cực trong WTO, APEC, G20 và các diễn đàn thương mại khác. Hiệp định thương mại tự do (FTA) của Úc với Trung Quốc có hiệu lực vào năm 2015, bổ sung thêm cho các FTA hiện có với Hàn Quốc, Nhật Bản, Chile, Malaysia, New Zealand, Singapore, Thái Lan và Mỹ và FTA khu vực với ASEAN và New Zealand. Australia tiếp tục đàm phán các hiệp định song phương với Indonesia, cũng như các hiệp định lớn hơn với các nước láng giềng Thái Bình Dương và các nước Hội đồng Hợp tác Vùng Vịnh, và một thỏa thuận Đối tác Kinh tế Toàn diện khu vực châu Á bao gồm 10 nước ASEAN và Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, New Zealand, và Ấn Độ.

### **Quan hệ chính trị - kinh tế giữa Việt Nam và Úc**

Nền tảng đầu tiên trong mối quan hệ giữa Úc và Việt Nam là việc Chính phủ Công đảng của Thủ tướng Gough Whitlam chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam vào ngày 26-02-1973. Từ bước khởi đầu này, một mối quan hệ có ý nghĩa đã bắt đầu.

Tháng 9-2009, Úc và Việt Nam xác định mối quan hệ là Đối tác Toàn diện, thể hiện “cam kết qua lại mạnh mẽ” đối với mối quan hệ, thỏa thuận xây dựng một khuôn khổ nhằm củng cố và tăng cường hợp tác trên một số lĩnh vực chủ chốt: mở rộng quan hệ chính trị và trao đổi chính sách công; thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển thương mại; hỗ trợ



phát triển và hợp tác công nghệ; xây dựng mối quan hệ quốc phòng và an ninh; hỗ trợ liên kết người dân với người dân; đẩy mạnh chương trình nghị sự khu vực và toàn cầu.

Đến tháng 3-2015, hai nước ký Tuyên bố về “Tăng cường Đối tác Toàn diện Úc-Việt Nam”, nhấn mạnh lợi ích qua lại về “tăng trưởng kinh tế, ổn định và an ninh khu vực”, với cả hai nước công nhận “những thách thức đáng kể” của khu vực đối với hòa bình, ổn định và thịnh vượng.

Cả hai nước tin tưởng vào việc củng cố các thể chế khu vực và nhấn mạnh sự cần thiết về một “hệ thống thương mại đa phương dựa trên các quy tắc” trong khi tạo “điều kiện tốt nhất có thể” cho thương mại và đầu tư song phương để đáp ứng tiềm năng của mình.

Tuyên bố này đề cập các lĩnh vực chính như sau: hợp tác song phương; hợp tác khu vực và quốc tế; tăng trưởng kinh tế, thương mại và phát triển công nghiệp; hỗ trợ phát triển; quan hệ quốc phòng, thực thi pháp luật và an ninh.

Trong Tuyên bố “Tăng cường Đối tác Toàn diện”, cả Úc và Việt Nam đều đánh giá cao sự đóng góp của cộng đồng người Việt Nam ở Úc và cộng đồng người Úc ở Việt Nam đối với sự phát triển kinh tế và xã hội của cả hai nước, và trong thúc đẩy tình hữu nghị và hợp tác.

Mới đây nhất, nhân dịp Tuần lễ Cấp cao APEC tổ chức tại Đà Nẵng (11-2017), hai nước đã công bố ý định nâng cấp quan hệ lên Đối tác chiến lược và dự kiến sẽ ký kết văn bản chính thức trong thời gian sắp tới.

### **Hợp tác song phương**

Về hợp tác song phương, sau nhiều năm cung cấp viện trợ bằng nhiều hình thức, hai nước thống nhất để viện trợ được cung cấp trên cơ sở “hợp tác kinh tế dài hạn, nhằm góp phần phát triển kinh tế Việt Nam và thúc đẩy các mối liên kết thương mại giữa Úc và Việt Nam”. Trên cơ sở đó, cầu Mỹ Thuận được xây dựng tại Việt Nam, dự án cơ sở hạ tầng



lớn nhất của Úc thời điểm đó và trở thành biểu tượng của quan hệ song phương. Tiếp theo cầu Mỹ Thuận, cầu Cao Lãnh cũng đã được thông xe trong năm 2018 này. Đây chính là dự án viện trợ lớn nhất của Úc trong khu vực Đông Nam Á ( trị giá 160 triệu đô la Úc, 2011-18).

Nhiều dự án cơ sở hạ tầng khác cùng việc tài trợ cho giáo dục, nhất là đào tạo tiếng Anh, đã khiến mối quan hệ ngày càng phát triển với những chuyến thăm cấp cao diễn ra thường xuyên hơn.

Chương trình viện trợ của Úc đã giúp Việt Nam giảm tỷ lệ đói nghèo, đạt phát triển bền vững, hiện đại hóa các hoạt động kinh doanh và cải thiện cơ sở hạ tầng. Với khoản tài trợ trị giá 160 triệu AUD, đây là khoản viện trợ dự án đơn lớn nhất của Úc ở Đông Nam Á và được chính phủ hai nước cùng Ngân hàng Phát triển châu Á đồng tài trợ.

Úc đã trở thành một trong những nhà đầu tư nước ngoài hàng đầu ở Việt Nam từ rất sớm và thương mại song phương tăng lên theo cấp số nhân. Thương mại và đầu tư sẽ tiếp tục phát triển, đặc biệt khi Việt Nam đã và đang đấu tranh tích cực để chống nạn tham nhũng và tệ quan liêu.

Giáo dục là một phần quan trọng trong mối quan hệ giữa hai nước từ thời kỳ đầu. Hàng năm, Chính phủ Úc cung cấp khối lượng lớn học bổng dành cho sinh viên Việt Nam. Hợp tác trong các lĩnh vực văn hóa-giáo dục và giao lưu nhân dân cũng đạt nhiều bước đột phá mới. Việt Nam hiện dẫn đầu trong ASEAN và đứng thứ tư thế giới về số lượng sinh viên học tại Úc với tổng số khoảng 30.000 sinh viên. Ngoài ra, cộng đồng người Việt Nam tại Úc với trên 300.000 người được coi là sợi dây kết nối quan trọng cho mối quan hệ này.

Cùng với sự phát triển trong lĩnh vực chính trị, kinh tế-thương mại tiếp tục là một điểm sáng nổi bật trong quan hệ hợp tác giữa hai nước và được thể hiện qua những con số hết sức ấn tượng. Kim ngạch thương mại hai chiều tăng hơn 200 lần trong gần ba thập kỷ

qua, từ 32,3 triệu USD năm 1990 lên 6,46 tỷ USD năm 2017. Xuất khẩu của Việt Nam sang Úc đạt 3,3 tỷ USD, tăng 15,1%, nhập khẩu của Việt Nam từ Úc đạt 3,1 tỷ USD, tăng 30,5% so với năm 2016.

Số lượng du khách Úc đến Việt Nam thời gian qua liên tục tăng, đứng trong Top 10 nước có khách du lịch đến Việt Nam đông nhất, với 370.438 lượt khách năm 2017.

Hiện Úc xếp thứ 19/116 quốc gia và vùng lãnh thổ có vốn đầu tư tại Việt Nam, với tổng vốn đăng ký là 1,82 tỷ USD đầu tư vào 396 dự án.

Hai bên cũng đang nỗ lực hoàn tất đàm phán Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP).

Hợp tác an ninh-quốc phòng tiếp tục được triển khai hiệu quả trên cơ sở Bản Ghi nhớ về hợp tác quốc phòng (7-2010). Bên cạnh những cơ chế hợp tác hiện có, hai bên không ngừng mở rộng hợp tác sang nhiều lĩnh vực mới, nổi bật là việc Úc tích cực hỗ trợ nâng cao năng lực cho Việt Nam tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc (PKO), hợp tác hàng hải và tuần tra trên biển, cung cấp học bổng và đào tạo tiếng Anh cho các sỹ quan Việt Nam.

Trong năm 2017 vừa qua, hai bên đã tổ chức thành công Đối thoại chính sách quốc phòng thường niên lần đầu tiên (10-2017) và đang nỗ lực hướng tới xây dựng Tầm nhìn chung về hợp tác quốc phòng, góp phần duy trì hòa bình, an ninh, thịnh vượng ở khu vực và thế giới.

Hợp tác về khoa học-công nghệ tiếp tục được mở rộng. Là một trong những nước có trình độ khoa học-công nghệ và kỹ năng quản lý hàng đầu thế giới, sự hỗ trợ, hợp tác của Úc với Việt Nam trong lĩnh vực này từ thời kỳ đầu Đổi mới cho đến giai đoạn hội nhập quốc tế sâu rộng và toàn diện hiện nay có ý nghĩa hết sức quan trọng, góp phần tạo xung lực để Việt Nam có những bước bứt phá ngoạn mục trong ba thập kỷ vừa qua.

Công ty Philip Fox, Tập đoàn Telstra, Viện Công nghệ Hoàng gia Melbourne (RMIT) của Úc là những đối tác phương Tây đầu tiên mở văn phòng đại diện, hoạt động tại Việt Nam trong các lĩnh vực tư vấn luật, viễn thông và giáo dục đại học.

## Chương 3: Bán sản phẩm và dịch vụ

### Sử dụng đại lý hoặc nhà phân phối

Điều sau đây mô tả sự khác biệt giữa đại lý bán hàng hoặc đại diện và nhà phân phối trong bối cảnh của nước Úc.

#### ➤ Các đại lý bán hàng

Các đại lý bán hàng hay các đại diện thu hút các thương vụ kinh doanh cho công ty nước ngoài và làm cầu nối để thực hiện các hợp đồng mua hàng. Ở hầu hết các trường hợp, các đại lý bán hàng không có quyền thương lượng các điều khoản hoặc hoàn thành các hợp đồng bán hàng. Thay vào đó người đại diện bán hàng chuyển hợp đồng cho công ty nước ngoài, nơi chấp thuận, bác bỏ hoặc đưa ra những thay đổi. Tuy nhiên, người đại diện bán hàng được coi là đại lý của công ty nước ngoài và theo luật phổ biến về đại lý, công ty nước ngoài có thể phải chịu trách nhiệm về những hoạt động của đại lý của mình.

Các đại lý gánh vác một số trách nhiệm và nghĩa vụ một khi hợp đồng đại diện với công ty nước ngoài được ký kết, bao gồm:

- Bám sát những chỉ dẫn của người chủ
- Trung thành với những lợi ích của chủ
- Duy trì các tài khoản đúng qui tắc

Đại lý có quyền hưởng tiền thù lao và tiền bồi thường cho các khoản nợ và tổn thất xảy ra do chấm dứt hợp đồng không hợp lý. Tuy nhiên, theo luật pháp của Úc trước đây không đòi hỏi phải trả tiền bồi thường.

Các bên có thể quy định những nguyên nhân cụ thể để chấm dứt hợp đồng. Mỗi bên có thể chấm dứt hợp đồng khi nhận được thông báo chấm dứt hợp lý. Mặc dù không có

khoảng thời gian cụ thể được định ra để định rõ khoảng thời gian thông báo hợp lý, tòa án có thể xem xét bản chất và thời hạn của hợp đồng khi xác định liệu thông báo được đưa ra có hợp lý hay không.

### ➤ Nhà phân phối

Nhà phân phối đóng vai trò như một đơn vị hợp đồng độc lập, mua sản phẩm từ công ty nước ngoài và phân phối chúng tới những người mua sỉ hoặc đôi khi tới những người bán lẻ. Nói chung, một công ty nước ngoài không thể ngăn cản nhà phân phối bán sản phẩm của các đối thủ cạnh tranh. Tuy nhiên, các nhà phân phối không được xem như là đại lý của công ty nước ngoài nên công ty nước ngoài không bị ràng buộc bởi các hoạt động của nhà phân phối.

Các nhà phân phối Úc thường yêu cầu được độc quyền về mặt địa lý khi bán sản phẩm của các công ty nước ngoài. Do quy mô thị trường, các quyền này thường bao trùm cho một số tiểu bang hoặc rộng khắp cả nước.

Các công ty nước ngoài có thể chọn luật của nước mình hoặc của Úc chi phối hợp đồng của mình khi phác thảo hợp đồng. Tuy nhiên, sự lựa chọn luật pháp nước ngoài không cản trở việc áp dụng các điều khoản có tính chất bắt buộc trong luật pháp của Úc. Không có quy định của pháp luật, tòa án Úc sẽ áp dụng luật tài phán nơi đại lý hoặc nhà phân phối làm việc, đó là luật liên bang của nước Úc và luật địa phương và tiểu bang liên quan. Vì thế, việc khai báo về việc chỉ định đại lý/ nhà phân phối phải được trình bằng văn bản để thỏa mãn luật pháp ở các tiểu bang khác nhau, đặc biệt khi chúng kéo dài hơn một năm hoặc bao gồm các điều khoản ủy nhiệm đại lý.

Hợp đồng không hạn định hoặc cố định đều có thể được chấp nhận. Tuy nhiên, sự gia hạn nhiều lần các hợp đồng có thời hạn cố định sẽ không làm cho hợp đồng này đạt được trạng thái không hạn định.



For many products the use of an agent or distributor is not legally required. However, there are products such as dangerous goods that can only be brought into Australia through an import permit or license. Other products like cosmetics may need an importer/introducer to ensure compliance with regulatory requirements.

### **Thiết lập văn phòng**

Ủy ban Chứng khoán và Đầu tư của Úc (ASIC) là cơ quan thẩm quyền quốc gia chịu trách nhiệm thi hành luật công ty và chứng khoán khắp nước Úc. ASIC có một hệ thống đăng ký và điều chỉnh công ty, chứng khoán và các thị trường kỳ hạn rộng khắp cả nước. Các yêu cầu để bắt đầu việc kinh doanh đều giống nhau ở mỗi tiểu bang, và các quy tắc giống nhau áp dụng cho cả các công ty nước ngoài lẫn trong nước. Trong khi các công ty được đăng ký với ASIC, các cá nhân kinh doanh lại đăng ký tên doanh nghiệp ở mỗi tiểu bang.

Việc thành lập công ty ở Úc, đơn lẻ hoặc cộng tác với một công ty địa phương, tương đối dễ dàng, nên một công ty nước ngoài có thể chọn lựa trong số nhiều loại cấu trúc kinh doanh. Các hình thức tổ chức kinh doanh phổ biến nhất là:

- Các văn phòng đại diện
- Chi nhánh của các công ty mẹ
- Công ty con
- Thương nhân đơn lẻ, liên danh
- Các tổ hợp, công ty và liên doanh

Các nhà đầu tư nước ngoài có thể thiết lập hoạt động bằng cách sử dụng bất kỳ hình thức nào, bất kể cấu trúc kinh doanh mà họ đã có ở nơi khác.

Hầu hết các doanh nghiệp quan trọng hoạt động ở Úc đều được hình thành dưới dạng các công ty công hoặc tư nhân. Theo Luật Công ty, thực thể này được đăng ký một cách tự động thành một công ty của Úc khi đăng ký với ASIC, cho phép họ tiến hành kinh doanh khắp nước Úc mà không cần phải đăng ký gì thêm ở từng tiểu bang hay lãnh thổ. Các công ty trong nước có thể bị kiểm soát hoàn toàn bởi các ông chủ nước ngoài. Tất cả các công ty được đăng ký phải tuân theo pháp luật của công ty Úc được quản lý bởi ASIC, bao gồm các yêu cầu về kế toán, báo cáo tài chính, doanh thu hàng năm, kiểm toán, hội nghị toàn thể cổ đông và nhất thiết phải duy trì một văn phòng đã đăng ký công khai với công chúng.

Dạng công ty tư nhân là cấu trúc điển hình nhất cho các nhà đầu tư nước ngoài nếu là một công ty con do một công ty nước ngoài sở hữu hoàn toàn và nếu không có ý định chào bán cổ phần cho công chúng. Các qui tắc áp dụng cho một công ty tư nhân đơn giản hơn và ít tốn kém hơn những qui tắc ứng dụng cho các công ty đại chúng. Một công ty tư nhân có thể được chuyển đổi thành một công ty đại chúng bất cứ lúc nào.

Các văn phòng chi nhánh của các công ty nước ngoài được thành lập ở Úc bằng cách đăng ký công ty nước ngoài theo luật pháp của công ty kinh doanh Úc. Văn phòng chi nhánh không đòi hỏi các giám đốc phải là thường trú nhân Úc nhưng phải có địa chỉ văn phòng được đăng ký và đại lý theo luật định chịu trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của luật doanh nghiệp. Chi nhánh này sẽ được gán cho một số ARBN (Australian Registered Body Number) và số ARBN này phải được hiển thị cùng với tên công ty trên các văn bản công khai. Ngoài ra, nếu một doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng ở Úc, văn phòng đó sẽ cần phải đăng ký Mã số doanh nghiệp Úc (ABN - Australian Business Number) theo luật thuế dịch vụ và hàng hóa GST được áp dụng vào ngày 1 tháng 7 năm 2000.

Thông tin về GST và ảnh hưởng của nó đối với các công ty nước ngoài có hay không có các hoạt động ở Úc, và quy trình áp dụng ABN có thể được tìm thấy tại website của:

- Cơ quan Thuế Úc <http://www.ato.gov.au/business/>

- Điểm đăng ký kinh doanh của chính phủ nước Úc:  
<http://www.business.gov.au/Pages/default.aspx>

Mặc dù quá trình thiết lập một văn phòng khá dễ dàng, các công ty nước ngoài nên có sự tư vấn pháp lý và tài chính chuyên nghiệp của các nhà cung ứng Úc và quốc gia. Các chi phí danh nghĩa cho việc hình thành một công ty gồm lệ phí nộp đơn trả cho ASIC, các chi phí pháp lý cho việc chuẩn bị điều lệ, qui chế và đăng ký. Các mẫu đơn có sẵn tại các trung tâm kinh doanh ASIC ở bất kỳ tiểu bang nào của Úc (<http://www.asic.gov.au>) và có thể nộp ở bất kỳ thành phố nào.

### **Nhượng quyền thương mại**

Nhượng quyền thương mại đã phát triển vững vàng ở Úc với số lượng cửa hàng nhượng quyền thương mại trên mỗi đầu người cao hơn bất cứ quốc gia nào khác trên thế giới, thậm chí còn nhiều gấp ba lần so với Hoa Kỳ, trong đó hơn 92% thương hiệu nhượng quyền thương mại là của người Úc.

Theo một nghiên cứu chính thức của Đại học Griffith ở Queensland, có hơn 1.100 chủ nhượng quyền thương mại, 65.000 đơn vị kinh doanh nhượng quyền và 8.000 đơn vị thuộc sở hữu của công ty. Khu vực nhượng quyền thương mại đã phát triển mạnh mẽ kể từ những năm 70, tăng trưởng nhanh nhất xảy ra trong những năm 80 và theo các chuyên gia trong ngành, hoạt động nhượng quyền thương mại hiện đang rất sung mãn. Sự tăng trưởng của các hệ thống mới của Úc và việc mở rộng của các hệ thống hiện hữu không chỉ làm tăng tính cạnh tranh, mà còn có nghĩa là nhóm các đơn vị mua nhượng quyền thương mại chất lượng đã dần dần trở nên nhỏ hơn. Trong bối cảnh này, việc xác định các nhà đầu tư và các đối tác tiềm năng quan tâm đến các cơ hội nhượng quyền thương mại vẫn là một thách thức lớn. Phần lớn các trường hợp tham gia thị trường thành công gần đây là do các doanh nhân Úc chủ động tìm kiếm cơ hội và tiếp cận trực tiếp các nhà nhượng quyền quốc tế.

Các lĩnh vực đa dạng như xây dựng nhà, vệ sinh thảm, dịch vụ sửa chữa, quản lý chất thải và lập kế hoạch tài chính đã có sự tăng trưởng trong thời gian gần đây. Các cơ hội nổi tiếng nhất về nhượng quyền thương mại tại Úc là thuộc ngành công nghiệp bán lẻ phi thực phẩm, chiếm hơn 25% hệ thống nhượng quyền thương mại. Các khái niệm bán lẻ thực phẩm tăng cường sức khỏe và hạnh phúc tiếp tục hoạt động tốt. Cũng có nhiều cơ hội trong các lãnh vực dịch vụ quản lý và hỗ trợ. Thị trường Úc dễ tiếp nhận những khái niệm mới liên quan đến xu hướng hiện tại và đang nổi lên. Ví dụ, Úc có dân số già và đến năm 2020 số người trên 65 tuổi sẽ nhiều hơn so với một tuổi. Nhu cầu về các dịch vụ chăm sóc người lớn tuổi sẽ tiếp tục tăng. Người ta cũng dự đoán rằng các thể hệ người Úc lớn tuổi sẽ ngày càng ưa thích lối sống độc lập gắn với dịch vụ chăm sóc cộng đồng và lối sống phong lưu hơn. Ngoài ra, các dữ liệu còn cho thấy sự gia tăng về tỷ lệ tham gia vào các hoạt động không có tính tranh đua. Do có ít môn thể thao có tổ chức hơn và ít thời gian hơn cho các hoạt động giải trí, các khái niệm phòng tập thể dục 24 giờ và huấn luyện viên cá nhân đang ngày càng phổ biến.

Các thương hiệu do người Úc phát triển đang chiếm ưu thế trên thị trường. Hoa Kỳ là một đối thủ quốc tế quan trọng, tiếp theo là Vương quốc Anh và nói chung là châu Âu. Các nhà nhượng quyền thương mại Úc thường xuyên sử dụng một hoặc cả hai nền tảng trực tuyến thế hệ mới hàng đầu – Seek Commercial và Cirrus Media. Các nền tảng này được sử dụng rộng rãi bởi các nhà nhượng quyền thương mại địa phương để tìm các đơn vị muốn ký hợp đồng nhượng quyền.

Thay vì chỉ định các nhà nhượng quyền chính, một số công ty nước ngoài cũng đã tham gia thị trường bằng cách thiết lập các đơn vị thuộc sở hữu của mình như một cách để thể hiện khái niệm.

Hội đồng Nhượng quyền thương mại Úc (Franchise Council of Australia - FCA) là hiệp hội ngành nghề cao nhất, hợp tác chặt chẽ với các thương hiệu trong nước và quốc tế. Ngoài Hội nghị nhượng quyền thương mại quốc gia do FCA tổ chức, còn có một loạt

triển lãm về nhượng quyền thương mại và các cơ hội kinh doanh. Triển lãm này được tổ chức hàng năm tại bốn thành phố lớn - Sydney, Perth, Brisbane và Melbourne.

## Tiếp thị trực tiếp

Những tiến bộ trong ngành công nghiệp viễn thông và sự phát triển về công nghệ kết hợp với những ứng dụng về cơ sở dữ liệu dẫn đến sự phát triển đáng kể trong ngành công nghiệp tiếp thị trực tiếp. Cũng giống hầu hết các hình thức quảng cáo, hoạt động tiếp thị trực tiếp đang trở nên bão hòa và sự cạnh tranh giành lấy sự chú ý của người tiêu dùng đang gia tăng.

Một chuỗi các phương tiện liên lạc được sử dụng trong ngành công nghiệp đầy cạnh tranh này bao gồm điện thoại (tiếp thị qua điện thoại), gửi thư (catolog/gửi thư trực tiếp), phát thanh truyền thông và phương tiện in ấn (quảng cáo trực tiếp qua ti vi, radio, báo và tạp chí) và phương tiện truyền thông điện tử (Internet).

Phản hồi những lo ngại và phàn nàn của cộng đồng về các cuộc gọi tiếp thị trực tiếp tự tiện gọi đến các số điện thoại riêng, chính phủ Úc đưa ra một “Danh bạ không được gọi” vào tháng 5 năm 2007 dành cho những người tiêu dùng không muốn nhận những cuộc gọi từ những người tiếp thị qua điện thoại.

Tuy nhiên “Danh bạ không được gọi” được miễn trừ đối với các tổ chức sau:

- Các hội từ thiện
- Cơ quan chính phủ
- Các nhóm tôn giáo
- Viện đào tạo
- Các đảng phái chính trị đã đăng ký.



Tin nhắn điện tử thương mại (email, SMS, MMS, hoặc tương tự) được điều chỉnh bởi Đạo luật Spam ở Úc. Những tin nhắn như vậy phải được gửi với sự đồng ý của người nhận và xác nhận rõ người hay tổ chức cho phép gửi tin nhắn này. Đồng thời tin nhắn điện tử quảng cáo phải có chức năng “hủy nhận thư” để cho phép người nhận loại bỏ những tin nhắn gửi đến từ nguồn đó trong tương lai.

Luật pháp Úc cấm việc kinh doanh thương mại các địa chỉ email và các doanh nghiệp bị buộc phải dựa vào các nguồn thông tin riêng của mình để xây dựng cơ sở dữ liệu tiếp thị bằng email. Các nhà tiếp thị qua internet nhận thấy rằng hệ thống dữ liệu tiếp thị bằng email là cách thức hiệu quả và ít tốn kém để đến tận tay khách hàng. Hệ thống cơ sở dữ liệu mới này nhằm cân bằng sân chơi cho các doanh nghiệp nhỏ muốn thông báo cho khách hàng về các giao dịch mới của công ty.

Hiệp hội Tiếp thị và Quảng cáo dựa trên cơ sở dữ liệu của Úc (ADMA - <http://www.adma.com.au>) là cơ quan chính của Úc về tiếp thị dựa trên thông tin và đại diện cho hơn 500 tổ chức thành viên. ADMA hợp tác chặt chẽ với chính phủ, khách hàng, và các nhóm công nghiệp dựa trên sự phát triển của các quy tắc hành nghề cho lĩnh vực tiếp thị trực tiếp.

## **Liên doanh / cấp giấy phép**

Liên doanh (JV) là đặc điểm thông thường của môi trường pháp lý và thương mại của Úc. Các hình thức liên doanh ở Úc bao gồm:

### **➤ Liên doanh chưa có tính pháp nhân**

Các quyền và nghĩa vụ của các bên liên doanh này được trình bày bao quát trong tài liệu về liên doanh. Liên doanh chưa có tính pháp nhân đôi khi thích hợp hơn đối với một dự án đơn lẻ hoặc dự án kinh doanh, ví dụ, trong các lĩnh vực như ngành công nghiệp khai mỏ, dầu khí. Các tài liệu liên doanh thường được phác thảo theo cách không phản ánh sự

cộng tác nhằm đạt được những thuận lợi về thuế nhất định và đồng thời tránh được việc áp dụng các luật về hợp tác trong các lãnh vực như nghĩa vụ chung đối với liên doanh.

### ➤ Liên doanh có tính pháp nhân

Điều này thường liên quan đến việc tiến hành kinh doanh của các bên liên doanh thông qua thành lập công ty liên doanh hay xí nghiệp liên hợp (Trust). Các bên thường trình bày các quyền và nghĩa vụ tương ứng trong thỏa thuận của cổ đông để giải quyết bất kỳ tranh chấp nào không được quy định bởi Luật công ty hay điều lệ xí nghiệp liên hợp hay công ty.

Unit trust là công cụ cho phép tách biệt các lợi ích pháp lý và lợi nhuận về tài sản và thu nhập phát sinh từ tài sản. Trong tình trạng liên doanh, các bên tham gia mong muốn được đảm bảo rằng các quyền của họ phải được ấn định chứ không phải tùy ý. Một Unit trust là một thực thể pháp lý trong đó quyền của những người được thừa hưởng được trình bày thành nhiều đơn vị liên quan đến tổng số các đơn vị cố định.

Các liên danh hữu hạn (Limited partnerships) là những sản phẩm của luật. Đây vẫn là các liên danh theo luật chung và vì thế không gây ra sự tồn tại của các pháp nhân riêng rẽ. Cấu trúc liên danh hữu hạn đòi hỏi ít nhất phải có một đối tác chung có trách nhiệm pháp lý không giới hạn và các đối tác có trách nhiệm pháp lý hữu hạn tới quy mô đầu tư của họ trong liên danh. Các công ty liên danh hữu hạn ít được sử dụng ở Úc.

Còn có các hình thức lai khác hình thành dựa trên các yếu tố thuộc mỗi hình thức doanh nghiệp kể trên. Chúng có thể được tạo ra phù hợp với nhu cầu của các bên tham gia đặc biệt. Ví dụ, một bên tham gia trong một công ty liên doanh không có tính pháp lý có thể là thành viên của một Unit trust, trong khi một cổ đông trong một công ty liên doanh có tính pháp lý cũng có thể là thành viên của một Unit trust.

### ➤ Cấp giấy phép

Ngành công nghiệp Úc nổi tiếng về cách tiếp cận thực tiễn để giải quyết vấn đề. Trong bối cảnh này, vai trò của việc cấp giấy phép kinh doanh có tầm quan trọng đặc biệt đối với ngành công nghiệp và thương mại Úc. Ngôn ngữ chung và những nét tương đồng về văn hóa sẽ giúp cho việc thương lượng và hiểu biết nhau dễ dàng hơn.

Các hợp đồng cấp giấy phép kinh doanh liên quan đến các công ty ở Úc phải bao gồm những điều khoản thông thường, ví dụ loại giấy phép được cấp (độc nhất, độc quyền, không độc quyền), lãnh thổ được bao phủ, phí mua giấy phép, trách nhiệm và nghĩa vụ của người được cấp giấy phép kinh doanh, khoảng thời gian được cấp và sử dụng công nghệ, duy trì việc kiểm tra chất lượng, quyền sở hữu những cải tiến và đổi mới của người được cấp giấy phép, bảo hành và bồi thường, hỗ trợ kỹ thuật và bảo mật, sau khi cấp phép và chuyển nhượng, và chấm dứt hợp đồng.

Nói chung, có một số yêu cầu hành chính và pháp lý chi phối đến lĩnh vực cấp giấy phép kinh doanh ở Úc. Các giấy phép kinh doanh độc quyền các bằng sáng chế, nhãn hiệu, bản quyền và những quyền được pháp luật quy định khác cần phải làm đúng theo các thủ tục thứ yếu nhất định. Đạo luật về thương hiệu của Úc qui định việc đăng ký cho những người được cấp giấy phép kinh doanh.

### **Bán cho chính phủ**

Mua sắm công của Úc ước tính chiếm 15-18% GDP. Các cơ quan chính phủ liên bang, tiểu bang và địa phương của nước Úc vẫn là những đơn vị mua hàng hóa và dịch vụ đáng kể. Việc mua sắm công được thực hiện thông qua các hình thức đấu thầu công khai, chọn thầu và đấu thầu giới hạn.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết các yếu tố liên quan đến mua sắm quan trọng như giao hàng và dịch vụ hậu mãi, các nhà thầu cung cấp hàng hóa và dịch vụ nước ngoài nên thiết lập sự hiện diện tại đất nước này.

Nhiều chính phủ tài trợ cho các dự án xây dựng công thông qua vay mượn từ các ngân hàng phát triển đa phương.

### **Kênh phân phối và bán hàng**

Kênh phân phối ở Úc có khuynh hướng ít tập trung vào một ngành hàng chuyên biệt mà có tính phổ quát hơn. Điều này chủ yếu là do dân số tương đối ít và nền tảng công nghiệp. Các nhà phân phối Úc thường sẵn sàng khai phá các kênh và các hồ sơ sản phẩm mới. Trong hầu hết các trường hợp, kênh bán hàng và phân phối ở Úc tương đương với các nước công nghiệp hóa khác. Các nhà xuất khẩu nước ngoài thường sử dụng các nhà nhập khẩu, nhà phân phối, đại lý, nhà bán sỉ và các đại diện của các nhà sản xuất.

Các công ty nước ngoài cũng xuất khẩu trực tiếp đến người tiêu dùng cuối cùng và phương thức này thường được sử dụng khi thiết bị được sản xuất theo yêu cầu của khách hàng hay chỉ một lần. Nhiều chuỗi bán lẻ lớn, bao gồm các cửa hàng bách hóa và siêu thị có thể mua với số lượng lớn hơn là sử dụng các kênh bán sỉ truyền thống. Tuy nhiên, các chuỗi bán lẻ này không có khuynh hướng nhập khẩu và thích giao dịch với các công ty ở địa phương hơn.

### **Các loại hình doanh nghiệp bán sỉ của Úc**

Các loại hình doanh nghiệp bán sỉ của Úc, do Thương vụ Việt Nam tại Úc tổng hợp.

- Doanh nghiệp sản xuất bán sỉ: Các doanh nghiệp trực tiếp sản xuất ra sản phẩm cũng thực hiện chức năng bán sỉ và bán lẻ. Tuy nhiên, theo phân ngành hoạt động kinh tế thì hoạt động bán sỉ của các cơ sở sản xuất chỉ được coi là việc tiêu thụ sản phẩm, không được coi là hoạt động bán sỉ theo đúng nghĩa.
- Doanh nghiệp bán sỉ chuyên doanh: là doanh nghiệp chuyên bán sỉ sản phẩm của một ngành hoạt động kinh tế nhất định ví dụ như dệt may, giày dép, thủy sản, đồ nội ngoại thất, máy tính và thiết bị ngoại vi...

- Doanh nghiệp bán sỉ bách hóa: là doanh nghiệp không chuyên doanh hàng hóa của một ngành mà bán hàng của một số ngành khác nhau, vừa bán sỉ hàng thực phẩm từ thịt bò, lợn, gà, dê, cừu đến hải sản, sữa, bánh mì, mì pasta, rượu, bia, đồ uống giải khát, vừa bán sỉ rau quả tươi, thực phẩm đông lạnh hoặc các hàng tạp phẩm khác hay còn gọi là bán sỉ hàng tạp phẩm tổng hợp (general line groceries).
- Doanh nghiệp chuyên doanh một mặt hàng: Doanh nghiệp chuyên doanh một mặt hàng là những doanh nghiệp chỉ chuyên bán sỉ một mặt hàng cụ thể ví dụ như chỉ bán sỉ cà phê, máy tính...

### Chuyển phát nhanh

Thị trường dịch vụ tiếp nhận và chuyển phát hàng nhanh tại Úc rất hiệu quả và phát triển rất tốt. Các công ty lớn bao gồm Toll, FedEx, Star Track Express (thuộc sở hữu của Australia Post), DHL và UPS. Những công ty lớn này không nắm giữ thị phần đáng kể vì có khoảng 12.000 doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực này.

### Các yếu tố/kỹ thuật bán hàng

Trước khi thâm nhập vào thị trường, các nhà xuất khẩu phải đánh giá các kỹ thuật bán hàng của họ thật kỹ lưỡng để đảm bảo rằng các kỹ thuật của họ phù hợp với thị trường, và có đủ nhu cầu về sản phẩm và dịch vụ ở Úc. Cách hiệu quả để đánh giá tình hình là thực hiện một vài nghiên cứu thị trường căn bản và theo dõi thông qua các chuyến viếng thăm cá nhân.

Các nhà phân phối Úc có thể phải vất vả cạnh tranh với các nhà bán lẻ trực tuyến nên rất quan trọng đối với các công ty nước ngoài phải tính toán đến các khoản chiết khấu bán buôn có thể dành cho đối tác. Mức biên lợi nhuận cũng có xu hướng cao hơn ở Úc so với các nước khác.



## Thương mại điện tử

Năm 2016, người Úc chi tiêu khoảng 16,3 tỷ USD (22 tỷ đô la Úc) cho các giao dịch mua hàng trực tuyến. Khoản chi này tương đương với khoảng 7% chi tiêu trong các cửa hàng truyền thống thông thường. Dự báo con số chi tiêu này sẽ tăng trưởng với tốc độ hàng năm là 9% đạt 20,7 tỷ USD (28 tỷ đô la Úc) vào năm 2022.

Các nền tảng thương mại điện tử hàng đầu của Úc bao gồm eBay, Gumtree và Catch of the Day. Các nhà bán lẻ hàng đầu của Úc bao gồm JB HiFi, Kogan, SurfStich, Iconic and Appliances Online.

Amazon và Alibaba là những sàn giao dịch thương mại điện tử quan trọng trên thị trường này. Năm 2016, cả Amazon và Alibaba đều công bố kế hoạch thành lập các trung tâm hoàn tất các đơn hàng tại Úc để phục vụ thị trường Úc và New Zealand. Vào tháng 3 năm 2017, Alibaba đã mở một nhà kho tại Melbourne. Điều này sẽ gây ra sự cạnh tranh đáng kể cho các sàn giao dịch bán lẻ và các nhà bán lẻ thương mại điện tử hàng đầu tại đất nước này.

Theo một cuộc khảo sát gần đây do Ngân hàng Quốc gia Úc (NAB) thực hiện về “Chỉ số Bán lẻ Trực tuyến”, trong khoảng thời gian 12 tháng kéo dài đến tháng 12/2016, các lĩnh vực tăng trưởng nhanh nhất bao gồm thực phẩm mua mang về (tăng trưởng CAGR 34%) và phương tiện truyền thông (sách, nhạc, phim và video: 20,5%). Tỷ phần lớn nhất trong chi tiêu theo chủng loại là đồ dùng gia đình và các thiết bị (chiếm 19,6% tổng chi tiêu trực tuyến). 19 phân khúc hàng đầu khác bao gồm thời trang (16%), phương tiện truyền thông (17,2%), hàng tạp hóa (17%), cá nhân (9%), thực phẩm (6,4%) và đồ chơi (3,9%).

### ➤ Thương mại điện tử trong nước (B2C)

Trên 40% tất cả các giao dịch B2C diễn ra trên các sàn giao dịch thương mại điện tử như eBay, Amazon (Mỹ) và Gumtree. Phần còn lại của hoạt động thương mại điện tử B2C

diễn ra tại trang web của công ty cá biệt. Với hơn 13 triệu người dùng Facebook đang hoạt động tại Úc, các mạng truyền thông xã hội cũng là một động lực lớn trong việc thúc đẩy các giao dịch B2C. Các nhà bán lẻ đang thúc đẩy doanh số bán hàng thông qua kết hợp các cửa hàng và chương trình khuyến mãi trực tuyến hoặc “đa kênh”. Ngành tài chính là một động lực chính với bốn ngân hàng lớn của Úc cung cấp một loạt các công cụ tiên tiến để truy cập các tài khoản, thanh toán các hóa đơn và thực hiện các giao dịch trên các thiết bị di động. Doanh thu B2B có phần bị phân mảnh hơn và ít phụ thuộc vào các sàn thương mại điện tử để giao dịch mua bán.

### ➤ **Thương mại điện tử xuyên biên giới**

Trong năm 2016, khoảng 70% người tiêu dùng kỹ thuật số của Úc đã mua sản phẩm từ người bán ở nước ngoài so với 40% người mua hàng tại Hoa Kỳ, Trung Quốc (32%) và Vương quốc Anh (22%). Các giao dịch mua hàng này thường được thực hiện là do số lượng các chào bán sản phẩm ngày càng tăng từ các nhà cung cấp ở nước ngoài và giá rẻ hơn. Một tác động quan trọng khác là Thuế Hàng hóa và Bán hàng hiện tại (GST) vào khoảng 742 USD (1.000 đô la Úc), nghĩa là các sản phẩm nhập khẩu có giá trị dưới 742 USD đều được miễn thuế GST của Úc. Ngoài ra, các nhà bán lẻ Úc có nghĩa vụ thu 10% thuế GST trên giá trị của hàng tiêu dùng. Tuy nhiên, dường như phần lớn những người mua sắm trực tuyến đều muốn mua từ những nhà bán lẻ trong nước. Chỉ số bán lẻ trực tuyến của NAB cho thấy rằng trong tổng chi tiêu, doanh số bán quốc tế chiếm tỷ trọng 20%. Hai phân khúc thị trường lớn nhất trong mua sắm quốc tế là các mặt hàng thời trang (34% có nguồn gốc từ người bán hàng quốc tế), các sản phẩm điện tử và đồ chơi (50% từ người bán quốc tế).

Các nhà cung cấp dịch vụ hoàn tất đơn hàng chính trên thị trường Úc bao gồm Bưu điện Úc, DHL, FedEx, TNT, Toll Pack và Send and Fastway.

Các trang thương mại điện tử phổ biến ở Úc bao gồm Ebay, Gumtree, Amazon, Catch of

the Day, Kogan, JB HiFi, Iconic, Temple & Webster, Appliances Online và Amazon (Hoa Kỳ).

Khoảng chừng 70% tất cả các khoản thanh toán trực tuyến được thực hiện bằng thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ. PayPal chiếm 30% số giao dịch trực tuyến tại Úc.

Thương mại điện tử di động đang tạo ra một cơ hội đáng kể trong thị trường Úc. Với mức độ thâm nhập di động gần 100%, việc thanh toán và mua hàng trên thiết bị di động là một chiến lược chính cho tất cả 21 nhà bán lẻ. Dự báo người dân Úc sẽ tăng chi tiêu của họ trên các thiết bị di động lên 50% trong năm nay đạt 7,7 tỷ USD (10,4 tỷ đô la Úc).

### ➤ **Mua sắm trực tuyến**

Các phân khúc phát triển nhanh nhất trong thị trường quảng cáo trực tuyến của Úc là video trên thiết bị di động và video trực tuyến, và cả hai được dự đoán sẽ hoạt động tốt nhiều hơn nữa trong 5 năm tới. Ví dụ: quảng cáo trên thiết bị di động được dự báo sẽ tăng trưởng với tốc độ tăng trưởng hàng năm (CAGR) là 39% trong giai đoạn 2013-2018, trong khi quảng cáo video được dự đoán sẽ tăng 31%. Theo một khảo sát gần đây, chưa đến một phần ba các nhà bán lẻ đánh giá cao chiến lược thương mại điện tử / kỹ thuật số của họ như là phương pháp hay nhất và chìa khóa để thúc đẩy doanh số bán hàng. Tuy nhiên, khoảng một nửa số nhà bán lẻ xem chiến lược thương mại điện tử / kỹ thuật số của họ là vừa phải phù hợp với thực tiễn tốt nhất và là động lực thúc đẩy bán hàng. Tính trung bình, các nhà bán lẻ cho biết rằng 53% ngân sách quảng cáo của họ được phân bổ cho phương tiện truyền thông trực tuyến. 42% nhà bán lẻ cũng cho biết rằng việc phân bổ ngân sách quảng cáo này dự kiến sẽ thay đổi trong 12 tháng tới.

Các ngày nghỉ lễ như Giáng sinh, Boxing Day (26/12), Lễ Phục sinh, Ngày của Mẹ (Tháng 5 hàng năm), Ngày của Cha (tháng 9 hàng năm), Ngày Valentine và Click Frenzy... là động lực chính cho hoạt động bán hàng trực tuyến,

Phương tiện truyền thông xã hội là một phần quan trọng của quảng cáo trực tuyến trên thị trường Úc. Hầu hết các công ty xem các mạng truyền thông xã hội như là một phương cách để nâng cao nhận thức về thương hiệu, quảng cáo và khuyến mãi và tạo doanh thu. Với hơn 13 triệu người dùng, Facebook và YouTube là hai mạng được sử dụng nhiều nhất để quảng bá sản phẩm. Các trang web hàng đầu khác bao gồm WordPress, Tumblr, LinkedIn, BlogSpot, Twitter, Instagram, TripAdvisor, Yelp, Snapchat và Pinterest.

### **Xúc tiến thương mại và quảng cáo**

Các công ty nước ngoài có thể quảng bá các sản phẩm của mình bằng cách quảng cáo trên các phương tiện phát sóng, ấn phẩm và các phương tiện truyền thông kỹ thuật số như các tờ báo lớn, tạp chí công nghiệp, bản tin hiệp hội thương mại, và các trang web. Các chiến dịch gửi thư trực tiếp từ nước ngoài mà không có đại diện trong nước Úc, nói chung là không có hiệu quả. Các công ty nên lưu ý rằng các hộ gia đình cũng có thể được đặt trong “danh sách không nhận thư” đã đang phát triển thêm hàng năm.

Úc đăng cai tổ chức nhiều cuộc triển lãm và hội nghị thương mại mỗi năm. Tuy không lớn như một số sự kiện tương tự ở châu Á và châu Âu, nhưng những sự kiện này có thể giúp tiếp cận hiệu quả những người mua hàng Úc.

Danh sách báo chí chuyên ngành, báo kinh doanh, các nhà tổ chức hội chợ thương mại, và các website hữu ích khác được trình bày dưới đây:

#### **➤ Các báo:**

- The Australian: <http://www.theaustralian.com.au/>
- The Australian Financial Review: <http://www.afr.com/home>
- The Sydney Morning Herald: <http://www.smh.com.au>

- The Age (Melbourne): <http://www.theage.com.au>
- The Canberra Times: <http://www.canberratimes.com.au>
- Courier Mail (Brisbane): <http://www.couriermail.com.au/>
- Adelaide Advertiser: <http://www.adelaidenow.com.au/>
- The West Australian (Perth): <http://au.news.yahoo.com/thewest/>

➤ **Các nhà tổ chức hội chợ**

- Diversified Exhibitions Australia: <http://www.divcom.net.au/>
- Reed Exhibitions Australia Pty. Ltd.: <http://www.reedexhibitions.com.au/>
- Exhibitions & Trade Fairs: <http://www.etf.com.au>
- Expertise Events Pty. Ltd.: <http://www.expertiseevents.com.au>

• **Các trang web hữu ích**

- Cục Thống kê Úc (Australian Bureau of Statistics): <http://www.abs.gov.au>
- Ủy ban Thương mại Úc (Australian Trade Commission): <http://www.austrade.gov.au/>
- Bộ Công nghiệp Úc: <http://www.innovation.gov.au/industry>

➤ **Xúc tiến bán hàng hiệu quả ở Úc**

Chìa khoá của sự thành công lâu dài trên bất kỳ thị trường nào chính là khả năng thích ứng với các yêu cầu và điều kiện của thị trường đó. Một sản phẩm có kiểu dáng đặc biệt có thể bán chạy ở thị trường này lại hoàn toàn thất bại ở thị trường khác. Tương tự như vậy, đã có nhiều minh chứng cho thấy một hoạt động xúc tiến thương mại có thể thành



công ở châu Âu nhưng lại có thể không thành công ở một thị trường như Úc. Thị trường Úc đòi hỏi cách tiếp cận xúc tiến thương mại hơi khác so với cách thức có thể đem lại kết quả ở những thị trường khác.

Những khía cạnh quan trọng ảnh hưởng tới việc làm thế nào để các nhà cung cấp nước ngoài có thể xúc tiến bán sản phẩm của họ sang Úc bao gồm:

- Số lượng triển lãm thương mại quốc tế quy mô lớn ở thị trường Úc không nhiều;
- Các môi bán lẻ đóng vai trò không quan trọng trong việc xúc tiến bán hàng;
- Thiếu các triển lãm thương mại phù hợp với hoạt động xúc tiến cho các mặt hàng dệt may và giày dép nước ngoài.

Các hình thức lựa chọn dành cho các nhà cung cấp nước ngoài trong việc xúc tiến bán sản phẩm của họ ở Úc bao gồm:

#### ➤ **Phái đoàn xúc tiến bán hàng**

Nhiều quốc gia đã thành công trong việc cử các phái đoàn xúc tiến bán hàng sang Úc để tiếp cận thị trường.

Tuy nhiên, việc lên kế hoạch cẩn thận cho các phái đoàn đó rất quan trọng. Nhiều nhà nhập khẩu Úc thấy rằng việc tổ chức các phái đoàn như vậy rất lãng phí thời gian bởi họ mang tới Úc những sản phẩm không phù hợp với thị trường và/ hoặc có giá cả không cạnh tranh. Một số nhà nhập khẩu tỏ ra miễn cưỡng khi gặp các phái đoàn này do họ cảm thấy không có gì hấp dẫn.

Bởi vậy, khi lập kế hoạch tổ chức một phái đoàn sang tiếp cận thị trường Úc, điều quan trọng là chỉ chọn những công ty có sản phẩm phù hợp với thị trường và có giá cả cạnh tranh. Một điều quan trọng nữa là nên sắp xếp trước thời gian biểu cho việc hẹn gặp của mỗi phái đoàn tại văn phòng của nhà nhập khẩu hay văn phòng của người mua cuối cùng.

Đa số các nhà nhập khẩu Úc đều tỏ ra là họ rất bận, không có thời gian đến gặp đối tác tại khách sạn hay một địa điểm nào đó và họ muốn các đối tác đến chỗ họ.

Một phái đoàn bán hàng có kế hoạch được lập chu đáo có thể thu được hiệu quả cao vì nó tạo cơ hội cho phép người bán và người mua gặp gỡ trực tiếp để thảo luận về các cơ hội giao thương. Mặt khác, một phái đoàn chuẩn bị không tốt sẽ làm lãng phí thời gian, tiền bạc và tạo ảnh hưởng không tốt đến hình ảnh quốc gia đối với các nhà nhập khẩu Úc.

### ➤ **Tham gia hội chợ, triển lãm thương mại chuyên ngành**

Đây cũng là một phương pháp hiệu quả trong việc xúc tiến bán sản phẩm của một nhà cung cấp nước ngoài sang thị trường Úc.

Như đã đề cập ở phần trước, số lượng các hội chợ, triển lãm thương mại chuyên ngành ở Úc đang tăng lên và hầu hết diễn ra ở Sydney hoặc Melbourne. Các triển lãm này trưng bày nhiều loại hàng hoá sản phẩm từ máy vi tính cá nhân cho đến các đồ cắm trại. Các hội chợ chính về dầu lửa, gas và công nghiệp khai mỏ lại thường diễn ra ở Perth.

Mặc dù nhiều hội chợ được coi là công cụ xúc tiến hữu dụng nhưng lại thu hút rất ít người mua nước ngoài. Bên cạnh đó, ở Úc có rất ít các hội chợ thật sự phù hợp cho các nhà cung cấp hàng dệt may và giày dép nước ngoài.

Các cơ quan đại diện thương mại tại Úc hay Phòng Thương mại và Công nghiệp Úc đều có khả năng cung cấp các thông tin chi tiết về những cuộc hội chợ triển lãm thương mại sắp diễn ra. Những cuộc hội chợ triển lãm rất tốt đối với các nhà cung cấp nước ngoài thuộc những lĩnh vực sau:

- Vật liệu xây dựng;
- Trang thiết bị và sản phẩm thuộc ngành công nghiệp khai mỏ và dầu lửa;
- Máy vi tính, thiết bị viễn thông và thiết bị văn phòng;

- Máy nông nghiệp;
- Sản phẩm vui chơi giải trí và cắm trại;
- Sản phẩm điện tử và linh kiện;
- Thực phẩm;
- Thiết bị cơ khí và dịch vụ;
- Đồ chơi.

Việc tham gia hội chợ thương mại chuyên ngành ở Úc nói chung cũng tốn kém ngang như ở các nước phát triển khác. Những lợi ích do các cuộc hội chợ này mang lại là quảng cáo và xúc tiến bán hàng trên phạm vi rộng, sự tham gia sôi nổi của người mua và khả năng tiếp cận được một lượng khách hàng tiềm năng.

#### ➤ **Triển lãm giới thiệu sản phẩm quốc gia**

Việc tổ chức một cuộc trưng bày giới thiệu sản phẩm quốc gia có thể là một phương pháp hữu ích cho các nhà xuất khẩu nước ngoài không quen thuộc với Úc để thử nghiệm sản phẩm của họ ở thị trường này. Các cuộc trưng bày như vậy cũng có thể hỗ trợ các quốc gia nước ngoài thúc đẩy khả năng cung cấp của họ tới cộng đồng các nhà nhập khẩu Úc.

Tuy nhiên, điều quan trọng là phải lên kế hoạch phù hợp cho một cuộc trưng bày như vậy. Các nhà nhập khẩu Úc ngày càng kém kiên nhẫn trong việc tham quan các cuộc trưng bày giới thiệu sản phẩm quốc gia trừ khi họ biết chắc rằng sẽ có những mặt hàng quốc tế mới lạ và hấp dẫn trong các cuộc trưng bày đó.

Trong bối cảnh cạnh tranh như hiện nay, các nhà nhập khẩu Úc không muốn lãng phí thời gian đến thăm một cuộc trưng bày sản phẩm có giá đắt và không thích hợp với thị trường Úc.

Khi lên kế hoạch tổ chức một cuộc trưng bày giới thiệu sản phẩm quốc gia, vấn đề quan trọng là phải thực hiện nghiên cứu thị trường trước khi chọn lựa các đơn vị và sản phẩm tham dự trưng bày.

Nếu không lên kế hoạch cẩn thận và không có biện pháp xúc tiến hiệu quả thì các cuộc trưng bày giới thiệu sản phẩm quốc gia sẽ không mang lại thành công như mong đợi. Mặt khác nó cũng không thể hỗ trợ các nhà xuất khẩu thâm nhập vào thị trường Úc.

### ➤ **Phái đoàn mua hàng**

Một trong những hoạt động xúc tiến thương mại thành công nhất được thực hiện bởi nhiều quốc gia là tổ chức chương trình gặp gỡ giữa các phái đoàn mua hàng người Úc với các nhà xuất khẩu ở nước xuất khẩu.

Cách tiếp cận này thường chứng tỏ sẽ thành công bởi người mua sẽ không xác nhận đặt hàng cho tới khi họ trực tiếp xem xét kiểm tra các hoạt động của nhà cung cấp và họ có thể sẽ bị cuốn hút vào việc tham quan đất nước nếu họ biết được rằng có một chương trình được chuẩn bị trước cho các cuộc hẹn. Cách tiếp cận này sẽ thành công hơn cả khi được tổ chức tiếp sau một hoạt động xúc tiến thương mại ở Úc và những người mua đều đã có những thoả thuận sơ bộ với các nhà xuất khẩu từ các quốc gia đó.

Và một lần nữa, sự thành công thực sự sẽ phụ thuộc vào việc lập kế hoạch cẩn thận. Việc tổ chức những phái đoàn mua hàng đi gặp gỡ những nhà cung cấp không sản xuất những gì họ yêu cầu sẽ không đem lại tác dụng gì cũng như không đáng để gặp gỡ với các nhà xuất khẩu không có tính cạnh tranh, vì điều này sẽ tạo ấn tượng cho là tất cả các nhà cung cấp ở quốc gia đó không có khả năng cạnh tranh.

### ➤ **Xây dựng hình ảnh trên thị trường**

Ở một thị trường qui mô nhỏ như Úc, công cụ xúc tiến thương mại hữu dụng nhất đối với

các nhà xuất khẩu từ một quốc gia cụ thể là thực hiện giao dịch thành công với các nhà nhập khẩu Úc. Ngay khi sản phẩm từ một nước cung cấp mới bắt đầu hiện diện trên thị trường, các nhà nhập khẩu khác sẽ bắt đầu quan tâm hơn đến việc xem liệu có cơ hội nào cho họ không.

Phần lớn các nhà nhập khẩu Úc biết các đối thủ cạnh tranh của họ và bất kỳ một sản phẩm mới nào mà họ đang kinh doanh. Ở thị trường Úc đầy cạnh tranh, các nhà nhập khẩu và bán lẻ không muốn để đối thủ cạnh tranh của họ đạt được bất kỳ một cơ hội nào.

Mặt khác, phần lớn các nhà xuất khẩu và bán lẻ sớm biết được các khó khăn do đã có kinh nghiệm đối với các sản phẩm từ một số nước cụ thể và điều này sẽ ảnh hưởng đến các quyết định mua hàng của họ.

Thông điệp cho các nhà cung cấp nước ngoài là sự thành công trên thị trường này sẽ dẫn tới sự gia tăng các mối quan tâm từ các nhà nhập khẩu khác. Trên thực tế hình thức tốt nhất để xây dựng hình ảnh trên thị trường là quảng cáo. Nếu có vấn đề xảy ra dù chỉ với một nhà cung cấp ở một quốc gia cũng có thể làm cho nhiều nhà nhập khẩu Úc trở nên thận trọng khi làm ăn buôn bán với các nhà xuất khẩu khác từ các quốc gia đó.

## **Định giá cả**

Úc là một nền kinh tế tự do cho các doanh nghiệp và áp dụng các yếu tố thị trường cơ bản về cung và cầu trong việc định giá cả sản phẩm. Thị trường Úc đòi hỏi các công ty phải có giá cả cạnh tranh, kỳ vọng mức biên lợi nhuận thấp hơn và bán những lô hàng nhỏ.

Để cấu trúc giá cả cạnh tranh, các nhà cung cấp phải xem xét tất cả các yếu tố chi phí mà các sản phẩm nhập khẩu phải gánh chịu. Các yếu tố chính là: giá cước vận tải; phí xử lý; thuế nhập khẩu trong một số trường hợp; thuế hàng hóa và dịch vụ (GST); chi phí tiếp thị, chẳng hạn như quảng cáo và xúc tiến thương mại; và hoa hồng cho các đại lý hoặc nhà phân phối. Các nhà xuất khẩu nên lưu ý rằng chi phí sinh hoạt ở Úc thường cao, cũng



có nghĩa là có mức lương cao hơn.

➤ **Chi phí bán hàng và sự cạnh tranh về giá cả**

Ngoài nguồn cung ứng nội địa của Úc, các sản phẩm từ khắp thế giới đều hiện diện trong thị trường phức tạp này, nơi mà những người bán hàng và những người mua hàng cuối cùng đều muốn tìm kiếm một cái gì đó mới mẻ. Điều rất quan trọng là các công ty nước ngoài phải định giá cả phù hợp với thị trường trong nước, nơi có mức độ cạnh tranh cao, năng động và sôi nổi.

Để cấu trúc lại giá cả một cách cạnh tranh, các nhà cung ứng phải xem xét các yếu tố về chi phí mà các sản phẩm nhập khẩu phải gánh chịu. Các yếu tố chính là: phí chuyên chở; phí bốc xếp; thuế nhập khẩu; thuế hàng hóa và dịch vụ - GST; chi phí tiếp thị, ví dụ như quảng cáo và xúc tiến thương mại; các khoản hoa hồng cho các nhà phân phối hoặc đại lý.

➤ **Mua bán với khối lượng lớn và giá chiết khấu**

Các nhà bán sỉ và lẻ ở Úc thông thường tìm kiếm mức lãi cao nhất hơn là suy nghĩ đến việc mua hay bán hàng với khối lượng lớn. Hình thức này đang thay đổi do các thị trường mở và sự tràn lan của việc cấp giấy phép nhượng quyền thương mại và các doanh nghiệp kinh doanh với khối lượng lớn đã đánh động người tiêu dùng vốn ngày càng ý thức đến chi phí đối với các dịch vụ và bán hàng chiết khấu để cạnh tranh. Các nhà cung ứng cần phải có khả năng phân phối các dịch vụ hay sản phẩm chất lượng với giá cả hấp dẫn. Để cạnh tranh thành công, các nhà xuất khẩu nên xem xét đến việc chiết khấu bán buôn tối đa.

Hầu hết các nhà nhập khẩu khối lượng lớn ở Úc thích giao dịch trực tiếp với các nhà sản xuất hơn. Họ tin rằng giao dịch với các nhà sản xuất nước ngoài sẽ rẻ hơn là tìm kiếm nguồn hàng từ các nhà phân phối nước ngoài. Nhiều người tiêu dùng Úc đang mua sắm

trực tuyến từ nguồn ngoài nước để né tránh 10% thuế GST và giá cả cao trong nước.

### ➤ Định giá hàng công nghiệp

Các yếu tố về giá cả, chất lượng, sự tin cậy và hỗ trợ về dịch vụ là những điều quan trọng cần phải xem xét khi bán các sản phẩm công nghiệp và thiết bị sản xuất. Trong khi giá cả là yếu tố rất quan trọng, người mua có thể trả thêm cho một thiết bị mà họ cho là có chất lượng tốt hơn và đáng tin cậy hơn sản phẩm cạnh tranh. Tuy nhiên, các nhà xuất khẩu Việt Nam phải sẵn sàng thương lượng về giá cả hoặc những khía cạnh khác về thương vụ mua hàng đó.

Nói chung, người Úc rất thận trọng khi mua các thiết bị sản xuất để đầu tư nâng cấp quy trình sản xuất của họ. Họ tốn nhiều thời gian để đưa ra quyết định mua hàng, họ cân nhắc cẩn thận lợi hại để tăng lợi nhuận sau cùng. Nếu họ cảm thấy không kiếm lợi được nhiều từ việc mua hàng, họ có thể trì hoãn quyết định một cách dễ dàng.

### ➤ Quản lý giá cả

Vì Úc có nền kinh tế thị trường tự do nên ít có việc kiểm soát giá cả chính thức. Hội đồng người tiêu dùng và cạnh tranh ở Úc (<http://www.accc.gov.au>) có quyền điều tra nghiên cứu, giám sát hoặc theo dõi giá cả của các doanh nghiệp. Các quyền ấn định giá cả do pháp luật quy định, được lập ra giúp các doanh nghiệp hoặc các ngành công nghiệp cụ thể chịu trách nhiệm công khai với giá cả mà họ đưa ra, có thể được áp dụng ở những nơi mà chính phủ Liên Bang cho phép họ sử dụng. Hội đồng người tiêu dùng và cạnh tranh ở Úc thường sử dụng các quyền ấn định giá cả để điều tra giá cả của các doanh nghiệp tư nhân có tầm cỡ trong thị trường.

## **Dịch vụ bán hàng / Hỗ trợ khách hàng**

Tùy thuộc vào các sản phẩm hoặc dịch vụ được xuất khẩu, các đại lý hoặc nhà phân phối

Úc mong đợi sự hỗ trợ từ các nhà cung ứng nước ngoài, bao gồm việc bảo hành sản phẩm trong thời hạn cụ thể, đào tạo, quảng cáo và quảng bá.

Trong trường hợp cần thiết, các công ty nước ngoài phải đảm bảo rằng các đại diện của họ có thể sửa chữa, bảo hành các thiết bị nhập khẩu hoặc sắp xếp dịch vụ tại chỗ.

### **Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ**

Một số nguyên tắc chung rất quan trọng để quản lý hiệu quả quyền sở hữu trí tuệ ở Úc:

- Trước tiên, chiến lược chung để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ là rất quan trọng
- Thứ hai, quyền sở hữu trí tuệ ở Úc được bảo vệ khác với ở các nước
- Thứ ba, các quyền phải được đăng ký và thực thi ở Úc theo luật pháp địa phương.

Không có chuyện như là “bản quyền quốc tế” sẽ tự động bảo vệ các tác phẩm của một tác giả trên toàn thế giới. Việc bảo vệ chống lại sự sử dụng trái phép trong một quốc gia cụ thể về cơ bản phụ thuộc vào pháp luật của nước đó. Tuy nhiên, hầu hết các quốc gia đều bảo hộ bản quyền tác phẩm nước ngoài trong những điều kiện nhất định, và những điều kiện này đã được đơn giản hóa rất nhiều nhờ các hiệp ước và công ước quốc tế về bản quyền.

Nên nộp đơn xin đăng ký bảo vệ thương hiệu và các bằng sáng chế bảo vệ ngay trước khi bán sản phẩm hoặc dịch vụ của bạn tại thị trường Úc. Điều quan trọng cần phải hiểu rằng sở hữu trí tuệ chủ yếu là quyền riêng tư và chính phủ nước ngoài thường không thể thực thi các quyền cho các cá nhân tại Úc. Chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm đăng ký, bảo vệ và thực thi quyền của mình. Các công ty có thể sử dụng các luật sư hoặc các nhà tư vấn về quyền sở hữu trí tuệ địa phương, là các chuyên gia về luật pháp Úc.

Luôn thẩm định kỹ lưỡng các đối tác tiềm năng. Hãy đàm phán ở vị thế của phía đối tác và đưa ra những chính sách ưu đãi rõ ràng cho phía đối tác để họ tôn trọng hợp đồng.

Một đối tác tốt là một đồng minh quan trọng trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên nên xem xét cẩn thận có nên để phía đối tác thay mặt đăng ký quyền sở hữu trí tuệ hay không. Vì làm như vậy có thể tạo ra nguy cơ phía đối tác sẽ ghi tên họ là chủ sở hữu IP và không chuyển giao các quyền đó nếu quan hệ đối tác chấm dứt.

Hãy sử dụng dịch vụ tư vấn pháp lý hiểu biết về luật pháp Úc để tạo ra một hợp đồng vững chắc bao gồm các điều khoản không cạnh tranh và các quy định bảo mật/không tiết lộ thông tin.

Các công ty vừa và nhỏ nên hiểu tầm quan trọng của việc hợp tác với các tổ chức và hiệp hội ngành nghề để hỗ trợ những nỗ lực bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và ngăn chặn giả mạo.

### **Thẩm định đúng mức**

Các công ty nước ngoài nên thận trọng khi kinh doanh tại thị trường Úc và nên thẩm định đúng mức các khách hàng và đối tác kinh doanh tiềm năng.

CS Australia có Chương trình Hồ sơ Công ty Quốc tế, cung cấp thông tin cơ sở hữu ích về công ty Úc bao gồm: dữ liệu tài chính, các quan hệ thương mại, quy mô công ty, hoạt động tiếp thị và danh sách các quan chức chủ yếu. Đồng thời cũng nên thăm viếng cơ ngơi công ty để phỏng vấn những nhân vật chính tại khu vực đô thị Sydney và Melbourne.

Một địa chỉ khác là Ủy ban Đầu tư và Chứng khoán Úc (ASIC), <http://www.asic.gov.au>, một cơ quan chính phủ chịu trách nhiệm thực thi Luật Công ty của Úc và là đơn vị đăng ký cho các công ty. Với một mức phí nhỏ, ASIC có thể cung cấp cho bạn trích yếu lịch sử công ty: công ty đã kinh doanh được bao lâu, có đăng ký hay không, nơi kinh doanh chủ yếu, danh sách ban giám đốc và chi tiết về vốn cổ phần. ASIC cũng có thể cho biết các vị giám đốc đó có đủ năng lực hay không.

### **Các dịch vụ chuyên nghiệp địa phương**

Hàng loạt các dịch vụ chuyên nghiệp như nguồn nhân lực, tuyển chọn các nhà quản trị, pháp lý, tài chính và địa ốc đều có sẵn ở Úc, tập trung ở các trung tâm thành phố như Sydney, Melbourne, Perth, Adelaide, Canberra và Brisbane.

### Các hiệp hội ngành nghề chính

- [Tập đoàn Công nghiệp Úc - Australian Industry Group](#)
- [Viện Quản trị Úc - Australian Institute of Management](#)
- [Hội đồng Kinh doanh Úc - Business Council of Australia](#)
- [Business South Australia](#)
- [Phòng Thương mại và Công nghiệp Queensland - Chamber of Commerce & Industry Queensland](#)
- [Phòng Thương mại và Công nghiệp Tây Úc - Chamber of Commerce and Industry Western Australia](#)
- [Hội đồng Xuất khẩu Úc - Export Council of Australia](#)
- [Viện Tư vấn Quản trị - Institute of Management Consultants](#)
- [Phòng Thương mại New South Wales - New South Wales Business Chamber](#)
- [Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ Úc - Small Business Association of Australia](#)
- [Phòng Thương mại và Công nghiệp Tasmania - Tasmanian Chamber of Commerce & Industry](#)
- [Phòng Thương mại và Công nghiệp Victoria - Victorian Employers' Chamber of Commerce and Industry](#)



## Các nguồn thông tin

- [The Australian](#)
- [Cơ quan Thống kê Úc - Australian Bureau of Statistics](#)
- [Cơ quan Đăng ký Kinh doanh Úc - Australian Business Register](#)
- [Ủy ban Cạnh tranh và Người Tiêu dùng Úc - Australian Competition and Consumer Commission](#)
- [Hiệp hội Tiếp thị trực tiếp Úc - Australian Direct Marketing Association](#)
- [The Australian Financial Review](#)
- [Ủy ban Chứng khoán và Đầu tư Úc - Australian Securities and Investment Commission](#)
- [Cơ quan Thuế vụ Úc - Australian Taxation Office](#)
- [Cổng Đăng ký Kinh doanh - ATO: Business Entry Point](#)
- [Ủy ban Thương mại Úc - Australian Trade Commission](#)
- [Business Review Weekly](#)
- [The Canberra Times](#)
- [Courier Mail \(Brisbane\)](#)
- [FedEx](#)
- [Hội đồng Kinh doanh Nhượng quyền Úc - Franchise Council of Australia](#)
- [Cơ quan Sở hữu Trí tuệ Úc - IP Australia](#)

- [Reed Exhibitions Australia](#)
- [The Sydney Morning Herald](#)
- [The West Australian](#)

## Chương 4: Quan hệ thương mại song phương Việt Nam và Úc

### Quan hệ thương mại giữa Úc và Việt Nam

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã trở thành một trong những thị trường thương mại phát triển nhanh nhất của Úc trong khu vực ASEAN.

Úc và Việt Nam là các bên tham gia Hiệp định thành lập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Úc - New Zealand (AANZFTA) và Việt Nam đã phê chuẩn thỏa thuận ngày 24 tháng 6 năm 2009. AANZFTA đã có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2010. Australia và Việt Nam cũng đã tham gia ký kết Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

Trong những năm gần đây, kim ngạch thương mại hai chiều Việt Nam – Úc đã tăng trưởng khá cao. Cụ thể, theo Bộ Công Thương, từ khi Hiệp định AANZFTA có hiệu lực vào năm 2010 đến nay, với lộ trình giảm thuế khá mạnh, kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều giữa Việt Nam và Úc đã tăng trưởng trung bình trên 10%/năm.

Theo lộ trình của Hiệp định AANZFTA, năm 2018, Úc sẽ cắt giảm 90% dòng thuế nhập khẩu hàng hóa từ ASEAN, New Zealand xuống 0% và năm 2020, 100% dòng thuế sẽ được cắt giảm xuống 0%. Đây là cơ hội tốt để các doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Úc.

Úc là nguồn cung cấp lúa mì lớn nhất của Việt Nam (hơn 75% bánh mì được sử dụng ở Việt Nam có xuất xứ từ lúa mì Úc), mạch nha (cho thị trường bia thủ công đang phát triển của Việt Nam) và than đá.

### Đầu tư của Úc tại Việt Nam

*Nguồn: Cục Đầu tư Nước ngoài*

Đầu tư của Úc tại Việt Nam trị giá 2,3 tỷ USD vào năm 2017, trong đó khoảng 2 tỷ USD được coi là đầu tư trực tiếp nước ngoài. Trong 5 năm qua, các khoản đầu tư quan trọng nhất của Úc chủ yếu liên quan đến việc mở rộng của các công ty Úc đã hiện diện ở Việt Nam, tiếp tục đa dạng hóa các hoạt động của họ. Các ví dụ nổi bật bao gồm BlueScope Steel, Santos, Ngân hàng ANZ, Commonwealth Bank of Australia, Linfox, Tập đoàn CBH (Interflour), RMIT và QBE.

Tính đến 20/3/2017, Úc có 396 dự án đầu tư vào Việt Nam với tổng vốn đăng ký là 1,82 tỷ USD, xếp thứ 19/116 quốc gia và vùng lãnh thổ có vốn đầu tư tại Việt Nam

### ➤ Về cơ cấu ngành

Hầu hết các dự án của Úc tập trung vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo với 119 dự án với tổng số vốn đăng ký là 883,7 triệu USD, chiếm 48 % tổng vốn đầu tư đăng ký. Với 18 dự án, lĩnh vực dịch vụ lưu trú và ăn uống đứng thứ 2, xấp xỉ 147 triệu USD, chiếm 8% tổng vốn đầu tư đăng ký. Các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ về vốn đầu tư đăng ký.

### ➤ Về hình thức đầu tư

Vốn đầu tư của các nhà đầu tư Úc tập trung nhiều nhất theo hình thức 100% vốn nước ngoài với tổng vốn đầu tư 1,42 tỷ USD và 294 dự án, chiếm 78% tổng vốn đầu tư đăng ký, tiếp theo là đầu tư theo hình thức liên doanh chiếm 17% tổng vốn đầu tư đăng ký, còn lại là hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh chiếm số vốn rất nhỏ, khoảng 4%.

### ➤ Về địa bàn đầu tư

Các nhà đầu tư Úc có mặt tại 37 địa phương trong cả nước, đứng đầu là tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có 12 dự án với tổng vốn đăng ký là 412 triệu USD, chiếm 23% tổng vốn đầu tư đăng ký; đứng thứ 2 là thủ đô Hà Nội có 74 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký là

245,3 triệu USD, chiếm 13% tổng vốn đầu tư đăng ký; thứ 3 là tỉnh Phú Yên với chỉ 02 dự án và tổng vốn đầu tư đăng ký là 200 triệu USD, chiếm 11% tổng vốn đầu tư đăng ký. Tiếp theo là một số địa phương khác như thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương,...

### ➤ Một số dự án lớn

- Dự án công ty TNHH nhôm Toàn Cầu Việt Nam có tổng vốn đầu tư 234,8 triệu USD tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Dự án công ty TNHH Bluescope Steel Việt Nam, cũng thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với tổng vốn đầu tư 105 triệu USD.
- Dự án Trường đua ngựa Phú Yên, tổng vốn đầu tư 100 triệu USD.

Trong suốt hơn 45 năm qua, hợp tác kinh tế, nhất là về thương mại – đầu tư đã trở thành một trong những trụ cột quan trọng trong quan hệ hai nước. Tuy nhiên, cho đến nay đầu tư của nước này vào Việt Nam nhìn chung chưa tương xứng với tiềm năng và kỳ vọng của hai bên. Trong thời gian tới, hai bên cần tạo ra môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng cho doanh nghiệp hai nước, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư chung, hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách đầu tư nước ngoài, mở rộng lĩnh vực thu hút đầu tư nước ngoài và đa dạng hoá các hình thức đầu tư, xoá bỏ các rào cản về quy hoạch, hỗ trợ nhà đầu tư giảm chi phí sản xuất. Bên cạnh đó, khuyến khích các doanh nghiệp của Úc đầu tư vào những ngành mà nước này có thế mạnh.

Đồng thời, cần đẩy mạnh thu hút đầu tư của cộng đồng người Việt tại Úc theo hướng tiếp tục tăng cường các chính sách ưu đãi khuyến khích Việt kiều đầu tư về nước, đặc biệt trong các ngành công nghệ thông tin, giáo dục, y tế, nghiên cứu phát triển, du lịch.

### **Thương mại song phương giữa Việt Nam và Úc**

Theo tính toán của ITC dựa trên số liệu thống kê COMTRADE của Liên hợp quốc, trong



năm 2017, kim ngạch hai chiều giữa Việt Nam và Úc đạt 7,31 tỷ USD, tăng 19,44% so với năm 2016, trong đó xuất khẩu của Việt Nam sang Úc đạt trên 3.84 tỷ USD, tăng 15,3%, và kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Úc đạt gần 3,47 tỷ USD, tăng 23,92% so với 2016. Việt Nam tiếp tục xuất siêu 370,4 triệu USD.

Trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam đã vượt qua Malaysia, Thái Lan và Philippines để trở thành đối tác nhập khẩu lớn thứ 12 của Úc, chiếm tỷ trọng 1,5% tổng xuất khẩu của Úc trong năm 2017, chỉ xếp sau Indonesia (thứ 9) và Singapore (thứ 11). Trong khi đó, Úc là thị trường xuất khẩu lớn thứ 18 của Việt Nam, chiếm tỷ trọng 1,4% tổng xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2017.

### ➤ Thương mại song phương giữa Việt Nam và Úc (2013 – 2017)

*DVT: triệu USD*

	2013	2014	2015	2016	2017
<b>Tổng thương mại hai chiều</b>	<b>5.692,68</b>	<b>7.241,05</b>	<b>5.917,98</b>	<b>6.125,9</b>	<b>7.317,21</b>
<b>Xuất khẩu của Úc sang Việt Nam</b>	2.038,98	2.763,98	2.558,82	2.797,7	3.473,41
<b>Nhập khẩu của Úc từ Việt Nam</b>	3.653,7	4.477,07	3.359,16	3.328,2	3.843,8
<b>Cân bằng thương mại</b>	-1.614,72	-1.713,09	-800,35	-530,5	-370,39

*Nguồn: ITC dựa theo thống kê UN COMTRADE*

### ➤ Xuất khẩu

Khối lượng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Úc chỉ chiếm tỉ trọng khoảng 2% tổng nhập khẩu của Úc từ các nước trên thế giới trong năm 2017, tăng nhẹ từ mức 1,2% trong năm 2016.

Tiếp sau sự sút giảm nhẹ vào năm 2015, nhìn chung xuất khẩu của Việt Nam sang Úc có xu hướng gia tăng, đạt kim ngạch 3,47 tỷ USD trong năm 2017, tăng 24,15% so với năm 2016.

Trước đây, Úc thường là thị trường xuất khẩu lớn thuộc top 10 của Việt Nam, nhưng hiện nay Úc chỉ là thị trường xuất khẩu lớn thứ 18 của Việt Nam.

Hiện nay, các sản phẩm điện thoại và linh kiện, thiết bị điện tử đã vượt qua dầu thô để trở thành mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Các mặt hàng xuất khẩu chính khác là dầu thô, giày dép, đồ gỗ gia dụng, trái cây và hạt, hàng may mặc, thủy hải sản...

### Các mặt hàng xuất khẩu chính sang thị trường Úc - 2017

		ngàn USD	Tăng trưởng 2013-2017, %	Tỉ trọng trong nhập khẩu của Úc, %
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.843.803</b>	<b>-2</b>	<b>2</b>
85	Máy móc và thiết bị điện – điện tử, phụ tùng...	1.346.544	17	6
27	Nhiên liệu khoáng, dầu thô	303.860	-44	1
64	Giày dép	291.247	21	17
84	Máy móc, dụng cụ cơ khí...	251.175	0	1

94	Đồ gia dụng, nệm...	230.486	8	5
08	Trái cây và hạt	145.721	10	17
62	Hàng may mặc (không đan hoặc móc)	126.650	17	4
03	Thủy hải sản	112.762	-2	13
61	Hàng may mặc (đan hoặc móc)	85.420	26	3
89	Tàu thuyền, cấu trúc nổi...	78.366	19	1
73	Sắt thép	75.663	18	2
16	Các sản phẩm thịt và thủy hải sản chế biến	69.019	1	9
42	Đồ da, túi xách...	64.144	23	5
39	Nhựa	58.877	8	1
68	Vật liệu xây dựng (đá, xi măng, thạch cao...)	49.431	19	6
09	Cà phê, trà, gia vị	48.124	6	7
95	Đồ chơi, vật dụng thể thao và phụ kiện	43.564	31	2

48	Giấy các loại	36.262	8	2
40	Cao su	35.360	5	1
90	Dụng cụ và thiết bị quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra, chính xác, y tế hoặc phẫu thuật và phụ kiện	28.772	17	0

*Nguồn: ITC dựa theo thống kê UN COMTRADE*

### ➤ **Nhập khẩu**

Trong khi đó, các mặt hàng nhập khẩu chính của Việt Nam từ Úc là than đá, lúa mì, hải sản, nhôm, bông vải, động vật sống, các sản phẩm kim loại như sắt thép, đồng, kẽm...

Trong suốt 5 năm qua (2013-2017), hoạt động nhập khẩu hàng hóa của Úc từ Việt Nam có xu thế gia tăng, đạt tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm 11% trong suốt thời kỳ này. Xu hướng tăng thể hiện đặc biệt đối với một số nhóm hàng là đầu vào cho sản xuất trước đây ta thường nhập khẩu từ Trung Quốc, như chất dẻo nguyên liệu tăng 33%, nguyên phụ liệu dệt may, da giày tăng 96%, quặng và khoáng sản khác tăng 47%, bông vải tăng 31%...

Than đá đã thay thế lúa mì để trở thành mặt hàng xuất khẩu hàng đầu của Úc sang Việt Nam, đạt 429,3 triệu USD trong năm 2017 và có tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm cao nhất trong nhóm hàng xuất khẩu của Úc – khoảng 70% - trong suốt thời kỳ 2013-2017. Các nhóm hàng có mức tăng trưởng cao khác trong thời kỳ này còn có rau củ (57%), quặng xỉ (47%), máy móc, thiết bị và phụ kiện điện (45%), nhôm (42%), kẽm (34%), nhựa (33%), trái cây và hạt (31%), bông vải (31%, chiếm tỷ trọng 18% tổng xuất khẩu bông vải của Úc), động vật sống (29%, chiếm tỷ trọng 15%)...

Lúa mì là mặt hàng xuất khẩu thứ nhì của Úc sang Việt Nam đã có mức tăng trưởng hàng năm -3% trong thời kỳ 2013-2017. Trong năm 2017, Việt Nam nhập khẩu 418,53 triệu USD lúa mì, tăng 25,1% so với năm 2016.

Tuy nhiên, các mặt hàng xuất khẩu của Úc có sự sụt giảm trong thời kỳ 2013-2017 gồm dược phẩm (-14%), chì (-12%), sắt thép (-5%) và thủy hải sản (-2%). Đáng lưu ý là nhóm hàng thủy hải sản xuất khẩu sang Việt Nam chiếm tỷ trọng lên tới 36% tổng xuất khẩu nhóm hàng này của Úc năm 2017.

### ➤ **Tình hình xuất nhập khẩu năm 2018**

Theo số liệu thống kê sơ bộ từ Tổng cục Hải quan, kể từ đầu năm đến hết tháng 7/2018 kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Úc đã đạt 2,3 tỷ USD tăng 22,39% so với cùng kỳ năm trước.

Hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Úc rất đa dạng phong phú. Trong đó, nhóm hàng điện thoại và linh kiện đứng đầu về kim ngạch đạt 495,8 triệu USD, chiếm 21,7% tỷ trọng, tăng 17,6% so với 7 tháng đầu năm 2017; tiếp đến nhóm hàng dầu thô, máy vi tính sản phẩm điện tử, máy móc thiết bị - trong ba nhóm hàng này thì dầu thô và máy móc thiết bị tăng vượt trội về kim ngạch, tăng lần lượt gấp 2 lần (tức tăng 100,81%) và gấp 2,05 lần (tức tăng 105,73%), tương ứng với 240,5 triệu USD; 200,5 triệu USD.

Đối với nhóm hàng dầu thô, mặc dù trong tháng 7/2018 xuất khẩu sang Úc giảm 0,06% về lượng nhưng tăng 1,84% trị giá, giá xuất bình quân 582,56 USD/tấn. Nhưng nếu tính chung 7 tháng năm 2018 đã xuất 422 nghìn tấn, trị giá 240,5 triệu USD, giá xuất bình quân 569,87 USD/tấn, tăng 40,83% về lượng, 42,59% về giá so với cùng kỳ 2017.

Xét về mức tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa sang Úc trong 7 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm ngoái, thì thấy đa số các loại hàng hóa đều tăng kim ngạch, tuy nhiên số nhóm hàng tăng mạnh chỉ chiếm thị phần nhỏ. Điển hình như máy vi tính sản phẩm điện



tử và linh kiện, tuy đứng thứ hai về kim ngạch, chiếm 9,2% tỷ trọng đạt 211,7 triệu USD nhưng mức độ tăng chỉ đạt 4,28%; giày dép kim ngạch đạt 130,5 triệu USD, tăng 2,68%...

Đặc biệt, thời gian này Úc tăng mạnh nhập khẩu dây điện và dây cáp điện từ thị trường Việt Nam với mức tăng đột biến gấp hơn 4,71 lần (tức tăng 371,8%) so với cùng kỳ 2017, tuy kim ngạch chỉ đạt 9,3 triệu USD.

Ngoài mặt hàng dầu thô và máy móc thiết bị tăng vượt trội, thì xuất khẩu bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc; sản phẩm mây tre cói và thảm cũng tăng trưởng khá, tăng lần lượt 50,25%; 33,71% tương ứng với 12,3 triệu USD; 7,9 triệu USD.

Ở chiều ngược lại, xuất khẩu clanke và xi măng; sắt thép, phương tiện vận tải sang Úc sụt giảm mạnh, trong đó giảm mạnh nhất mặt hàng clanke và xi măng, giảm 90,22% về lượng và 80,81% trị giá chỉ với 23,5 nghìn tấn và 1,5 triệu USD. Đứng thứ hai là phương tiện vận tải phụ tùng giảm 56,11% với 33,5 triệu USD và sắt thép các loại giảm 90,22% về lượng; 80,81% trị giá với 31 nghìn tấn; 24,4 triệu USD.

Đối với đồ nội thất bằng gỗ, Úc chủ yếu nhập từ một số thị trường chính như Trung Quốc, Việt Nam, Malaysia.

Tuy nhiên thống kê cũng cho thấy, thời điểm này Úc tăng mạnh thị phần nhập khẩu từ Trung Quốc, giảm thị phần nhập khẩu từ Việt Nam. Điều này cho thấy, các sản phẩm nội thất bằng gỗ của Việt Nam vẫn chưa đáp ứng đúng thị hiếu người tiêu dùng tại Úc.

Trong 7 tháng đầu năm 2018, Úc chỉ nhập từ Việt Nam 101 triệu USD gỗ và sản phẩm gỗ (chiếm 4,4% tỷ trọng) với mức tăng 14,48% so với cùng kỳ 2017.

Theo Tổ chức IBISWorld công bố một nghiên cứu trong giai đoạn từ năm 2013 -2018 cho biết, người tiêu dùng Úc có xu hướng ưa chuộng các sản phẩm nội thất với chi phí thấp. Trong khi các nhà sản xuất sở tại không thể cạnh tranh được về giá với các sản

phẩm nhập khẩu do nhân công lao động và chi phí đầu vào cao.

Do đó, ngành công nghiệp sản xuất đồ nội thất tại Úc đang có xu hướng tăng trưởng chậm lại và nhập khẩu đang có xu hướng tăng mạnh. Đáng chú ý, người tiêu dùng Úc rất cởi mở đối với hàng hóa nhập khẩu, không quá coi trọng nguồn gốc xuất xứ, chỉ quan tâm tới yếu tố như chất lượng, kiểu dáng và giá cả.

Theo Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương), nhu cầu nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ tại Úc tăng, cùng với vị trí địa lý thuận lợi và ưu đãi lớn từ Hiệp định thương mại tự do ASEAN-Úc-New Zealand (ANZFTA) mang lại, là cơ hội lớn để doanh nghiệp xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam đẩy mạnh kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Úc trong thời gian tới.

Tuy nhiên, để đạt được cơ hội này doanh nghiệp xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam cần nâng cao công nghệ, tích cực tìm hiểu, đổi mới mẫu mã hàng hóa cho phù hợp thị hiếu tiêu dùng tại thị trường Úc, giảm giá thành để tăng sức cạnh tranh, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Về mặt nhập khẩu, trong 9 tháng đầu năm 2018, kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Úc đạt hơn 2,7 tỷ USD, tăng 17% so với cùng kỳ năm 2017. Ca12c sản phẩm nhập khẩu chính trong thời kỳ này gồm than, kim loại, bông vải, lúa mì, quặng, khoáng sản... Trong đó, mặt hàng có mức tăng trưởng mạnh nhất là quặng và khoáng sản khác đạt 209%, kế tiếp là than (70%), rau quả (65%), phế liệu sắt thép (39%). Ở chiều ngược lại, mặt hàng chịu mức sụt giảm cao nhất là sữa và sản phẩm sữa (-34%) và lúa mì (-32%). Nhập khẩu các sản phẩm kim loại thường từ Úc cũng giảm -7%.

### ➤ Các nhóm hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Úc

#### **Xuất khẩu sang thị trường Úc thời kỳ 2013-2017 (ngàn USD)**

		2013	2014	2015	2016	2017
<b>Tổng cộng</b>		<b>3.653.700</b>	<b>4.477.067</b>	<b>3.359.164</b>	<b>3.328.203</b>	<b>3.843.803</b>
85	Thiết bị điện – điện tử, phụ tùng...	724.923	829.190	988.938	1.163.446	1.346.544
27	Nhiên liệu khoáng, dầu thô	1.501.083	1.952.970	518.659	154.340	303.860
64	Giày dép	139.650	172.272	231.526	269.591	291.247
84	Máy móc, dụng cụ cơ khí...	247.993	204.929	273.093	209.934	251.174
94	Đồ gia dụng, nệm...	163.516	202.120	211.673	229.041	230.486
08	Trái cây và hạt	98.977	116.247	125.270	133.930	145.721
62	Hàng may mặc (không đan hoặc móc)	67.630	97.019	108.027	128.973	126.650
03	Thủy hải sản	118.031	137.712	109.283	117.611	112.762
61	Hàng may mặc (đan hoặc móc)	32.091	51.088	63.582	71.640	85.420
89	Tàu thuyền, cấu trúc nổi...	30.325	63.776	39.860	55.979	78.366

73	Sắt thép	38.691	43.604	25.212	58.634	75.663
16	Các sản phẩm thịt và thủy hải sản chế biến	58.081	84.678	65.333	66.067	69.019
42	Đồ da, túi xách...	27.688	38.586	49.804	56.723	64.144
39	Nhựa	42.151	48.471	52.995	53.311	58.877
68	Vật liệu xây dựng (đá, xi măng, thạch cao...)	24.017	32.214	32.941	44.036	49.431
09	Cà phê, trà, gia vị	38.169	45.809	49.343	52.315	48.124
95	Đồ chơi, vật dụng thể thao và phụ kiện	14.318	15.763	20.177	24.845	43.564
48	Giấy các loại	24.985	29.205	26.817	29.223	36.262
40	Cao su	27.216	24.958	22.280	23.206	35.360
90	Dụng cụ và thiết bị quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, y tế và phụ kiện...	16.439	18.014	25.126	28.362	28.772

### 1. Thiết bị điện-điện tử (HS 85)

		2017	Tăng trưởng trung bình hàng năm 2013-2017	Tỷ trọng trong nhập khẩu của Úc
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.346,54</b>	<b>17</b>	<b>6</b>
8517	Điện thoại, thiết bị viễn thông	883,13	7	11
8528	Màn hình, máy chiếu . . .	259,40	603	14
8542	Vi mạch điện tử, linh kiện	63,19	425	15
8525	Thiết bị phát sóng radio và TV, camera...	24,36	31	3
8536	Thiết bị đóng, ngắt, bảo vệ mạch điện	20,18	14	3

*Nguồn: ITC dựa theo số liệu thống kê UN COMTRADE*

Đây là nhóm hàng có mức tăng trưởng ấn tượng nhất trong vài năm gần đây, với xu hướng tăng liên tục. Đặc biệt, nhập khẩu nhóm hàng này từ Việt Nam đã có bước tăng trưởng nhảy vọt từ mức chỉ 89,79 triệu USD trong năm 2010, lên đến 724,92 triệu USD trong năm 2013 và rồi đạt tới 1.346,54 triệu USD trong năm 2017.

Mặc dù tỉ trọng hàng Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Úc về nhóm hàng này vẫn còn thấp, chỉ đạt khoảng 6% trong năm 2017 nhưng tốc độ tăng trưởng trung bình trong suốt thời kỳ 5 năm 2013-2017 tương đối cao, lên tới 17% hàng năm.

Hiện Việt Nam đã vượt qua Đức và Malaysia trở thành nguồn cung ứng lớn thứ 3 về nhóm hàng này tại thị trường Úc, chỉ xếp sau Trung Quốc và Hoa Kỳ và cũng là nước



đứng đầu ASEAN xuất khẩu nhóm hàng này vào Úc.

Trung Quốc là nguồn cung ứng số 1 về nhóm hàng này tại Úc, chiếm thị phần trên 48,6% với tổng giá trị xuất khẩu lên tới trên 11 tỷ USD. Nguồn cung ứng lớn thứ nhì là Hoa Kỳ với thị phần 9% (2 tỷ USD). Malaysia là nguồn cung ứng lớn thứ 4 tại Úc và đứng thứ nhì trong nhóm các nước ASEAN về nhóm hàng kể trên tại thị trường này, chiếm thị phần khoảng 4,8% với tổng giá trị xuất khẩu đạt 1,09 tỷ USD. Thái Lan (thứ 11) và Singapore (thứ 14) cũng nằm trong số các nguồn cung ứng lớn cho Úc.

**Điện thoại và phụ kiện** là tác nhân chính gây ra mức tăng trưởng xuất khẩu nhảy vọt về nhóm hàng này của Việt Nam vào thị trường Úc, khi tổng giá trị xuất khẩu đã tăng vọt từ mức gần 37 triệu USD năm 2010 lên tới trên 646,2 triệu USD vào năm 2013, và 883,13 triệu USD vào năm 2017. Tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm trong suốt thời kỳ 2013-2017 vào khoảng 7%. Việt Nam cũng là nguồn cung ứng lớn thứ nhì về mặt hàng này tại Úc với thị phần khoảng 11,2%, chỉ xếp sau Trung Quốc với thị phần áp đảo 62%).

**Màn hình và máy chiếu** đã nổi lên thành nhóm hàng xuất khẩu lớn thứ nhì của Việt Nam tại thị trường Úc trong năm 2017, với tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm trong giai đoạn 2013-2017 lên tới 603%. Giá trị xuất khẩu đạt khoảng 259,4 triệu USD trong năm 2017, tăng 42,4% so với 2016. Việt Nam đã vượt qua nhiều đối thủ cạnh tranh trong khu vực ASEAN và Hàn Quốc để trở thành là nguồn cung ứng lớn thứ 2 cho Úc, với thị phần 14%, trong tổng nhập khẩu mặt hàng này của Úc và là xếp hàng đầu trong nhóm nước ASEAN xuất sang Úc.

**Vi mạch điện tử** đã là mặt hàng xuất khẩu lớn thứ 3 trong nhóm hàng này. Mặc dù giá trị xuất khẩu vẫn còn khá khiêm tốn, khoảng 63,2 triệu USD trong năm 2017 nhưng tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm trong suốt giai đoạn 2013-2017 đạt rất cao lên tới 425%. Hiện nhóm hàng này chiếm tỉ trọng 15% tổng nhập khẩu các sản phẩm vi mạch điện tử vào Úc trong năm 2017 và là nước cung ứng lớn thứ 3 tại thị trường này, sau Malaysia (83,94 triệu USD, 19,7%) và Trung Quốc (64,4 triệu USD, 15,1%).

Đáng lưu ý nhất là hai nhóm hàng dụng cụ nhiệt điện gia dụng (HS8516) đã có mức tăng trưởng rất cao 242% và nhóm hàng bảng, panen, giá đỡ, bàn tủ... (HS8537) đã có tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ 434% trong suốt thời kỳ 2013-2017.

## 2. Nhiên liệu khoáng (HS 27)

*DVT: triệu USD*

		2017	Tăng trưởng trung bình hàng năm 2013-2017	Tỷ trọng trong nhập khẩu của Úc
	<b>Tổng cộng</b>	<b>303,86</b>	<b>-44</b>	<b>1</b>
2709	Dầu thô	300,17	-44	4
2701	Than	2,5	-5	6

*Nguồn: ITC dựa theo số liệu thống kê UN COMTRADE*

Trong nhiều năm qua, đây luôn là nhóm hàng xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam sang Úc với kim ngạch xuất khẩu đạt 1,95 tỉ USD trong năm 2014. Tuy nhiên kể từ 2015 trở đi, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này đã liên tục giảm xuống mức thấp 154,34 triệu USD trong năm 2016 và đã hồi phục vào năm 2017 với mức kim ngạch 303,86 triệu USD, chiếm 1% thị phần trong tổng nhập khẩu nhóm hàng này của Úc năm 2017. Do vậy, tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm của nhóm hàng này là -44% trong giai đoạn 2013-2017.

Hiện Việt Nam là nguồn cung ứng lớn thứ 15 tại thị trường Úc về nhóm hàng này trong năm 2017, tụt mạnh từ vị trí thứ 3 trong năm 2014.

Dầu mỏ là mặt hàng chiếm đại bộ phận lượng xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam

sang thị trường Úc với kim ngạch đạt 300,17 triệu USD trong năm 2017, chiếm 4% tổng nhập khẩu dầu mỏ của Úc. Việc nhập khẩu dầu mỏ từ Việt Nam đã có xu hướng giảm mạnh trong suốt thời kỳ 2013-2017 với mức tăng trưởng -44% hàng năm. Hiện Việt Nam là nguồn cung ứng dầu mỏ lớn thứ 9 cho thị trường Úc.

Đáng lưu ý là sự biến động mạnh về xuất khẩu than đá của Việt Nam trong những năm qua. Than đá vốn là mặt hàng xuất khẩu lớn thứ nhì của Việt Nam sang Úc trong suốt thời kỳ 5 năm 2007-2011, luôn chiếm tỉ trọng cao trong tổng nhập khẩu mặt hàng trên của Úc, có lúc chiếm tới 73,9%. Xu hướng tăng mạnh liên tục, đạt mức tăng trưởng trung bình 32% trong suốt thời kỳ này. Tuy nhiên, để đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, Chính phủ đã có chủ trương hạn chế xuất khẩu than kể từ năm 2012. Xuất khẩu than đá của Việt Nam sang Úc chỉ còn 1,66 triệu USD trong năm 2013 nhưng đã tăng nhẹ lên 4,5 triệu trong năm 2014, và đứng ở mức 2,5 triệu USD trong năm 2017. Mức tăng trưởng trung bình trong suốt thời kỳ 2013-2017 là -5%.

### 3. Giày dép (HS64)

		2017	Tăng trưởng trung bình hàng năm 2013-2017	Tỷ trọng trong nhập khẩu của Úc
	<b>Tổng cộng</b>	<b>291,24</b>	<b>21</b>	<b>17</b>
6404	Giày mũ vải	145,88	25	31
6403	Giày mũ da	111,8	20	14
6402	Giày có đế và mũ bằng nhựa hoặc cao su	30,92	10	9

Nhập khẩu giày dép từ Việt Nam đã gia tăng liên tục trong thời gian qua với tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm trong giai đoạn 2013-2017 đạt 21%, cao hơn nhiều so với tăng trưởng chung của toàn thị trường giày dép của Úc trong cùng kỳ là chỉ 2%.

Kim ngạch nhập khẩu giày dép từ Việt Nam đã tăng khoảng 8% trong năm 2017 so với năm trước lên đạt 291,25 triệu USD từ mức 269,6 triệu USD vào năm 2016 và 231,52 triệu USD vào năm 2015.

Thị phần của nguồn cung ứng hàng đầu là Trung Quốc đã giảm sút đều đặn trong những năm qua nhưng vẫn giữ mức tỷ lệ áp đảo tới 55,2% trong năm 2017. Trong khi đó, thị phần giày dép Việt Nam có xu hướng gia tăng liên tục để bù lại sự sụt giảm nguồn cung từ Trung Quốc. Hiện giày dép Việt Nam đã chiếm 17,4% tổng nhập khẩu giày dép của Úc trong năm 2017, tăng nhẹ so với mức 10,8% trong năm 2014, đưa Việt Nam vượt quá Ý để thành nước cung ứng lớn thứ 2 tại đây.

Các sản phẩm nhập khẩu chính trong nhóm hàng này từ Việt Nam là giày mũ vải (HS6404), giày mũ da (HS6403) và giày có đế và mũ bằng nhựa hoặc cao su (HS6402).

**Giày mũ vải** đã vượt qua mã giày mũ da để trở thành mặt hàng xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam sang Úc. Giày mũ vải Việt Nam hiện chiếm 31% tổng nhập khẩu giày mũ vải của Úc và đang tăng trưởng mạnh mẽ trong 5 năm qua với tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm tương đối cao trong giai đoạn 2013-2017, ở mức 25%/năm, so với mức tăng trưởng chung toàn thị trường là 8%. Trong năm 2017, kim ngạch nhập khẩu giày mũ vải Việt Nam đã đạt 145,88 triệu USD, tăng 21% so với năm 2016. Việt Nam là nguồn xuất khẩu lớn thứ nhì tại thị trường Úc, sau Trung Quốc (220,83 triệu USD, chiếm thị phần tới 47,4%).

**Sản phẩm giày mũ da (HS6403)** của Việt Nam hiện chiếm 14% tổng lượng nhập khẩu giày mũ da của Úc trong năm 2017. Việc nhập khẩu các sản phẩm này từ Việt Nam đang có xu hướng tăng nhanh với tốc độ tăng trưởng hàng năm lên tới 20% trong giai đoạn 5

năm 2013-2017. Kim ngạch nhập khẩu đã tăng liên tục từ mức 54,27 triệu năm 2013 lên đạt mức 111,8 triệu USD vào năm 2017, tăng 10,7% so với năm trước. Việt Nam đã vượt qua Ý trở thành nước xuất khẩu lớn thứ 2 về giày mũ da cho thị trường Úc, chỉ sau Trung Quốc (402,47 triệu USD với thị phần 50,7%).

**Nhập khẩu giày có mũ và đế nhựa hoặc cao su (HS6402)** từ Việt Nam cũng đang có xu hướng tăng đều đặn với tốc độ hàng năm đạt 10% trong giai đoạn 2013-2017. Các sản phẩm giày này của Việt Nam hiện chiếm tỉ trọng 9% trong tổng nhập khẩu giày cùng loại của Úc vào năm 2017 với kim ngạch đạt 30,92 triệu USD. Việt Nam cũng là nước xuất khẩu lớn thứ 2 về loại giày này cho thị trường Úc trong năm 2017, chỉ sau Trung Quốc (chiếm thị phần 73,9%).

#### 4. Máy móc – thiết bị (HS 84)

*DVT: triệu USD*

		2017	Tăng trưởng trung bình hàng năm 2013-2017	Tỷ trọng trong nhập khẩu của Úc
	<b>Tổng cộng</b>	<b>251,17</b>	<b>0</b>	<b>1</b>
8471	Máy xử lý dữ liệu, đầu đọc quang/từ...	123,6	-4	2
8443	Máy in và phụ kiện	72,51	6	7
8470	Máy tính bỏ túi	20,36	3	14

*Nguồn: ITC dựa theo số liệu thống kê UN COMTRADE*

Mặc dù đây là nhóm hàng xuất khẩu lớn thứ 4 của Việt Nam tại thị trường Úc, nhưng tỉ



trọng hàng hóa Việt Nam trong tổng nhập khẩu máy móc thiết bị của Úc chỉ đạt 1% vào năm 2017. Việc xuất khẩu nhóm hàng này hầu như không có biến động trong suốt thời kỳ 2013-2017.

Hiện Việt Nam xếp vị trí 19 trong số các nguồn cung ứng các mặt hàng này cho thị trường Úc, với kim ngạch đạt 251,17 triệu USD trong năm 2017, tăng 20% so với năm 2016.

Mặc dù tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm trong suốt thời kỳ 2013-2017 là 0%, so với mức tăng trưởng chung toàn thị trường là -5%, cho thấy xu hướng tăng trưởng vẫn còn triển vọng đối với nhóm hàng này tại thị trường Úc.

Mặt hàng xuất khẩu hàng đầu trong nhóm hàng này là máy xử lý dữ liệu, đầu đọc quang/từ... (HS8471). Tuy nhiên tỷ trọng hàng Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Úc về nhóm hàng này chỉ đạt khoảng 2%. Kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này từ Việt Nam trong năm 2017 đạt 12,6 triệu USD, tăng 34% so với mức kim ngạch 92.23 triệu USD trong năm trước. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm trong suốt giai đoạn 2013-2017 là -4%, trong khi mức tăng trưởng nhập khẩu chung của thị trường cũng -3%. Hiện Việt Nam là nguồn cung ứng lớn thứ 7 tại thị trường Úc và xếp thứ 3 trong nhóm nước ASEAN xuất khẩu mặt hàng này sang Úc, sau Malaysia (406,46 triệu USD), Singapore (306,72 triệu) nhưng xếp trên Thái Lan (118,28 triệu). Trung Quốc là nguồn cung ứng lớn nhất, đạt kim ngạch 4,19 tỷ USD, nhiều hơn Hoa Kỳ xếp ở vị trí thứ nhì tới 5 lần.

Các loại máy in là nhóm hàng lớn thứ nhì của Việt Nam được nhập khẩu vào Úc với kim ngạch đạt 72,52 triệu USD, tăng 11% so với năm 2016 và chiếm tỉ trọng 7% tổng nhập khẩu máy in vào thị trường Úc năm 2017. Việt Nam chỉ là nguồn cung ứng lớn thứ 3 tại thị trường Úc, xếp sau Trung Quốc (457,37 triệu USD), Nhật (217 triệu), và cũng là nguồn cung ứng ASEAN hàng đầu về nhóm hàng kể trên cho thị trường Úc. Tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm của Việt Nam trong suốt thời kỳ 2013-2017 đạt 6% so với

tăng trưởng chung toàn thị trường là -12%, với các nguồn cung ứng hàng đầu kể trên đều có mức tăng trưởng âm: Trung Quốc -13%, Nhật -15%.

Mặt hàng lớn kế tiếp là các loại máy tính, máy kế toán, bán vé, tính tiền... (HS8470) với kim ngạch đạt khoảng 20,36 triệu USD trong năm 2017, giảm mạnh từ mức gần 32 triệu USD trong năm 2016. Mặc dù chỉ đạt giá trị tương đối nhỏ nhưng thị phần trong khối lượng nhập khẩu của Úc lên tới 14%. Xu hướng tăng trưởng mặt hàng này của Việt Nam tại thị trường Úc còn khá khiêm tốn khi mức tăng trưởng trung bình hàng năm trong 5 năm qua (2013-2017) chỉ khoảng 3%. Hiện Việt Nam là nguồn cung ứng lớn thứ 4 về nhóm hàng nói trên tại Úc, chỉ sau Đài Loan (33,05 triệu, 22,9%), Hungary (22,46 triệu, 15,6%) và Trung Quốc (22,44 triệu USD, thị phần 15,6%).

Máy may và phụ kiện là nhóm hàng xuất khẩu lớn thứ 4 với kim ngạch đạt 5,66 triệu USD trong năm 2017, chiếm tỷ trọng 18% trong tổng nhập khẩu máy may và phụ kiện của Úc. Tốc độ tăng trưởng đạt trung bình 5% trong suốt giai đoạn 2013-2017.

Nhóm hàng phụ tùng máy móc (8473) cũng đã có mức tăng trưởng đáng kể trong suốt giai đoạn khảo sát, lên tới 52% mặc dù chỉ chiếm 1% thị phần trong tổng nhập khẩu của Úc. Trong năm 2017, kim ngạch nhóm phụ tùng đạt gần 5 triệu USD, tăng 84,87% so với năm 2016.

Đáng lưu ý là nhóm hàng tủ lạnh (8418) đã có sự tăng trưởng vượt bậc trong 5 năm qua với tốc độ tăng trưởng trung bình đạt mức 94% trong suốt thời kỳ 2013-2017 và trở thành mặt hàng xuất khẩu lớn thứ 9 của Việt Nam tại thị trường Úc, với kim ngạch 1,69 triệu USD trong năm 2017. nhóm hàng này hiện chiếm thị phần 16,2% trong tổng nhập khẩu của Úc. Trong năm 2014, Việt Nam là nguồn cung ứng lớn thứ 3 về nhóm hàng máy may cho Úc, sau Đài Loan (10,31 triệu USD, 26,3%) và Trung Quốc (10,15 triệu USD, 25,9%).

Các sản phẩm xuất khẩu còn lại gồm máy giặt (8450) đạt kim ngạch 2,84 triệu USD, các

loại máy bơm khí, chân không (8414) đạt 2,18 triệu USD, máy bơm chất lỏng (8413) đạt khoảng 2,11 triệu USD, thiết bị - máy móc thí nghiệm... (8419), 1,64 triệu...

## 5. Hàng nội thất (HS 94)

		2017 (triệu USD)	Tăng trưởng trung bình hàng năm 2013-2017	Tỷ trọng trong nhập khẩu của Úc
	<b>Tổng cộng</b>	<b>230,48</b>	<b>8</b>	<b>5</b>
9403	Đồ nội thất	145,53	10	9
9401	Ghế	80,12	8	7

*Nguồn: ITC dựa theo số liệu thống kê UN COMTRADE*

Kim ngạch nhập khẩu của Úc về nhóm hàng nội thất của Việt Nam đã tăng trưởng đều đặn qua các năm, với tốc độ trung bình hàng năm là 8% trong thời kỳ 2013-2017. Đây là tốc độ tăng trưởng cao nhất trong số các nguồn cung ứng chính về nhóm hàng này cho Úc, và cao hơn so với mức tăng trưởng chung tại thị trường này là 3%. Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nội thất của Việt Nam sang Úc đạt trên 230,48 triệu USD trong năm 2017, tăng 1% so với năm 2016.

Hiện nay, nhóm hàng nội thất Việt Nam đã chiếm tỉ trọng 5,2% tổng nhập khẩu nhóm hàng này của Úc, giúp đưa Việt Nam trở thành nguồn cung ứng lớn thứ nhì về mặt hàng này tại thị trường Úc. Với giá trị kim ngạch đạt 2,88 tỷ USD, Trung Quốc là nguồn cung ứng lớn nhất tại thị trường Úc, và chiếm thị phần áp đảo 65,8% trong năm 2017. Các nguồn cung ứng lớn còn lại gồm Malaysia (163,1 triệu USD, 3,7%), Ý (143,81 triệu, 3,3%), Hoa Kỳ (139,93 triệu, 3,2%), Đức (123,24 triệu, 2,8%), Indonesia (65.25 triệu,

1,5%), Thái Lan (61,86 triệu, 1,4%),...

Các sản phẩm xuất khẩu hàng đầu là đồ nội thất và phụ kiện (HS9403), chiếm 9% tổng nhập khẩu đồ nội thất của Úc năm 2017 và có mức tăng trưởng trung bình 5 năm (2013-2017) đạt 10%/năm. Kim ngạch đồ nội thất HS9403 lên tới 145,53 triệu USD trong năm 2017, giảm 3% so với 2016. Việt Nam là nguồn cung ứng lớn thứ 2 tại thị trường Úc với thị phần 8,9% trong năm 2017, sau Trung Quốc với thị phần áp đảo 62,6% và kim ngạch lên tới 1,017 tỷ USD trong năm 2017. Malaysia (90,82 triệu USD, 5,6%), Ý (56,47 triệu, 3,5%), Indonesia (37,48 triệu, 2,3%), Đức (32,18 triệu, 2%), và Đài Loan (29,44 triệu, 1,8%) cũng là những nguồn cung ứng chính cho thị trường Úc.

Sản phẩm xuất khẩu lớn thứ nhì là ghế các loại (HS9401), với kim ngạch 80,12 triệu USD trong năm 2017, tăng 9% so với năm 2016 và chiếm 7% thị phần nhập khẩu của Úc. Nhóm hàng này đã đạt mức tăng trưởng trung bình hàng năm khoảng 8% so với mức tăng trưởng trung bình chung toàn thị trường là 0% trong suốt thời kỳ 2013-2017. Việt Nam là nguồn cung ứng lớn thứ 2 trong năm 2017 và là nguồn cung cấp lớn nhất ASEAN về nhóm hàng ghế cho thị trường Úc. Các nguồn cung ứng chính khác về nhóm hàng này cho thị trường Úc gồm Trung Quốc (752,91 triệu USD, 61,6%), Malaysia (57,22 triệu USD, 4,7%), Ý (56,75 triệu USD, 4,6%), Hoa Kỳ (44,21 triệu, 3,6%)...

Khung đệm, nệm giường (9404) hiện là các mặt hàng xuất khẩu lớn thứ 3 thuộc nhóm hàng HS94, với kim ngạch đạt 2,19 triệu USD trong năm 2017, giảm 6% so với năm 2016 và chiếm thị phần khoảng 1%. Trong giai đoạn 2013-2017, nhóm mặt hàng này đã có tốc độ tăng trưởng -1%, trong khi 2 nguồn cung lớn khác là Trung Quốc (5%) và Ấn Độ (12%) đều đạt mức tăng trưởng dương.

Các sản phẩm nhà tiền chế đã không còn đạt mức tăng trưởng tốt như trong suốt thời kỳ 2010-2014 khi tốc độ trung bình hàng năm là 34%. Trái lại, mức nhập khẩu từ Việt Nam đã giảm trung bình -20% trong suốt 5 năm qua (2013-2017). Với thị phần khiêm tốn (2%) trong tổng nhập khẩu sản phẩm nhà tiền chế của Úc năm 2017, kim ngạch năm



2017 đạt 1,07 triệu USD, tăng 16% so với năm 2016, giúp Việt Nam xếp trong top 10 nguồn cung ứng hàng đầu về nhóm hàng nhà tiền chế tại thị trường Úc.

Kim ngạch nhóm sản phẩm đèn chiếu sáng và phụ kiện (HS9405) đã tụt giảm còn 1,05 triệu USD trong năm 2017, giảm 1% so với năm 2016. Mức tăng trưởng trung bình hàng năm trong suốt thời kỳ 2013-2017 là -16%.

## 6. Trái cây, hạt (HS 08)

		2017 (triệu USD)	Tăng trưởng trung bình hàng năm 2013-2017	Tỷ trọng trong nhập khẩu của Úc
	<b>Tổng cộng</b>	<b>145,72</b>	<b>10</b>	<b>17</b>
0801	Hạt điều, dứa	137,2	9	72
0811	Trái cây đông lạnh	7,23	19	5

*Nguồn: ITC dựa theo số liệu thống kê UN COMTRADE*

Nhập khẩu trái cây và hạt từ Việt Nam tăng trưởng đều đặn trong 5 năm qua (2013-2017) với tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm khoảng 10%, cao hơn mức tăng trưởng chung của thị trường sản phẩm này là 2%. Các sản phẩm trái cây và hạt của Việt Nam hiện chiếm tỉ trọng 17,3% trong tổng nhập khẩu trái cây và hạt của Úc. Con số thị phần trên đã giúp đưa Việt Nam thành nguồn cung ứng thứ 2 về nhóm hàng HS08 tại thị trường Úc, chỉ sau Hoa Kỳ (217,96 triệu USD, 25,9%). Kim ngạch nhập khẩu trái cây và hạt từ Việt Nam năm 2017 đã tăng lên tới 145,72 triệu USD, tăng 9% so với năm 2016.

Việt Nam là nguồn cung cấp số 1 về hạt điều cho thị trường Úc với tỉ trọng trong tổng nhập khẩu hạt điều của Úc đạt trên 71,8% vào năm 2017. Việc nhập khẩu hạt điều từ Việt



Nam cũng có chiều hướng tăng liên tục khi tốc độ tăng trưởng hàng năm đạt 9% về giá trị và 1% về khối lượng trong thời kỳ 2013-2017. Điều này cho thấy đơn giá hạt điều Việt Nam đã có sự cải thiện đáng kể. Năm 2017, Úc đã nhập khẩu 15.087 tấn hạt điều trị giá khoảng 137,2 triệu USD từ Việt Nam, tăng 10% về trị giá so với năm 2016. Đáng lưu ý là đơn giá hạt điều Việt Nam cũng đạt mức cao tại thị trường này, lên tới 9.094 USD/tấn vào năm 2017, cao gấp 4 lần so với đơn giá 2.242 USD của nguồn cung ứng lớn thứ nhì là Philippines. Trong khi đó, đơn giá cao nhất thị trường thuộc về nguồn cung ứng Chile (21.125 USD) và Đức (19.750 USD) nhưng khối lượng nhập khẩu chỉ vài chục tấn.

Úc cũng nhập khẩu một lượng nhỏ trái cây đông lạnh của Việt Nam, chiếm thị phần 5% tại Úc. Năm 2017, trị giá nhập khẩu sản phẩm trái cây đông lạnh từ Việt Nam đạt khoảng 7,23 triệu USD, giảm 19% so với năm trước đó. Việc nhập khẩu trái cây đông lạnh của Việt Nam cũng có xu hướng tăng đều đặn, khi tốc độ tăng trưởng hàng năm lên tới 19% trong thời kỳ 5 năm 2013-2017.

Việc mở cửa thị trường gần đây cho một số loại trái cây của Việt Nam như vải, xoài, thanh long... đã mở ra cơ hội cho các loại trái cây khác thâm nhập thị trường Úc, giúp gia tăng xuất khẩu các sản phẩm thuộc nhóm hàng này trong tương lai sắp tới.

## **7. Quần áo, không dệt kim hoặc móc (HS 62) và dệt kim hoặc móc (HS 61)**

Úc là một trong ba thị trường nhập khẩu dệt may lớn nhất trong khối các nước thành viên CPTPP. Tiềm năng phát triển xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam vào khối CPTPP nói chung và thị trường Úc nói riêng là rất lớn. Tuy nhiên, Úc cũng là một trong những thị trường nhập khẩu khó tính, đòi hỏi thời gian giao hàng phải chính xác, giá cạnh tranh, có sự minh bạch, đảm bảo yếu tố môi trường... trong sản xuất sản phẩm. Do vậy, các doanh nghiệp cần có chiến lược phát triển phù hợp để tận dụng được các ưu đãi từ Hiệp định CPTPP mang lại cũng như một số FTA khác mà Việt Nam đã ký kết và chuẩn bị có hiệu lực.

## ➤ Úc là thị trường dệt may tiềm năng của Việt Nam

Tiềm năng phát triển xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam vào thị trường các nước tham gia Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) nói chung và thị trường Úc nói riêng là rất lớn.

Theo Hiệp hội dệt may Việt Nam, kim ngạch nhập khẩu hàng dệt may năm 2017 của khối CPTPP đạt trên 53 tỷ USD, trong đó Úc là thị trường nhập khẩu dệt may lớn thứ 3 với kim ngạch trên 6,2 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 11,67%. Riêng kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam năm 2017 vào khối CPTPP đạt trên 4,8 tỷ USD, chiếm 9,07% thị phần.

Năm 2017, Úc nhập khẩu khoảng 9,32 tỷ USD các sản phẩm dệt may từ thế giới, nhưng mới chỉ nhập khẩu từ Việt Nam khoảng 173 triệu USD (chiếm khoảng 1,9% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng dệt may của Úc). Mặc dù tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu dệt may sang thị trường Úc hiện đang dưới 10% nhưng sự ra đời của Hiệp định CPTPP sẽ giúp cho Úc trở thành thị trường hết sức tiềm năng cho các sản phẩm dệt may của Việt Nam do thị trường còn nhiều dư địa để mở rộng.

Theo cam kết trong Hiệp định CPTPP, Úc sẽ:

- Giảm thuế nhập khẩu về 5% ngay trong 3 năm đầu tiên khi Hiệp định có hiệu lực;
- Giảm thuế nhập khẩu về 0% từ năm thứ tư kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực đối với hầu hết các sản phẩm thuộc nhóm HS6203, HS6204, HS6206;
- Đối với nhiều sản phẩm thuộc nhóm HS6205, thuế nhập khẩu sẽ về 0% ngay từ năm đầu tiên Hiệp định có hiệu lực;

Trong khi đó, mức thuế nhập khẩu MFN đối với các sản phẩm này là 10%. Lộ trình giảm thuế đối với các sản phẩm trong nhóm HS6104, 6108, 6109, 6110, 6114 cũng tương tự như vậy, sẽ về 0% hoàn toàn vào năm thứ tư. Đối với các mặt hàng thuộc nhóm HS6302

và 6307 sẽ về 0% từ năm đầu tiên Hiệp định có hiệu lực (thuế MFN là 5%).

➤ **Các mặt hàng may mặc xuất khẩu chính**

		<b>2017</b> <i>(triệu USD)</i>	<b>Tăng trưởng</b> <b>trung bình hàng</b> <b>năm 2013-2017</b>	<b>Tỷ trọng</b> <b>trong nhập</b> <b>khẩu của Úc</b>
<b>62</b>		<b>126,65</b>	<b>17</b>	<b>4</b>
6204	Áo khoác, váy phụ nữ	40,32	15	4
6203	Áo khoác, quần nam	28,68	16	5
6205	Áo sơ mi nam	13,86	5	5

*Nguồn: ITC dựa theo số liệu thống kê UN COMTRADE*

Mặc dù là nước cung ứng lớn thứ 4 trên thị trường Úc, chỉ sau Trung Quốc, Bangladesh và Indonesia, Việt Nam chỉ là 1 nguồn cung cấp nhỏ về hàng may mặc (HS62) cho thị trường Úc với thị phần khiêm nhường 4,1% vào năm 2017. Tuy nhiên triển vọng tăng trưởng xuất khẩu vào thị trường này vẫn rất khả quan khi tốc độ tăng trưởng nhập khẩu hàng may mặc Việt Nam trung bình hàng năm lên tới 17% trong giai đoạn 2013-2017, cao hơn so với mức tăng trưởng chung toàn thị trường là 1%.

Trung Quốc là nguồn cung ứng lớn nhất và đang thống trị thị trường này với thị phần lên tới 66,2% vào năm 2017. Bangladesh, nguồn cung ứng lớn thứ nhì, có thị phần khoảng 7,2%, Indonesia 4,1%, Ấn Độ 3,8%, Ý 2,5% và còn lại các nguồn cung ứng nhỏ khác có thị phần chỉ khoảng 1% mỗi nước. Với kim ngạch đạt được 126,65 triệu USD trong năm 2017, giảm 2% so với năm 2016, Việt Nam đã bị Indonesia vượt qua chiếm lấy vị trí số 3 đã đạt được trong nhiều năm qua.

Các sản phẩm xuất khẩu chính của Việt Nam sang thị trường Úc gồm áo khoác nam nữ, váy, quần dài, áo sơ mi, áo choàng... Nhập khẩu các sản phẩm này đều có chiều hướng tăng nhanh khi đạt tốc độ tăng trưởng hàng năm trong phạm vi từ 15% đến 45% trong suốt giai đoạn 2013-2017, cá biệt các mặt hàng phụ kiện quần áo (HS6217) đạt tốc độ tăng trưởng trung bình cao tới 126% trong suốt giai đoạn vừa nêu.

Áo khoác nữ và váy (HS6204) là sản phẩm hàng đầu với kim ngạch 40,32 triệu USD trong năm 2017, giảm 1% so với năm 2016 và chiếm 4% thị phần nhập khẩu. Việt Nam hiện là nguồn cung ứng lớn thứ 4 tại Úc, chỉ xếp sau Trung Quốc (702, 31 triệu USD, 68,9%), Bangladesh (55,62 triệu, 5,5%) và Ấn Độ (51,18 triệu, 5%). Tuy nhiên xu hướng tăng trưởng tại thị trường này vẫn rất tốt khi đạt mức tăng trưởng trung bình hàng năm lên tới 15% trong suốt giai đoạn 2013-2017, cao thứ nhì chỉ sau Bangladesh (23%).

Kế tiếp là áo khoác và quần dài nam (HS 6203) đạt kim ngạch 28,68 triệu USD, giảm 9% về giá trị so với năm 2016 và chiếm thị phần 4,6%. Triển vọng thị trường về nhóm hàng này cũng rất tốt khi có mức tăng trưởng trung bình hàng năm lên tới 16% trong giai đoạn 2013-2017. Việt Nam cũng là nguồn cung ứng lớn thứ 3 về nhóm hàng này, sau Trung Quốc và Bangladesh. Đáng chú ý là có 2 nguồn cung ứng ASEAN cạnh tranh với Việt Nam trong nhóm hàng này là Indonesia (xếp ngay sau Việt Nam với kim ngạch đạt 23,15 triệu, chiếm thị phần 3,7%) và Campuchia (7,9 triệu, 1,3%), nguồn cung ứng lớn thứ 9, cũng đã đạt mức tăng trưởng kim ngạch khá tốt trong thời kỳ khảo sát.

Áo sơ mi nam (HS6205) đạt kim ngạch 13,86 triệu USD trong năm 2017, giảm 11% so với năm 2016. Với thị phần 5,1%, Việt Nam là nguồn cung ứng lớn thứ 4 thị trường với mức tăng trưởng trung bình hàng năm khá khiêm tốn, khoảng 5% trong giai đoạn 2013-2017. Các đối thủ cạnh tranh chính gồm Trung Quốc (160,28 triệu USD, 58,9%), Bangladesh (36,87 triệu, 13,6%), Indonesia (17 triệu, 6,3%).

Áo sơ mi và áo choàng nữ đạt kim ngạch 9,73 triệu USD trong năm 2017, giảm 5% so với năm trước. Với thị phần 6,9%, Việt Nam là nguồn cung ứng lớn thứ 2 thị trường và là

một trong những nước có mức tăng trưởng trung bình hàng năm cao nhất thị trường Úc, 42% trong giai đoạn 2013-2017.

Đáng chú ý nhất là nhóm hàng phụ kiện may mặc (HS6217) đã có sự tăng trưởng ấn tượng trong giai đoạn 2013-2017 khi đạt mức tăng trưởng trung bình hàng năm rất cao tới 126%. Với thị phần đạt 16% trong năm 2017, Việt Nam là nguồn cung ứng lớn thứ nhì tại đây, sau Trung Quốc (6,38 triệu USD, 54,8%) và đạt kim ngạch gần 1,9 triệu USD, tăng 113% so với năm trước đó.

### 8. Thủy hải sản (HS 03)

		<b>2017</b> <i>(triệu USD)</i>	<b>Tăng trưởng</b> <b>trung bình hàng</b> <b>năm 2013-2017</b>	<b>Tỷ trọng</b> <b>trong nhập</b> <b>khẩu của Úc</b>
	<b><i>Tổng cộng</i></b>	<b><i>112,76</i></b>	<b><i>-2</i></b>	<b><i>13</i></b>
0306	Giáp xác	53,26	-2	25
0304	Fillet cá	52,74	-3	18

*Nguồn: ITC dựa theo số liệu thống kê UN COMTRADE*

Các sản phẩm thủy hải sản Việt Nam đã chiếm tới 13,4% tổng nhập khẩu thủy hải sản của Úc năm 2017, đưa Việt Nam trở thành nguồn cung ứng lớn thứ 3 cho thị trường Úc, chỉ sau Trung Quốc (với thị phần 17,6%) và New Zealand (17%), và xếp trên cả Thái Lan (7,8%), Indonesia (3,9%) và Malaysia (3,4%).

Trong năm 2017, kim ngạch xuất khẩu thủy hải sản của Việt Nam sang Úc đã giảm nhẹ 4% so với năm 2016, đạt 112,76 triệu USD. Trong khi đó, mức tăng trưởng trung bình hàng năm trong suốt thời kỳ 2013-2017 đã cho thấy xu hướng suy giảm trong xuất khẩu



thủy hải sản của Việt Nam sang thị trường Úc khi đạt con số tăng trưởng âm 2%, tương tự xu hướng chung trên thị trường thủy hải sản Úc là tăng trưởng âm 2%/năm.

**Các sản phẩm tôm của Việt Nam** hiện chiếm tỉ trọng khá cao trong tổng nhập khẩu sản phẩm này của Úc, khoảng 24,8%. Kim ngạch nhập khẩu của Úc đối với tôm của các loại của Việt Nam đã tăng 4% về giá trị so với năm 2016 lên đạt mức 53,26 triệu USD trong năm 2017. Nhìn chung, xu hướng nhập khẩu của Úc về các sản phẩm này của Việt Nam đã giảm nhẹ trong suốt thời kỳ 2013-2017, với tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm là -2% về trị giá và +2% về khối lượng.

Sau khi đạt mức cao tới 63,3 triệu USD vào năm 2014, kim ngạch nhập khẩu tôm của các loại của Úc từ Việt Nam đã giảm vào năm sau đó còn 50,86 triệu USD nhưng đã tiếp tục tăng liên tục trong suốt 3 năm gần đây. Trong năm 2017, Việt Nam đã xuất khẩu khoảng 4.656 tấn tôm của trị giá khoảng 53,26 triệu USD sang Úc, tăng 4% về giá trị so với năm 2016.

Hiện nay, Việt Nam đã trở thành nguồn cung ứng lớn nhất về các sản phẩm này và hiện đang cung cấp khoảng 1/4 nhu cầu nhập khẩu của Úc về các sản phẩm cá fillet (tươi, ướp lạnh, đông lạnh) với thị phần đạt 24,8% trong năm 2017. Các nguồn cung ứng lớn khác là Thái Lan (51,32 triệu USD, 23,9%), Trung Quốc (40,75 triệu, 19%) và Malaysia (19,3 triệu, 9%). Với khối lượng xuất khẩu đạt 4.656 tấn trong năm 2017, đơn giá tôm của Việt Nam đã đạt mức 11.439 USD/tấn, thấp thứ 3 trong số 10 nhà cung ứng hàng đầu trên thị trường này, trong đó đơn giá sản phẩm này của Malaysia là 12.305 USD/tấn, Thái Lan 11.251 USD và Trung Quốc 12.061 USD...

Việt Nam là nước cung ứng lớn thứ nhì và hiện đang cung cấp khoảng 1/5 nhu cầu nhập khẩu của Úc về **các sản phẩm cá fillet (tươi, ướp lạnh, đông lạnh)** với thị phần đạt 18,3% trong năm 2017. Việt Nam đã xuất khẩu khoảng 15.277 tấn cá fillet trị giá khoảng 52,74 triệu USD trong năm 2017, giảm 13% so với năm 2016. Nhìn chung trong suốt giai đoạn 2013-2017, xuất khẩu các sản phẩm này đạt con số tăng trưởng âm 3% về giá trị lần

khối lượng. Nhìn chung, đơn giá sản phẩm cá fillet Việt Nam đạt mức thấp nhất trong số các nguồn cung ứng fillet cá cho thị trường này, chỉ đạt 3.452 USD/tấn, trong đó đơn giá sản phẩm tương tự của New Zealand là 4.610 USD/tấn, Na Uy 15.190 USD, Đài Loan (7.346 USD), Indonesia (8.813 USD) và Trung Quốc 4.763 USD.

Nhập khẩu **các sản phẩm nhuyễn thể** từ Việt Nam cũng có xu hướng không biến động gì tại thị trường Úc trong thời kỳ 2013-2017, khi đạt tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm là 0% về trị giá lẫn khối lượng. Tuy nhiên, kim ngạch nhập khẩu năm 2017 đã tăng tới 21% so với năm 2016 khi đạt trị giá 4,63 triệu USD. Các sản phẩm nhuyễn thể của Việt Nam hiện chiếm khoảng 2,8% tổng lượng nhập khẩu mặt hàng này vào Úc, đưa Việt Nam lên thành nguồn cung ứng lớn thứ 7 tại đây. Với khối lượng xuất khẩu đạt 897 tấn vào năm 2017, đơn giá sản phẩm Việt Nam thuộc loại thấp nhất trong số 10 nước cung ứng hàng đầu, khi chỉ đạt mức 5.163 USD/tấn so với 7.031 USD của Trung Quốc, 7.451 USD của Thái Lan, 5.809 USD của Indonesia và 5.211 USD của Malaysia.

### 9. Hàng may mặc, dệt kim hoặc móc (HS61)

		<b>2017</b> <i>(triệu USD)</i>	<b>Tăng trưởng</b> <b>trung bình hàng</b> <b>năm 2013-2017</b>	<b>Tỷ trọng</b> <b>trong nhập</b> <b>khẩu của Úc</b>
61		85,42	26	3
6109	Áo thun, áo lót...	17,25	24	2
6105	Áo sơ mi nam	12,3	29	9
6104	Bộ vét, áo khoác, váy, quần... cho nữ	11,47	22	3

6110	Áo bó, áo chui đầu, gi-lê...	10,86	5	2
------	------------------------------	-------	---	---

*Nguồn: ITC dựa theo số liệu thống kê UN COMTRADE*

Đây là nhóm hàng có mức tăng trưởng khá cao trong suốt giai đoạn 5 năm 2013-2017, đạt tốc độ trung bình hàng năm lên tới 26% so với mức tăng trưởng chung toàn thị trường là 2%. Đây là mức tăng cao thứ nhì trong số các nguồn cung ứng cho thị trường này, chỉ sau Indonesia (33%). Kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng quần áo này từ Việt Nam đã trải qua sự tăng trưởng liên tục và mạnh mẽ, từ mức khiêm nhường khoảng 12,28 triệu USD vào năm 2010 lên đạt mức 51,08 triệu USD trong năm 2014, và khoảng 85,42 triệu USD vào năm 2017. Dù vậy, thị phần nhóm hàng may mặc này của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Úc vẫn còn rất thấp, chỉ khoảng 2,8%. Trung Quốc là nguồn cung ứng lớn nhất với thị phần áp đảo 66,1% trong khi Việt Nam là nguồn cung ứng lớn thứ 3, xếp ngay sau Bangladesh (11,3%), Campuchia và Indonesia (cùng nắm thị phần 2,6% mỗi nước) cũng là 2 nguồn cung ứng ASEAN chính cho thị trường Úc.

**Các sản phẩm áo thun, áo lót ... (HS6109)** đạt kim ngạch cao nhất trong nhóm hàng may mặc này với trị giá 17,25 triệu USD trong năm 2017, tăng 13% so với năm 2016 và chiếm thị phần 12,5% trong tổng nhập khẩu của Úc. Triển vọng thị trường cho nhóm sản phẩm này vẫn tốt khi tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm đạt mức cao 24% về giá trị và 29% về khối lượng trong suốt thời kỳ 2013-2017. Việt Nam hiện là nguồn cung ứng lớn thứ 6, xếp sau cả Campuchia trong khi Trung Quốc (52,2%), Bangladesh (23,2%), Ấn Độ (4,4%), Indonesia (3,2%) và Campuchia (2,6%) là 5 nguồn cung ứng lớn nhất. Đáng lưu ý là sự nổi lên mạnh mẽ của nguồn cung ứng lớn thứ 4 là Indonesia khi đạt tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm cao nhất thị trường Úc trong giai đoạn khảo sát 2013-2017, đạt mức 54%.

**Áo sơ mi nam (HS6105)** của Việt Nam chiếm thị phần 9,2% tại thị trường nhập khẩu Úc trong năm 2017. Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm từ Việt Nam đã đạt mức 12,3 triệu USD

trong năm 2017, tăng 50% so với năm 2016. Tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm của nhóm sản phẩm này tại Úc vẫn còn rất cao, lên tới 29% trong giai đoạn 2013-2017, cho thấy tiềm năng mở rộng thị trường vẫn còn rất lớn. Trung Quốc và Bangladesh vẫn là 2 nguồn cung ứng hàng đầu với thị phần lần lượt 62,3% và 10,9%. Việt Nam là nguồn cung lớn thứ 3 nhưng có đơn giá (10 USD/đơn vị) cao hơn 1,88 lần so với Trung Quốc (5,32 USD) và 2,8 lần so với Bangladesh (3,57 USD).

Trong suốt thời kỳ 5 năm 2013-2017, **các bộ vét, áo khoác, váy, quần... cho nữ (HS6104)** đã vươn lên thành các sản phẩm xuất khẩu lớn thứ 3 của nhóm hàng HS61. Kim ngạch nhập khẩu sản phẩm này của Úc từ Việt Nam đạt 11,47 triệu USD trong năm 2017, tăng 4% so với mức đạt được vào năm 2016, cho thấy triển vọng vẫn còn sáng sủa tại thị trường Úc. Trung Quốc tiếp tục là nguồn cung ứng lớn nhất với thị phần khổng lồ 67,3%, cao hơn rất nhiều so với nguồn cung ứng kế tiếp là Bangladesh (6,5%). Việt Nam đã tụt xuống vị trí số 5 trong năm 2017 từ vị trí thứ 3 trong những năm trước đó, với thị phần khiêm tốn 2,9%, hơi cao hơn mức 2,5% của Campuchia. Tuy nhiên, đơn giá sản phẩm Việt Nam đạt mức 9,28 USD, cao hơn nhiều so với 5 nguồn cung ứng chính là Trung Quốc (5,25 USD), Bangladesh (2,65 USD), Indonesia (3,24 USD) và Ấn Độ (2,18 USD).

**Áo bó, áo chui đầu, gi-lê... (HS6110)** chỉ chiếm thị phần khá nhỏ tại thị trường Úc, khoảng 2% và đạt kim ngạch 10,86 triệu USD trong năm 2017, tăng 5% so với năm 2016. Tuy nhiên, xu hướng tăng trưởng vẫn còn triển vọng tuy không lớn lắm cho các sản phẩm này khi tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm đạt mức khá khiêm nhường 5% trong giai đoạn 2013-2017. Việt Nam là nguồn cung ứng lớn thứ 5 trong khi Trung Quốc, nguồn cung ứng lớn nhất, chiếm thị phần áp đảo 72,3%, kế tiếp là Bangladesh (8,9%), Ý (2,5%) và Campuchia (2,5%). Đơn giá các sản phẩm Việt Nam đạt 11 USD, cao hơn đơn giá trung bình của thị trường là 8,02 USD, Trung Quốc (7,97 USD) Bangladesh (4,71 USD) và Campuchia (6,58 USD).



Các sản phẩm may mặc khác có kim ngạch đáng kể khác gồm: quần vớ, vớ dài (HS6115): 6 triệu USD; bộ vét, áo khoác, quần... cho nam (HS6103): 4,75 triệu USD; các loại quần áo chuyên dụng (HS6114): 5,97 triệu USD; bộ vét nam, áo khoác... (HS6103): 4,75 triệu USD; quần lót, đồ ngủ... cho nam (HS6107): 4 triệu USD...

### ➤ Nhập khẩu của Việt Nam từ Úc

Nhập khẩu hàng hóa của Úc gia tăng đều đặn trong những năm qua, với tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm lên tới 11% trong suốt thời kỳ 5 năm 2013-2017. Tổng trị giá nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường Úc đã tăng mạnh trong năm 2017 từ mức chỉ trên 2 tỷ USD vào năm 2013 lên đạt khoảng 3,47 tỷ USD, tăng 24,15% so với năm 2016. Tuy nhiên khối lượng hàng hóa này chỉ chiếm tỷ trọng khoảng 2% trong tổng trị xuất khẩu của Úc trong năm 2017. Do vậy, Việt Nam chỉ là thị trường nhập khẩu lớn thứ 12 về các loại hàng hóa của Úc.

Hàng hóa nhập khẩu từ Úc chủ yếu bao gồm nhiên liệu khoáng, hải sản, ngũ cốc, kim loại (nhôm, sắt thép, đồng, chì, kẽm...), động vật sống, bông vải, dược phẩm, tarli cây, rau củ, thức uống, thực phẩm, thịt, các sản phẩm sữa...

### Các sản phẩm nhập khẩu của Việt Nam từ Úc, 2013-2017 (triệu USD)

	(ĐVT: triệu USD)	2013	2014	2015	2016	2017
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.038,98</b>	<b>2.763,98</b>	<b>2.558,82</b>	<b>2.797,7</b>	<b>3.473,41</b>
27	Nhiên liệu khoáng	68,17	84,99	119,93	282,25	536,83
10	Ngũ cốc	451,7	402,37	334,86	334,76	420,60



03	Thủy hải sản	377,7	598,34	552,75	492,52	384,74
76	Nhôm	50,80	220,39	213,78	203,06	303,11
52	Bông vải	77,88	158,93	86,35	175,56	282,49
01	Động vật sống	50,32	173,77	270,65	165,08	180,94
72	Sắt thép	156,67	181,81	81,54	90,88	171,97
74	Đồng	62,09	94,25	99,77	120,06	127,50
79	Kẽm	36,07	48,48	38,01	77,81	123,05
26	Quặng xỉ tro	20,47	28,12	16,54	39,35	119,17
08	Trái cây, hạt	31,11	42,16	14,97	71,65	91,51
11	Mạch nha	64,85	67,52	60,94	64,69	74,28
39	Nhựa	19,56	43,25	46,34	57,71	69,97
78	Chì	99,69	73,08	65,87	41,82	67,97
84	Máy móc – thiết bị	31,48	47,06	57,05	40,68	49,45
85	Máy móc, thiết bị và phụ tùng điện	10,03	12,17	15,94	22,70	47,37
02	Thịt	39,39	41,22	37,43	45,08	45,08

30	Dược phẩm	58,73	60,6	63,19	35,54	37,10
07	Rau củ	7,71	8,84	31,15	36,81	36,22
32	Hóa chất dệt nhuộm, thuộc da...	26,15	24,67	19,89	26,18	35,58

*Nguồn: ITC dựa theo số liệu thống kê UN COMTRADE*

Trong năm 2017, sản phẩm nhập khẩu lớn nhất từ Úc là nhiên liệu khoáng với trị giá khoảng 536,83 triệu USD, trong đó đại bộ phận là than đá (429,3 triệu USD), kế đến là xăng dầu (75,4 triệu USD) và khí đốt (25,12 triệu USD). Nhập khẩu than của Úc có xu hướng tăng mạnh mẽ trong suốt thời kỳ 2013-2017 khi tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm lên tới 70%.

Ngũ cốc các loại là sản phẩm nhập khẩu lớn thứ nhì trị giá lên tới 420,6 triệu USD, chiếm 6% tổng xuất khẩu ngũ cốc của Úc năm 2017, trong đó chủ yếu là lúa mì (418,53 triệu USD), còn lại là lúa mạch (1,88 triệu USD). Việc nhập khẩu lúa mì Úc có xu hướng giảm nhẹ khi tốc độ tăng trưởng hàng năm chỉ là -3% trong thời kỳ 5 năm 2013-2017.

Cùng xu hướng giảm nhẹ về nhập khẩu là thủy hải sản, khi tốc độ tăng trưởng trong thời kỳ khảo sát chỉ là -2%. Tuy vậy, Việt Nam chính là khách hàng lớn nhất về thủy hải sản của Úc khi chiếm tỷ trọng lên tới 36% trong tổng xuất khẩu thủy hải sản của Úc năm 2017.

Đối với bông vải, Việt Nam cũng chính là khách hàng nhập khẩu lớn thứ nhì của Úc, chỉ sau Bangladesh với kim ngạch nhập khẩu lên đến 282,5 triệu USD, chiếm 18% tổng xuất khẩu bông vải của Úc năm 2017. Nhập khẩu bông vải Úc đang có xu hướng tăng trưởng đều đặn đạt tốc độ trung bình hàng năm 31% trong giai đoạn 2013-2017.

Mặt hàng nhôm đã cho thấy xu hướng tăng trưởng nhanh trong nhập khẩu với tốc độ đạt

42% trong giai đoạn 2013-2017, và trở thành khách hàng lớn thứ 3 của Úc, chiếm tỷ trọng 10% trong xuất khẩu nhôm của Úc.

Một sản phẩm khác có tốc độ tăng trưởng đáng chú ý trong giai đoạn 2013-2017 là rau củ. Mặc dù kim ngạch nhập khẩu còn khá nhỏ, chỉ khoảng 36,22 triệu USD nhưng tốc độ tăng trưởng khá nhanh, lên tới 57% trong thời kỳ khảo sát.

### Nhập khẩu từ Úc năm 2017

		2017 (triệu USD)	Tăng trưởng hàng năm 2013-2017, %	Thị phần trong xuất khẩu của Úc, %
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.473,414</b>	<b>11</b>	<b>2</b>
27	Nhiên liệu khoáng	536,83	70	1
10	Ngũ cốc	420,60	-3	6
03	Thủy hải sản	384,74	-2	36
76	Nhôm	303,11	42	10
52	Bông vải	282,5	31	18
01	Động vật sống	180,94	29	15
72	Sắt thép	171,97	-5	14
74	Đồng	127,50	18	5

79	Kẽm	123,05	34	10
26	Quặng xỉ tro	119,17	47	0
08	Trái cây, hạt	91,51	31	6
11	Mạch nha	74,28	2	12
39	Nhựa	69,98	33	8
78	Chì	67,97	-12	7
84	Máy móc – thiết bị	49,45	8	1
85	Máy móc, thiết bị và phụ tùng điện	47,37	45	2
02	Thịt	45,08	4	0
30	Dược phẩm	37,10	-14	1
07	Rau củ	36,22	57	1
32	Hóa chất dệt nhuộm, thuộc da...	35,58	7	5

### Tiềm năng và cơ hội cho các nhà đầu tư hai nước

Mặc dù kết quả hoạt động thương mại, đầu tư song phương đã đạt được những kết quả to lớn, nhưng quan hệ kinh tế còn chưa thực sự tương xứng với tiềm năng, thế mạnh sẵn có cũng như mong muốn của Chính phủ và nhân dân hai nước.

Qua phân tích tổng quan về điều kiện tự nhiên, chính trị, kinh tế, xã hội của Úc, có thể thấy, tiềm năng đầu tư tại Úc là rất lớn. Úc là quốc gia rất giàu tài nguyên khoáng sản với nhiều lợi thế phát triển lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Hơn nữa, Việt Nam và Úc vốn có mối quan hệ hợp tác chặt chẽ trong nhiều lĩnh vực.

Việt Nam và Úc cùng nằm trong khu vực Châu Á–Thái Bình Dương đầy tiềm năng và đều mong muốn tăng cường mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác lâu dài trên nhiều lĩnh vực. Quan hệ hai nước đã có bước phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây. Biểu hiện sinh động của chiều hướng tốt đẹp đó là sự hợp tác trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, thương mại, đầu tư, viện trợ phát triển văn hoá, giáo dục đào tạo.

Không chỉ trong khuôn khổ song phương, sự hợp tác giữa hai nước còn phát triển mạnh mẽ trong khuôn khổ đa phương. Là nước điều phối quan hệ giữa ASEAN– Úc, Việt Nam luôn ủng hộ Úc- nước có vị trí địa lý gần gũi, quan hệ hợp tác phát triển lâu đời với ASEAN và là nước có vị trí quan trọng trong khu vực và thế giới, được tham gia sâu rộng hơn vào tiến trình hội nhập khu vực Đông Á.

### **Các hiệp định song phương**

Chính phủ hai nước đặc biệt chú trọng thúc đẩy hoạt động đầu tư thương mại song phương qua việc đàm phán ký kết nhiều hiệp định hợp tác, biên bản ghi nhớ quan trọng để tạo khuôn khổ hành lang pháp lý thuận lợi cho doanh nghiệp hai nước tìm hiểu cơ hội hợp tác đầu tư kinh doanh. Đây chính là cơ sở pháp lý quan trọng trong việc khuyến khích cũng như bảo hộ cho các nhà đầu tư Việt Nam khi tiến hành hoạt động đầu tư kinh doanh tại Úc.

Có thể điểm qua một số thỏa thuận, hiệp định quan trọng đã được ký kết như sau:

- Trong khuôn khổ APEC, hai nước có quan hệ hợp tác chặt chẽ, nhất là phối hợp để Việt Nam chủ trì tổ chức các hội nghị của APEC 2006. Về WTO, hai bên đã ký văn



bản chính thức kết thúc đàm phán ngày 02/3/2006.

- Hiệp định về Buru chính (10/1979);
- Hiệp định Thương mại và Hợp tác kinh tế (6/1990);
- Hiệp định Thúc đẩy và Bảo hộ Đầu tư lẫn nhau (3/1991);
- Hiệp định Tránh đánh thuế hai lần (4/1992 và được bổ sung, sửa đổi tháng 11/1996);
- Hiệp định về Dịch vụ Hàng không (7/1995);
- Hiệp định Lãnh sự (7/2003);
- Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại Tự do ASEAN- Úc-New Zealand (AANZFTA) được ký kết ngày 27 tháng 2 năm 2009 tại Thái Lan;
- Hiệp định Dẫn độ giữa Việt Nam và Úc: 4/2012.

#### **Một số thỏa thuận hợp tác quan trọng khác:**

- Hợp tác Phát triển (5/1993)
- Hợp tác trong lĩnh vực Sở hữu trí tuệ: 9 /1995;
- Trợ giúp Pháp luật (2/1997)
- Hợp tác Khoa học và Công nghệ (9/1992)
- MOU về Hợp tác trong lĩnh vực Sở hữu trí tuệ (9/1995)
- Hợp tác về Môi trường (1997)
- Hợp tác Thể thao (1999)
- Hợp tác Giáo dục (4/1999)

- Tuyên bố chung về việc Hợp tác Đấu tranh chống Nhập cư bất hợp pháp và buôn bán phụ nữ, trẻ em (9/2000)
- Bản Ghi nhớ về việc nhận trở lại công dân Việt Nam bị trục xuất do vi phạm pháp luật Úc (6/2001)
- Hợp tác về vấn đề nhập cư (2001)
- Hợp tác về các Dịch vụ Xã hội (2002)
- Hợp tác phòng chống tội phạm xuyên quốc gia: 3/2006;
- Hợp tác giao thông vận tải (3/2007).
- Hợp tác về giáo dục đào tạo: 2/2008;
- Thỏa thuận đối tác giữa Quốc hội Việt Nam và Hạ viện Úc: 3/2008;
- Hợp tác trao đổi thông tin xuất nhập cảnh: 1/2009.

### **Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Úc - New Zealand và cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam**

Hiệp định thành lập Khu vực thương mại tự do ASEAN - Úc - New Zealand (AANZFTA) được ký kết ngày 27/2/2009 tại Thái Lan và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 1/1/2010. Hiệp định này thực hiện mục tiêu hội nhập 12 thị trường nhỏ thành một thị trường lớn với khoảng 620 triệu dân và tổng GDP lên tới 2,75 nghìn tỷ USD.

Hiệp định AANZFTA có vai trò rất quan trọng trong việc thúc đẩy quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư giữa ASEAN và Úc, New Zealand vì đây là hiệp định đa phương đầu tiên giữa ASEAN với Úc. Đây cũng là hiệp định khu vực - khu vực đầu tiên của ASEAN và là hiệp định thương mại đầu tiên có Úc và New Zealand cùng tham gia đàm phán.

AANZFTA cũng là hiệp định đầu tiên có mức độ cam kết toàn diện mà ASEAN đàm phán và ký kết với một đối tác ngoài khối. Hiệp định bao gồm các cam kết về thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, thương mại điện tử, di chuyển thể nhân, đầu tư, hợp tác kinh tế, cơ chế giải quyết tranh chấp và các điều khoản cụ thể về thủ tục hải quan, các biện pháp vệ sinh dịch tễ, tiêu chuẩn kỹ thuật, quyền sở hữu trí tuệ và cạnh tranh.

Theo Hiệp định AANZFTA, ASEAN, Úc và New Zealand cam kết từng bước tự do hóa thuế quan kể từ ngày hiệp định có hiệu lực và xóa bỏ ít nhất 90% thuế suất của tất cả các dòng thuế trong khung thời gian cụ thể.

Đối với thương mại dịch vụ, các bên thống nhất sẽ từng bước tự do hóa các rào cản thương mại dịch vụ và cho phép nhà cung cấp dịch vụ tiếp cận thị trường thuận lợi hơn. Đặc biệt, đây là hiệp định đầu tiên ASEAN cam kết tạo thuận lợi cho việc di chuyển của các thể nhân tham gia các hoạt động thương mại và đầu tư trong khu vực.

Hiệp định này cũng đưa ra các quy định tiên bộ như đối xử trong đầu tư, đền bù cho người thiệt hại, chuyển giao lợi nhuận và vốn, chuyển giao quyền hoặc yêu cầu đầu tư. Một nội dung quan trọng mà ASEAN thống nhất được với Úc và New Zealand là tạo thuận lợi cho dòng luân chuyển hàng hóa thông qua việc áp dụng các điều khoản cụ thể về quy tắc xuất xứ, thủ tục hải quan, các biện pháp SPS, tiêu chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá hợp chuẩn. Đây là cam kết rất có ý nghĩa vì Úc và New Zealand nằm trong số các quốc gia có yêu cầu về SPS và tiêu chuẩn kỹ thuật chặt chẽ nhất trên thế giới.

Nội dung quan trọng nhất của Hiệp định AANZFTA là cam kết cắt giảm thuế quan. Cụ thể, các nước tham gia cam kết theo bốn nhóm bao gồm:

- Úc, New Zealand
- ASEAN 6
- Việt Nam

- CLM.

Từng nước ASEAN và Úc, New Zealand đều đưa ra biểu cam kết của mình, gồm hai danh mục là danh mục cắt giảm thuế quan và danh mục nhạy cảm. Về phạm vi, tỷ lệ danh mục cắt giảm thuế quan và danh mục nhạy cảm (NT/ST) là 90/10, trong 10% số dòng thuế thuộc danh mục nhạy cảm thì 6% thuộc Lộ trình nhạy cảm (ST1) và 4% thuộc Lộ trình nhạy cảm cao (ST2). Trong 4% số dòng thuế thuộc ST2 có 1% được loại trừ khỏi nghĩa vụ cắt giảm/xoá bỏ thuế quan.

Trên thực tế, các nước Úc, New Zealand và ASEAN 6 đã cam kết số dòng thuế thuộc danh mục NT lớn hơn mức 90% (96-98%).

Đối với Việt Nam, danh mục NT chiếm 90% số dòng thuế, trong đó 85% số dòng thuế sẽ xóa bỏ thuế quan vào năm 2018 và 5% số dòng thuế còn lại sẽ xóa bỏ thuế quan vào năm 2020.

Các mặt hàng thuộc Lộ trình nhạy cảm (ST1) của Việt Nam sẽ được giảm thuế dần dần xuống mức thuế suất cuối cùng 5% vào năm 2022, bao gồm hải sản, thịt cá đóng hộp, một số loại dược phẩm, khí dầu mỏ, nhựa nguyên liệu, sắt thép, một số loại sắt thép, sản phẩm sắt thép, phụ tùng, động cơ ô tô, xe máy, ô tô trọng tải lớn, xe chuyên dụng, xe máy phân khối lớn.

Các mặt hàng thuộc Lộ trình nhạy cảm cao (ST2) của Việt Nam sẽ được duy trì mức thuế suất cao, bao gồm thịt gà, hoa quả (cam, quýt), rượu bia, thuốc lá điếu, đường, sắt thép, ô tô chở người, xe tải dưới 10 tấn, tàu thuyền đánh bắt thủy sản.

Ngoài ra, Việt Nam cũng đã cam kết xóa bỏ thuế quan vào năm 2016 cho một số sản phẩm mà Úc và New Zealand đặc biệt quan tâm như thịt bò, thịt cừu, sữa nguyên liệu, sản phẩm sữa, gỗ ván dăm.

## **Cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam**

Chính phủ Úc và Việt Nam sẽ tiếp tục đẩy nhanh hơn nữa việc hoàn thiện thể chế và cải cách các thủ tục hành chính để tạo môi trường thông thoáng, minh bạch, thuận lợi cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp của Úc; đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam sang đầu tư và kinh doanh ở Úc.

Nhờ đó, các doanh nghiệp Việt Nam có nhiều thuận lợi khi xâm nhập vào thị trường Úc do hai nước có mối quan hệ chính trị tốt đẹp. Hơn nữa, thu nhập bình quân đầu người của người dân Úc rất cao, trong khi sản xuất trong nước còn chưa đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng đa dạng và sức mua rất lớn.

Đặc biệt, có rất nhiều sản phẩm mà Úc có nhu cầu lớn và có thể đầu tư hiệu quả như khai thác khoáng sản, lâm sản, chế biến nông, lâm, thủy sản, chế biến thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây ăn trái, nuôi trồng thủy sản, đóng tàu, viễn thông, du lịch, các nhà hàng phục vụ món ăn Việt Nam, thủy sản, nhiệt điện...

Bên cạnh đó, môi trường đầu tư, kinh doanh ở Úc cũng khá thuận lợi. Tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức và được sử dụng trong giới công chức, doanh nghiệp. Vì vậy, đây là cơ hội rất khả quan cho các nhà đầu tư Việt Nam.

Đặc biệt, doanh nghiệp Việt Nam có thể đầu tư vào nhiều lĩnh vực được Chính phủ Úc rất khuyến khích, bao gồm:

- Năng lượng, khai khoáng;
- Tài nguyên thiên nhiên kể cả quản lý tài nguyên, lâm nghiệp, ngư nghiệp, chăn nuôi, trồng trọt;
- Phát triển hạ tầng cơ sở;
- Nông nghiệp và chế biến thực phẩm;
- Vận tải;



- Công nghiệp nhẹ kể cả vải sợi, quần áo, giày dép, len, bông, da và chế biến da;
- Thông tin viễn thông;
- Ngân hàng và tài chính;
- Du lịch.

Các chuyên gia cho rằng, năm 2018, Úc sẽ tiếp tục cắt giảm 90% các loại thuế nhập khẩu hàng hóa từ các đối tác của Hiệp định AANZFTA, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam sang Úc sẽ có cơ hội tăng trưởng mạnh hơn.

Theo phân tích của đại diện thương mại - Thương vụ Việt Nam tại thị trường Úc, xuất khẩu hàng hóa vào Úc không mang lại giá trị kim ngạch cao nếu so sánh với những thị trường lớn của nước ta như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản... nhưng lại mang ý nghĩa đặc biệt bởi Úc được đánh giá là quốc gia có tiêu chuẩn cao nhất thế giới. Hàng hóa vào được Úc sẽ có cơ hội rất cao vào được các quốc gia khác.

Cùng với cơ hội, Úc cũng là thị trường có những quy định rất chặt chẽ, khắt khe về an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn kỹ thuật và uy tín hàng hóa. Do đó, các doanh nghiệp xuất khẩu cần đặc biệt lưu ý để nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm hàng hóa xuất khẩu, đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật đúng với yêu cầu của thị trường mới có thể tận dụng cơ hội xuất khẩu bền vững vào thị trường Úc.

## Chương 5: Các quy định thương mại, hải quan và các tiêu chuẩn

### Thuế hải quan

Thuế hải quan thường được áp dụng đối với tổng trị giá hải quan hàng hoá, dựa trên giá trị FOB tại cảng xuất khẩu ở nước ngoài (đa số các trường hợp bao gồm cả cước phí vận chuyển hàng hóa nội địa ở nước ngoài). Giá trị hải quan được xác định theo luật hải quan Úc và có thể không giống như giá bán hàng hoá. Thuế hải quan phải nộp tại thời điểm hàng hoá nhập vào Úc. Thời điểm này có thể là ngày hàng hóa thông qua biên giới hoặc là ngày hàng hóa được rút ra khỏi kho ngoại quan.

Đạo luật Hải quan quy định việc nhập khẩu hàng hóa vào nước Úc và hoạt động xuất khẩu của Úc. Phần VIII qui định việc thanh toán và tính toán thuế phải nộp đối với hàng hoá. Hai yếu tố liên quan trong việc tính toán số tiền thuế phải nộp là quốc gia xuất xứ và giá trị của hàng hóa.

Nói chung, mức thuế phải nộp đối với hầu hết các loại hàng hóa là 5%, bao gồm cả xe ô tô và phụ tùng. Hàng dệt, quần áo và giày dép nói chung chịu mức thuế suất 10%. Khoản thuế hải quan phải nộp đối với hàng hoá nhập khẩu có thể được giảm thông qua áp dụng các lệnh ưu đãi thuế quan khác nhau (TCO), các quy định địa phương, hay các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA).

Việc áp dụng những qui chế ưu đãi này phụ thuộc vào nhiều yếu tố liên quan đến bản chất của hàng hóa và mục đích nhập khẩu hàng hoá.

Các nhà nhập khẩu nên tìm hiểu xem liệu đã có TCO hay không để được phép nhập khẩu miễn thuế hàng hoá. Nói chung, nếu chưa có TCO, các nhà nhập khẩu có thể nộp đơn xin TCO nếu có thể chứng minh được rằng hàng hóa nhập khẩu không được sản xuất tại Úc và không có loại tương đương có thể thay thế được sản xuất tại Úc.

Ngoài ra, AusIndustry quản lý một chương trình được gọi là các dự án nâng cao (Qui định 71), cho phép nhập khẩu miễn thuế hàng hoá cho các dự án công trình thuộc tài sản vốn (trong lĩnh vực hội đủ điều kiện) với chi phí vốn hơn 10 triệu USD, miễn là đáp ứng được một số tiêu chí nhất định. Chương trình này thường được sử dụng bởi các công ty trong các ngành khai thác tài nguyên và sản xuất. Để có được những ưu đãi của chương trình này, các ứng viên phải chứng minh được rằng các hoạt động mua sắm này cung cấp một cơ hội, đầy đủ, công bằng và hợp lý cho các công ty Úc đấu thầu cung cấp hàng hóa và dịch vụ cho dự án.

Úc hiện đang có một số hiệp định thương mại tự do đã có hiệu lực và đang trong tiến trình đàm phán. Gần đây nhất, Hiệp định Thương mại tự do ASEAN-Úc-New Zealand (AANZFTA) có hiệu lực vào ngày 01/01/2010.

AANZFTA là một hiệp định thương mại tự do toàn diện bao trùm tất cả các lĩnh vực hoạt động kinh tế giữa các quốc gia thành viên, cụ thể gồm:

- Thương mại hàng hoá và dịch vụ
- Đầu tư
- Sở hữu trí tuệ
- Thương mại điện tử
- Di chuyển tạm thời của những doanh nhân
- Hợp tác kinh tế

Hiệp định này đem lại nhiều lợi ích đáng kể cho các doanh nghiệp Úc kinh doanh tại Đông Nam Á qua việc loại bỏ triệt để mọi rào cản đối với thương mại hàng hoá, dịch vụ và đầu tư dưới mọi hình thức. Dưới đây là danh sách các thỏa thuận thương mại tự do hiện có của Úc và các hiệp định thương mại tự do đang trong tiến trình đàm phán. Xem

thêm thông tin trên trang web của Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc.

### Các FTA của Úc hiện có

- ASEAN (AANZFTA)
- Trung Quốc
- Nhật Bản
- Hàn Quốc
- Malaysia
- Singapore (SAFTA)
- Thái Lan (TAFTA)
- Hoa Kỳ (AUSFTA)
- Quan hệ kinh tế chặt chẽ hơn giữa Úc và New Zealand (ANZCERTA): là công cụ chính điều chỉnh quan hệ kinh tế giữa Úc và New Zealand. Đây là một thỏa thuận toàn diện, quy định rằng tất cả trao đổi thương mại và dịch vụ song phương có nguồn gốc từ hai nước đều không bị đánh thuế nhập khẩu lẫn hạn chế định lượng, tránh được các biện pháp chống bán phá giá, trợ cấp sản xuất và các biện pháp tương tự.
- Chile (ACFTA).
- Hiệp định Thái Bình Dương về các mối quan hệ kinh tế chặt chẽ hơn (PACER)

Úc là một thành viên tích cực trong WTO, thường xuyên có các đệ trình tại các vòng đàm phán thương mại. Úc là thành viên chủ chốt của Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và đóng vai trò chủ đạo trong việc thúc đẩy tự do hóa thương mại giữa các nền kinh tế thành viên. Úc xuất khẩu khoảng 76% hàng hóa và dịch vụ của mình

sang các nền kinh tế APEC. Úc cũng là một thành viên hàng đầu của Nhóm Cairns gồm 19 quốc gia xuất khẩu nông nghiệp.

Ngày 17/10, Thượng viện Úc chính thức phê chuẩn Hiệp định đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Với quyết định này, Úc trở thành quốc gia thứ 4 phê chuẩn hiệp định, tăng triển vọng đưa hiệp định có hiệu lực từ đầu năm 2019. CPTPP được coi là một hiệp định thương mại tự do tiêu chuẩn cao, không chỉ đề cập tới các lĩnh vực truyền thống như cắt giảm thuế quan đối với hàng hóa, mở cửa thị trường dịch vụ, sở hữu trí tuệ, hàng rào kỹ thuật liên quan đến thương mại, mà còn xử lý những vấn đề mới, phi truyền thống như lao động, môi trường, mua sắm của Chính phủ, doanh nghiệp Nhà nước...

### **Thuế hàng hóa và dịch vụ (GST)**

Nhà nhập khẩu có trách nhiệm trả 10% thuế GST đối với các hàng hóa nhập khẩu. Việc nhập khẩu hàng hóa tạm thời có thể không phải thanh toán thuế GST. Hàng nhập khẩu đã qua sử dụng được đối xử giống như bất kỳ hàng hóa chịu thuế nào khác và do đó phải chịu thuế GST. Theo GST, số tiền sẽ trả hoặc phải trả cho vận tải quốc tế và bảo hiểm cũng được cộng thêm vào giá trị nhập khẩu chịu thuế. Xem thêm thông tin về thuế GST trên website Sở Thuế Úc: <https://www.ato.gov.au/business/gst/>

### **Tạm nhập**

Hàng hóa có thể được mang vào Úc trên cơ sở tạm thời không phải nộp tiền thuế hoặc phí đến 12 tháng. Các mặt hàng này, gọi là hàng nhập khẩu tạm thời, được xem là tạm thời theo Luật Hải quan Úc, hoặc vì nhập theo 'Carnet.' Tất cả các hàng nhập khẩu tạm thời phải được tái xuất khẩu trong thời hạn được Hải quan phê duyệt. Bản chất của hàng hóa, sẽ được sử dụng trong khi đang ở Úc và ai là người nhập khẩu sẽ quyết định việc hàng hóa có thể hội đủ điều kiện để áp dụng các quy định nào. Úc chấp nhận hai loại carnet, carnet ATA và CPD (thường được gọi là carnet FIA/AIT).



Các quy định này bao gồm hàng tạm nhập khẩu thuộc sở hữu của du khách và cư dân tạm thời. Các quy định trên cũng bao gồm các chủng loại như các mẫu hàng của du khách hoặc hàng hóa được nhập khẩu để trưng bày ở các hội chợ thương mại. Hàng hóa theo quy định của điều ước quốc tế nào đó mà Úc đã tham gia cũng đủ điều kiện để tham gia. Thông tin này có thể được tìm thấy trong Thư viện điều ước quốc tế Úc tại: <http://www.austlii.edu.au/au/other/dfat/>

Bản sao các chứng từ nhập khẩu thương mại thông thường như hoá đơn, các danh sách đóng gói, hóa đơn vận chuyển hàng hóa, giấy chứng nhận kiểm dịch và các giấy tờ vận chuyển bằng đường biển khác phải được nộp cùng với đơn xin nhập khẩu tạm thời. Bằng chứng về mục đích sử dụng của hàng hóa cũng cần được đính kèm phù hợp với Công ước Hải quan có liên quan.

### Các rào cản thương mại

#### ➤ Kiểm dịch

Bộ Nông nghiệp và Tài nguyên Nước (DAWR) là cơ quan liên bang chịu trách nhiệm thực thi các quy định kiểm dịch của Úc, bao gồm cấp giấy phép và kiểm tra các lô hàng.

Úc là một bên ký kết Hiệp định về việc áp dụng các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch thực vật (SPS) của WTO (vào ngày 15/4/1994). Tuy nhiên, các nhà xuất khẩu có thể gặp khó khăn khi thực hiện theo các yêu cầu kiểm dịch nhập khẩu của Úc. Bên cạnh các vấn đề liên quan đến việc nhập khẩu thực phẩm và động vật, các biện pháp kiểm dịch còn bao gồm một số sản phẩm nhập khẩu khác như máy móc nông nghiệp, khai thác mỏ và xây dựng, một số mặt hàng bao bì và các sản phẩm khác có thể gây ra nguy cơ cho ngành nông nghiệp của Úc hoặc gây ô nhiễm môi trường tự nhiên.

Chính phủ Úc thực thi rất nghiêm ngặt các biện pháp kiểm dịch. Các nhà nhập khẩu khó lòng xoay sở một khi lô hàng gặp vấn đề kiểm dịch.

Nhập khẩu máy móc có thể cần phải xin giấy phép nhập khẩu - đặc biệt là máy móc đã qua sử dụng. Đó là một điều kiện nhập khẩu buộc các xe cơ giới, xe máy, máy móc (hoặc các bộ phận của máy) hoặc lớp xe phải sạch sẽ và không nhiễm các mối lo ngại về an toàn sinh học trước khi đến Úc. Sự ô nhiễm liên quan đến lo ngại về an toàn sinh học bao gồm: côn trùng sống, hạt giống, đất, bùn, đất sét, phân động vật, vật liệu động và thực vật như rơm, cành cây, lá, rễ, vỏ cây. Vì mục đích kiểm dịch, thiết bị mới qua kiểm tra hiện trường được phân loại là 'máy móc đã qua sử dụng' và sẽ cần phải có Giấy phép Nhập khẩu. Bộ Nông nghiệp và Tài nguyên nước có quyền tái xuất khẩu máy móc bị ô nhiễm. Thông tin chi tiết hơn liên quan đến việc nhập khẩu máy móc có thể tham khảo tại trang web của Bộ Nông nghiệp và Tài nguyên nước.

Bao bì hàng hóa nhập khẩu có thể là một thách thức đối với các nhà xuất khẩu, đặc biệt là khi các vật liệu đóng gói bao gồm gỗ hoặc các sản phẩm tự nhiên khác. Thông tin chi tiết về các yêu cầu tuân thủ có thể được tìm thấy trên trang web của Bộ Nông nghiệp và Tài nguyên nước.

Để biết thông tin đầy đủ về các sản phẩm cần tuân thủ các quy định kiểm dịch của Úc, các nhà xuất khẩu nên tham khảo các yêu cầu này trên cơ sở dữ liệu Điều kiện nhập khẩu an toàn sinh học (BICON) của Bộ.

phép nhập khẩu hay không hoặc để xem liệu có thông tin chuyên biệt mà bạn nên biết bao gồm trong đơn xin giấy phép nhập khẩu của bạn.

Có thể nhận được giấy phép nhập khẩu bằng cách nộp Đơn xin cấp Giấy phép nhập khẩu cho hàng hóa phải kiểm dịch cho Bộ Nông nghiệp. Bộ sẽ xem xét đơn xin và có thể quyết định cấp Giấy phép nhập khẩu với các điều kiện ràng buộc cần thiết nhằm bảo đảm việc nhập khẩu, sử dụng và xử lý an toàn các sản phẩm đó.

Không nên xuất khẩu các sản phẩm cần phải có giấy phép đến Úc cho đến khi nhận được giấy phép nhập khẩu hợp lệ. Các điều kiện cấp phép thường yêu cầu sự xác nhận của

chính phủ, vốn thường không thể có được một khi hàng hóa đã rời nước xuất khẩu. Hàng hóa nhập khẩu không có giấy phép nhập khẩu hợp lệ, hoặc không thể đáp ứng điều kiện cấp phép nhập khẩu của Úc, phải tái xuất hoặc tiêu hủy với các chi phí do các nhà nhập khẩu gánh chịu.

Bộ sử dụng một số chiến lược giảm thiểu rủi ro để ngăn chặn nguy cơ an toàn sinh học xâm nhập vào Úc. Trong đó việc xử lý hàng hóa để giảm thiểu rủi ro và ngăn chặn sự thâm nhập các mầm dịch hại và các bệnh không mong muốn.

Một số côn trùng có hại nguy cơ cao đe dọa an toàn sinh học của Úc bao gồm một số loài bọ cánh cứng, bướm đêm, mối, ong có tên tiếng Anh chính xác như sau: Asian Longhorn Beetle, Burnt Pine Longicorn Beetle, Japanese Pine Sawyer Beetle, Asian Gypsy Moth, Termites, Auger Beetle, Powder Post Beetle, Wood Wasps.

Rất nhiều côn trùng ngoại lai ở trong gỗ và các sản phẩm từ gỗ dưới dạng trứng hoặc ấu trùng mà chưa thể nhận biết ngay được. Những côn trùng này có thể xuất hiện sau nhiều năm.

Tất cả các nhà nhập khẩu phải lưu ý và tuân thủ các điều kiện nhập khẩu liên quan đến an toàn sinh học. Các điều kiện nhập khẩu được xây dựng dựa trên các bằng chứng khoa học, các phân tích nghiêm ngặt, và việc thu thập tin tức là yếu tố quan trọng để không cho các loại côn trùng xâm nhập và phát tán bệnh tật trong nước Úc.

Có hai bước trong tiến trình an toàn sinh học đối với việc nhập khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ:

- Kiểm tra danh sách gỗ và các sản phẩm từ gỗ để xác định hàng hoá của bạn thuộc danh mục nào;
- Kiểm tra Cơ sở dữ liệu nhập khẩu dựa trên danh mục hàng hoá được xác định ở trên.

Nguy cơ an toàn sinh học có thể được phát hiện trước hoặc khi đến biên giới thông qua

việc sử dụng các biện pháp xử lý được chấp thuận (phụ thuộc vào các yêu cầu nhập khẩu). Những biện pháp xử lý này bao gồm xông khói, chiếu xạ, đốt nóng, đun sôi, hoặc bảo quản tạm thời. Trong một số trường hợp nguy cơ an toàn sinh học có thể được phát hiện bởi sự kiểm tra kỹ lưỡng của nhân viên an toàn sinh học của Bộ Nông nghiệp, Thủy sản, và Lâm nghiệp tại biên giới.

Việc nhập khẩu máy móc đòi hỏi phải có giấy phép nhập khẩu. Điều kiện của giấy phép là máy móc giao đến phải trong tình trạng sạch hoặc mới. Các nhà nhập khẩu Úc nên liên hệ với Bộ Nông nghiệp để xác định xem họ có cần xin giấy phép nhập khẩu hay không. Lưu ý: Việc phân loại máy móc là 'mới' và 'thuộc ngành nông nghiệp' là theo quyết định của Bộ.

Vì các mục đích kiểm dịch, thiết bị thử nghiệm ngoài hiện trường còn mới được phân loại là 'máy móc đã qua sử dụng và sẽ cần có giấy phép nhập khẩu. Bộ có quyền tái xuất khẩu máy móc thiết bị ô nhiễm. Thông tin chi tiết liên quan đến việc nhập khẩu máy móc có thể tham khảo tại: <http://www.agriculture.gov.au/import/goods/vehicles-machinery>

Bao bì của hàng hóa nhập khẩu cũng là một thách thức cho các nhà xuất khẩu, đặc biệt đối với các vật liệu đóng gói là gỗ hoặc các sản phẩm tự nhiên khác. Thông tin chi tiết về các yêu cầu tuân thủ có thể tham khảo tại: <http://www.agriculture.gov.au/import/goods/timber>

Để biết thông tin đầy đủ về các sản phẩm cần phải tuân thủ các quy định kiểm dịch của Úc, các nhà xuất khẩu nên thẩm tra các yêu cầu trong cơ sở dữ liệu về các điều kiện nhập khẩu (BICON) của Bộ tại: <http://www.agriculture.gov.au/import/online-services/bicon>

### ➤ Các yêu cầu nhập khẩu hóa chất.

Có một số cơ quan giải quyết việc nhập khẩu hóa chất vào Úc, phụ thuộc vào mục đích sử dụng cuối cùng các hóa chất hoặc các hợp chất này. Cơ quan đầu tiên chịu trách nhiệm

nhập khẩu hóa chất là Chương trình Thông báo và Đánh giá Hóa chất Công nghiệp Quốc gia (NICNAS) – <http://www.nicnas.gov.au>

Các cơ quan khác liên quan đến quy định nhập khẩu hóa chất bao gồm:

- Cơ quan Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc New Zealand (FSANZ) - <http://www.foodstandards.gov.au>
- Cơ quan Quản lý Thuốc trừ sâu và thuốc thú y (ASPVMA) – <http://www.apvma.gov.au>

Người nhập khẩu Úc có trách nhiệm thông báo cho các cơ quan liên quan về hóa chất họ sắp nhập khẩu vào Úc. Nhà nhập khẩu Úc có thể là một công ty con tại địa phương, một đại lý hoặc người sử dụng cuối cùng. Nhà nhập khẩu thường hoàn tất các thủ tục giấy tờ cần thiết. Do mức độ quy định cao, các nhà xuất khẩu sẽ cảm thấy phức tạp khi xuất khẩu hóa chất vào Úc. Họ nên tìm đại lý Úc hoặc các nhà nhập khẩu hiểu biết rõ các yêu cầu. NICNAS cung cấp một số hướng dẫn về các quy định về hóa chất trong các tài liệu sau đây: <http://www.nicnas.gov.au/regulation-and-compliance/nicnas-handbook>

Các nhà xuất khẩu cần đảm bảo rằng các sản phẩm phải tuân theo các yêu cầu của bộ luật về các hàng hóa nguy hiểm của Úc, vốn dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế. Các cơ quan về an toàn và y tế của chính phủ từng tiểu bang chịu trách nhiệm thực thi các luật này. Các bộ luật này thay đổi chút ít theo từng tiểu bang. Đường link dưới đây cung cấp danh sách của các cơ quan này: <http://www.emplan.com.au/dangerous-goods/dangerous-goods.htm>

### ➤ Các yêu cầu nhập khẩu và chứng từ.

Trong khi có một số phương pháp định giá hàng hóa cho mục đích hải quan, phương pháp được áp dụng thường xuyên nhất (giá trị giao dịch) được dựa trên giá thực tế trả (hoặc phải trả) cho hàng hóa nhập khẩu tùy theo điều chỉnh nhất định. Điều kiện chính để



sử dụng giá trị giao dịch là không có mối quan hệ giữa người mua và người bán có thể ảnh hưởng đến giá.

Việc định giá hàng hoá nhập khẩu có thể phức tạp và các nhà nhập khẩu được khuyến khích tìm kiếm lời khuyên từ một nhà môi giới hải quan hoặc liên hệ với Trung tâm thông tin hải quan. Công ty môi giới và giao nhận hải quan của Úc đăng danh sách thành viên trên trang web.

Hàng hóa nhập cảnh vào Úc có thể phải chịu thuế, thuế GST và / hoặc phí bổ sung. mức thuế hải quan khác nhau và phụ thuộc vào một số yếu tố, chẳng hạn như loại hàng hóa và quốc gia xuất xứ. Do sự sắp xếp thuế quan ưu đãi theo AUSFTA được thảo luận trước đó, 99% nguồn gốc của Hoa Kỳ

hàng hóa vào Úc miễn thuế. Nhà nhập khẩu vẫn chịu trách nhiệm thanh toán GST hiện hành.

Hải quan không yêu cầu các công ty hoặc cá nhân nắm giữ giấy phép nhập khẩu, nhưng các nhà nhập khẩu có thể cần phải có giấy phép để xóa hàng hóa. Thông tin thêm về giấy phép được chứa ở đây.

Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới Úc có thẩm quyền duy nhất để thông quan hàng nhập khẩu. Các nhà nhập khẩu địa phương có trách nhiệm tiếp nhận việc thông quan chính thức hàng hoá.

Dù có nhiều phương pháp định giá hàng hoá cho các mục đích hải quan, phương pháp áp dụng thường xuyên nhất (giá trị giao dịch) được tính dựa trên giá thực tế đã thanh toán (hoặc sẽ phải trả) đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện điều chỉnh nhất định. Điều kiện quan trọng để được sử dụng giá trị giao dịch là không có mối quan hệ giữa người bán và người mua nào mà có thể ảnh hưởng đến giá cả.

Xác định giá trị hàng hoá nhập khẩu có thể phức tạp và các nhà nhập khẩu nên nhờ sự tư

vấn của một nhà môi giới hải quan hoặc liên hệ với Trung tâm Thông tin Hải quan. Hội đồng các nhà môi giới Hải quan và Giao nhận Hàng hóa Úc có đăng danh sách các thành viên tại:

[http://www.cbfga.com.au/CBFGA/About\\_CBFGA/Member\\_Directory/CBFGA/About/Member\\_Directory.aspx](http://www.cbfga.com.au/CBFGA/About_CBFGA/Member_Directory/CBFGA/About/Member_Directory.aspx)

Hàng hoá nhập vào Úc có thể phải nộp thuế, thuế hàng hoá và dịch vụ (GST), và hoặc các phụ phí khác. Thuế suất Hải quan thay đổi và phụ thuộc vào một số yếu tố, chẳng hạn như loại hàng hoá và nước xuất xứ. Người nhập khẩu vẫn còn chịu trách nhiệm về các khoản thanh toán GST đang được áp dụng.

Hải quan không yêu cầu các công ty hoặc cá nhân phải có các giấy phép nhập khẩu, nhưng các nhà nhập khẩu có thể cần phải có giấy phép để thông quan hàng hoá. Xem thêm thông tin bổ sung về giấy phép trong phần những mặt hàng cấm và hạn chế nhập khẩu tại: <http://www.border.gov.au/Busi/Impo/Proh>

Lượng chứng từ tối thiểu cần thiết để thông quan bao gồm một tờ khai hải quan đã điền đầy đủ hoặc Chứng từ Thông quan không chính thức (ICD), một vận đơn hàng không (AWB) hoặc vận đơn (BLAD) cũng như các hóa đơn và các tài liệu khác liên quan đến việc nhập khẩu. Hải quan không yêu cầu một bộ mẫu hóa đơn đặc biệt. Các hóa đơn thương mại bình thường, vận đơn, và các biên lai đều được chấp nhận. Những chứng này nên chứa các thông tin sau:

- Các điều khoản hóa đơn (ví dụ: FOB, CIF)
- Tên và địa chỉ của người bán hàng (Người gửi hàng)
- Đơn vị tiền tệ nêu trên hoá đơn (ví dụ như AUD, USD).
- Nước xuất xứ.

Một số cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép nhập khẩu phát hành các tờ rơi về các lĩnh vực liên quan. Tuy nhiên, các ấn phẩm này không phải luôn luôn phản ánh đúng luật lệ và các thủ tục Hải quan hiện hành vì các luật lệ và qui trình này thường thay đổi. Chúng ta nên liên hệ với Trung tâm Thông tin Hải quan để kiểm tra những vấn đề này.

### ➤ Các yêu cầu về ký mã hiệu và dán nhãn

Các nhà cung cấp nước ngoài cần phải nhận thức các quy tắc và thủ tục của Úc qui định việc đóng gói, dán nhãn, các chất thành phần, tiếp thị và bán các sản phẩm cụ thể, trọng lượng và các cách đo lường tổng quát.

Nhìn chung, hàng hoá nhập khẩu trong các loại bao bì để bày bán thông thường cần phải được mô tả thật về hàng hoá và quốc gia sản xuất. Mô tả thương mại cần được áp dụng cho các loại bao bì với các ký tự nổi bật và dễ đọc. Bất kỳ thông tin bổ sung được áp dụng và / hoặc có nhãn trên bao bì phải đúng sự thật và không có thông tin mâu thuẫn hoặc khó hiểu.

Khối lượng hàng hóa được bán trong bao bì phải được ghi trung thực trên bảng trình bày chính của bao bì, theo đơn vị hệ mét. Từ "tính" nên luôn luôn được sử dụng khi thể hiện số lượng lớn.

Luật Tiêu chuẩn Thực phẩm chung giữa New Zealand và Úc đòi hỏi tất cả các thực phẩm đóng gói phải được dán nhãn với các thông tin dinh dưỡng có bao nhiêu chất béo, đạm, năng lượng, carbohydrate và muối có trong sản phẩm. Nhãn cũng phải thể hiện được tỷ lệ phần trăm của các chất thành phần quan trọng và tất cả các thành phần chính có thể gây dị ứng.

Thông tin về Luật các Tiêu chuẩn Thực phẩm (và một ví dụ minh họa bảng dinh dưỡng và cách tính toán) có thể thấy trên trang web của Cơ quan Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc New Zealand (FSANZ), <http://www.foodstandards.gov.au/>.

Các nhà xuất khẩu Việt Nam nên cộng tác nhà nhập khẩu Úc để đảm bảo rằng sản phẩm của họ phù hợp với các quy định ghi nhãn của Chính phủ bang và Liên bang Úc trước khi vận chuyển bất kỳ sản phẩm nào.

Vào tháng 7 năm 2016, Chính phủ Úc đã công bố các cải cách đối với các quy định ghi nhãn quốc gia xuất xứ bắt buộc, yêu cầu sự minh bạch hơn về tỷ lệ hàm lượng của Úc. Chi tiết đầy đủ về các yêu cầu mới này có thể được tìm thấy trên trang web của Bộ Công nghiệp, Đổi mới và Khoa học. Có một giai đoạn chuyển tiếp kéo dài hai năm bắt đầu vào ngày 1 tháng 7 năm 2016.

Một số nhãn hiệu và ký hiệu tự nguyện và bắt buộc chứng tỏ việc phù hợp các tiêu chuẩn đang được sử dụng ở Úc, bao gồm các tiêu chuẩn quốc tế như ISO và IEC. Thông tin về các nhãn hiệu bắt buộc có thể được tìm thấy bằng cách liên hệ với các tổ chức tiêu chuẩn có liên quan.

Một số sản phẩm điện đòi hỏi phải mang một nhãn năng lượng được phê duyệt. Những sản phẩm này bao gồm: tủ lạnh và tủ đông, máy giặt, máy sấy, máy rửa chén, và điều hòa không khí.

Một danh sách lớn hơn được điều chỉnh trên cơ sở mức độ hiệu quả năng lượng tối thiểu và bao gồm danh sách trước đó cũng như động cơ điện và máy biến áp.

Ủy ban về Hiệu quả Năng lượng thiết bị và dụng cụ quốc gia, bao gồm các quan chức từ nhà nước Liên bang và các cơ quan chính quyền tiểu bang, lãnh thổ và các đại diện của New Zealand chịu trách nhiệm quản lý chương trình sử dụng năng lượng hiệu quả.

### ➤ **Vật liệu bao gói**

Các loại túi được sử dụng làm bao gói cho những lô hàng là các sản phẩm có nguồn gốc thực vật phải là những loại túi mới, sạch và bền, đảm bảo không làm rơi hàng hoá đựng bên trong. Các loại túi được tái sử dụng trong vận chuyển hàng hoá phải được kiểm dịch

và xử lý tiêu huỷ hoặc tái xuất. Tất cả các loại gỗ gồm sọt, tấm lót, tấm chặn, tấm kê hàng cũng phải được kiểm tra trừ trường hợp có chứng nhận các loại gỗ này đã được xử lý chống côn trùng lây lan bằng phương pháp thích hợp đã được cơ quan an toàn sinh học của Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp Úc thông qua.

Vật liệu bao gói có nguồn gốc thực vật bị cấm nhập khẩu trừ các loại sau: sợi gỗ (wood-wool), mùn cưa, giấy vụn, giấy bồi, vỏ gỗ sồi nghiền nhỏ, than bùn. Các loại vật liệu bao gói khác được chấp nhận bao gồm perlite, vermiculite và các loại vật liệu tổng hợp. Tất cả các loại rơm ngũ cốc bị cấm nhập khẩu và không được sử dụng làm vật liệu bao gói.

Hàng hoá đóng trong container nguyên chiếc giao tận nơi nhận không phải kiểm dịch nếu thành phần gỗ sàn và gỗ lót đã được xử lý bằng một phương pháp được chấp nhận. Để tránh việc kiểm tra đóng gói, có thể sử dụng các vật liệu thay thế như bìa các tông, sợi đay mới hoặc kim loại. Khi sử dụng các loại sọt, thùng hoặc tấm kê hàng, cần xử lý những vật dụng này bằng phương pháp thích hợp đã được cơ quan an toàn sinh học của Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp Úc thông qua.

Một điều quan trọng cần lưu ý container đóng hàng cần phải sạch, không dính đất và không có những chất ô nhiễm từ động thực vật như các hạt ngũ cốc, bột mỳ, thịt, xương, và da. Vật liệu bao gói làm bằng rơm, vỏ trấu và những nguyên liệu tương tự từ thực vật bị cấm nhập khẩu và không được sử dụng để đóng gói.

Cơ quan an toàn sinh học của Bộ Nông nghiệp và Tài nguyên Nước đã mở rộng việc thực hiện các biện pháp kiểm dịch động thực vật theo tiêu chuẩn quốc tế (ISPM 15) đối với tất cả các vật liệu bao gói và lót hàng bằng gỗ để hỗ trợ, bảo vệ hoặc vận chuyển hàng hoá bằng đường hàng không khi nhập khẩu vào Úc.

Việc tuân thủ là bắt buộc, hoặc tuân thủ qui định bao gói theo ISPM 15 hoặc đưa ra bằng chứng chứng minh các loại bao gói đã được xử lý (khai báo đóng gói/chứng nhận xử lý).

Nếu các điều kiện đề cập ở trên không được tuân thủ, các vật liệu bao gói bằng gỗ sẽ



được xử lý, tiêu huỷ hoặc tái xuất với chi phí do người nhập khẩu tự chịu.

Các nhà cung cấp nước ngoài cần trình tờ khai đóng gói vận chuyển bằng đường hàng không theo ISPM 15.

Tờ khai này phải được hoàn chỉnh cho tất cả các lô hàng vận chuyển bằng đường hàng không để khai báo liệu vật liệu bao gói hàng hoá có làm bằng gỗ hay không, kể cả việc có hoặc không tuân thủ theo ISPM 15. Tờ khai cần được in trên giấy tiêu đề của công ty cung cấp hàng hoá hoặc công ty vận chuyển, bao gồm vận đơn hàng không, số hoá đơn thương mại và ghi ngày tháng, ký, đóng dấu.

Nếu bao gói được đánh dấu hoặc đóng dấu tuân thủ ISPM 15 và tờ khai đóng gói vận chuyển theo đường hàng không theo ISPM 15 được cung cấp đầy đủ thì không cần tài liệu bổ sung nào khác.

Lưu ý quan trọng: Đối với các lô hàng mà bao gói bằng gỗ không đáp ứng được theo ISPM 15, doanh nghiệp cần phải có giấy chứng nhận còn hiệu lực về việc bao gói đã được xông khói kèm theo tờ khai đóng gói vận chuyển bằng đường hàng không, nếu không hàng hoá sẽ bị chuyển thẳng đến cơ quan an toàn sinh học của Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp Úc để kiểm tra, xử lý, tiêu huỷ, hoặc tái xuất với mọi chi phí do người nhập khẩu chịu.

### ➤ Các hàng nhập khẩu bị cấm và hạn chế.

Úc có chế độ nghiêm cấm và kiểm dịch đối với một số sản phẩm, đặc biệt là những sản phẩm được coi là có tiềm năng nguy hiểm cho công cộng và các sản phẩm nông nghiệp được xem là có tiềm năng gây ra dịch bệnh. Các sản phẩm bị hạn chế bao gồm các loại ma túy, steroids, vũ khí/ súng ống, các di sản, thực phẩm, thực vật và động vật và động vật hoang dã được bảo vệ. Điều quan trọng cần lưu ý là cho dù một số mặt hàng có thể được phép nhập khẩu, việc sử dụng chúng có thể bị cấm theo pháp luật của từng tiểu

bang.

➤ **Những hạn chế về vệ sinh và kiểm dịch ảnh hưởng đến nhập khẩu**

Úc có những hạn chế rất nghiêm ngặt về vệ sinh và kiểm dịch thực vật ảnh hưởng đến hoạt động nhập khẩu trái cây và rau quả tươi và việc nhập khẩu các sản phẩm thịt và gia cầm. Trong quá trình kiểm dịch và thanh tra của Úc, hàng nông sản được trồng ở nước ngoài phải trải qua một quá trình phân tích rủi ro nhập khẩu an toàn sinh học (biosecurity import risk analysis - BIRA) trước khi có thể nhập vào Úc. BIRA, dùng để xác định cách thức và liệu nguy cơ có thể quản lý được hay không, sẽ mất tối thiểu hai năm để hoàn thành. "Mức độ bảo vệ có thể chấp nhận được" của Úc được xem là cực kỳ hạn chế, làm cho việc thâm nhập vào thị trường Úc trở nên khó khăn, tốn kém, mất thời gian, và trong một số trường hợp, hầu như không thể.

Tất cả các sản phẩm tươi sống đều phải có giấy phép nhập khẩu của Úc và một giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất xứ. Người nhập khẩu Úc có thể xin giấy phép nhập khẩu từ Bộ Nông nghiệp và Tài nguyên Nước ở Canberra.

Khi xin cấp giấy phép nhập khẩu, nên cung cấp càng nhiều chi tiết càng tốt về nơi sản phẩm được trồng và được chế biến như thế nào, để nhận được tư vấn thích đáng mà không cần phải yêu cầu thêm thông tin từ các nhà xuất khẩu.

Tất cả các sản phẩm thịt và gia cầm phải được kèm theo một giấy phép nhập khẩu của Úc và phải có nguồn gốc từ một nhà máy được phê duyệt để xuất khẩu sang Úc.

Bộ Nông nghiệp và Tài nguyên Nước duy trì một cơ sở dữ liệu chi tiết trên trang web của họ về các điều kiện nhập khẩu đối với hầu hết các sản phẩm nông nghiệp. Trang web này được gọi là BICON: <https://bicon.agriculture.gov.au/BiconWeb4.0>

Nếu một sản phẩm không được liệt kê trong BICON, rất có thể là sản phẩm đó không được phép nhập khẩu vào Úc vào thời điểm đó. Bộ cũng duy trì một trang web cung cấp

danh sách liệt kê các thông tin được yêu cầu phải đính kèm với đơn xin cấp giấy phép nhập khẩu các sản phẩm sinh học (bao gồm cả các sản phẩm thực phẩm). Trang web này hiện đang được cập nhật vì thế các nhà xuất khẩu Việt Nam nên kiểm tra các trang web này thường xuyên để có được những thông tin cập nhật nhất. Cần chú ý là các nhà xuất khẩu chỉ nên dựa vào các trang web này để lấy thông tin chung về các quy định liên quan đến nhập khẩu.

Các nhà xuất khẩu phải cộng tác với các nhà nhập khẩu Úc để đảm bảo rằng tất cả các yêu cầu đều được đáp ứng. Giấy phép nhập khẩu sẽ đặt ra các yêu cầu chính xác cho việc nhập khẩu, vì vậy có thể khác biệt đáng kể đối với từng nước và từng loại hàng hóa và thậm chí đối với các vùng khác nhau trong cùng một nước.

Thông tin bổ sung về các yêu cầu của Úc đối với thực phẩm đóng gói nhập khẩu, các yêu cầu đối với động vật và các sản phẩm động vật, các tài liệu để lấy ý kiến công chúng (bao gồm cả các phân tích rủi ro nhập khẩu), biểu phí, các mẫu đơn trên mạng, các thông báo vệ sinh và kiểm dịch thực vật của WTO, v.v... cũng có sẵn trên trang web của Bộ Nông nghiệp và Tài nguyên Nước (<http://www.agriculture.gov.au/import>). Thông tin này được cập nhật thường xuyên.

### **Các quy định về Hải quan và thông tin liên hệ**

Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới Úc điều tiết luồng chuyển dịch hàng hóa và người qua biên giới của Úc. Hải quan không xem xét kỹ lưỡng mọi giao dịch mà dựa vào khách hàng để tự đánh giá sự chính xác của giao dịch.

Các nhà nhập khẩu Úc chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác của thông tin cung cấp cho Hải quan bất kể ai là người chuẩn bị tài liệu. Người kiểm kê hàng hóa, nhà nhập khẩu, người môi giới hải quan, các nhà giao nhận vận tải, các chủ kho bãi, các tổ chức tài chính, các cơ sở lưu trữ thông tin, dịch vụ văn phòng, chủ sở hữu, công nhân bốc vác, v.v. có thể phải chịu các cuộc kiểm tra về tuân thủ luật lệ của Hải quan. Nhà nhập khẩu

cũng chịu trách nhiệm thẩm tra nước xuất xứ.

Các mức phạt và được áp dụng đối với việc không tuân thủ pháp luật hải quan và các vi phạm không cần phải được chứng minh. Yêu cầu thông tin và pháp luật liên quan đến các giao dịch xuất nhập khẩu là rất rộng. Chính các nhà nhập khẩu phải có trách nhiệm làm quen với các thông tin được Hải quan cung cấp. Tất cả hàng hoá nhập khẩu phải được kê khai đăng ký theo đúng chứng từ đã được chấp nhận, được phân loại một cách chính xác và phải báo cáo bất kỳ hàng hóa dư thừa nào. Các hạng mục không được đặt hàng, các hàng mẫu và hàng hóa khuyến mại cũng phải được khai báo. Tất cả các chứng từ thương mại liên quan phải được giữ lại trong vòng năm năm kể từ ngày kê khai đăng ký.

Nhấp vào liên kết này sẽ đưa bạn đến trang web Hải quan: <http://www.customs.gov.au/>. Các trang web cung cấp thông tin chi tiết và hướng dẫn, một số trong đó đã được sử dụng trong việc chuẩn bị của phần này. Để biết thêm chi tiết về thông tin trên trang web Hải quan, email: [information@customs.gov.au](mailto:information@customs.gov.au). Khách hàng cũng có thể liên hệ với Trung tâm Thông tin và Hỗ trợ Hải quan về 1300 363 263 từ bất cứ nơi nào trong nước Úc, hoặc + 61 2 6275 6666 từ bên ngoài nước Úc.

## Các tiêu chuẩn thương mại

### ➤ Tổng quan

Úc là một bên ký kết Bộ luật Tiêu chuẩn GATT/WTO và sử dụng phổ biến các tiêu chuẩn chất lượng, chẳng hạn như ISO 9000 series. Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia Úc - Standards Australia - có một bộ phận đánh giá chất lượng và có thể cung cấp một danh sách các công ty áp dụng ISO 9000 series.

Úc vẫn còn áp dụng nhiều tiêu chuẩn khác nhau ảnh hưởng đến việc thâm nhập của sản phẩm và cho dù những tiêu chuẩn này có thể đòi hỏi phải sửa đổi sản phẩm, chúng không phải là những trở ngại không thể vượt qua được đối với các công ty nước ngoài.

## ➤ Các tổ chức về tiêu chuẩn

Mặc dù không phải là một cơ quan chính phủ, Standards Australia được công nhận là cơ quan phát triển tiêu chuẩn hàng đầu tại Úc. Hợp tác với công ty dịch vụ thông tin SAI Global Ltd., Standards Australia đưa ra nhiều tiêu chuẩn và các sản phẩm liên quan đến lãnh vực tiêu chuẩn.

Standards Australia có trên 70 thành viên, đại diện cho các nhóm có quyền lợi trong việc phát triển và áp dụng các tiêu chuẩn. Standards Australia là đại diện của Úc trước Tổ chức Tiêu chuẩn quốc tế (ISO), Ủy ban Kỹ thuật điện tử quốc tế (IEC) và Hội nghị tiêu chuẩn khu vực Thái Bình Dương (PASC).

Standards Australia phát triển và duy trì hơn 7.000 tiêu chuẩn Úc và cung cấp đầu vào cho việc phát triển khoảng 18.000 tiêu chuẩn quốc tế của ISO và IEC.

Standards Australia có chính sách áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế bất cứ nơi nào có thể. Chính sách này phù hợp với nghĩa vụ của Úc theo qui tắc thực hành của Tổ chức Thương mại Thế giới, trong đó yêu cầu loại bỏ các tiêu chuẩn kỹ thuật được xem là các rào cản đối với thương mại quốc tế. Kết quả là khoảng 33% của các tiêu chuẩn hiện tại của Úc hoàn toàn hoặc cơ bản phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế. Các lĩnh vực công nghiệp mà không có các tiêu chuẩn quốc tế quan trọng bao gồm xây dựng, sức khỏe và an toàn nghề nghiệp. Khoảng một phần ba của các tiêu chuẩn Úc không có tiêu chuẩn quốc tế tương đương.

Các sản phẩm tiêu dùng nhập khẩu, chẳng hạn như các sản phẩm thực phẩm, phải thực hiện theo các quy định đóng gói của chính phủ tiểu bang. Các tiểu bang của Úc thỏa thuận rằng bất kỳ sản phẩm phi nông nghiệp nào, bao gồm cả hàng nhập khẩu, đáp ứng được các yêu cầu pháp lý của một tiểu bang, có thể được bán ở tất cả các tiểu bang và vùng lãnh thổ khác. Các cơ quan kiểm dịch nông nghiệp tiểu bang cấm buôn bán một số mặt hàng giữa các bang với nhau.



Các nhà xuất khẩu sản phẩm thực phẩm đến Úc sẽ thấy sản phẩm của mình thuộc phạm vi điều chỉnh của bộ luật tiêu chuẩn thực phẩm Úc (<http://www.foodstandards.gov.au/>). Cơ quan Tiêu chuẩn Thực phẩm Australia - New Zealand (FSANZ) đã phát triển các tiêu chuẩn của bộ luật này. Đây là cơ quan thẩm quyền độc lập theo luật định thuộc 2 quốc gia phát triển các tiêu chuẩn thực phẩm về các thành phần, nhãn mác và chất gây ô nhiễm, bao gồm các mức giới hạn vi sinh, áp dụng cho tất cả các loại thực phẩm được sản xuất hoặc nhập khẩu để bán tại Úc và New Zealand. Ở Úc, FSANZ phát triển các tiêu chuẩn để bao trùm toàn bộ chuỗi cung ứng thực phẩm, từ các nhà sản xuất ban đầu trong toàn bộ các khâu sản xuất và chế biến, đến phân phối và điểm bán hàng.

Bộ Nông nghiệp và Tài nguyên Nước (DAWR) chịu trách nhiệm thi hành Bộ Luật Tiêu chuẩn đối với thực phẩm nhập khẩu.

Cả Standards Australia (<http://www.standards.org.au/>) và Viện Tiêu chuẩn và Công nghệ quốc gia (NIST), (<http://www.nist.gov/>) đều có thông tin hiện hành về tiêu chuẩn của Úc.

Các nhà xuất khẩu cũng cần quan tâm đến các tổ chức tiêu chuẩn khác gồm: Cơ quan Thông tin và Truyền thông Úc (ACMA), Cơ quan Bảo vệ Môi trường Úc, Cơ quan Quản lý Hàng hóa Trị liệu.

Cơ quan Thông tin và Truyền thông Úc (ACMA) chịu trách nhiệm về các tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến các loại thiết bị, hệ thống cáp và các thiết bị khác. Các tiêu chuẩn này bao gồm các thỏa thuận tương thích điện từ (EMC) và các thỏa thuận bức xạ điện từ (EMR). Trước khi một sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh của EMC có thể được bán tại Úc, nó phải được thử nghiệm với các tiêu chuẩn hiện áp dụng và được dán nhãn. Nhãn bao gồm một ký hiệu được gọi là "C-Tick" và dấu nhận dạng nhà cung cấp đặc biệt. Ký hiệu C-Tick được sử dụng trên các sản phẩm tuân thủ các tiêu chuẩn EMC.

Bộ Môi trường Úc phát triển và thi hành chính sách, các chương trình quốc gia và pháp luật để bảo vệ và bảo tồn môi trường và di sản của Úc.

Linh kiện và phụ tùng ô tô liên quan đến an toàn trên một chiếc xe phù hợp với môi trường (tuân thủ EPA) phải theo đúng các quy tắc thiết kế Úc và các tiêu chuẩn ô tô Úc cũng như tuân thủ về mặt môi trường do Cơ quan Bảo vệ Môi trường Úc quản lý. Việc cung ứng phụ tùng ô tô thiết bị gốc (OE) phải tuân thủ hệ thống chất lượng QS9000, một hệ thống được Ford, General Motors, và Chrysler áp dụng tại Mỹ.

Cơ quan Quản lý Hàng hóa Trị liệu phụ trách cấp giấy chấp thuận cho tất cả các thiết bị y tế và các sản phẩm liên quan đến sức khỏe.

### **Những mặt hàng thuộc đối tượng áp dụng tiêu chuẩn bắt buộc tại Úc**

Phao và đồ chơi dưới nước, ti ngậm của trẻ sơ sinh, ghế tắm của trẻ,... là những mặt hàng nằm trong nhóm đồ trẻ em thuộc đối tượng phải áp dụng tiêu chuẩn bắt buộc và quy định cụ thể. Cụ thể, những mặt hàng sau:

- Phao và đồ chơi dưới nước
- Ti ngậm của trẻ sơ sinh
- Ghế tắm trẻ em
- Xe tập đi của trẻ em
- Bộ đồ chơi thổi bong bóng
- Bảng và lưới bóng rổ
- Túi đậu, túi nệm, túi hạt xốp
- Mũ bảo hiểm
- Giường tầng
- Ghế ngồi trẻ em trong xe

- Dây kéo rèm cửa
- Xe đạp
- Nôi trẻ em
- Quần áo ngủ của trẻ em và các phụ kiện
- Nôi xếp
- Bộ đồ chơi phóng ra, bắn ra
- Bộ chữ có nam châm
- Hàng mỹ phẩm, vệ sinh
- Bộ lửa dùng một lần
- Dây chun buộc hành lý
- Xe đạp thể dục
- Túi nước nóng
- Đồ chơi có chứa chì và nguyên tố khác
- Dây đai kéo xe
- Khung thành bóng đá di động
- Bình xịt cầm tay
- Bình xịt lửa
- Bộ kê dốc xe cộ xách tay
- Xe đẩy trẻ em

- Thuốc lá giảm thiểu hỏa hoạn
- Kính mát và kính thời trang
- Đồ chơi trẻ em từ 3 tuổi trở xuống
- Máy đi bộ thể dục
- Kích nâng lưu động
- Kích nâng ô tô
- Đồ tập bơi và phao dành cho trẻ em
- Đồ chống, đỡ xe cộ

*Nguồn: Thương vụ Việt Nam tại Úc*

### **Đánh giá sự phù hợp.**

Theo Hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Hiệp định TBT), các nước thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) cần phải báo cáo cho WTO tất cả các đề xuất quy định kỹ thuật có thể ảnh hưởng đến thương mại với các nước thành viên khác.

### **Chứng nhận sản phẩm**

SAI Global cung cấp các dịch vụ thông tin và giải pháp quản lý rủi ro, thực hiện việc tuân thủ và thúc đẩy cải thiện kinh doanh cho các tổ chức trên toàn thế giới.

### **Công nhận**

Vai trò của Hội đồng Công nhận các tiêu chuẩn là xem xét và công nhận các tổ chức phát triển tiêu chuẩn muốn phát triển và phát hành các tiêu chuẩn của Úc.

Quá trình công nhận quyết định năng lực của một tổ chức trong việc phát triển các tiêu chuẩn Úc. Thông tin bổ sung về quy trình này do SAN công nhận có thể được tìm thấy trên trang web của Hội đồng: <http://www.absdo.org.au/>

### **Xuất bản các qui định kỹ thuật**

Theo một thỏa thuận với Standards Australia, SAI Global Ltd. Là nhà phát hành chính các tiêu chuẩn Úc cũng như các tiêu chuẩn khác như ISO, DIN (Viện Tiêu chuẩn Úc), IEC và Hiệp hội Tiêu chuẩn Nhật Bản.

### **Các yêu cầu về an toàn sinh học khi nhập khẩu vào Úc**

Nhập khẩu thực vật và các sản phẩm thực vật từ nước ngoài, trong đó có nhập khẩu thực phẩm, có thể mang theo nguy cơ lớn mang vào nước Úc những loại cỏ dại, sâu bệnh và bệnh tật có thể đe dọa môi trường tự nhiên của Úc, an ninh lương thực cũng như toàn bộ nền kinh tế.

Sản phẩm thực vật bao gồm bất kỳ hàng hoá nào có thành phần thực vật hoặc nguồn gốc thực vật bao gồm cả các sản phẩm gỗ hoặc tre, hoa, lá, cành, sản phẩm làm vườn và thực phẩm có nguồn gốc thực vật khác, thức ăn làm từ thực vật cũng như thức ăn cho gia súc.

Tất cả các loại thực vật và sản phẩm từ thực vật, bao gồm cả thực phẩm khi nhập khẩu vào Úc phải tuân thủ các qui định an toàn sinh học của Úc trong Đạo luật An toàn sinh học 2015. Chương 3 của Đạo luật này quy định rõ vấn đề quản lý rủi ro an toàn sinh học đối với hàng hóa, theo đó hàng hóa khi vào Úc cần phải:

#### **➤ Đánh giá mức độ rủi ro an toàn sinh học**

Được nhân viên phụ trách về an toàn sinh học hướng dẫn:

- Hàng hóa sẽ bị kiểm tra và lấy mẫu



- Phải trả lời các câu hỏi liên quan đến hàng hóa
  - Phải cung cấp các chứng từ liên quan đến hàng hóa
  - Hàng hóa có thể phải di chuyển đến địa điểm khác theo hướng dẫn của nhân viên phụ trách an toàn sinh học
  - Đưa ra thông báo về việc kiểm soát an toàn sinh học
- **Các biện pháp an toàn sinh học để quản lý mức rủi ro an toàn sinh học đối với hàng hoá không đạt yêu cầu**

Hàng hóa sẽ phải di chuyển theo hướng dẫn của nhân viên phụ trách an toàn sinh học:

- Xử lý hàng hóa theo hướng dẫn của nhân viên phụ trách an toàn sinh học (tùy vào mức độ rủi ro an toàn sinh học)
- Tái xuất hàng hóa đó ra khỏi lãnh thổ Úc
- Tiêu hủy hàng hóa

Hệ thống các điều kiện nhập khẩu an toàn sinh học - BICON (Biosecurity Import Conditions) là một hệ thống cơ sở dữ liệu được Bộ Nông nghiệp và Nguồn nước Úc xây dựng nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp dễ dàng tra cứu các điều kiện nhập khẩu đối với các sản phẩm động, thực vật, khoáng chất và sinh học.

Hệ thống các điều kiện nhập khẩu an toàn sinh học (BICON) thực chất là hàng rào kiểm dịch để giúp ngăn ngừa sự thâm nhập của sinh vật hại và dịch bệnh vào Úc. Cơ sở dữ liệu này nhằm xác định liệu một mặt hàng dự định nhập khẩu vào Úc có cần giấy phép, có cần xử lý trước khi nhập khẩu, hoặc bất kỳ điều kiện an toàn sinh học nào khác được áp dụng hay không?

**Qui định đối với mặt hàng dệt may khi nhập khẩu vào Úc**

➤ **Quy định về nhãn hiệu thương mại**

Nhãn hiệu thương mại phải ghi rõ nước sản xuất và phải có mô tả thương mại trung thực cho từng mặt hàng.

Nhãn hiệu hàng may mặc phải để ở vị trí chính giữa, phía sau của hàng may mặc.

➤ **Quy định về nhãn hướng dẫn sử dụng**

Đối với hàng dệt may, các tiêu chuẩn bắt buộc quy định về thông tin được ghi ở nhãn hướng dẫn sử dụng.

Nhãn hướng dẫn sử dụng hàng dệt may phải cung cấp đầy đủ những thông tin cần thiết để giúp người tiêu dùng biết cách sử dụng sản phẩm sao cho đảm bảo an toàn, tránh làm hư hỏng.

• **Loại hàng**

Các mặt hàng dệt may thuộc diện phải cung cấp đầy đủ thông tin hướng dẫn sử dụng sản phẩm bao gồm:

- + Hàng may mặc
- + Hàng dệt
- + Đồ trang trí
- + Đồ nội ngoại thất được bọc bằng vật liệu dệt may
- + Đệm
- + Thảm, chiếu
- + Đồ trải, lót giường

- + Hàng cắt may sẵn như tấm trải giường, tấm vải bạt, khăn quàng, vỏ gối, rèm phòng tắm, khăn trải bàn
- + Vải tráng phủ nhựa
- + Da lộn, da thô, da thuộc chưa mài hay đánh bóng, da lông thú
- + Quần áo may sẵn như áo cưới, bộ com-lê

- **Thông tin cần thiết**

Những thông tin cần thiết bao gồm:

- + Cách sử dụng sản phẩm sao cho tránh làm hư hỏng
- + Thông tin liên quan đến chế độ giặt là như có cần phải giặt khô hay không?
- + Cách giặt, làm sạch sản phẩm ví dụ: chỉ được phép giặt tay, bằng nước lạnh
- + Cách sử dụng để tối đa hóa thời gian sử dụng sản phẩm
- + Tránh làm hư hỏng ví dụ như phải giặt riêng để tránh thuốc nhuộm phai ra, ảnh hưởng đến các đồ giặt cùng khác.

- **Định dạng của nhãn hướng dẫn sử dụng**

Tiêu chuẩn bắt buộc đối với nhãn hướng dẫn sử dụng bao gồm các quy định cụ thể sau đây:

- + Hướng dẫn sử dụng chung về sản phẩm phải được đính, gắn chặt, vĩnh viễn vào sản phẩm
- + Phải viết bằng tiếng Anh

- + Trình bày rõ ràng
- + Trình bày đầy đủ thông tin hướng dẫn cách sử dụng sản phẩm sao cho không bị hư hỏng.
- + Nếu chỉ dùng ký hiệu, biểu tượng hướng dẫn cách sử dụng thì bị coi là không đầy đủ, không được chấp nhận

Nhãn hướng dẫn sử dụng không cần dính, gắn vào sản phẩm

Có một số mặt hàng không cần phải dính chặt nhãn hướng dẫn vào sản phẩm như một số sản phẩm may sẵn có thể lộn hai mặt, ca-vát và rèm phòng tắm.

Trong trường hợp này nhà cung cấp có thể ghi thông tin hướng dẫn lên nhãn hướng dẫn hoặc lên miếng bìa carton có thể tháo rời hoặc ghi tài liệu hướng dẫn, sách nhỏ kèm theo hoặc ghi trên bao bì đóng gói hàng.

- **Nội dung của nhãn hướng dẫn sử dụng**

Nhãn hướng dẫn sử dụng phải cung cấp thông tin đầy đủ và phù hợp, không thừa cũng không thiếu về cách sử dụng sản phẩm sao cho an toàn, tránh hư hỏng. Ví dụ nhà cung cấp đưa ra hướng dẫn một sản phẩm “chỉ được giặt khô” hoặc “chỉ được giặt tay, bằng nước lạnh” trong khi người tiêu dùng có thể dùng các cách giặt khác mà vẫn đảm bảo an toàn thì có thể bị coi là lạm dụng, vi phạm quy định về tiêu chuẩn bắt buộc.

Thông tin hướng dẫn cách sử dụng sản phẩm sao cho an toàn, tránh hư hỏng bao gồm:

- + Hướng dẫn chung và cảnh báo
- + Giặt
- + Sấy

- + Là
- + Giặt khô

Khi một sản phẩm có thể giặt là hoặc giặt khô hoặc cả hai cách, thì nhãn hướng dẫn sử dụng cần phải có hướng dẫn cho cả hai cách. Bên cạnh hướng dẫn được ghi bằng tiếng Anh thì có thể có hướng dẫn bằng các thứ tiếng khác.

- **Khuyến cáo**

Nên làm: Hướng dẫn có thể bao gồm cả khuyến cáo những việc mà người tiêu dùng cần làm đối với sản phẩm và cả những việc không được phép hay cấm không được làm. Ví dụ nhà cung cấp có thể đưa ra các khuyến cáo về cách sử dụng sản phẩm như sau:

- + Giặt và phơi khô
- + Để bàn là ở nấc nhỏ nhất
- + Chỉ được giặt khô

Không nên làm:

- + Không được sấy khô
- + Không được dùng bàn là

Đối với sản phẩm vừa không thể giặt là cũng không thể giặt khô thì nhãn hướng dẫn phải được ghi rõ và phải có khuyến cáo cách giặt sao cho đúng cách.

Đối với những sản phẩm gồm có một vài bộ phận khác nhau ví dụ như đồ nội thất, bộ ga giường thì cần có hướng dẫn cho bộ phận dễ bị hư hỏng nhất.

Đối với những sản phẩm làm bằng một số loại vật liệu khác nhau thì phải có hướng dẫn cách thích hợp cho tất cả các loại vật liệu, kể cả vật liệu dễ bị hư hỏng nhất.



Đối với những mặt hàng có nhiều bộ phận tách rời hoặc có thể tháo rời thì phải có nhãn riêng cho từng bộ phận. Ví dụ như quần, váy và áo Jacket của một bộ com-lê, đồ bọc ghế và ghế băng trong bộ ghế sofa, khăn tắm và khăn lau trong bộ khăn ở nhà tắm.

*Nguồn: Thương vụ Việt Nam tại Australia*

### **Cảnh báo về quy định ghi nhãn xuất xứ thực phẩm mới của Úc**

Ngày 24/6/2016, Úc tiếp tục thông báo bổ sung cho các nước thành viên của WTO về việc chính phủ Úc đã ban hành quy định về ghi nhãn xuất xứ thực phẩm bán lẻ trên thị trường nước này, được gọi là tiêu chuẩn cung cấp thông tin ghi nhãn xuất xứ thực phẩm 2016 (G/TBT/N/AUS/100/Add.1). Tiêu chuẩn cung cấp thông tin mới có hiệu lực từ ngày 1/7/2016.

Các doanh nghiệp có 2 năm chuyển tiếp để thực hiện theo quy định mới. Thời gian chuyển tiếp sẽ kết thúc vào ngày 30/06/2018. Tiêu chuẩn này đưa ra các quy định mới về ghi nhãn xuất xứ cho thực phẩm bán lẻ tại Úc và được xây dựng căn cứ trên Luật Người tiêu dùng của Úc. Trước thời điểm hiệu lực tất cả hàng hóa đang lưu thông trên thị trường thực thi theo quy định cũ. Trong thời gian chuyển tiếp, việc ghi nhãn thực phẩm bán lẻ phải tuân thủ theo Tiêu chuẩn Cung cấp Thông tin mới hoặc theo quy định ghi nhãn hiện hành (Quy định Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc New Zealand).

Theo quy định mới, thực phẩm NK vào Úc sẽ tiếp tục phải có thông tin xuất xứ trên nhãn, ví dụ sản phẩm của Thái Lan (Product of Thailand) hay sản xuất tại Canada (Made in Canada), tuy nhiên bổ sung thêm một số quy định như các loại thực phẩm không ưu tiên, tức là các loại thực phẩm người tiêu dùng quan tâm nhiều nhất tới xuất xứ được sản xuất trong nước và nhập khẩu, bắt buộc phải có thông tin về xuất xứ của các thành phần thực phẩm (food contents/ingredients) theo dạng biểu đồ kèm logo và phải đưa thông tin vào một ô xác định trên sản phẩm; các thực phẩm không ưu tiên bao gồm: bột ngọt, mứt kẹo, bánh quy và đồ ăn vặt, nước đóng chai, nước ngọt và nước tăng lực, trà và cà phê, đồ

uống có còn có thể tự nguyện cung cấp thông tin bổ sung.

### Quy định về nhãn hàng khi nhập khẩu giày dép vào Úc

- Nhãn hàng phải ghi rõ nước sản xuất và phải có mô tả thương mại trung thực cho từng mặt hàng. Nhãn hàng phải có mô tả trung thực về vật liệu làm nên đế giày, mặt giày và lớp lót thân giày, ghi rõ bộ phận nào của giày làm bằng vật liệu gì.
- Nếu làm hoàn toàn bằng da thuộc thì ghi “Hoàn toàn bằng da thuộc - all leather”;
- Nếu chỉ có một phần bằng da thuộc thì ghi “Bằng vật liệu tổng hợp-synthetic” hoặc “Bằng vật liệu không phải là da thuộc-non-leather”.
- Đế giày được coi là làm hoàn toàn bằng da thuộc nếu như chỉ có vật liệu khác da nằm trong số vật liệu sau:
  - Miếng đệm bằng bần hoặc bằng nỉ chống thấm;
  - Miếng vải canvas dùng để gia cố miếng lót giày;
  - Khu vực hình cung của đế giày (ứng với vùng gan bàn chân - shank) lót bằng miếng da, miếng vải, hay miếng lót bằng vật liệu là gỗ, kim loại hay nhựa hoặc kết hợp các loại vật liệu này và chỉ dùng để gia cố cho đế giày ở khu vực hình cung của đế giày;  
Vật liệu bằng gỗ, nhựa hoặc kim loại được sử dụng để làm gót giày; và
- Phần gia cố làm hoàn toàn bằng miếng da, miếng vải hoặc vật liệu là gỗ, kim loại, nhựa, canvas hoặc chất liệu khác, keo dán hoặc chất liệu tương tự hoặc kết hợp của các vật liệu này, khi việc gia cố chỉ nhằm hỗ trợ mặt giày ở phía mũi giày và gót giày.
- Mô tả thương mại phải in hoặc khắc lên giày bằng chữ rõ ràng, độ cao của chữ từ 2,5mm trở lên, ở một trong các vị trí sau đây:

- Ở khu vực hình cung của đế giày;
- Ở khu vực hình cung, phía trên thân giày;
- Ở mặt ngoài, phía dưới của gót giày hoặc trên vùng hình cung của miếng lót hoặc nếu không có miếng lót, thì ở mặt trong, phía dưới của gót giày hoặc ở khu vực hình cung của lót giày;
- Ở phần lưỡi gà của giày.

Tuy nhiên, nếu vật liệu của giày không thể cho phép in hoặc rập nổi mô tả thương mại lên bề mặt được thì mô tả thương mại phải:

- Được in hoặc rập nổi lên nhãn bằng cao su, nhựa, miếng vải bền hay vật liệu bền khác;
- Gắn vào giày bằng phương pháp lưu hóa, dán dính, hoặc bằng bất kỳ cách an toàn nào khác.

Quy định này không áp dụng cho giày trượt tuyết, được thiết kế để lắp vào bàn trượt tuyết, giày trượt tuyết có mặt giày bằng nhựa đúc và đế cố định, để không có phần thay thế được.

*Nguồn: Thương vụ Việt Nam tại Úc*

## Hàng hoá yêu cầu mô tả thương mại khi nhập khẩu vào Úc

### ➤ Nhóm hàng hóa chung, chỉ dựa theo tên gọi

Luật Thương mại quy định những mặt hàng dưới đây bị cấm nhập khẩu vào Úc nếu không có mô tả thương mại

- Thực phẩm

- Sản phẩm gốm sứ, xoong nồi, bát đĩa, ấm chén bằng đất nung hoặc tráng men được dùng để đựng đồ ăn hoặc vật dụng trong bếp
- Sản phẩm dệt và hàng may mặc kể cả giày dép
- Đồ điện, thiết bị điện và phụ kiện kể cả đèn cây
- Đồ chơi
- Xi gà, thuốc lá cuộn, thuốc lá đầu lọc, thuốc lá chế biến, giấy cuộn thuốc lá, tẩu thuốc lá
- Phân bón, kể cả chất dùng để làm cho đất trở nên màu mỡ trừ phân hữu cơ có nguồn gốc từ động hoặc thực vật hoặc nguyên liệu thô dùng để sản xuất phân bón.
- Xi măng poóc lăng
- Gạch lát sàn và ốp tường
- Đồ vệ sinh bằng gốm sứ, đất nung hoặc vật liệu tương tự

➤ **Nhóm hàng dựa theo vật liệu cấu thành**

Luật Thương mại quy định những mặt hàng dưới đây có ít nhất một nửa tiết diện bên ngoài được làm bằng một trong các loại vật liệu sau đây thì cũng phải có mô tả thương mại: (i) Da hoặc vật liệu tương tự; hoặc (ii) Sợi hoặc một chất liệu tương tự; hoặc (iii) Cao su lưu hoá hoặc tương tự; hoặc (iv) Nhựa. Các sản phẩm này bao gồm:

- Cặp da
- Thắt lưng
- Yên xe đạp
- Dây cương

- Hòm
- Hộp đựng dụng cụ âm nhạc, radio hoặc kèn gra-mô-phôn
- Cặp đựng tài liệu
- Vỏ đựng điện thoại, sổ sách...
- Găng tay
- Túi xách tay
- Dây curoa
- Hộp đựng mũ
- Dây cương
- Túi đựng dụng cụ
- Quần tất
- Đai chằng máy móc
- Túi nhỏ
- Ví nhỏ
- Dao cạo râu
- Yên xe
- Cặp xách học sinh
- Hộp đựng đồ dùng học tập của học sinh
- Túi đi chợ



- Hàng thể thao kể cả găng tay quyền anh, túi đựng bóng đá, túi đựng gậy gôn, túi đấm, và bóng
- Vali
- Rương, hòm
- Ví

Đối với mặt hàng giày, dệt may phải đáp ứng các qui định bổ sung về mô tả thương mại.

➤ **Những thực phẩm và thực phẩm đóng gói sẵn không cần có mô tả thương mại nếu nhập khẩu trước ngày 1/7/2018**

Bắt đầu từ ngày 1/7/2018, qui định này được bãi bỏ, các hàng thực phẩm và thực phẩm đóng gói sẵn dưới đây phải có mô tả thương mại mới được phép nhập khẩu vào Úc.

• **Hàng thực phẩm:**

- + Bánh kẹo có hình dạng lạ mắt, như trứng phục sinh và hộp đựng quà phục sinh
- + Mật ong ở thể nguyên
- + Cá ướp muối

• **Thực phẩm đóng gói:**

- + Thực phẩm đóng gói trên 75kg hoặc có dung tích trên 150l
- + Thực phẩm đóng gói:
  - có ít hơn 9 loại được đóng gói để bán theo số lượng
  - toàn bộ hoặc một phần được làm bằng vật liệu có thể nhìn thấy rõ số lượng sản phẩm khi nhìn vào bao gói

- + Túi, bao, bịch sản phẩm nông nghiệp được đóng gói sẵn theo trọng lượng để bán (ví dụ như lúa mì, ngô, khoai tây) có trọng lượng không quá 25kg
- + Kem hoặc đồ đông lạnh đóng gói, loại dưới 300ml
- + Bánh đóng gói đơn chiếc dưới 250g
- + Bánh put-đinh, bánh đơn chiếc đóng gói sẵn, dưới 125g
- + Rau khô đóng gói dưới 15g
- + Rượu vang đóng sẵn ghi nhãn hiệu trước 1/11/1969
- + Rượu đóng sẵn dưới 75ml hoặc hơn 10l
- + Một hoặc nhiều loại thực phẩm đóng sẵn, bán theo số lượng, nếu số lượng được ghi trên:
  - bao bì hoặc
  - nhãn gắn vào bao bì
- **Đồ đóng gói sẵn**
  - + là hàng thực phẩm (như tinh thể mút, bột làm đồ ăn tráng miệng, bột sữa trứng, viên hoặc bột sữa đông), trừ sữa bột hoặc sữa đặc, và
  - + có hướng dẫn cụ thể toàn bộ hoặc mỗi phân đơn vị đóng gói nhỏ hơn phải được pha loãng theo trọng lượng hoặc theo khối lượng
    - Đồ thực phẩm đóng gói sẵn (trừ hạt tiêu và gia vị khác, thảo mộc, chè hòa tan hoặc rau khô) dưới 25g hoặc 25ml
    - Đồ đóng gói sẵn như bánh kẹo, hạt, bỏng ngô, khoai tây chiên giòn, hoặc các món ăn vặt:

- đã đóng thành gói dưới 85g hoặc sô-cô-la dạng khuôn, khối, thanh có hoặc không có hương liệu, có trọng lượng dưới 30g, hoặc
  - đã đóng gói thành một mặt hàng khác nếu giá trị đáng kể của các mặt hàng kết hợp được biểu thị bằng mặt hàng khác đó.
- Quả khô đã đóng gói:
- trọng lượng dưới 85g, hoặc
  - đã đóng gói thành một mặt hàng khác nếu giá trị đáng kể của các mặt hàng kết hợp được biểu thị bằng mặt hàng khác đó.

### **Các yêu cầu về an toàn thực phẩm khi nhập khẩu vào Úc**

Một khi tất cả các yêu cầu về an toàn sinh học đã được giải quyết, thực phẩm nhập khẩu cũng phải tuân thủ các qui định liên quan đến thực phẩm nhập khẩu của Úc, được qui định trong Luật Kiểm soát Thực phẩm Nhập khẩu năm 1992 (Imported Food Control) và Bộ Luật Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc và New Zealand (Australian and New Zealand Food Standard Code).

Các tiêu chuẩn áp dụng với thực phẩm được quy định trong Bộ Luật Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc và New Zealand. Tất cả thực phẩm nhập khẩu vào Úc phải đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu của bộ luật này đồng thời nhà nhập khẩu có trách nhiệm bảo đảm thực phẩm nhập khẩu đạt các yêu cầu về an toàn thực phẩm của Úc.

Bộ Luật tiêu chuẩn thực phẩm của Úc và New Zealand gồm 4 Chương:

Chương 1 - Giới thiệu và các tiêu chuẩn áp dụng cho tất cả các loại thực phẩm, gồm các yêu cầu về nhãn mác; các chất bổ sung và thực phẩm; dư lượng tối đa cho phép; thực phẩm biến đổi gen; hạn mức vi sinh học và các yêu cầu về chế biến.

Chương 2 - Tiêu chuẩn sản phẩm thực phẩm, gồm các yêu cầu thành phần đối với các

loại thực phẩm cụ thể.

Chương 3 - Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, gồm các yêu cầu về an toàn thực phẩm đối với người chế biến thực phẩm.

Chương 4 - Tiêu chuẩn sản xuất cơ bản, gồm các tiêu chuẩn cho hàng nông sản.

Chương 1 và Chương 2 của Bộ Luật Tiêu chuẩn Thực phẩm áp dụng các tiêu chuẩn đối với sản phẩm thực phẩm. Phương pháp tiếp cận dựa vào kiểm tra điểm cuối để đánh giá mức độ tuân thủ.

### **Yêu cầu về dán nhãn và các yêu cầu thông tin khác**

- Thông tin để xác định thực phẩm, gồm có: tên thực phẩm; thông tin xác định lô hàng; và tên và địa chỉ của nhà cung cấp.
- Thông tin về các cảnh báo, tư vấn và khai báo, gồm có: thông tin tư vấn bắt buộc; thông tin cảnh báo bắt buộc nếu trong thực phẩm có thành phần sữa ong chúa và phải ghi như sau: “This product contains royal jelly which has been reported to cause severe allergic reactions and in rare cases, fatalities, especially in asthma and allergy sufferers” (tạm dịch: Sản phẩm này có chứa thành phần là sữa ong chúa, được cảnh báo là có thể gây dị ứng nghiêm trọng và có thể ảnh hưởng tới tính mạng, đặc biệt là đối với người bị hen và dị ứng); và thông tin khai báo bắt buộc đối với một số thực phẩm và chất có trong thực phẩm cụ thể.
- Thông tin về thành phần, bao gồm liệt kê tất cả các thành phần theo tên thông thường, mô tả hoặc tên chung; các thành phần này phải được liệt kê theo thứ tự giảm dần về tỷ trọng; khai báo về các thành phần thay thế; khai báo về các chất phụ gia; và khai báo về các vitamin và khoáng chất.
- Thông tin về thời gian, bao gồm các thông tin như hạn sử dụng, ngày làm ra thực

phẩm...

- Thông tin về hướng dẫn sử dụng và điều kiện bảo quản, thông tin chi tiết xem tại đây
- Thông tin về dinh dưỡng của thực phẩm,
- Thông tin về các thành phần cấu tạo đặc trưng của thực phẩm,
- Thông tin về quốc gia xuất xứ của thực phẩm trên nhãn dán
- Yêu cầu đối với các chất được thêm vào hoặc có sẵn trong thực phẩm
- Thông tin về các yêu cầu đối với phụ gia thực phẩm như chủng loại, màu sắc và mức độ cho phép
- Thông tin về các yêu cầu đối với vitamin và khoáng chất trong thực phẩm, bao gồm danh sách các vitamin và khoáng chất được phép sử dụng, tính toán lượng vitamin và khoáng chất cho phép, việc sử dụng Vitamin D làm chất dinh dưỡng trong ngũ cốc ăn sáng và quy định về dán nhãn đối với ngũ cốc ăn sáng có chứa Vitamin D xem tại đây
- Thông tin về các yêu cầu đối với chất hỗ trợ chế biến trong thực phẩm, bao gồm quy định sử dụng.
- Yêu cầu về các chất tồn dư và các chất gây ô nhiễm đối với thực phẩm
- Thông tin về các yêu cầu đối với các chất độc hại, bao gồm quy định các mức độ cụ thể đối với các chất này được phép có trong thực phẩm.
- Thông tin về các yêu cầu đối với hóa chất AGVET (là các sản phẩm hóa chất nông nghiệp hoặc các sản phẩm hóa chất thú y), bao gồm các quy định cụ thể về mức độ cho phép hóa chất này có trong thực phẩm xem tại địa chỉ dưới đây:  
<https://www.legislation.gov.au/Details/F2016C00168>
- Thông tin về các yêu cầu đối với thực vật và nấm bị cấm và hạn chế trong thực phẩm,



bao gồm danh sách các loại thực vật và nấm bị cấm, danh sách các loại thực vật và nấm bị hạn chế xem tại địa chỉ dưới đây:  
<https://www.legislation.gov.au/Details/F2016C00169>

### Yêu cầu về một số loại thực phẩm

- Thông tin về yêu cầu đối với các loại thực phẩm mới, bao gồm danh sách các loại thực phẩm mới xem tại địa chỉ dưới đây:  
<https://www.legislation.gov.au/Details/F2017C00324>
- Thông tin về yêu cầu đối với thực phẩm biến đổi gen, bao gồm thông tin về việc khi nào thì thực phẩm biến đổi gen được phép bán, quy định về dán nhãn đối với thực phẩm loại này xem tại địa chỉ dưới đây:  
<https://www.legislation.gov.au/Details/F2016C00170>
- Thông tin về yêu cầu chiếu xạ thực phẩm, bao gồm danh sách các loại rau, quả, thảo mộc, gia vị, nguyên liệu thực vật cần phải chiếu xạ, khi nào cần phải chiếu xạ, khi nào cần phải tái chiếu xạ, các nguồn bức xạ được sử dụng, yêu cầu về hồ sơ chiếu xạ và nhãn mác xem tại địa chỉ dưới đây:  
<https://www.legislation.gov.au/Details/F2017C00053>

### Yêu cầu về chế biến và hạn mức vi sinh học

- Thông tin về các yêu cầu đối với hạn mức vi sinh học trong thực phẩm, bao gồm danh sách các thực phẩm nằm ngoài hạn mức vi sinh học, và đánh giá các mức độ vi sinh học trong thực phẩm xem tại địa chỉ dưới đây:  
<https://www.legislation.gov.au/Details/F2016C00172>
- Thông tin về các yêu cầu đối với chế biến mặt hàng thịt, bao gồm yêu cầu đối với thịt từ động vật hoang dã, và yêu cầu đối với các sản phẩm từ thịt lên men xem tại địa chỉ

dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2015L00412>

### Yêu cầu đối với ngũ cốc

Thông tin về các yêu cầu đối với ngũ cốc và các sản phẩm từ ngũ cốc, bao gồm các yêu cầu đối với bánh mì và các sản phẩm từ bánh mì, và các yêu cầu đối với ngũ cốc nguyên hạt và các sản phẩm từ ngũ cốc xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2015L00420>

### Yêu cầu đối với thịt, trứng và cá

- Thông tin về các yêu cầu đối với thịt và các sản phẩm từ thịt, bao gồm các yêu cầu để bán đối với từng loại thịt, yêu cầu về nhãn hàng đối với từng loại thịt, và yêu cầu về nguồn gốc của thịt xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2016C00173>
- Thông tin về các yêu cầu đối với trứng và các sản phẩm từ trứng, bao gồm yêu cầu không được bán các loại trứng không đảm bảo, và yêu cầu về việc truy xuất nguồn gốc trứng xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2015L00428>
- Thông tin về các yêu cầu đối với cá và các sản phẩm từ cá, bao gồm các yêu cầu về dán nhãn đối với cá nguyên con hoặc cá đã qua sơ chế xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2015L00429>

### Yêu cầu đối với trái cây và rau củ

- Thông tin về các yêu cầu đối với các loại rau, củ, quả, bao gồm các yêu cầu để được bán trái cây và rau củ ngâm trong nước muối, dầu, giấm hoặc nước xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2015L00458>

- Thông tin về các yêu cầu đối với mặt hàng mứt, bao gồm các yêu cầu để được phép bày bán mặt hàng này xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2015L00459>

### Yêu cầu đối với các loại dầu ăn

- Thông tin về các yêu cầu đối với dầu ăn, bao gồm các yêu cầu để được bày bán mặt hàng này và các yêu cầu về dán nhãn sản phẩm xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2015L00460>
- Thông tin về các yêu cầu đối với hợp chất có dầu ăn dùng để phết, bao gồm các yêu cầu để được phép bày bán mặt hàng này xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2016C00174>

### Yêu cầu đối với các sản phẩm bơ sữa

- Thông tin về các yêu cầu đối với sữa, bao gồm các yêu cầu để được phép bày bán đối với từng loại sữa xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2015L00462>
- Thông tin về các yêu cầu đối với kem (cream), bao gồm các yêu cầu để được phép bày bán mặt hàng này xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2015L00470>
- Thông tin về các yêu cầu đối với các sản phẩm sữa được lên men và sữa chua, bao gồm các yêu cầu để được phép bày bán, và các yêu cầu về thành phần trong mặt hàng này xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2015L00413>
- Thông tin về các yêu cầu đối với pho mát, bao gồm các yêu cầu để được phép bày bán, và các yêu cầu về thành phần trong mặt hàng này xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2015L00414>

- Thông tin về các yêu cầu đối với bơ, bao gồm các yêu cầu để được phép bày bán, và các yêu cầu về thành phần trong mặt hàng này xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2015L00423>
- Thông tin về các yêu cầu đối với kem đông lạnh (ice-cream), bao gồm các yêu cầu để được phép bày bán, và các yêu cầu về thành phần trong mặt hàng này xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2015L00424>
- Thông tin về các yêu cầu đối với sữa bột, sữa đặc không đường và sữa đặc có đường, bao gồm các yêu cầu để được phép bày bán, và các yêu cầu về thành phần trong từng loại này xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2017C00325>

#### Yêu cầu đối với đồ uống không cồn

- Thông tin về các yêu cầu đối với nước trái cây và nước rau quả, bao gồm các yêu cầu để được phép bày bán, các yêu cầu về thành phần trong mặt hàng này, và các yêu cầu về dán nhãn xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2015L00426>
- Thông tin về các yêu cầu đối với đồ uống không cồn, bao gồm các yêu cầu để được phép bày bán, các yêu cầu về thành phần trong từng loại này, và yêu cầu về dán nhãn sản phẩm xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2017C00721>
- Thông tin về các yêu cầu đối với đồ uống từ cây kava, bao gồm các yêu cầu để được phép bày bán, các yêu cầu về thành phần trong loại này, và yêu cầu về dán nhãn sản phẩm xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2017C00326>
- Thông tin về các yêu cầu đối với đồ uống có chứa chất cafein, bao gồm các yêu cầu để được phép bày bán, các yêu cầu về thành phần trong loại này, và yêu cầu về dán

nhãn sản phẩm xem tại địa chỉ dưới đây:  
<https://www.legislation.gov.au/Details/F2015L00467>

### Yêu cầu đối với đồ uống có cồn

- Thông tin về các yêu cầu về dán nhãn đối với các đồ uống có cồn và thực phẩm có cồn, bao gồm các yêu cầu về việc tuyên bố trên nhãn mác của sản phẩm xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2016C00176>
- Thông tin về các yêu cầu đối với bia, bao gồm các yêu cầu để được phép bày bán các sản phẩm này xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2015L00384>
- Thông tin về các yêu cầu đối với rượu được lên men từ rau, củ, quả và rượu từ mật ong, bao gồm các yêu cầu để được phép bày bán các mặt hàng này xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2015L00388>
- Thông tin về các yêu cầu đối với rượu vang và các sản phẩm từ rượu vang, bao gồm các yêu cầu để được phép bày bán các sản phẩm này xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2016C00177>
- Thông tin về các yêu cầu đối với rượu có cồn, bao gồm các yêu cầu để được phép bày bán, và yêu cầu về việc sử dụng chỉ dẫn địa lý của đồ uống này xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2015L00399>

### Yêu cầu đối với đường và mật ong

- Thông tin về các yêu cầu đối với đường và các sản phẩm từ đường, bao gồm các yêu cầu để được phép bày bán các mặt hàng này xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2016C00178>



- Thông tin về các yêu cầu đối với mật ong, bao gồm các yêu cầu để được phép bày bán mặt hàng này xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2015L00407>

### Yêu cầu đối với các thực phẩm riêng biệt

- Thông tin về các yêu cầu đối với các sản phẩm công thức cho trẻ sơ sinh, bao gồm các yêu cầu về thành phần chung trong các sản phẩm này, các yêu cầu về thành phần trong công thức cho trẻ sơ sinh và công thức tiếp theo (phù hợp cho trẻ từ 6 tháng trở lên), các yêu cầu về thành phần trong các sản phẩm công thức cho trẻ sơ sinh khi ăn kiêng, các yêu cầu về dán nhãn và đóng gói đối với các sản phẩm này, và đưa ra các hướng dẫn đối với các sản phẩm công thức cho trẻ sơ sinh xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2017C00332>
- Thông tin về các yêu cầu đối với thực phẩm cho trẻ sơ sinh, bao gồm các yêu cầu về thành phần chung trong thực phẩm loại này, các yêu cầu trong việc bổ sung thành phần trong thực phẩm, các yêu cầu về dán nhãn, các yêu cầu về thông tin dinh dưỡng, và các yêu cầu về khai báo các khoáng chất và vitamin trong thực phẩm xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2017C00334>
- Thông tin về các yêu cầu đối với thực phẩm thay thế dạng công thức và thực phẩm bổ sung dạng công thức, bao gồm các yêu cầu về thành phần trong từng loại thực phẩm này, và các yêu cầu về dán nhãn đối với từng loại xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2017C00314>
- Thông tin về các yêu cầu đối với thực phẩm bổ sung dạng công thức dành cho thể thao, bao gồm các yêu cầu về thành phần trong loại thực phẩm này, các yêu cầu về dán nhãn, các yêu cầu về khai báo chất dinh dưỡng, và các yêu cầu về thực phẩm bổ sung dạng công thức riêng biệt cho thể thao xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2017C00336>

- Thông tin về các yêu cầu đối với thực phẩm phục vụ mục đích y tế đặc biệt, bao gồm các yêu cầu về người bán và nơi bán, các yêu cầu về thành phần trong thực phẩm này, và các yêu cầu về dán nhãn xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2017C00337>

### Các tiêu chuẩn cho các thực phẩm khác

- Thông tin về các yêu cầu đối với giấm và các sản phẩm liên quan, bao gồm các yêu cầu để được phép bày bán sản phẩm này xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2015L00484>
- Thông tin về các yêu cầu đối với muối và các sản phẩm từ muối, bao gồm các yêu cầu để được phép bày bán, và các yêu cầu đối với dán nhãn xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2016C00184>
- Thông tin về các yêu cầu đối với kẹo cao su, bao gồm khai báo về can-xi trong kẹo, và các yêu cầu về dán nhãn xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2017C00338>
- Thông tin về các tiêu chuẩn hỗn hợp cho các thực phẩm khác, bao gồm các yêu cầu để được phép bán các mặt hàng trà và cà phê, bơ đậu phộng, socola, cacao, và gelatin xem tại địa chỉ dưới đây: <https://www.legislation.gov.au/Details/F2015L00487>

Chương 3 và Chương 4 của Bộ Luật Tiêu chuẩn Thực phẩm áp dụng một loạt các biện pháp dự phòng đối với các doanh nghiệp kinh doanh và chế biến thực phẩm để sản xuất ra thực phẩm an toàn. Đối tượng áp dụng chủ yếu là doanh nghiệp tại Úc. Bên cạnh đó, kiểm tra mức độ tuân thủ thông qua thanh tra, giám sát, kiểm tra xác minh và kiểm toán. Thông tin chi tiết về 2 chương này xem tại địa chỉ sau: <http://www.foodstandards.gov.au/code/Pages/default.aspx>

## Quy định đối với mặt hàng gỗ nhập khẩu vào Úc

### ➤ Quy định chung

Chính phủ Úc cam kết hỗ trợ thương mại đối với các mặt hàng từ gỗ được khai thác hợp pháp bằng việc ban hành Luật Cấm khai thác gỗ bất hợp pháp năm 2012 (Illegal Logging Prohibition Regulation 2012). Luật này được ban hành nhằm giảm thiểu việc đưa các sản phẩm được khai thác từ gỗ trái phép vào thị trường Úc. Luật này được áp dụng đối với toàn bộ các nhà nhập khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ; và tất cả gỗ được khai thác, chế biến tại Úc.

Luật này quy định, các doanh nghiệp nhập khẩu gỗ, bột giấy hoặc sản phẩm giấy vào Úc phải thực hiện việc khảo sát tính hợp pháp. Điều này bao gồm việc thu thập thông tin và đánh giá nguy cơ có phải gỗ trong các sản phẩm này là loại khai thác trái phép hay không. Trừ trường hợp nguy cơ thấp, các doanh nghiệp cũng cần phải thực hiện các biện pháp thích hợp để giảm thiểu nguy cơ này. Luật này áp dụng đồng đều đối với nhà chế biến gỗ thô thu hoạch tại Úc.

Luật này không có hiệu lực đối với các đối tác thương mại của Úc mà chỉ áp đặt các yêu cầu đối với doanh nghiệp nhập khẩu vào Úc và tìm cách giảm thiểu nguy cơ gỗ đã khai thác bất hợp pháp được đưa vào thị trường Úc.

Tuy nhiên, nếu cung cấp gỗ, bột giấy hoặc sản phẩm giấy cho khách hàng tại Úc, doanh nghiệp xuất khẩu có thể phải cung cấp thêm thông tin về sản phẩm của mình, có thể là thông tin về gỗ trong sản phẩm, nơi thu hoạch và bất kỳ văn bản hay giấy tờ nào khác có thể chứng minh tính hợp pháp của mặt hàng.

Thông tin này sẽ giúp doanh nghiệp tại Úc đánh giá nguy cơ có phải các sản phẩm này là loại đã khai thác trái phép hay không và giúp họ có thể quyết định khi mua hàng.

Chính phủ Úc cùng với các chính phủ liên quan soạn thảo các Quy định riêng cho từng

quốc gia (Country Specific Guidelines). Nhờ những quy định này các nhà nhập khẩu sẽ có thêm thông tin đối với các luật về gỗ hiện nay của các đối tác thương mại quan trọng và có thể dễ dàng thực hiện việc khảo sát tính hợp pháp. Hiện nay thì chưa có quy định riêng cho Việt Nam.

### ➤ Sản phẩm gỗ dạng thô

Sản phẩm gỗ ở dạng thô như gỗ ván sàn, cốp pha, dăm gỗ và nhiều sản phẩm khác thuộc đối tượng kiểm soát sinh học theo quy định kiểm soát an toàn sinh học do Bộ Nông nghiệp và Nguồn nước chịu trách nhiệm quản lý và giám sát.

### ➤ Đồ nội ngoại thất

Đối với đồ nội ngoại thất như giường tủ bàn ghế điều kiện nhập khẩu là phải có nhãn hàng. Nhãn hàng phải đưa ra thông tin đầy đủ về nước xuất xứ, mô tả trung thực về hàng hóa. Nhãn phải ghi bằng tiếng Anh, gắn, dập ở vị trí dễ nhìn, dễ đọc.

### ➤ Thu hồi sản phẩm

Sản phẩm bị thu hồi do nhãn cảnh báo để không đúng vị trí quy định

## Quy định đối với mặt hàng rau, củ, quả đông lạnh, chế biến hoặc đã qua bảo quản

Bộ Nông nghiệp không yêu cầu phải có giấy phép nhập khẩu đối với mặt hàng này.

Các sản phẩm phải được xử lý theo quy định trong bảng danh sách các trái cây đông lạnh được phép nhập khẩu mà đòi hỏi chế biến. Để chứng minh các sản phẩm phù hợp với yêu cầu này thì các nhà nhập khẩu phải xuất trình các giấy tờ sau: Tờ khai của nhà sản xuất (Manufacturer's declaration), Tờ khai của nhà cung cấp (Supplier declaration), Giấy chứng nhận chính thức của Chính phủ (Official Government Certificate) hoặc Hóa đơn thương mại (Commercial invoice). Các bằng chứng chứng minh hàng hóa đã trải qua quá

trình xử lý phù hợp.

Hàng nhập khẩu phải được làm đông lạnh theo một quy trình phù hợp. Quy trình đông lạnh gồm các khâu chuẩn bị, đóng gói và bảo quản ở kho hàng. Các nhà nhập khẩu cần phải nộp các tài liệu sau đây:

- Thông báo quy cách đông lạnh (Freezing declaration)
- Danh sách đóng gói (Packing list)
- Tờ khai của nhà cung cấp (Supplier declaration)
- Tờ khai của nhà xuất khẩu (Exporter declaration)
- Giấy chứng nhận xuất khẩu (Export certificate)
- Hóa đơn thương mại (Commercial invoice) hoặc Chứng thư người thụ hưởng (Beneficiary certificate) và thông tin về:
  - Nước xuất xứ
  - Tên thực vật
  - Thông tin về đóng gói
  - Thông tin về xử lý
- Giấy cam kết về việc đông lạnh
- Giấy cam kết rằng hàng hóa được bảo quản liên tục ở nhiệt độ từ  $-18^{\circ}\text{C}$  trở xuống hoặc được bảo quản dưới nhiệt độ này trong khoảng thời gian liên tục kéo dài ít nhất là 7 ngày. Thời điểm bắt đầu được tính kể từ khi nhiệt độ đạt  $-18^{\circ}\text{C}$ .

Kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2013, tờ khai sản xuất không được chấp nhận cho việc xác minh quá trình làm lạnh.



Hàng hóa phải được chuẩn bị ở quy mô thương mại và đóng gói sạch sẽ, sử dụng bao bì mới.

Hàng hóa phải đảm bảo sạch sẽ và không lẫn các hạt, dầu, xác động vật, mảnh thực vật và các vật liệu được xếp loại có rủi ro an toàn sinh học trước khi tới Úc.

Hàng hóa khi tới Úc phải ở dạng đông lạnh.

Hàng hóa đáp ứng được các điều kiện trên có thể được thông quan mà không cần phải qua kiểm tra. Hàng hóa có thể bị kiểm tra ngẫu nhiên để đánh giá tình trạng đông lạnh của hàng hóa hoặc kiểm tra các điểm chưa được thể hiện trên hóa đơn.

Khi các yêu cầu an toàn sinh học đã được đáp ứng, nhà nhập khẩu chịu trách nhiệm đảm bảo hàng nhập khẩu tuân thủ quy định theo Luật Kiểm soát thực phẩm nhập khẩu 1992, kể cả Bộ Luật Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc - New Zealand.

### ➤ Cảnh báo và công bố thông tin

Các nhà nhập khẩu phải có trách nhiệm tuân thủ các luật này và đảm bảo thực phẩm nhập khẩu đáp ứng các yêu cầu của Bộ Luật Tiêu chuẩn Thực phẩm và bất kỳ tiêu chuẩn hoặc yêu cầu có liên quan của Úc.

Bộ Nông nghiệp và Nguồn nước giám sát mối nguy cơ an toàn thực phẩm và sự phù hợp với Bộ Luật Tiêu chuẩn Thực phẩm bằng phương tiện của Chương trình Kiểm Tra Thực phẩm. Theo Chương trình này, thực phẩm có thể bị giữ lại để kiểm tra và thử nghiệm. Việc kiểm tra sẽ bao gồm đánh giá trực quan và đánh giá trên nhãn và cũng có thể bao gồm việc lấy mẫu thực phẩm để xét nghiệm.

Theo quy định về áp dụng các loại phí an toàn sinh học 2016 và Phần 2, Chương 9 của quy định an toàn sinh học 2016, tất cả các phí dịch vụ được trả cho Bộ Nông nghiệp và Nguồn nước.

Các yêu cầu về thông tin phi hàng hóa đối với hàng hóa nhập khẩu cũng được áp dụng.

Bao bì, kệ hàng hoặc các vật chèn lót bằng gỗ gắn với lô hàng có thể bị kiểm tra và xử lý tại cửa đến, trừ khi có bằng chứng đầy đủ về việc xử lý được Bộ Nông nghiệp chấp nhận.

Tất cả các tài liệu trình cho Bộ Nông nghiệp để hỗ trợ việc xác định mức độ rủi ro sinh học trong quá trình vận chuyển và đóng gói phải đáp ứng yêu cầu của các trường hợp phi hàng hoá.

### **Qui định đối với mặt hàng cua, ghẹ đông lạnh nhập khẩu vào Úc**

a. Bộ Nông nghiệp Úc không yêu cầu giấy phép nhập khẩu đối với mặt hàng này.

b. Các giấy tờ đi kèm với lô hàng phải:

- Xác định được lô hàng (ví dụ: số cập cảng...)
- Xác định tất cả hàng hóa được nhập khẩu như là một phần của lô hàng đó (ví dụ: hóa đơn, vận đơn hoặc tờ khai của nhà nhập khẩu)
- Mô tả hàng hóa được nhập khẩu

c. Chỉ cua, ghẹ không còn sống mới được phép nhập khẩu vào Úc. Tất cả các lô hàng phải sạch sẽ và không có các vật liệu không liên quan như thực vật, ốc hoặc hào hoặc các vật liệu không được cho phép khác.

d. Nộp tờ khai về việc hàng hóa đã được cấp đông và ghi rõ: “A statement that the products were subjected to freezing at or below -18 °C for at least for 7 consecutive days prior to shipment.” (tạm dịch: Tuyên bố sản phẩm đã được cấp đông ở nhiệt độ -18 °C trong ít nhất 7 ngày liên tiếp trước khi giao hàng).

e. Các lô hàng có thể bị kiểm tra để xác minh xem đã được cấp đông đủ thời gian và đủ nhiệt độ hay chưa.

f. Các lô hàng không có đầy đủ giấy tờ sẽ bị kiểm tra để xác minh rằng không có bất cứ con cua, ghẹ nào còn sống và đảm bảo rằng không có các vật liệu không liên quan nào trong lô hàng.

g. Theo Luật phí An toàn Sinh học (Tổng quan) năm 2016 và Chương 9, phần 2 của Luật An toàn Sinh học 2016, tất cả các phí dịch vụ được trả cho Bộ Nông nghiệp và Nguồn nước Úc.

h. Ngoài các điều kiện đối với hàng nhập khẩu, các mối quan tâm không phải là hàng hoá cần phải được đánh giá bao gồm cả vấn đề vệ sinh container, đóng gói và các điểm đến và có thể hàng hoá phải kiểm tra và xử lý khi nhập cảng.

i. Một khi các yêu cầu an toàn sinh học đã được đáp ứng, các nhà nhập khẩu có trách nhiệm đảm bảo rằng tất cả các thực phẩm nhập khẩu tuân thủ Đạo luật Kiểm soát nhập khẩu thực phẩm năm 1992, kể cả Bộ Luật Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc - New Zealand.

### **Qui định đối với mặt hàng cà phê nhập khẩu vào Úc**

Cà phê để chế biến hoặc cho con người sử dụng (HS 0901)

Hạt cà phê rang – loại hạt không qua tiêu hóa của động vật

1. Không yêu cầu giấy phép nhập khẩu của Bộ Nông nghiệp và Nguồn nước.
2. Hàng hóa phải đảm bảo sạch sẽ và không lẫn các hạt, dầu, xác động vật, mảnh thực vật và các vật liệu được xếp loại là có rủi ro an toàn sinh học trước khi tới Úc.
3. Mỗi lô hàng phải được đóng gói sạch sẽ, sử dụng bao bì mới.
4. Một khi các yêu cầu an toàn sinh học đã được đáp ứng, các nhà nhập khẩu có trách nhiệm đảm bảo rằng tất cả các thực phẩm nhập khẩu tuân thủ Đạo luật Kiểm soát nhập khẩu thực phẩm năm 1992, kể cả Bộ Luật Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc - New Zealand.

## ➤ Cảnh báo và công bố thông tin

Các nhà nhập khẩu phải có trách nhiệm tuân thủ các luật và đảm bảo thực phẩm nhập khẩu đáp ứng các yêu cầu của Bộ Luật Tiêu chuẩn Thực phẩm và bất kỳ tiêu chuẩn hoặc yêu cầu có liên quan của Úc.

Bộ Nông nghiệp và Nguồn nước giám sát môi nguy cơ an toàn thực phẩm và sự phù hợp với Bộ Luật Tiêu chuẩn Thực phẩm bằng phương tiện của Chương trình Kiểm Tra Thực phẩm. Theo Chương trình này, thực phẩm có thể bị giữ lại để kiểm tra và thử nghiệm. Việc kiểm tra sẽ bao gồm đánh giá trực quan và đánh giá trên nhãn và cũng có thể bao gồm việc lấy mẫu thực phẩm để xét nghiệm.

5. Theo quy định về áp dụng các loại phí an toàn sinh học 2016 và Phần 2, Chương 9 của quy định an toàn sinh học 2016, tất cả các phí dịch vụ có thể được trả cho Bộ Nông nghiệp và Nguồn nước.

6. Các yêu cầu về thông tin phi hàng hóa đối với hàng hóa nhập khẩu cũng được áp dụng.

Bao bì, kệ hàng hoặc các vật chèn lót bằng gỗ gắn với lô hàng có thể bị kiểm tra và xử lý tại cửa đến, trừ khi có bằng chứng đầy đủ về việc xử lý được Bộ Nông nghiệp chấp nhận.

Tất cả các tài liệu trình cho Bộ Nông nghiệp để hỗ trợ việc xác định mức độ rủi ro sinh học trong quá trình vận chuyển và đóng gói phải đáp ứng yêu cầu của các trường hợp phi hàng hoá.

## Quy định đối với mặt hàng chè nhập khẩu vào Úc

Điều kiện nhập khẩu đối với loại chè xanh hoặc chè đen (*Camellia sinensis*) cho con người sử dụng

1. Chè đen và chè xanh là các sản phẩm chế biến cao, có ít nguy cơ rủi ro về an toàn sinh học nên có thể được thông quan mà không cần kiểm tra. Tuy nhiên, việc kiểm tra ngẫu

nhiên vẫn có thể được tiến hành nhằm xác minh các lô hàng không làm từ nguyên liệu có rủi ro về an toàn sinh học.

2. Bộ Nông nghiệp và Nguồn nước Úc không yêu cầu giấy phép nhập khẩu mặt hàng này.
3. Tất cả các vật liệu trong lô hàng phải được sấy khô hoàn toàn và không có khả năng truyền bệnh.
4. Hàng hóa phải được làm sạch và không lẫn các chất ô nhiễm từ hạt, đất, những mảnh vụn từ động thực vật và các chất liệu có rủi ro về an toàn sinh học khác trước khi đến Úc.
5. Tất cả bao bì sử dụng cùng với lô hàng phải sạch và mới.
6. Nếu các nguyên liệu có rủi ro về an toàn sinh học như là côn trùng sống, đất, hạt, nguyên liệu từ động vật hoặc chất gây ô nhiễm được tìm thấy trong quá trình kiểm tra thì lô hàng sẽ bị giữ lại và các chất ô nhiễm phải được xử lý bằng các biện pháp phù hợp được công nhận bởi Bộ Nông nghiệp Úc hoặc sẽ bị tái xuất hoặc tiêu hủy với toàn bộ chi phí do nhà nhập khẩu chịu.
7. Theo quy định về áp dụng các loại phí an toàn sinh học 2016 và Phần 2, Chương 9 của quy định an toàn sinh học 2016, tất cả các phí dịch vụ được trả cho Bộ Nông nghiệp và Nguồn nước.
8. Các yêu cầu về thông tin phi hàng hóa đối với hàng hóa nhập khẩu cũng được áp dụng.

➤ **Cảnh báo và công bố thông tin**

Bao bì, kệ hàng hoặc các vật chèn lót bằng gỗ gắn với lô hàng có thể bị kiểm tra và xử lý tại cửa đến, trừ khi có bằng chứng đầy đủ về việc xử lý được Bộ Nông nghiệp chấp nhận.

Tất cả các tài liệu trình cho Bộ Nông nghiệp để hỗ trợ việc xác định mức độ rủi ro sinh học trong quá trình vận chuyển và đóng gói phải đáp ứng yêu cầu của các trường hợp phi hàng hoá.



Một khi các yêu cầu an toàn sinh học đã được đáp ứng, các nhà nhập khẩu có trách nhiệm đảm bảo rằng tất cả các thực phẩm nhập khẩu tuân thủ Đạo luật Kiểm soát nhập khẩu thực phẩm năm 1992 bao gồm Bộ Luật Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc và New Zealand.

Các nhà nhập khẩu phải có trách nhiệm tuân thủ các luật và đảm bảo thực phẩm nhập khẩu đáp ứng các yêu cầu của Bộ Luật Tiêu chuẩn Thực phẩm và bất kỳ tiêu chuẩn hoặc yêu cầu có liên quan của Úc.

Bộ Nông nghiệp giám sát mối nguy cơ an toàn thực phẩm và sự phù hợp với Bộ Luật Tiêu chuẩn Thực phẩm thông qua Chương trình Kiểm tra Thực phẩm Nhập khẩu. Theo Chương trình, thực phẩm có thể bị giữ lại để kiểm tra và thử nghiệm. Việc kiểm tra sẽ bao gồm đánh giá trực quan và đánh giá trên nhãn và cũng có thể bao gồm việc lấy mẫu thực phẩm để xét nghiệm.

### **Qui định đối với các loại hạt đã qua chế biến nhập khẩu vào Úc**

Loại hạt đã qua chế biến cho con người sử dụng (HS 0801.31). Các loại hạt chế biến được phép nhập khẩu vào Úc gồm hạt điều, hạt dẻ, hạnh nhân, đậu phộng, hạt thông, hạt mắc ca...

1. Các điều kiện nhập khẩu áp dụng đối với các hạt đã được đóng gói vì mục đích thương mại cho con người sử dụng. Các loại hạt đã chế biến sau đây được phép miễn xử lý bất buộc:

Được chuẩn bị ở quy mô thương mại, đã được luộc, nướng, rang hoặc chần vì mục đích thương mại; hoặc

Được chuẩn bị ở quy mô thương mại, được đựng trong các hộp thiếc nhỏ bịt kín được hút chân không hoặc kiểm soát không khí bên trong; hoặc

Được chuẩn bị ở quy mô thương mại và các sản phẩm thực phẩm đông lạnh có chứa thành phần là các hạt đã bóc vỏ.

Nếu nhập khẩu một trong 3 loại hạt trên thì lô hàng đó có thể được thông quan sau khi kiểm soát an toàn sinh học. Nếu loại hạt nhập khẩu không phải là một trong 3 loại trên thì các điều kiện nhập khẩu đối với loại hạt thô cho con người sử dụng sẽ được áp dụng.

2. Không yêu cầu giấy phép nhập khẩu của Bộ Nông nghiệp và Nguồn nước Úc.

3. Các hạt phải được chế biến. Để chứng minh việc đáp ứng được yêu cầu này thì các nhà nhập khẩu phải đưa ra được các giấy tờ sau, có kèm theo Tờ khai của nhà sản xuất, Hóa đơn thương mại hoặc danh sách đóng hàng:

Biên bản chứng minh lô hàng này phục vụ cho mục đích thương mại, chứa các hạt đã được luộc, nướng, rang hoặc chần; hoặc

Biên bản chứng minh lô hàng này phục vụ cho mục đích thương mại, được đựng trong các hộp thiếc nhỏ bịt kín được hút chân không hoặc kiểm soát không khí bên trong; hoặc

Biên bản chứng minh lô hàng này phục vụ cho mục đích thương mại và các sản phẩm thực phẩm đông lạnh có chứa thành phần là các hạt đã bóc vỏ.

4. Một khi các yêu cầu an toàn sinh học đã được đáp ứng, các nhà nhập khẩu có trách nhiệm đảm bảo rằng tất cả các thực phẩm nhập khẩu tuân thủ Đạo luật Kiểm soát nhập khẩu thực phẩm năm 1992, kể cả Bộ Luật Tiêu chuẩn Thực phẩm Úc - New Zealand.

Các nhà nhập khẩu phải có trách nhiệm tuân thủ các luật và đảm bảo thực phẩm nhập khẩu đáp ứng các yêu cầu của Bộ Luật Tiêu chuẩn Thực phẩm và bất kỳ tiêu chuẩn hoặc yêu cầu có liên quan của Úc

Bộ Nông nghiệp và Nguồn nước giám sát mối nguy cơ an toàn thực phẩm và sự phù hợp với Bộ Luật Tiêu chuẩn Thực phẩm thông qua Chương trình Kiểm tra Thực phẩm. Theo Chương trình này, thực phẩm có thể bị giữ lại để kiểm tra và thử nghiệm. Việc kiểm tra sẽ bao gồm đánh giá trực quan và đánh giá trên nhãn và cũng có thể bao gồm việc lấy mẫu thực phẩm để xét nghiệm.

Hơn nữa, nếu thực phẩm mà được xác định có nguy cơ rủi ro an toàn thực phẩm cao hơn sẽ phải thực hiện thêm các thử nghiệm ở mức kiểm tra cao hơn.

5. Theo Luật phí An toàn Sinh học (Tổng quan) năm 2016 và Chương 9, phần 2 của Luật An toàn Sinh học 2016, tất cả các phí dịch vụ được trả cho Bộ Nông nghiệp và Nguồn nước Úc.

6. Các yêu cầu về thông tin phi hàng hóa đối với hàng hóa nhập khẩu cũng được áp dụng.

Bao bì, kệ hàng hoặc các vật chèn lót bằng gỗ gắn với lô hàng có thể bị kiểm tra và xử lý tại cửa khẩu đến, trừ khi có bằng chứng đầy đủ về việc xử lý được Bộ Nông nghiệp chấp nhận.

Tất cả các tài liệu trình cho Bộ Nông nghiệp để hỗ trợ việc xác định mức độ rủi ro sinh học trong quá trình vận chuyển và đóng gói phải đáp ứng yêu cầu của các trường hợp phi hàng hoá.

### Qui định đối với các loại hạt thô nhập khẩu vào Úc

Loại hạt thô (HS 0801.31) cho con người sử dụng (trọng lượng của gói hàng không quá 2 kg)

1. Chỉ các loại hạt có tên khoa học sau đây mới được phép nhập khẩu:

<https://bicon.agriculture.gov.au/BiconWeb4.0/ViewElement/Element/CaseScientificNames?caseElementPk=529441>

2. Không yêu cầu giấy phép nhập khẩu của Bộ Nông nghiệp và Nguồn nước.

3. Hàng hóa phải đảm bảo sạch sẽ và không lẫn các hạt, dầu, xác động vật, mảnh thực vật và các vật liệu được xếp loại là có rủi ro an toàn sinh học trước khi tới Úc.

4. Mỗi lô hàng đều bị kiểm tra để xác minh rằng lô hàng đó không chứa các hạt giống có

mầm bệnh, vỏ cây, côn trùng sống, đất và các vật liệu có rủi ro an toàn sinh học khác.

5. Toàn bộ các lô hàng hạt mà còn nguyên vỏ sẽ được thực hiện xử lý bắt buộc theo một trong các cách dưới đây khi đến Úc:

- khử trùng bằng methyl bromide với lượng 32g/m<sup>3</sup> trong 24 giờ ở 21°C, hoặc
- khử trùng bằng methyl bromide fumigation với lượng 64g/m<sup>3</sup> trong 2 giờ ở 21°C, hoặc
- khử trùng bằng phosphine với lượng 1,5g/m<sup>3</sup> trong 7 ngày ở 25°C, hoặc
- khử trùng bằng phosphine với lượng 1,5g/m<sup>3</sup> trong 10 ngày ở 15 - 25°C, hoặc
- đưa vào kho lạnh với nhiệt độ -18°C trong 7 ngày.

Chi phí xử lý sẽ do nhà nhập khẩu chi trả.

6. Loại hạt thô được đóng gói vì mục đích thương mại đã được bóc vỏ hoặc tách vỏ và nặng không quá 2kg có thể được kiểm tra và cho qua. Nếu không bị phát hiện có côn trùng sống hoặc BRM khác thì lô hàng có thể được thông quan sau khi kiểm soát an toàn sinh học.

### **Quy định về nhãn mác xuất xứ của Úc**

Từ ngày 1/7/2016, chính phủ Úc bắt đầu áp dụng Tiêu chuẩn Thông tin nhãn mác thực phẩm quốc gia xuất xứ 2016 (Country of Origin Food Labelling Information Standard 2016). Tiêu chuẩn Thông tin sẽ yêu cầu việc dán nhãn mới cho hàng thực phẩm, giúp người tiêu dùng có thêm thông tin về nơi sản xuất, chế biến của các loại thực phẩm.

Hệ thống nhãn mới cho thực phẩm tại Úc đơn giản và dễ hiểu, cung cấp thông tin về nguồn gốc thực phẩm gần như lập tức cho người tiêu dùng ngay lúc họ nhìn thấy món hàng, giúp người tiêu dùng có những thông tin cần thiết và rõ ràng ngay khi đưa ra quyết

định mua chúng.

Bên cạnh thông tin thức ăn được sản xuất, nuôi trồng, làm ra hay đóng gói ở đâu, hệ thống nhãn dán trên thực phẩm mới còn cho biết rõ bao nhiêu phần trăm nguyên liệu trong món hàng xuất xứ từ nước Úc.

Có một số loại nhãn như sau:

- **Grown in Australia:** Thường thấy nhãn này trên các loại thức ăn tươi sống, là thực phẩm được nuôi, trồng, sản xuất ở Úc, và các thành phần trong đó 100% ở Úc.
- **Product of Australia:** Đây là thực phẩm có 100% thành phần được nuôi trồng tại Úc, và được chế biến, đóng gói ở Úc.
- **Made in Australia:** Loại sản phẩm dán nhãn này phải có ít nhất 70% thành phần được sản xuất, chế biến và đóng gói tại Úc. Tất cả những thực phẩm chỉ xắt ra, vô hộp, hay tái đóng gói tại Úc từ các nguồn nhập cảng từ 1/7/2016 sẽ không còn được dán nhãn hiệu “Made in Australia”.
- **Packed in Australia:** Thực phẩm có ít hơn 70% thành phần có xuất xứ từ Úc sẽ dán nhãn này, và để rõ số phần trăm nguyên liệu trong đó đến từ hay được chế biến ở Úc.
- **Imported goods:** Hàng nhập khẩu và Úc bán phải để nhãn ghi rõ nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm.

Chỉ có ba loại sản phẩm đầu tiên được in hình con chuột túi.

Trừ loại hàng nhập khẩu hoàn toàn, những sản phẩm còn lại, bên ngoài chữ và số, còn có hình cây thước thể hiện tỉ lệ phần trăm thành phần có nguồn gốc từ Úc.

Hệ thống nhãn mới áp dụng cho các loại thực phẩm bán lẻ ở Úc, thực phẩm đóng gói do đại lý bán buôn phân phối, và nhiều loại thực phẩm không đóng gói khác. Thức ăn bán trong các nhà hàng, quán cà phê, cửa hàng, và trường học là ngoại lệ.



Điều thay đổi chính là đa số thực phẩm đóng gói, nhập khẩu vào Úc bây giờ phải có ghi chi tiết quốc gia xuất xứ trong khung riêng biệt rõ ràng trên nhãn mác.

Các doanh nghiệp trong lĩnh vực bán lẻ thực phẩm ở Úc bắt đầu áp dụng hệ thống nhãn mới từ ngày 1/7/2016. Nhưng chính phủ Úc cho phép hai năm chuyển tiếp, cho phép các doanh nghiệp có đủ thời gian thích nghi với sự thay đổi. Như vậy, đến ngày 1/7/2018, các quy định về dán nhãn mới sẽ bắt đầu được áp dụng chính thức. Khi đó, thực phẩm nhập khẩu vào Úc phải có nhãn mác theo đúng các yêu cầu của Tiêu chuẩn Thông tin hoặc sẽ bị phạt. Tuy nhiên, sản phẩm thực phẩm nào còn nhãn cũ vào cuối giai đoạn chuyển tiếp vẫn có thể được bán cho đến hết thời hạn sử dụng.

Nếu thực phẩm nhập khẩu không thể kê khai là đã được nuôi trồng, sản xuất hoặc chế biến tại một nước duy nhất, thực phẩm này phải ghi chi tiết “đóng gói tại” chứ không được ghi “chế biến tại”. Chi tiết này phải nằm trong khung riêng biệt rõ ràng, trừ khi thực phẩm nhập khẩu là thực phẩm không ưu tiên. Điều này có nghĩa là nhãn mác phải xác định quốc gia nơi thực phẩm đã được đóng gói và chỉ ra rằng thực phẩm từ nhiều nguồn gốc, hoặc từ nguyên liệu nhập khẩu (ví dụ đóng gói tại Việt Nam từ nguyên liệu nhập khẩu).

Từ ngày 1/7/2018, tất cả các loại thực phẩm, trừ thực phẩm không ưu tiên phải có nhãn mác mới.

Thực phẩm không ưu tiên không bị yêu cầu phải sử dụng hình kangaroo trên logo hay hình cây thước thể hiện thị tỷ lệ phân trăm của các thành phần từ Úc, nhưng vẫn sẽ phải có chi tiết quốc gia xuất xứ, nhưng chi tiết này không cần phải nằm trong khung riêng biệt rõ ràng.

Các thực phẩm không ưu tiên bao gồm:

- Gia vị

- Bánh kẹo
- Bánh qui và các loại thức ăn vặt (snack foods)
- Nước đóng chai
- Nước uống thể thao, nước giải khát
- Trà và cà phê
- Đồ uống có cồn
- Bánh kẹo có hình thù lạ mắt ví dụ như trứng lễ phục sinh và hộp đựng quà lễ phục sinh
- Mật ong còn ở nguyên dạng, trong khung chứa lấy mật
- Cá trích muối hun khói

#### Các nguồn thông tin trên web

- Luật Tiêu chuẩn (Standards Code): <http://www.foodstandards.gov.au/>
- Bộ Nội vụ Úc (Department of Home Affairs): <https://www.homeaffairs.gov.au/>
- Biểu thuế quan Úc (Australian Customs Tariff Schedule): [https://ustr.gov/sites/default/files/uploads/agreements/fta/australia/asset\\_upload\\_file737\\_3420.pdf](https://ustr.gov/sites/default/files/uploads/agreements/fta/australia/asset_upload_file737_3420.pdf)
- Luật về Hàng hóa Nguy hiểm Úc (Australian Dangerous Goods Code): <https://www.ntc.gov.au/heavy-vehicles/safety/australian-dangerous-goods-code/>
- Cơ quan Thuốc trừ sâu và Thuốc thú y Úc (Australian Pesticides & Veterinary Medicines Authority (ASPVMA)): <http://www.apvma.gov.au>

- Bộ Nông nghiệp và Tài nguyên Nước: (Department of Agriculture and Water Resource): <http://www.agriculture.gov.au/>
- Danh mục các sản phẩm sinh học (biological products checklists): <http://www.agriculture.gov.au/import/goods/biological>
- BICON: <http://www.agriculture.gov.au/import/online-services/bicon>
- Máy móc/xe hơi: <http://www.agriculture.gov.au/import/goods/vehicles-machinery>
- Cơ quan Thuế Úc (Australian Tax Office): <http://www.ato.gov.au>
- Thư viện các hiệp định Úc (Australian Treaties Library): <http://www.austlii.edu.au/au/other/dfat/>
- Hội đồng các nhà môi giới Hải quan và Giao nhận Úc (Customs Brokers and Forwarders Council of Australia): [http://www.cbfca.com.au/CBFCA/About\\_CBFCA/Member\\_Directory/CBFCA/About/Member\\_Directory.aspx](http://www.cbfca.com.au/CBFCA/About_CBFCA/Member_Directory/CBFCA/About/Member_Directory.aspx)
- Cơ quan Quản lý xuất khẩu quốc phòng - Defence Export Control Office (DECO): <http://www.defence.gov.au/deco/>  
NICNAS: <http://www.nicnas.gov.au/>
- Hàng hóa hạn chế hoặc cấm nhập khẩu: <https://www.homeaffairs.gov.au/busi/cargo-support-trade-and-goods/importing-goods/prohibited-and-restricted>
- Hội đồng Công nhận các Tiêu chuẩn - Standards Accreditation Board: <http://www.absdo.org.au/>
- Tiêu chuẩn Úc - Standards Australia: <http://www.standards.org.au/>

## Chương 6: Môi trường đầu tư

### Đầu tư nước ngoài

Chính phủ Úc khuyến khích đầu tư nước ngoài phù hợp với lợi ích cộng đồng. Quá trình sàng lọc đầu tư nước ngoài của Úc minh bạch và rất tự do. Chính phủ có quyền để ngăn chặn các đề án được xác định là trái với lợi ích quốc gia.

Nhìn chung, Úc luôn chào đón đầu tư nước ngoài, xem đây là nguồn đóng góp chính yếu cho sự tăng trưởng kinh tế và năng suất của Úc. Hoa Kỳ hiện là nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) lớn tại Úc.

Úc thường gánh chịu thâm hụt tài khoản vãng lai hàng năm do đó, phải phụ thuộc vào nguồn đầu tư nước ngoài, cả đầu tư trực tiếp lẫn gián tiếp. Về mặt lịch sử, FDI đã được tập trung vào trong lĩnh vực khai khoáng và tài nguyên. Trong vài năm gần đây, đã có sự suy giảm về đầu tư khai thác mỏ nhưng gia tăng FDI vào các dịch vụ tài chính và bất động sản.

Mặc dù luôn hoan nghênh FDI, Úc đang áp dụng một thử nghiệm "lợi ích quốc gia" cho các loại hình đầu tư đủ điều kiện thông qua quy trình xem xét của Ủy ban Xét duyệt Đầu tư nước ngoài (FIRB). Trong năm 2016, chính phủ Úc đã thực hiện một số thay đổi đối với quy trình FIRB để giải quyết các vấn đề an ninh quốc gia. Hành động này là nhằm phản ứng với một số vụ bán tài sản cao cấp liên quan đến cơ sở hạ tầng và đất nông nghiệp khi nhiều chính phủ cấp tiểu bang tư nhân hóa tài sản để gây quỹ hoặc chi tiêu cho các cơ sở hạ tầng khác, hoặc để giải quyết tình trạng thâm hụt ngân sách. Các quy định mới này nhằm lấp những khoảng trống trong hệ thống đánh giá cho phép bán một số tài sản nhất định mà không có sự xem xét của FIRB và để đảm bảo việc có xem xét đến an ninh quốc gia khi xác định xem vụ bán đó có mang lại lợi ích quốc gia hay không.

Để đối phó với tình trạng thâm hụt ngân sách liên bang và nhận thức của công chúng về

sự thiếu công bằng, chính phủ Úc đã thắt chặt luật chống trốn thuế, chủ yếu ảnh hưởng đến các tập đoàn đa quốc gia hoạt động trong nhiều khu vực tài phán thuế. Mặc dù một số luật đã bổ sung cho các nỗ lực quốc tế nhằm giải quyết các hoạt động trốn tránh thuế và sử dụng các quốc gia có thuế thấp hoặc miễn thuế, Úc cũng đã đi theo hướng riêng và đã có nhiều nỗ lực hơn nữa so với cộng đồng quốc tế. Xu hướng này đã tiếp tục trong năm 2017.

Hiện có một số cơ quan xúc tiến đầu tư đang hoạt động tại Úc. Ủy ban Thương mại Úc (Austrade) là cơ quan "cửa ngõ" quốc gia của Chính phủ Liên bang hỗ trợ đầu tư vào Úc. Austrade có trách nhiệm phối hợp sự hỗ trợ của chính phủ để thúc đẩy, thu hút và tạo điều kiện thuận lợi cho FDI, hỗ trợ các công ty Úc phát triển kinh doanh tại các thị trường quốc tế và tư vấn cho Chính phủ Úc về thương mại, du lịch, giáo dục – đào tạo quốc tế và các chính sách đầu tư. Austrade hoạt động thông qua một số văn phòng quốc tế.

Ngoài ra, các cơ quan xúc tiến đầu tư của tiểu bang cũng hỗ trợ đầu tư quốc tế ở cấp tiểu bang và trong các lĩnh vực then chốt.

Ủy ban Xét duyệt Đầu tư nước ngoài (FIRB) chịu trách nhiệm thẩm tra các đề án đầu tư trực tiếp của người nước ngoài tại Úc và kiến nghị cho Bộ trưởng Ngân khố xem xét phê duyệt những đề án phù hợp với chính sách đầu tư nước ngoài của Chính phủ và đúng theo luật Mua lại và Tiếp quản của nước ngoài năm 1975 (FATA).

Quy trình xét duyệt của FIRB không chỉ là quá trình “đóng dấu mộc” mà có tính toàn diện và độc lập. Dù người ra quyết định cuối cùng là Bộ trưởng Ngân khố, khả năng đề án đầu tư nước ngoài lớn có được phê duyệt hay không (đặc biệt là đề án liên quan đến chủ đầu tư là chính phủ nước ngoài hoặc vụ mua lại thuộc lãnh vực nhạy cảm) có thể bị ảnh hưởng bởi bối cảnh chính trị vào thời điểm đó.

FIRB cũng cung cấp thông tin hướng dẫn các chính sách đầu tư nước ngoài của Úc và khi



cần còn hướng dẫn các nhà đầu tư nước ngoài nhằm đảm bảo việc tuân thủ các chính sách của Chính phủ Úc.

### **Các hạn chế về quyền quản lý của nước ngoài**

Tại Úc, các tổ chức tư nhân nước ngoài và trong nước đều có quyền thành lập và sở hữu các doanh nghiệp kinh doanh và tham gia vào tất cả các hình thức hoạt động có thù lao phù hợp với luật pháp quốc gia.

Hiện có rất ít hạn chế đối với đầu tư nước ngoài tại Úc. Việc mua đất nông nghiệp của nước ngoài lớn hơn 15 triệu đô la Úc (10,8 triệu USD) sẽ phải được xem xét. Ngưỡng này sẽ áp dụng cho giá trị tích lũy của đất nông nghiệp thuộc sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài. Tất cả người nước ngoài phải thông báo cho chính phủ Úc và phải nhận được sự chấp thuận trước để đầu tư từ 5% trở lên vào lĩnh vực truyền thông, bất kể giá trị của khoản đầu tư đó.

Chính sách và pháp luật về đầu tư nước ngoài của Úc áp dụng cho các đề án đầu tư của người nước ngoài. Một người nước ngoài được xác định là người không thường trú tại Úc, hoặc một công ty do người không thường trú tại Úc hoặc một công ty nước ngoài nắm giữ phần lớn quyền sở hữu. Việc nắm giữ phần lớn quyền sở hữu nước ngoài là việc 1 người nước ngoài nắm giữ 15% hoặc nhiều hơn quyền sở hữu hoặc quyền biểu quyết hoặc là việc có nhiều người nước ngoài nắm giữ 40% hoặc hơn quyền sở hữu hoặc quyền biểu quyết của bất kỳ doanh nghiệp nào.

### **Các lĩnh vực nhạy cảm**

Có những hạn chế áp dụng trong một số ngành công nghiệp nhạy cảm gây quan ngại cho cộng đồng và có các vấn đề ảnh hưởng tới lợi ích quốc gia. Các hạn chế cụ thể về đầu tư nước ngoài được áp dụng trong các lĩnh vực như bất động sản nhà ở, phương tiện truyền thông, viễn thông, giao thông, các ngành và hoạt động liên quan đến quốc phòng, công

nghe mã hóa và bảo mật, các hệ thống thông tin liên lạc, chiết xuất uranium hoặc plutoni hoặc điều hành cơ sở hạt nhân.

Úc đã không tiến hành đánh giá lại chính sách đầu tư trong ba năm qua thông qua hệ thống OECD lẫn UNCTAD. Tuy nhiên, một đánh giá của WTO về chính sách và thực hành thương mại của Úc đã diễn ra vào tháng 4/2015.

### **Tạo thuận lợi cho doanh nghiệp**

Việc đăng ký kinh doanh tại Úc tương đối đơn giản và được hỗ trợ thông qua một số trang web của Chính phủ. Trang web doanh nghiệp của Bộ Công nghiệp, Đổi mới và Khoa học Úc là nguồn cung cấp thông tin trực tuyến toàn diện của cả chính phủ Úc liên quan đến các thông tin cần thiết về việc lên kế hoạch, khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp. Các tổ chức nước ngoài có ý định kinh doanh tại Úc với tư cách là một công ty nước ngoài phải đăng ký với Ủy ban Chứng khoán và Đầu tư Úc (ASIC). Là cơ quan quản lý doanh nghiệp, thị trường và dịch vụ tài chính của Úc, trang web ASIC cung cấp thông tin và các hướng dẫn về việc khởi nghiệp và điều hành một doanh nghiệp hoặc công ty. Khi đăng ký kinh doanh, các cá nhân và tổ chức phải đăng ký với tư cách là một công ty với ASIC, sau đó ASIC sẽ cung cấp cho công ty “Mã số Công ty Úc”, đăng ký công ty và cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký. Theo chỉ số ‘Khởi sự doanh nghiệp’ của Ngân hàng Thế giới, việc đăng ký một doanh nghiệp ở Úc mất từ 2,5 đến 3 ngày.

### **Đầu tư ra nước ngoài**

Úc cũng coi trọng việc đầu tư ra nước ngoài như là một phương tiện để phát triển nền kinh tế của mình. Do vậy, hầu như không có hạn chế nào đối với các nhà đầu tư trong nước. Austrade hỗ trợ các doanh nghiệp Úc đang tìm cách đầu tư ra nước ngoài.

### **Tính minh bạch của hệ thống pháp lý**

Chính phủ Liên bang sử dụng các chính sách minh bạch và các luật lệ hiệu quả để tăng cường sức cạnh tranh quốc gia và xây dựng chính sách cạnh tranh, và tiếp nhận tham vấn trong quá trình hoạch định chính sách của mình. Chính phủ thường cho phép công chúng góp ý về dự thảo luật, xuất bản và quảng bá các luật khi các luật này có hiệu lực.

Các qui trình kế toán, pháp lý và quy định của Úc rất minh bạch và nhất quán với các tiêu chuẩn quốc tế. Các tiêu chuẩn kế toán được xây dựng bởi Hội đồng Tiêu chuẩn Kế toán Úc (AASB), một cơ quan của Chính phủ Úc được hình thành theo Đạo luật Ủy ban Chứng khoán và Đầu tư Úc năm 2001 (ASIC). Theo Đạo luật đó, các chức năng theo luật định của AASB là xây dựng một khuôn khổ khái niệm nhằm mục đích đánh giá các tiêu chuẩn được đề xuất; lập các chuẩn mực kế toán theo mục 334 của Luật Công ty năm 2001; thúc đẩy và quảng bá các mục chính của Phần 12 trong Đạo luật ASIC, bao gồm việc cắt giảm chi phí vốn, cho phép các doanh nghiệp Úc cạnh tranh hiệu quả ở nước ngoài và duy trì niềm tin của nhà đầu tư vào nền kinh tế Úc.

Chính phủ Liên bang tiến hành đánh giá thường xuyên các biện pháp và những thay đổi pháp lý được đề xuất và tổ chức các buổi điều trần công khai về những vấn đề đó. Úc tán thành tuyên bố năm 1976 của OECD liên quan đến đầu tư quốc tế và các doanh nghiệp đa quốc gia. Các công cụ này bao gồm các biện pháp đối xử quốc gia, các chính sách khuyến khích và không khuyến khích đầu tư, và giải thích rõ ràng các hướng dẫn tự nguyện về qui tắc ứng xử của các doanh nghiệp đa quốc gia ở các nước thành viên. Úc cũng tán thành hai đạo luật tự do hóa của OECD, bao gồm các chuyển dịch vốn và các giao dịch vô hình khác.

### **Hệ thống pháp lý và độc lập tư pháp**

Hệ thống pháp luật của Úc có căn cứ vững chắc dựa trên các nguyên tắc đối xử bình đẳng trước pháp luật, sự công bằng về thủ tục, tiền lệ tư pháp và sự độc lập của tư pháp. Úc có các biện pháp bảo hộ mạnh mẽ để đảm bảo rằng mọi người không bị đối xử tùy tiện hoặc

không công bằng bởi chính phủ hoặc các quan chức. Quyền về tài sản và hợp đồng được thực thi thông qua hệ thống tòa án Úc, dựa trên Thông luật Anh.

### Các luật và quy định về đầu tư trực tiếp nước ngoài

[Hướng dẫn dành cho nhà đầu tư của Austrade](#) có chứa các thông tin về đầu tư vào Úc. Hướng dẫn này được thực hiện để giúp các nhà đầu tư và doanh nghiệp quốc tế định hướng đầu tư và hoạt động tại Úc. Đây là hướng dẫn trực tuyến về các quy định, xem xét và hỗ trợ liên quan đến đầu tư, thành lập và điều hành doanh nghiệp tại Úc, với các liên kết trực tiếp tới các cơ quan quản lý và cơ quan chính phủ có liên quan đến quy định và sự hỗ trợ sẵn có của Chính phủ Úc.

Đầu tư nước ngoài tại Úc được quy định bởi Đạo luật Mua lại và Tiếp quản Nước ngoài năm 1975 và Chính sách đầu tư nước ngoài của Úc. Hội đồng Xét duyệt đầu tư nước ngoài (FIRB), một bộ phận của Ngân khố Úc, là một cơ quan phi luật định được thành lập để tư vấn cho Bộ trưởng Ngân khố và Chính phủ Liên bang về chính sách và quản lý đầu tư nước ngoài của Úc. FIRB sàng lọc các dự án đầu tư nước ngoài tiềm năng ở Úc trên giá trị ngưỡng và dựa trên tư vấn của FIRB, Bộ trưởng Ngân khố có thể từ chối hoặc đặt điều kiện về việc phê duyệt các vụ đầu tư cụ thể trên ngưỡng đó trên cơ sở lợi ích quốc gia.

Tiếp sau một số vụ đầu tư gần đây của các công ty nước ngoài trong các lĩnh vực trọng yếu của nền kinh tế Úc, các luật và quy định quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài phải chịu sự xét duyệt rộng và liên tục.

Vào tháng 12 năm 2015, Chính phủ Úc đã tăng cường thực thi các quy tắc quản lý đầu tư nước ngoài tại Úc và áp dụng biện pháp xem xét “lợi ích quốc gia” khi xét duyệt các đơn xin đầu tư nước ngoài. Những thay đổi trong Bộ luật sửa đổi luật Mua lại và Tiếp quản Nước ngoài của Chính phủ năm 2015 qui định các quyền hạn lớn hơn cho Cơ quan Thuế Úc (ATO) và đưa ra nhiều hình phạt mới nghiêm ngặt cho các nhà đầu tư vi phạm các

quy tắc đầu tư nước ngoài.

Chính phủ cũng đã giới thiệu việc đăng ký quyền sở hữu đất nông nghiệp của nước ngoài mới để hiểu bản chất của sở hữu nước ngoài về đất đai của Úc. ATO cũng thu thập thông tin về vị trí và quy mô tài sản cũng như quy mô lợi ích thu được từ đầu tư nước ngoài mới vào đất nông nghiệp và bất động sản nhà ở. Các ngưỡng sàng lọc thấp hơn đối với đất nông nghiệp và kinh doanh nông nghiệp cũng đồng nghĩa với việc FIRB sẽ sàng lọc đầu tư nông nghiệp nhiều hơn nữa.

Vào tháng 2 năm 2016, Chính phủ đã thông báo ý định thực hiện đăng ký quốc gia đối với quyền sở hữu nước ngoài về các quyền tiếp cận nước, nhằm tăng cường tính minh bạch và hỗ trợ việc thông tin cho Chính phủ và cộng đồng về xu hướng đầu tư mới nổi lên. Chính phủ cũng đã công bố các yêu cầu mới về các đơn xin đầu tư nước ngoài để đảm bảo rằng các công ty đa quốc gia đầu tư vào Úc phải nộp thuế cho những gì họ kiếm được ở Úc. Vào tháng 3 năm 2016, Chính phủ thông báo sẽ sửa đổi Quy chế Mua lại và Tiếp quản Nước ngoài để FIRB có thể đánh giá khả năng bán “tài sản cơ sở hạ tầng nhà nước quan trọng” cho các nhà đầu tư tư nhân nước ngoài. Bắt đầu từ ngày 31 tháng 3 năm 2016, FIRB sẽ chính thức xem xét các tài sản cơ sở hạ tầng quan trọng do chính phủ Tiểu bang và Lãnh thổ bán.

### **Qui trình phê duyệt**

Bộ trưởng Ngân khố Úc ủy quyền cho FIRB ra các quyết định về các đề án đầu tư nước ngoài phù hợp với chính sách đầu tư nước ngoài và không liên quan đến bất kỳ vấn đề nhạy cảm nào (chủ yếu là các đề án liên quan đến bất động sản).

Các đề án được thẩm tra để xem có phù hợp với các yêu cầu của chính sách đầu tư nước ngoài và luật FATA hay không.

Mặc dù đa số các đề án đều được phê duyệt, theo luật FATA Bộ trưởng Ngân khố có



quyền cấm các đề án đi ngược với lợi ích quốc gia hay áp đặt các điều kiện cho việc phê duyệt.

Trong hầu hết các trường hợp, việc phê duyệt được thực hiện trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo theo luật định (FIRB có thêm 10 ngày để tư vấn cho các bên về các quyết định). FIRB có thể gia hạn thời kỳ này thêm 90 ngày nữa nếu cần thiết.

Tất cả các chính phủ nước ngoài và các tổ chức liên quan của họ (ví dụ, các doanh nghiệp nhà nước và các quỹ đầu tư trái phiếu quốc gia) cần phải thông báo cho chính phủ Úc và nhận được sự chấp thuận trước khi thực hiện đầu tư trực tiếp tại Úc, bất chấp giá trị đầu tư là bao nhiêu.

### **Chính sách chuyển đổi và chuyển tiền**

Đồng đô la Úc là một loại tiền tệ chuyển đổi hoàn toàn. Chính phủ không duy trì việc kiểm soát tiền tệ hoặc giới hạn việc chuyển tiền, các khoản thanh toán nợ hoặc thuế mướn. Các thanh toán này được xử lý thông qua các kênh thương mại tiêu chuẩn mà không hề có sự can thiệp hoặc cản trở nào của chính phủ.

### **Luật cạnh tranh và chống độc quyền**

Ủy ban Cạnh tranh và Người Tiêu dùng Úc (ACCC) thi hành Luật Cạnh tranh và Người Tiêu dùng 2010 và một loạt các luật khác nữa, thúc đẩy cạnh tranh, giao dịch công bằng và điều chỉnh cơ sở hạ tầng quốc gia vì lợi ích của tất cả người Úc. ACCC đóng một vai trò quan trọng trong việc đánh giá các vụ sáp nhập để xác định xem liệu chúng có dẫn đến giảm bớt cạnh tranh đáng kể trong bất kỳ thị trường nào hay không. ACCC cũng tham gia vào việc thực thi quyền bảo vệ người tiêu dùng.

### **Tưc quyền sở hữu và bồi thường**

Tài sản tư nhân có thể bị sung công cho các mục đích công cộng theo các nguyên tắc luật

pháp quốc tế. Chủ sở hữu tài sản có quyền được bồi thường dựa trên "điều khoản công bằng" cho tài sản bị tước đoạt. Cho đến nay, có rất ít vụ tước đoạt tài sản ở Úc mặc dù một số nhà đầu tư Hoa Kỳ đã tuyên bố có một số tranh chấp thương mại nhất định nên được xem là tước đoạt.

### **Giải quyết tranh chấp**

Úc có một hệ thống pháp luật và tòa án lâu đời để tiến hành hoặc giám sát các vụ kiện tụng và trọng tài, cũng như nhiều quy trình giải quyết tranh chấp khác nhau. Cách tiếp cận truyền thống để giải quyết tranh chấp thương mại bao gồm việc kiện tụng, trọng tài và các phương pháp hiện đại giải quyết tranh chấp khác nhau. Úc đứng đầu thế giới trong việc phát triển và đưa ra các cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài tòa án. Úc tham gia vào tất cả các công ước giải quyết tranh chấp quốc tế chính và có nhiều tổ chức hỗ trợ các tiến trình giải quyết tranh chấp quốc tế.

Các quyền về tài sản và liên quan đến hợp đồng được thực thi thông qua hệ thống tòa án Úc, vốn dựa trên hệ thống Thông Luật Anh. Ít khi có các tranh chấp đầu tư liên quan đến các công ty nước ngoài. Úc là thành viên của Trung tâm Quốc tế Giải quyết các tranh chấp đầu tư (ICSID Convention) và Công ước New York năm 1958 về việc công nhận và thi hành các Phán quyết Trọng tài Nước ngoài. Đạo luật Trọng tài Quốc tế năm 1974 qui định trọng tài quốc tế và việc thi hành các phán quyết.

### **Các quy định phá sản**

Phá sản là một tình trạng pháp lý được qui định theo Đạo luật phá sản năm 1966 và có hiệu lực tại tất cả các tiểu bang và lãnh thổ của Úc. Chỉ có các cá nhân mới có thể tuyên bố phá sản chứ không phải doanh nghiệp hay công ty. Trong trường hợp có một quan hệ đối tác hoặc một người kinh doanh dưới tên doanh nghiệp, thì chính cá nhân hoặc các cá nhân tạo nên công ty đó bị phá sản. Các công ty không thể phá sản theo Đạo luật Phá sản mặc dù có các quy định tương tự tồn tại theo Luật Công ty năm 2001. Đạo luật Phá sản

đã qui định vai trò của Tổng thanh tra về phá sản và người tiếp nhận chính thức và người được ủy thác chính thức trong vụ phá sản và Cơ quan An ninh Tài chính Úc (AFSA) có trách nhiệm giám sát từng vai trò này. Các tòa án liên quan về phá sản là Tòa án Liên bang Úc và Tòa án Liên bang cấp thấp. Các chủ nợ có thể nộp đơn cho tòa án để khiến một cá nhân bị phá sản nếu họ có thể chứng minh rõ ràng với tòa án rằng một con nợ đang nợ tiền của họ; tuy nhiên, khi một cá nhân bị phá sản, điều này hạn chế quyền của chủ nợ không có bảo đảm trong việc thu hồi nợ của họ trực tiếp từ con nợ.

### **Các chính sách công nghiệp - Ưu đãi đầu tư**

Chính phủ Liên bang và các chính phủ tiểu bang và lãnh thổ có rất nhiều biện pháp để hỗ trợ các nhà đầu tư trong việc thành lập và điều hành doanh nghiệp và thực hiện đầu tư. Các loại hỗ trợ này thay đổi tùy theo địa điểm, ngành và bản chất hoạt động kinh doanh. Austrade có trách nhiệm phối hợp sự hỗ trợ của chính phủ để thu hút FDI và có vai trò là điểm tiếp xúc quốc gia cho các yêu cầu đầu tư. Các chính phủ tiểu bang và lãnh thổ cũng có những chính sách ưu đãi tài chính và phi tài chính tương tự.

Chính phủ Úc, chính phủ tiểu bang và lãnh thổ cung cấp các khoản tài trợ chọn lọc cho các doanh nghiệp để thiết lập hoặc mở rộng doanh nghiệp hoặc cho các hoạt động cụ thể như nghiên cứu. Chính phủ Liên bang cũng có các ưu đãi cho các công ty tham gia vào hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D), và bù trừ thuế cho khoản chi tiêu liên quan đến các hoạt động R&D đủ điều kiện được thực hiện trong năm. Các hoạt động R&D được tiến hành ở nước ngoài cũng đủ điều kiện trong một số trường hợp nhất định, và chương trình được phối hợp quản lý bởi AusIndustry (cơ quan chính phủ) và Cơ quan Thuế vụ Úc.

### **Khu ngoại thương / Cảng tự do**

Úc không có bất kỳ khu thương mại tự do hoặc cảng tự do nào.

## Các yêu cầu về thành quả và nội địa hóa dữ liệu

Theo quy định chung, các công ty nước ngoài tự thiết lập tại Úc không phải chịu ràng buộc về các yêu cầu tuyển dụng trong nước hoặc nội địa hóa bắt buộc, các yêu cầu về thành quả và các ưu đãi.

Theo bộ Luật Sửa đổi Viễn thông 2015, các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông được yêu cầu giữ lại và bảo mật các dữ liệu viễn thông (không bao gồm nội dung) trong vòng hai năm; bảo vệ dữ liệu được giữ lại thông qua mã hóa; và ngăn chặn sự can thiệp và truy cập trái phép. Bộ luật này giới hạn phạm vi của các cơ quan có thể truy cập dữ liệu viễn thông và thông tin liên lạc được lưu trữ, thiết lập một “chế độ bảo đảm thông tin báo chí”. Đạo luật về hồ sơ y tế điện tử quản lý cá nhân của Úc nghiêm cấm việc chuyển dữ liệu y tế ra khỏi Úc trong một số trường hợp.

## Quyền sở hữu tư nhân và thành lập doanh nghiệp

Hệ thống thông luật, vốn hình thành nên ngành luật Úc, bảo đảm quyền về sở hữu tư nhân và thành lập các doanh nghiệp tư nhân.

## Bảo vệ quyền sở hữu tài sản

Luật bảo vệ mạnh mẽ quyền sở hữu tại Úc và chống lại tham nhũng. Úc cho phép thế chấp tài sản và người nước ngoài được phép mua bất động sản nhưng phải tuân thủ các yêu cầu về đăng ký và phê duyệt nhất định.

## Quyền sở hữu trí tuệ

Úc thường bảo vệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ (IPR) mạnh mẽ thông qua luật pháp, hình sự hóa việc vi phạm bản quyền và làm giả thương hiệu.

Úc là một thành viên tích cực trong các cuộc đàm phán Hiệp định thương mại chống

hàng giả (ACTA) và ký ACTA vào tháng 10 năm 2011 nhưng vẫn chưa phê chuẩn hiệp định này. ACTA sẽ thiết lập một khuôn khổ quốc tế để hỗ trợ các bên trong nỗ lực chống lại sự xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ một cách hiệu quả, đặc biệt là sự gia tăng hàng giả và vi phạm bản quyền.

### **Thị trường vốn và đầu tư gián tiếp**

Thị trường vốn của Úc nói chung là hiệu quả và có thể cung cấp nhiều tùy chọn tài chính cho các doanh nghiệp. Mặc dù thị trường chứng khoán Úc là một trong những thị trường lớn nhất và thanh khoản cao nhất trên thế giới, các công ty phi tài chính phải đối mặt với một số rào cản trong việc tiếp cận thị trường trái phiếu doanh nghiệp. Các công ty lớn có nhiều khả năng sử dụng vốn cổ phần công cộng và các công ty nhỏ hơn có nhiều khả năng sử dụng thu nhập giữ lại và nợ từ các ngân hàng và các nguồn trung gian.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp của Úc tương đối nhỏ, đặc biệt khi so sánh với thị trường trái phiếu chính phủ, mặc dù điều này đang có dấu hiệu mở rộng đều đặn. Các nhà đầu tư nước ngoài có thể nhận được tín dụng trên thị trường địa phương theo các điều kiện thị trường.

### **Tiền tệ và hệ thống ngân hàng**

Hệ thống ngân hàng của Úc rất mạnh mẽ, phát triển cao và tập trung vào quốc tế. Khả năng sinh lời của ngân hàng rất mạnh và đã được hỗ trợ bởi những cải thiện hơn nữa về thành quả liên quan đến tài sản. Theo Ngân hàng Dự trữ Úc (RBA), tỷ lệ tài sản không sinh ra thu nhập so với tổng dư nợ là 0,9% vào tháng 6/2016, cao hơn một chút so với mức 0,77% vào tháng 6 năm 2015. Các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động như một chi nhánh hoặc một công ty con tại Úc.

### **Quản lý ngoại hối và kiều hối**



Chính phủ Liên bang xây dựng các chính sách quản lý ngoại hối với sự tham vấn từ RBA và Ngân khố. RBA, có nhiệm vụ bảo vệ tiền tệ, có thẩm quyền thực hiện việc quản lý ngoại hối. Đồng đô la Úc là một loại tiền tệ có thể chuyển đổi hoàn toàn và được thả nổi. Chính phủ Liên bang không duy trì việc kiểm soát tiền tệ hoặc hạn chế kiều hối. Các khoản thanh toán như vậy được xử lý thông qua các kênh thương mại tiêu chuẩn mà không có sự can thiệp hoặc trì hoãn của chính phủ. Úc cũng không hạn chế việc chuyển tiền đầu tư.

### **Cạnh tranh với các doanh nghiệp nhà nước**

Ở Úc, thuật ngữ được sử dụng cho một doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước của Chính phủ Liên bang (DNNN) là doanh nghiệp chính phủ (GBE). Theo Bộ Tài chính, hiện có sáu GBE: hai tổ chức công ty liên bang và bốn công ty liên bang. Các doanh nghiệp tư nhân thường được phép cạnh tranh với các doanh nghiệp công theo cùng các điều khoản và điều kiện thị trường, tín dụng và các nghiệp vụ kinh doanh khác, chẳng hạn như giấy phép và vật tư. Các doanh nghiệp công thường không được hưởng các thuận lợi về mặt vật chất ở Úc. Các GBE còn lại không thực hiện quyền lực theo cách phân biệt đối xử hoặc gây ra gánh nặng không công bằng các nhà đầu tư nước ngoài hoặc các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

### **Chương trình tư nhân hóa**

Úc không có một chương trình tư nhân hóa quốc gia chính thức và rõ ràng. Chính phủ Liên minh tuyên bố sẽ chấm dứt Chương trình Tái sinh Tài sản, một sáng kiến đưa ra các ưu đãi tài chính cho chính quyền các tiểu bang và lãnh thổ của Úc để tư nhân hóa tài sản thuộc sở hữu chính phủ và tái đầu tư lợi nhuận vào cơ sở hạ tầng mới nhằm nâng cao năng suất. Chính phủ tiểu bang và lãnh thổ riêng biệt có thể có các chương trình tư nhân hóa riêng của mình. Các nhà đầu tư nước ngoài được hoan nghênh tham gia vào bất kỳ chương trình tư nhân hóa nào tuân theo các quy tắc và sự phê chuẩn về đầu tư nước

ngoài.

### Trách nhiệm xã hội của công ty

Ở Úc, cả người sản xuất và người tiêu dùng đều có một nhận thức chung và quảng bá về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Cả doanh nghiệp nước ngoài lẫn trong nước đều có xu hướng tuân theo các nguyên tắc được chấp nhận rộng rãi về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (Responsible Business Conduct - RBC) như Các hướng dẫn của OECD đối với các doanh nghiệp đa quốc gia. Các công ty chấp hành CSR thường được xếp hạng cao trong các cuộc khảo sát về hành vi của công ty.

Trong nỗ lực quảng bá các hướng dẫn của OECD, Chính phủ Liên bang đang duy trì một đầu mối liên lạc quốc gia (NCP). NCP hiện tại là Tổng Giám đốc của Bộ phận Chính sách Thương mại và Đầu tư Nước ngoài thuộc Bộ Ngân khố Liên bang, người có thể thu hút ý kiến chuyên môn từ các cơ quan chính phủ thông qua một mạng lưới nội bộ phi chính thức của chính phủ.

Trang web ANCP liên kết với “Hướng dẫn Thẩm tra của OECD về các chuỗi cung ứng khoáng sản có trách nhiệm ở các khu vực bị ảnh hưởng xung đột và có nguy cơ cao với mục tiêu là giúp các công ty tôn trọng nhân quyền và tránh gây xung đột thông qua các hoạt động tìm nguồn cung ứng khoáng sản của họ.

Cơ quan tín dụng xuất khẩu của Chính phủ Liên bang, Tổng công ty Tài chính và Bảo hiểm Xuất khẩu, cũng khuyến khích thực hành các hướng dẫn của OECD như là bộ tài liệu chính về các khuyến nghị liên quan hành vi kinh doanh có trách nhiệm đối với các doanh nghiệp đa quốc gia hoạt động tại các nước có tham gia. Úc bắt đầu thực hiện các nguyên tắc của Sáng kiến Minh bạch Công nghiệp Khai khoáng (EITI) vào năm 2016.

Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp RBC vẫn còn là một khái niệm và thực tiễn mới nổi, nên việc xây dựng nhận thức về thể chế và hỗ trợ cho RBC vẫn là một quá trình đang

tiếp diễn. Không có phương cách tiếp cận chính thức nào với RBC ở cấp quốc gia, nhưng vẫn có một số tổ chức phi chính phủ và các hiệp hội độc lập theo dõi và thúc đẩy việc thực hiện RBC.

### **Bạo lực chính trị**

Hiếm khi xảy ra các trường hợp bạo lực chính trị ở Úc. Các phản kháng chính trị (ví dụ, các cuộc biểu tình, tuần hành, xung đột giữa các nhóm lợi ích cạnh tranh), thông thường với qui mô nhỏ, hình thành nên một phần của đời sống văn hóa Úc. Cuộc biểu tình như vậy hiếm khi biến thành bạo lực.

### **Tham nhũng**

Úc duy trì một hệ thống pháp luật và quy định toàn diện nhằm chống tham nhũng. Ngoài ra, hệ thống mua sắm chính phủ nhìn chung minh bạch và được quản lý tốt, do đó giảm thiểu các cơ hội cho các giao dịch tham nhũng.

Các tổ chức phi chính phủ giám sát các biện pháp phòng, chống tham nhũng, kể cả Tổ chức Minh bạch Quốc tế, được hoạt động tự do tại Úc. Úc được xem là nước có mức độ tham nhũng thấp.

Úc là nước tham gia tích cực vào các nỗ lực quốc tế để chấm dứt tệ nạn hối lộ các quan chức nước ngoài. Úc có các luật đề Công ước chống hối lộ bắt nguồn từ cam kết cấp Bộ trưởng OECD 1996 về hình sự hóa tệ nạn hối lộ xuyên quốc gia có hiệu lực. Pháp luật tuyệt đối không cho phép khấu trừ thuế cho các khoản hối lộ các quan chức nước ngoài.

Ở cấp Liên bang, việc thi hành các luật và quy định chống tham nhũng là trách nhiệm của Cơ quan Tổng Chương lý. Cơ quan Tổng chương lý đóng một vai trò tích cực trong việc chống tham nhũng thông qua việc xây dựng chính sách nội địa về chống tham nhũng và tham gia vào một loạt các diễn đàn chống tham nhũng quốc tế. Các hoạt động này bao gồm Nhóm công tác chống tham nhũng G20, Nhóm công tác chống tham nhũng và minh

bach của APEC và Công ước Liên hợp quốc về các Nhóm công tác tham nhũng. Úc là thành viên của Nhóm Công tác OECD về Hối lộ và là bên tham gia các công ước quốc tế quan trọng liên quan đến việc chống hối lộ nước ngoài, bao gồm Công ước OECD về Chống Hối lộ các Công chức Nước ngoài trong các Giao dịch Kinh doanh Quốc tế.

Theo luật pháp Úc, việc hối lộ công chức nước ngoài là một hành vi phạm tội, ngay cả khi hối lộ có thể được xem là thông lệ, cần thiết hoặc bắt buộc. Mức phạt tối đa cho một cá nhân là 10 năm tù và / hoặc phạt tiền 840.000 USD. Đối với một công ty, mức phạt tối đa là: 1) 8.403.000 USD; 2) ba lần giá trị của các lợi ích thu được; hoặc 3) 10% doanh thu 12 tháng trước đó của công ty liên quan.

Hiện có một số cơ quan cấp quốc gia và cấp tiểu bang chống tệ nạn tham nhũng của các quan chức nhà nước và đảm bảo sự minh bạch và tính xác thực trong các hệ thống của chính phủ. Ủy ban về tính toàn vẹn thực thi pháp luật của Úc (ACLEI) có nhiệm vụ ngăn chặn, phát hiện và điều tra các vấn đề tham nhũng nghiêm trọng và có hệ thống trong Ủy ban Tội phạm Úc, Cơ quan Hải quan và Biên phòng Úc, Cảnh sát Liên bang Úc, Trung tâm phân tích và báo cáo giao dịch Úc, Cơ quan CrimTrac, và các bộ phận quy định của Bộ Nông nghiệp. Một ủy ban độc lập chống tham nhũng (ICAC) hiện đang hoạt động tại New South Wales để điều tra, phát hiện và giảm thiểu tham nhũng trong khu vực công của NSW.

Tương tự, Cơ quan Ủy viên Liêm chính công và chống tham nhũng độc lập của Nam Úc (SAICAC) có nhiệm vụ xác định hành vi tham nhũng trong hành chính công, điều tra và chuyển sang truy tố nếu thích đáng. Quyền lực của SAICAC mở rộng đến tất cả các cơ quan hành chính công của Nam Úc bao gồm các cơ quan chính phủ tiểu bang và địa phương, các thành viên của Quốc hội, các thành viên của cơ quan tư pháp, cơ quan pháp lý và cảnh sát.

Úc đã ký và phê chuẩn Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng và là một bên ký kết Công ước chống hối lộ của OECD.

## Các thỏa thuận đầu tư song phương và các thỏa ước về thuế

Úc là một bên tham gia vào các hiệp định đầu tư song phương với Argentina, Trung Quốc, Cộng hòa Séc, Ai Cập, Hồng Kông, Hungary, Ấn Độ, Indonesia, Lào, Lithuania, Mexico, Pakistan, Papua New Guinea, Peru, Philippines, Ba Lan, Romania, Sri Lanka, Thổ Nhĩ Kỳ, Uruguay và Việt Nam. Úc đã có các hiệp định thương mại tự do song phương (FTA) với Hoa Kỳ (AUSFTA - 2004), Chile, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia, Singapore và Thái Lan và các FTA đa phương với New Zealand và các nước Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), tất cả các hiệp định này đều có các chương về đầu tư.

Australia hiện đang tham gia đàm phán các FTA song phương với EU, Ấn Độ và Indonesia cùng các cuộc đàm phán FTA đa phương sau đây: Quan hệ đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP, bao gồm ASEAN + Sáu nhóm quốc gia); Hội đồng Hợp tác Vùng Vịnh (GCC); và hiệp định thương mại và kinh tế Thái Bình Dương (PACER Plus).

Úc cũng đã có các hiệp định về thuế thu nhập với 44 quốc gia khác và Đài Loan.

Chính phủ Úc đã có nhiều bước đi tích cực trong các nỗ lực chống lại các hành vi trốn tránh thuế của các tập đoàn đa quốc gia. Trong một số trường hợp, Úc đã sử dụng các khuyến nghị về xói mòn cơ sở thu thuế và chuyển lợi nhuận của OECD (BEPS) nhưng cũng đã tiến xa hơn các khuyến cáo của BEPS. Trong năm 2016, Úc đã thực thi pháp luật chống trốn thuế của các công ty đa quốc gia nhằm vào các công ty đang kinh doanh tại Úc mà không thiết lập sự hiện diện lâu dài. Chính phủ Úc dự kiến sẽ thông qua luật thuế lợi tức chuyển hướng.

## Lao động

Úc có một số luật và quy định quản lý các nơi làm việc, đáng chú ý nhất là Đạo luật Lao động Công bằng năm 2009 và các quy định lao động công bằng 2009. Là luật chính điều



chỉnh mối quan hệ giữa công nhân viên với chủ sử dụng lao động ở Úc, bộ luật này tạo một lưới an toàn về các quyền lợi tối thiểu, cho phép tiến hành các thỏa thuận lao động linh hoạt và công bằng tại nơi làm việc và ngăn ngừa phân biệt đối xử với người lao động. Đạo Luật Lao động Công Bằng quy định các điều khoản và điều kiện làm việc tối thiểu có thể thực thi thông qua các Tiêu Chuẩn Việc Làm Quốc Gia (NES).

Chính phủ Úc cũng có sự hỗ trợ thông qua chương trình Bảo đảm quyền lợi công bằng cho những người còn nợ một số quyền lợi còn tồn đọng đối với các nhân viên nhất định sau khi người sử dụng lao động phải đóng cửa hoặc bị phá sản. Người dân nhập cư luôn luôn là một nguồn lao động lành nghề quan trọng tại Úc. Bộ Di Trú có “danh sách các nghề nghiệp chuyên môn (SOL)” có thể được sử dụng bởi những ứng viên có kỹ năng để được chấp nhận cho phép di trú lâu dài và tạm thời ở Úc theo Chương trình Di dân có tay nghề cao và Chương trình Đề cử của Người tuyển dụng.

Hầu hết các nơi làm việc của Úc được điều chỉnh bởi một hệ thống được tạo ra bởi Đạo Luật Lao động Công Bằng 2009. Việc thương lượng lao động diễn ra thông qua các thỏa thuận tập thể được thực hiện ở cấp doanh nghiệp giữa người sử dụng lao động và người lao động về các điều khoản và điều kiện làm việc. Các thỏa thuận như vậy được sử dụng rộng rãi ở Úc. Một thanh tra lao động công bằng giúp đỡ các nhân viên, người sử dụng lao động, các nhà thầu lẫn cộng đồng hiểu và tuân thủ hệ thống này. Đạo luật Lao động Công bằng 2009 thiết lập một bộ quy tắc và nghĩa vụ rõ ràng về cách thức quá trình này xảy ra, bao gồm các quy tắc về thương lượng, nội dung thỏa thuận với doanh nghiệp và cách thực hiện và phê duyệt thỏa thuận.

Tính đến tháng 3/2017, tỷ lệ thất nghiệp ở Úc là 5,9%. Đã có 254 vụ tranh chấp công nghiệp trong năm 2016, tăng 13% so với năm 2015.

### **Các khu Ngoại thương/các cảng tự do**

Úc không có các khu ngoại thương.

## Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Úc đã tăng hơn gấp đôi trong năm 2016 và tiếp tục duy trì mức cao trong năm 2017, đạt 46 tỷ USD.

Theo Báo cáo Đầu tư Thế giới năm 2018 của Hội nghị về Thương mại và Phát triển Liên Hiệp Quốc, Úc vẫn nằm trong mười điểm đến hàng đầu thế giới về FDI.

Từ năm 2011 đến năm 2017, Úc đã thu hút trung bình hàng năm 47 tỷ USD vốn FDI, so với mức trung bình 28 tỷ USD trong 7 năm trước đó (2004 đến 2010). Con số này thể hiện tốc độ tăng trưởng 70% trong suốt hai thời kỳ, cao hơn mức trung bình của thế giới là 24% và của các nền kinh tế phát triển là 12%.

Sự tăng trưởng vững chắc này đã nâng tỷ trọng dòng vốn FDI toàn cầu của Úc lên 3% trong giai đoạn 2011–2017 từ mức 2,2% trong giai đoạn trước đó. Khả năng phục hồi kinh tế, vị trí kinh doanh chiến lược của Úc, các mối quan hệ thương mại và đầu tư toàn cầu được tăng cường, quản trị vững chắc và ổn định chính trị tiếp tục giúp Úc duy trì vị thế là điểm đến đầu tư hấp dẫn.

Úc là nước tiếp nhận dòng vốn FDI lớn thứ 8 trên thế giới trong năm 2017, tăng từ vị trí thứ 9 trong năm 2016. Tổng giá trị dòng vốn FDI chảy vào Úc đứng ở mức 46,4 tỷ USD vào năm 2017, giảm nhẹ khoảng 2,9% so với năm 2016. Trong khi đó, dòng vốn FDI toàn cầu đã giảm 23% trong năm 2017 xuống còn 1,43 nghìn tỷ USD từ mức 1,87 nghìn tỷ USD trong năm 2016. Sự sụt giảm này phần lớn là do dòng vốn FDI chảy vào các nền kinh tế phát triển giảm mạnh (giảm 37% xuống còn 712 tỷ USD trong năm 2017 từ 1.133 tỷ USD trong năm 2016). Sự sụt giảm này có thể được giải thích bởi sự suy giảm từ các dòng vốn cao trong năm trước gây ra bởi các vụ sáp nhập và mua lại xuyên biên giới và các vụ tái cơ cấu công ty. Việc suy giảm đáng kể giá trị của các giao dịch như vậy đã dẫn đến giảm 40% luồng vốn chảy vào Mỹ xuống còn 275 tỷ USD và 92% ở Anh xuống còn 15 tỷ USD. Tuy nhiên, dòng vốn FDI vào các nước đang phát triển ở châu Á vẫn ổn định

ở mức 476 tỷ USD. Khu vực này, bao gồm Đông, Đông Nam, Nam và Tây Á, đã lấy lại vị trí là nơi tiếp nhận FDI lớn nhất trên thế giới.

Xét về tổng giá trị chứng khoán (tức là tổng giá trị tích lũy của tài sản thuộc sở hữu nước ngoài tại một thời điểm nhất định), FDI ở Úc ước đạt 662 tỷ đô la Mỹ trong năm 2017, tăng 15% so với năm 2016. Giá trị mới nhất cho thấy tốc độ tăng trưởng tổng hợp hàng năm kể từ năm 2008 là 9%, cao hơn tốc độ tăng trưởng trung bình của toàn thế giới (8%), các nền kinh tế phát triển (7%) và các nền kinh tế châu Âu (4%).

### ➤ Các nước đầu tư chính tại Úc

Hoa Kỳ và Vương quốc Anh là những nhà đầu tư lớn nhất tại Úc, tiếp theo là Bỉ, Nhật Bản và Hồng Kông.

Mặc dù Trung Quốc chỉ là nước đầu tư nước ngoài lớn thứ 9 của Úc, chiếm 2,0% tổng số đầu tư FDI tại Úc, mức độ đầu tư của Hồng Kông và Trung Quốc tại Úc đã tăng đáng kể trong thập kỷ qua.

Bảng dưới đây là 20 nhà đầu tư nước ngoài hàng đầu tại Úc vào cuối năm 2017. Giá trị hàng năm được tính bằng tỷ đô la Úc và bao gồm cả đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp và các loại hình đầu tư khác.

	2015	2016	2017	Tỷ trọng, %	Tăng giảm so với 2016	Tăng trưởng 5 năm, %
Hoa Kỳ	876,4	853,2	896,9	27,5	5,1	6,9
Anh	481,4	520,7	481,4	14,7	-7,6	4,2
Bỉ	247,1	270,1	305,3	9,3	13,0	9,6

Nhật	201,6	215,7	219,2	6,7	1,6	7,6
Hong Kong	86,3	102,2	116,6	3,6	14,1	17,0
Singapore	98,7	91,2	82,0	2,5	-10,1	5,6
Luxembourg	60,3	74,5	81,0	2,5	8,8	4,7
Hà Lan	66,3	76,6	79,0	2,4	3,2	15,9
Trung Quốc	75,4	84,1	65,0	2,0	-22,8	21,6
Thụy Sĩ	54,2	58,5	53,7	1,6	-8,2	-2,7

Nguồn: UNCTADstat database

➤ Các lĩnh vực thu hút đầu tư chính của Úc, 2017 (tỷ đô la Úc)

Lĩnh vực	2015	2016	2017	% tổng số	Tăng giảm so với 2016
Khai khoáng và đá	293,0	311,9	315,3	37,1	1,1
Chế tạo	90,5	94,7	97,7	11,5	3,2
Bất động sản	58,1	75,6	91,0	10,7	20,3
Tài chính – bảo hiểm	63,7	66,1	74,8	8,8	13,3
Bán sỉ và lẻ	52,9	53,8	55,0	6,5	2,2

Xây dựng	17,5	20,2	24,9	2,9	23,1
Thông tin – liên lạc	24,9	22,7	22,1	2,6	-2,6
Điện, ga và nước	15,9	15,8	22,0	2,6	39,3
Vận chuyển, kho bãi	20,9	21,5	16,8	2,0	-21,9
Dịch vụ ăn ở	7,2	7,3	7,4	0,9	1,0
Khác	91,3	107,5	122,1	14,4	13,5
<b>Tổng cộng</b>	<b>736,0</b>	<b>797,1</b>	<b>849,1</b>		<b>6,5</b>

Nguồn: Cơ Quan Thống kê Úc - ABS

### Đầu tư ra nước ngoài của Úc

Úc là nhà đầu tư trực tiếp quốc tế lớn thứ 17 trên thế giới. Dưới đây là mức độ đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của Úc so với các nền kinh tế khác trong năm 2017. Giá trị hàng năm được tính bằng tỷ đô la Mỹ.

Quốc gia	2015	2016	2017	% trong tổng số	%, tăng giảm so với 2016	Tăng trưởng 5 năm, %
Hoa Kỳ	6,007.8	6,361.4	7,799.0	25.3	22.6	5.9
Hong Kong	1,531.4	1,546.7	1,804.2	5.9	16.7	8.7
Đức	1,349.9	1,335.8	1,607.4	5.2	20.3	-0.8



Hà Lan	1,229.8	1,397.8	1,604.9	5.2	14.8	9.2
Anh	1,557.4	1,492.0	1,531.7	5.0	2.7	-3.2
Nhật	1,228.8	1,315.1	1,520.0	4.9	15.6	7.3
Canada	1,097.1	1,252.0	1,487.1	4.8	18.8	7.1
Trung Quốc	1,097.9	1,357.4	1,482.0	4.8	9.2	23.9
Úc	389.0	401.3	460.6	1.5	14.8	-2.0

*Nguồn: UNCTADstat database*

Các doanh nghiệp Úc đang đầu tư rất nhiều tiền vào các nền kinh tế khác. Vào cuối năm 2017, tổng số tiền Úc đầu tư ra nước ngoài vào khoảng 2,3 nghìn tỷ đô la Úc.

Hoa Kỳ và Vương quốc Anh vẫn là hai nền kinh tế lớn nhất tiếp nhận chủ yếu nguồn đầu tư của Úc. Vào cuối năm 2017, các khoản đầu tư của Úc vào Mỹ đạt 665 tỷ đô la Úc và tại Anh là 333 tỷ đô la.

Đầu tư của Úc ở châu Á đã tăng lên đáng kể trong thập kỷ qua. Từ năm 2007 đến 2017, khoản đầu tư của Úc vào các nền kinh tế lớn của châu Á (Trung Quốc, Hồng Kông (Trung Quốc), Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và tất cả các nước thành viên ASEAN đã tăng từ 110 tỷ lên 390 tỷ đô la.

Bảng dưới đây cho thấy 14 nền kinh tế hàng đầu mà Úc đang đầu tư (vào cuối năm 2017). Các con số này được tính bằng đô la Úc và bao gồm cả đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp và loại hình đầu tư khác.

Quốc gia	2015	2016	2017	% trong tổng số	%, tăng giảm so với 2016	Tăng trưởng 5 năm, %
Hoa Kỳ	653,9	660,9	664,5	29,1	0,5	8,8
Anh	339,3	331,0	333,1	14,6	0,6	7,3
Nhật	94,7	108,9	125,1	5,5	14,9	25,7
New Zealand	92,7	104,2	103,0	4,5	-1,2	6,3
Trung Quốc	62,5	83,0	77,1	3,4	-7,1	28,7
Đức	67,3	66,9	73,6	3,2	10,0	6,1
Cayman Islands	49,2	53,8	63,3	2,8	17,8	21,7
Singapore	61,0	58,7	59,4	2,6	1,1	16,5
Pháp	47,9	57,5	51,0	2,2	-11,3	12,6
Hong Kong	48,5	50,9	47,4	2,1	-6,9	13,2
Canada	42,4	43,0	46,9	2,1	9,0	-0,9
Hà Lan	39,7	43,9	43,6	1,9	-0,8	7,9
Thụy Sĩ	19,9	21,4	35,9	1,6	67,5	10,4

Hàn Quốc	15,2	17,8	19,9	0,9	11,9	11,9
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.104,6</b>	<b>2.204,2</b>	<b>2.280,2</b>		<b>3,4</b>	<b>9,1</b>

*Nguồn: Cơ quan Thống kê Úc - ABS*

## Chương 7: Tài trợ thương mại và dự án

### Phương thức thanh toán

Úc có nhiều phương án tài trợ xuất khẩu. Một số công cụ cơ bản được mô tả dưới đây. Mỗi công ty nên chọn phương án tài trợ nào thuận lợi cho cả hai bên giao dịch. Nên tham khảo ý kiến các bộ phận dịch vụ quốc tế của tổ chức tài chính Úc để chọn phương án tài trợ tốt nhất cho một giao dịch cụ thể.

### Tạm ứng

Nhà xuất khẩu yêu cầu ứng trước tiền mặt trước khi xuất khẩu. Từ quan điểm của người mua, đây là phương pháp ít phổ biến nhất. Một nhà xuất khẩu yêu cầu ứng trước tiền mặt giúp giảm thiểu rủi ro nhưng có thể làm giảm vị thế cạnh tranh của mình. Các hình thức cải biến của phương thức này (ví dụ, đặt cọc thanh toán từng phần) thường được sử dụng cho các thiết bị sản xuất theo yêu cầu hoặc sản phẩm độc đáo khác.

### Tín dụng thư

Là những chứng từ ghi nợ được ngân hàng của người mua phát hành. Trong trường hợp tín dụng thư không thể hủy ngang đã xác nhận, ngân hàng xác nhận bảo lãnh việc thanh toán của ngân hàng phát hành. Tuy nhiên, tín dụng thư (L/C) cũng bao gồm các điều khoản và điều kiện mà nhà xuất khẩu phải thực hiện để nhận được thanh toán. Đây là một hình thức thanh toán rất an toàn và thường được sử dụng cho các khách hàng mới hoặc chưa hiểu biết rõ, do nguy cơ mất khả năng thanh toán cao. Có khả năng linh hoạt hơn và không phiền hà như phương thức ứng trước tiền mặt, tín dụng thư vẫn còn cần nghiệp vụ bảo đảm mức độ tin cậy của nhà nhập khẩu Úc, do đó sẽ phải chịu phí ngân hàng.

### Hội phiếu thương mại

Hối phiếu (trả ngay hay trả sau khi nhận được chứng từ) được xử lý thông qua ngân hàng của cả hai bên liên quan đến giao dịch. Giống như L/C, các ngân hàng không bảo lãnh việc thanh toán hoặc phát hành các chứng từ vận tải cho đến khi cả hai bên đáp ứng các điều kiện trao đổi.

Phương pháp này có rủi ro cao hơn tín dụng thư vì nhà nhập khẩu có thể từ chối thanh toán. Nhà xuất khẩu nên tham khảo độ tin cậy hoặc có các mối quan hệ lâu bền với nhà nhập khẩu trước khi đưa ra hình thức tài chính này. Nhà nhập khẩu ưa thích phương thức này hơn bởi vì nó không ảnh hưởng đến luồng lưu kim của họ hay ràng buộc bởi hạn mức tín dụng thương mại. Những thuận lợi này cho nhà nhập khẩu đã làm cho phương thức trên trở thành một trong những hình thức tài chính thương mại được sử dụng rộng rãi nhất.

### **Hệ thống ngân hàng**

Bốn ngân hàng bán lẻ lớn nhất ở Úc là Westpac Banking Corporation, Commonwealth Bank, Ngân hàng Australia-New Zealand (ANZ), và Ngân hàng Quốc gia Úc (NAB). Cả bốn ngân hàng này đều được Standard & Poor's xếp hạng AA- trong năm 2013. Tuy nhiên, tính thanh khoản tài chính thương mại cũng là một vấn đề ở đây như những nơi khác trên thế giới.

Mặc dù hệ thống ngân hàng tại Úc đáng tin cậy và minh bạch, có sự khác biệt về cấu trúc và hoạt động so với hệ thống của Mỹ. Ở Úc, sự phân biệt giữa các ngân hàng bán lẻ và các ngân hàng đầu tư đã trở nên ngày càng mờ nhạt.

Hệ thống ngân hàng Úc đang tích cực bãi bỏ bớt các quy định và đẩy mạnh tiến trình tư nhân hóa. Các ngân hàng nước ngoài được phép tham gia vào thị trường tài chính. Nói chung, các ngân hàng bán lẻ hiện nay cung cấp rất nhiều loại dịch vụ tài chính, bao gồm: bảo hiểm tổng quát và bảo hiểm nhân thọ, môi giới chứng khoán, và bảo lãnh phát hành chứng khoán cho các khách hàng bán lẻ, bên cạnh hoạt động cho vay kinh doanh và tiêu



dùng. Điều này khiến các ngân hàng bán lẻ phải ở trong tư thế cạnh tranh với các công ty môi giới và các ngân hàng bán buôn.

Chính phủ Úc cho phép các ngân hàng không phải của Úc mở chi nhánh để phục vụ thị trường bán buôn. Tuy nhiên, luật ngân hàng cũng quy định chỉ cho phép các hoạt động ngân hàng bán lẻ thông qua một công ty con được thành lập trong nước.

Ngân hàng Trung ương Úc (RBA) lập ra chính sách tiền tệ và điều hành hệ thống thanh toán. Cơ quan Giám sát Tài chính và Bảo hiểm Úc (APRA) giám sát các ngân hàng, các tổ chức tín dụng, các hiệp hội nhà ở, các công ty bảo hiểm và tái bảo hiểm, bảo hiểm nhân thọ, hợp tác xã và hầu hết các thành viên của lãnh vực quỹ hưu trí. APRA hiện giám sát các tổ chức nắm giữ lượng tài sản xấp xỉ 4 nghìn tỷ USD cho gần 23 triệu người gửi tiền, người mua bảo hiểm và các thành viên quỹ hưu bổng của Úc (<http://www.apra.gov.au/>).

## Quản lý ngoại hối

Úc không hạn chế dòng tiền vào hoặc ra khỏi đất nước. Tuy nhiên, cần có nghĩa vụ báo cáo nguồn tiền mặt theo Đạo luật báo cáo giao dịch tiền mặt (CTRA). Để kiểm soát trốn thuế và rửa tiền, Trung tâm Báo cáo và Phân tích Giao dịch Úc (AUSTRAC) phải nhận được các báo cáo về các vụ chuyển tiền quốc tế từ 10.000 đô la Úc trở lên. AUSTRAC không hạn chế các vụ chuyển tiền bình thường liên quan đến thương mại quốc tế.

Đô la Úc là đồng tiền chuyển đổi tự do. Tỷ giá được xác định bởi cung cầu quốc tế. Chính sách chính thức không nhằm bảo vệ bất kỳ mức tỷ giá cụ thể nào. Sự can thiệp của ngân hàng trung ương là rất nhỏ và chỉ xảy ra khi cần thiết để hạn chế biến động của thị trường ngoại hối. Chỉ có các đại lý giao dịch ngoại tệ được ủy quyền, bao gồm các ngân hàng thương mại và ngân hàng bán buôn, được phép tiến hành các giao dịch ngoại hối. Không có giới hạn cụ thể nào về việc chuyển lợi nhuận, cổ tức hay vốn về nước.

## Tài trợ dự án

Tại Úc, nhiều công ty quản lý tài chính nội địa và quốc tế cung cấp các dịch vụ cấu trúc tài chính phức tạp cần thiết để tài trợ cho các dự án quỹ, bằng cách sử dụng gói dịch vụ cạnh tranh nhất cho từng dự án cụ thể. Có nhiều nguồn và phương thức tài trợ nợ dài hạn. Bao gồm:

- Các Ngân hàng
- Các nhà đầu tư bán lẻ
- Vốn vay chính phủ
- Các cơ quan tín dụng xuất khẩu
- Cơ quan hỗ trợ tín dụng
- Trái phiếu
- Hình thành các tập đoàn ngân hàng quốc gia và quốc tế
- BOOT (xây dựng, sở hữu, vận hành và chuyển giao)
- Đầu tư trực tiếp của các công ty trong nước và quốc tế
- Hợp vốn cho vay
- Các liên doanh

Theo truyền thống, ngân hàng cung cấp nguồn tài trợ dự án kỳ hạn và đang là nguồn tín dụng dự án duy nhất. Mặc dù các nguồn khác có thể tài trợ các khoản vay dự án, việc tài trợ chỉ được thực hiện trên cơ sở mức độ tín dụng ngân hàng, thông qua bảo lãnh của ngân hàng hoặc tín dụng thư. Sự phát triển của các cơ chế tài trợ mới và sáng tạo là một yếu tố quan trọng trong việc tài trợ các dự án và phát triển cơ sở hạ tầng khi mà các dự án

công cộng ở các cấp tiểu bang, liên bang và địa phương dành cho lãnh vực tư nhân.

Các ngân hàng thương mại lớn có quyền sở hữu chi phối trong các công ty tài chính lớn, vốn kiểm soát khoảng 75% tổng tài sản ngành. Ngân hàng thương mại là những nguồn cung cấp chính các khoản vay trung hạn. Rất nhiều ngân hàng bán buôn đang hoạt động tại Úc, phần nhiều trong số đó liên kết với các tổ chức tài chính lớn nhất thế giới. Các ngân hàng này cũng cung cấp các khoản tài trợ từ ngắn đến trung hạn.

Vốn đầu tư mạo hiểm thường có sẵn tại các công ty quản lý và đầu tư, được huy động từ các nguồn vốn góp được khấu trừ thuế. Các nguồn huy động thay thế khác bao gồm: tiền từ các công ty tài chính (bao gồm cả các thỏa thuận thuê mua), các hiệp hội nhà ở, hợp tác xã hoặc liên hiệp tín dụng, các công ty bảo hiểm, các quỹ hưu trí và ủy thác quản lý tiền mặt.

Các công ty tài chính lớn huy động tiền chủ yếu từ việc phát hành trái phiếu và phiếu khoán không có bảo đảm với hạn kỳ tối đa 5 năm. Việc hợp vốn cho vay giữa các ngân hàng Úc và ngân hàng nước ngoài cung cấp các khoản vay dài hạn. Cũng có tồn tại một thị trường chuyên cho vay và mượn trực tiếp trên cơ sở không đảm bảo giữa các công ty lớn và có danh tiếng.

Các ngân hàng Úc được tự do tham gia vào hầu như tất cả các loại hình dịch vụ tài chính, bao gồm cả thấu chi (một hình thức vay mượn truyền thống), các khoản vay với thời hạn cố định, hối phiếu thương mại, thư tín dụng, phát hành trái phiếu và cổ phần trong nước và quốc tế, bảo lãnh phát hành cổ phiếu, thuê mua tài chính và cho vay bằng đồng Euro. Cũng có nhiều định chế phi ngân hàng cung cấp các dịch vụ tài chính.

Vì Úc là một nước công nghiệp và là quốc gia tài trợ cho các ngân hàng phát triển đa phương (MDB) nên các định chế cho vay như Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng Phát triển châu Á không hoạt động ở đây. Cũng như các nước phát triển khác, Úc có một nguồn quỹ tư nhân dồi dào để tài trợ dự án.

## Chương 8: Việc đi lại khi kinh doanh

Mặc dù có nhiều cách để các doanh nhân quốc tế có thể nhập cảnh vào Úc, nhưng tất cả đều phải cần có thị thực nhập cảnh.

Chính phủ Úc đã triển khai một số cải cách luật pháp, chính sách và thủ tục nhập cư trong những năm gần đây để khuyến khích doanh nhân nước ngoài đến Úc làm ăn kinh doanh và tạo điều kiện dễ dàng cho họ nhập cảnh vào Úc.

Tất cả các đương đơn xin thị thực cần phải đáp ứng các tiêu chí lợi ích công cộng liên quan đến y tế, an ninh quốc gia và các mối quan hệ đối ngoại. Thời gian lưu trú càng dài, càng phải đáp ứng các tiêu chí này chặt chẽ hơn.

### Thị thực nhập cảnh vào Úc

Có một số loại thị thực dành cho các doanh nghiệp và doanh nhân có nhu cầu đến Úc. Chương trình nhập cư cho phép các doanh nhân và những người có tay nghề cao nhập cảnh vĩnh viễn và tạm thời vào Úc với các yêu cầu thị thực khác nhau.

Doanh nhân có kế hoạch nhập cảnh vào Úc nhằm mục đích kinh doanh có thể nộp đơn xin thị thực kinh doanh (ngắn hạn), thường cho phép lưu trú khoảng ba tháng ở Úc mỗi lần.

Electronic Travel Authority (ETA) và thị thực eVisitor tương tự như visa lưu trú ngắn hạn nói trên và có sẵn cho các công dân của một số nước nhất định. Nên cẩn thận khi xin ETA Kinh doanh hoặc visa eVisitor cho mục đích kinh doanh, chứ không phải là ETA du lịch hoặc visa eVisitor cho mục đích du lịch.

#### ➤ **Bảo lãnh cho nhân viên tới Úc làm việc**

Các công ty đang hoạt động tại Úc, hoặc các công ty đang hoạt động ở các nước khác có

nhu cầu thiết lập một cơ sở tại Úc, có thể bảo trợ cho các cá nhân đến Úc với thị thực kinh doanh tạm thời (dài hạn) (Subclass 457 visa).

Các cá nhân có thị thực này có thể làm việc với một chức vụ cụ thể trong công ty hoặc công ty liên kết theo quy định của Luật Công ty trong suốt thời hạn lên đến 4 năm.

Các nhà bảo trợ cho người được cấp Subclass visa 457 phải:

- Chứng minh rằng họ đang điều hành hợp pháp một doanh nghiệp đang tích cực tham gia vào các hoạt động kinh doanh
- Chứng minh rằng họ là người chủ trực tiếp sử dụng những người lao động được bảo trợ.
- Chứng minh rằng không có thông tin bất lợi (ví dụ như nhập cư, phân biệt đối xử, các quan hệ công nghiệp, OH & S, thuế) liên quan đến người bảo trợ hoặc các giám đốc, hoặc một pháp nhân liên kết với họ.
- Cung cấp một xác nhận về tiếng tăm vững chắc của họ, hoặc thể hiện cam kết sử dụng lao động trong nước và tuyển dụng không phân biệt đối xử
- Nếu người bảo trợ là một doanh nghiệp Úc, chứng minh rằng họ đáp ứng được các tiêu chí đào tạo chuẩn có liên quan. Trường hợp doanh nghiệp Úc đã hoạt động chưa đến 12 tháng, xuất trình một kế hoạch có thể kiểm tra về việc đáp ứng các chuẩn đào tạo này.

Người sử dụng lao động đang hoạt động kinh doanh ở nước ngoài không có cơ sở chính thức hoặc đại diện tại Úc cũng có thể bảo lãnh cho người lao động bằng thị thực 457 Subclass nhưng sẽ cần phải làm một trong những điều sau đây:

- Thành lập một chi nhánh hoặc hoạt động kinh doanh khác như một công ty liên doanh, đại lý hoặc công ty con phân phối tại Úc.



- Thực hiện các nghĩa vụ thay mặt cho đơn vị bảo lãnh đối với hợp đồng hoặc hoạt động kinh doanh khác tại Úc.

Các công ty hoạt động ở Úc cũng có thể bảo lãnh cho đội ngũ nhân viên thường trú, nếu chức vụ được chỉ định là một vị trí cố định toàn thời gian và vị trí của người nộp đơn cần có tay nghề cao.

### ➤ Các chủ doanh nghiệp và các nhà đầu tư

Theo chương trình Kỹ năng Kinh doanh, các doanh nhân có thể xin tới Úc để khởi nghiệp kinh doanh của riêng mình, quản lý một doanh nghiệp mới hoặc hiện tại, hoặc đầu tư vào Úc mà không cần người bảo lãnh, phải đáp ứng các tiêu chí kinh doanh có liên quan và điều kiện tiên quyết về nền tảng kinh doanh và tài sản.

Những thị thực này có sẵn cho:

- Các chủ doanh nghiệp
- Các nhà quản lý cấp cao của các doanh nghiệp đáp ứng được các yêu cầu liên quan
- Các nhà điều hành cấp cao của các doanh nghiệp lớn, đáp ứng được các yêu cầu liên quan
- Các chủ doanh nghiệp hay các nhà đầu tư thành đạt muốn đầu tư vốn vào một dự án đầu tư được Chính phủ phê duyệt (đầu tư ít nhất 1,5 triệu đô la Úc tại một bang hoặc vùng lãnh thổ thuộc Úc) ít nhất là 4 năm

Trong hầu hết các trường hợp, người nước ngoài thường nhập cảnh vào Úc theo diện thị thực tạm thời. Tối thiểu là sau hai năm, họ có thể có đủ điều kiện để nộp đơn xin thị thực Kỹ năng Kinh doanh thường trú với điều kiện là tất cả các nghĩa vụ của người xin cấp thị thực và các yêu cầu bổ sung về thị thực thường trú đều được đáp ứng. Trong một số trường hợp, Chính phủ các bang/Vùng lãnh thổ cũng có thể bảo lãnh để hỗ trợ các đương

đơn doanh nghiệp bằng cách hạ thấp các tiêu chí kinh doanh và đầu tư thông thường.

Ngoài ra, còn nhiều cơ hội khác cho các doanh nhân nhập cảnh vào Úc nếu họ có thể đáp ứng các yêu cầu của một trong các loại thị thực có tay nghề chung, vốn sẽ xem xét một số chi tiết của người nộp đơn:

- Tuổi tác
- Khả năng tiếng Anh
- Nghề nghiệp
- Trình độ
- Kinh nghiệm làm việc (bao gồm cả kinh nghiệm ở Úc)
- Nếu có thể, bất kỳ công dân Úc, thường trú nhân hoặc thân nhân người New Zealand đủ điều kiện đang cư trú tại Úc.

Tiểu bang và các vùng lãnh thổ cũng có thể bảo lãnh thêm cho người nộp đơn để giúp đáp ứng các yêu cầu theo các loại thị thực kỹ năng chung nếu người nộp đơn đề nghị muốn nhập cảnh vào một tiểu bang/lãnh thổ hoặc vùng nông thôn cụ thể, là nơi mà nghề nghiệp của họ đang có nhu cầu.

Các thường trú nhân được tự do mua bất động sản trong khi khả năng mua tài sản của những người tạm trú lại rất hạn chế. Những người sử dụng lao động bảo lãnh cho nhân viên tới Úc làm việc cũng nên xem xét khả năng miễn trừ Phí Bảo đảm Hưu trí và tham khảo tư vấn thuế liên quan về vấn đề này.

### ➤ **Xin thị thực nhập cảnh tại Việt Nam**

Mẫu đơn và sách hướng dẫn xin thị thực có thể tải về từ trang mạng của Bộ Nhập cư và Quốc tịch Úc hoặc xin mẫu đơn tại các Trung tâm tiếp nhận hồ sơ xin thị thực Úc.

- **Hướng dân nộp hồ sơ xin thị thực đến Úc (diện thị thực 600)**

- + Nộp hồ sơ ít nhất bốn (4) tuần trước ngày dự định đi. Đảm bảo điền đầy đủ thông tin vào mẫu đơn và cung cấp đầy đủ các giấy tờ cần thiết. Trong phần lớn các trường hợp, quyết định đối với hồ sơ xin visa chỉ dựa trên những thông tin được nộp trên hồ sơ.
- + Mỗi đương đơn (bao gồm cả trẻ em) sẽ phải nộp mẫu đơn và lệ phí hồ sơ riêng.
- + Không cần nộp bản dịch của những giấy tờ bằng tiếng Việt. Những giấy tờ bằng ngôn ngữ khác nộp trong hồ sơ phải được đính kèm cùng bản dịch tiếng Anh.
- + Các bản sao công chứng phải được Phòng Công chứng Nhà nước hoặc ủy ban nhân dân địa phương xác nhận và đóng dấu sao y bản chính.
- + Không nên mua vé máy bay trước khi nhận được thông báo về kết quả thị thực.
- + Nếu có Thẻ Đi lại của Doanh nhân APEC (ABTC), hãy gửi thư điện tử tới địa chỉ [immigration.hanoi@dfat.gov.au](mailto:immigration.hanoi@dfat.gov.au) để thông báo số hộ chiếu và họ tên đầy đủ trước khi nộp hồ sơ xin thị thực.

- **Nộp hồ sơ:**

Cần gọi điện hoặc viết thư điện tử đến Trung tâm Tiếp nhận Hồ sơ xin Thị thực Úc để đặt cuộc hẹn trước khi nộp hồ sơ xin thị thực. Cũng có thể đặt hẹn trực tuyến tại [www.vfsglobal.com/australia/vietnam](http://www.vfsglobal.com/australia/vietnam).

- + **Hà Nội – Văn phòng VFS Toàn cầu**

### **Trung tâm Tiếp nhận Hồ sơ xin thị thực Úc**

Địa chỉ: Tòa nhà Vinafor (lầu 11)



127 phố Lò Đúc, Phường Đông Mác, Q. Hai Bà Trưng

Điện thoại: 1900 565 639 (gọi trong Việt Nam – tính cước nội địa)

84 8 3521 2000 (gọi ngoài Việt Nam)

Thư điện tử: [info.auvi@vfshelpline.com](mailto:info.auvi@vfshelpline.com)

Trang mạng: [www.vfsglobal.com/australia/vietnam](http://www.vfsglobal.com/australia/vietnam)

+ **Thành phố Hồ Chí Minh – Văn phòng VFS Toàn cầu**

**Trung tâm Tiếp nhận Hồ sơ xin thị thực Úc**

Địa chỉ: Tháp Resco (Lầu 2), 94 – 96 Nguyễn Du, Q. 1

Điện thoại: 1900 565 639 (gọi trong Việt Nam – tính cước nội địa)

84 8 3521 2000 (gọi ngoài Việt Nam)

Thư điện tử: [info.auvi@vfshelpline.com](mailto:info.auvi@vfshelpline.com)

Trang mạng: [www.vfsglobal.com/australia/vietnam](http://www.vfsglobal.com/australia/vietnam)

• **Thời gian làm việc:**

Nộp hồ sơ: Thứ Hai đến thứ Sáu, 8h30 sáng – 3h chiều

Nhận lại giấy tờ: Thứ Hai đến thứ Sáu, 8h30 sáng – 5h chiều

• **Chuẩn bị giấy tờ**

+ **Những giấy tờ cần chuẩn bị để xin visa Úc gồm có:**

- Hộ chiếu còn hạn trên 06 tháng được tính từ ngày khởi hành (Hộ chiếu phải có chữ ký)

- Hình 4 tấm khổ 4x6cm (hình chụp mặc áo có cổ và chụp không quá 6 tháng).
- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của chính quyền địa phương.
- Hộ khẩu có thị thực
- Chứng minh nhân dân
- Tờ khai chi tiết thân nhân (mẫu đính kèm).
- Giấy phép đăng ký kinh doanh (nếu là chủ doanh nghiệp)

+ **Chứng minh khả năng tài chính:**

- Tài khoản ngân hàng, sổ tiết kiệm (càng nhiều càng tốt, tối thiểu 5.000 usd); yêu cầu ngân hàng cung cấp Giấy Xác nhận số dư ở thời điểm hiện tại bằng song ngữ Anh-Việt. (bắt buộc)
- Chứng từ về chủ quyền tài sản (sở hữu nhà cửa, đất đai..)
- Chứng từ về thu nhập lợi tức: cổ đông công ty, nhà cho thuê.. (nếu có)
- Giấy xác nhận mức lương.
- Giấy quyết định cử đi công tác.
- Hợp đồng lao động.

Các thông tin liên quan đến thủ tục xin thị thực vào Úc, tham khảo tại:  
[http://vietnam.embassy.gov.au/hnoivietnamese/Visas\\_and\\_Migration.html](http://vietnam.embassy.gov.au/hnoivietnamese/Visas_and_Migration.html)

• **Lệ phí xét duyệt hồ sơ xin thị thực**

Kể từ ngày 1/7/2015, lệ phí xin visa du lịch đến Úc (diện 600) được điều chỉnh tăng từ 130 đô la Úc lên 135 đô la Úc.



### ➤ **Thị thực Điện tử**

Kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2015, người đã được cấp thị thực sẽ không thể yêu cầu dán nhãn thị thực, hoặc trả lệ phí dán nhãn thị thực. Khách hàng đã được cấp thị thực có thể xem thông tin về thị thực của mình trên hệ thống cung cấp dịch vụ miễn phí Kiểm tra quyền lợi thị thực (Visa Entitlement Verification Online – VEVO) trên trang mạng <http://www.border.gov.au/Busi/Visa>, hoặc thông qua ứng dụng trên thiết bị di động myVEVO.

### ➤ **Thu thập thông tin sinh trắc học**

Kể từ ngày 17/7/2015, Cơ quan Di Trú và Bảo vệ Biên giới sẽ bắt đầu thu thập dữ liệu sinh trắc học của người Việt Nam nộp đơn xin visa sang Úc. Dữ liệu sinh trắc học được thu thập bằng một qui trình nhanh chóng và dễ dàng: chụp một bức ảnh khuôn mặt và quét vân tay điện tử.

Dữ liệu sinh trắc học sẽ được thu thập từ các đương đơn xin visa thuộc bất kỳ quốc tịch nào đang ở Việt Nam tại thời điểm làm đơn xin thị thực nhập cảnh vào Úc.

Những người gửi đơn xin visa cho Đại sứ quán Úc tại Hà Nội hoặc Lãnh sự quán Úc tại Thành phố Hồ Chí Minh hoặc đến một trong những văn phòng AVAC, sẽ nhận được một thư yêu cầu đến một trong những văn phòng AVAC để cung cấp dữ liệu sinh trắc học.

Việc nộp bộ đơn xin thị thực đầy đủ cùng với tất cả các tài liệu liên quan theo yêu cầu tại văn phòng AVAC, đồng thời cung cấp cùng lúc dữ liệu sinh trắc học, là cách nhanh nhất và hiệu quả nhất để nộp đơn xin thị thực tại Việt Nam.

Trước khi nộp đơn xin thị thực, bạn cần phải thực hiện một cuộc hẹn bằng cách đặt trên trang web của VFS Global, gọi điện hoặc gửi email tới văn phòng VFS Global AVAC gần nhất tại Việt Nam.

## Các lưu ý quan trọng

Lễ Giáng Sinh và Đón mừng Năm mới là khoảng thời gian trong năm có rất nhiều người đến Úc đi du lịch. Do vậy, số lượng người xin thị thực vào Úc sẽ gia tăng đáng kể trong khoảng thời gian đó. Do vậy, trong giai đoạn các kỳ nghỉ lễ, nên nộp hồ sơ sớm ít nhất là 4 tuần trước ngày đi dự kiến. Các yêu cầu xét duyệt gấp sẽ chỉ được xem xét đối với những trường hợp đặc biệt.

Không nên đặt vé máy bay hay sắp xếp chuyến đi trước khi quý vị có thị thực nhập cảnh Úc. Bộ Nhập cư và Bảo vệ Biên giới sẽ không chịu trách nhiệm đối với những thiệt hại về tài chính phát sinh từ những đơn được cấp thị thực chậm trễ hơn dự kiến hoặc hồ sơ không thành công.

## Viễn thông

Úc có các cơ sở hạ tầng viễn thông tuyệt vời và dịch vụ viễn thông tương đối rẻ. Dịch vụ cho các doanh nghiệp bao gồm: truy cập Internet, ISDN, nhắn tin bằng giọng nói, và fax. Các thẻ SIM trả trước có thể mua dễ dàng tại các cửa hàng điện thoại và tại các sân bay.

Các nhà cung cấp viễn thông của Úc bao gồm: Telstra, Optus, Vodaphone và Virgin. Tất cả các công ty viễn thông này đều đã chuyển đổi sang mạng 4G. Dịch vụ cho thuê điện thoại di động có sẵn tại sân bay và tại các trung tâm thành phố lớn. Bạn sẽ cần phải sắp xếp trước với hãng thông tin di động hoặc nhà cung cấp dịch vụ của bạn để đảm bảo bạn có thể sử dụng điện thoại di động của bạn tại Úc. Bạn cũng phải chắc rằng thiết bị điện thoại của bạn có thể hoạt động tại Úc. Nguồn điện là 240 volts/50Hz. Do khác biệt về ổ cắm điện, bạn cần mua sẵn các bộ chuyển đổi du lịch đa dụng tại sân bay hoặc tại các cửa hàng điện tử.

Truy cập Internet phổ biến rộng rãi tại các sân bay, khách sạn và các quán cà phê Internet. Có rất nhiều điểm phát Wi-Fi tại các khu vực trung tâm của các thành phố lớn.

Dịch vụ fax công cộng cũng có sẵn tại các bưu cục, khách sạn, và một số cơ quan thông tấn.

Để biết thêm thông tin về thị trường viễn thông của Úc tại trang web <http://www.acma.gov.au>

### Giao thông vận tải

Việc đi lại giữa châu Á, châu Âu, Trung Đông, Nam Mỹ, và Nam Phi đến Úc khá thuận tiện.

Hiện tại ở Việt Nam chỉ có bay thẳng đến Melbourne và Sydney, được khai thác bởi những hãng hàng không sau đây: Vietnam Airlines, Singapore Airlines, Silkair, Cathay Pacific Airways, Qantas Airways, Jetstar Asia, Singapore Airlines, Malaysia Airlines...

Thời gian bay từ Việt Nam đến Úc cụ thể như sau:

- Chặng bay TPHCM – Sydney: bay thẳng mất 8h15 phút.
- Chặng TPHCM – Melbourne: bay thẳng mất khoảng 8h15 phút
- Chặng Hà Nội – Sydney: Có chặng bay thẳng thời gian bay sẽ vào khoảng 9h20 phút.
- Chặng Hà Nội – Melbourne: Hành khách phải bay hành trình với 1 điểm nối chuyến. Trong đó bay hãng Vietnam Airlines sẽ nối chuyến tại TPHCM có thời gian bay ít nhất cho tổng hành trình là 12h35 phút (đã tính thời gian nối chuyến).
- Chặng Đà Nẵng – Sydney: bắt buộc bạn phải bay hành trình nối chuyến tùy theo từng hãng bay với hãng Vietnam Airlines bạn sẽ nối chuyến tại TPHCM sau đó bay đến Sydney với tổng thời gian bay là 12h30 phút.
- Chặng Đà Nẵng – Melbourne: Hành khách bay quá cảnh tại TPHCM, sau đó bay đến Melbourne với tổng thời gian bay là 11h45 phút.

Các chuyến bay thường xuyên giữa các bang kết nối năm thành phố lớn của Úc. Các hãng hàng không lớn phục vụ tuyến nội địa bao gồm Qantas Airways, Virgin Blue, và Jetstar Airways. Có thể được giảm giá vé nội địa khi mua cùng với vé quốc tế. Úc có một hệ thống giao thông trong nước rộng khắp và hiệu quả, bao gồm hàng không, đường sắt, xe đò và các dịch vụ biển.

Úc lái xe bên trái đường. Các công ty cho thuê xe của Úc hoạt động khắp cả nước. Đặt chỗ tại sân bay, khách sạn, đại lý du lịch, hoặc trực tiếp bằng thẻ tín dụng và bằng lái xe quốc tế.

Giao thông công cộng cũng được phát triển tốt trên khắp các khu vực đô thị. Các dịch vụ xe buýt, đường sắt và hàng không nối kết các thành phố và thị trấn rất thuận tiện.

➤ **Thời gian di chuyển bằng đường hàng không quốc tế**

- Los Angeles đến Sydney: 14 giờ
- New York đến Sydney (qua Los Angeles và San Francisco): 21 giờ
- Honolulu đến Sydney: 9 giờ
- Tokyo đến Sydney: 9 giờ
- Hong Kong đến Sydney: 9 giờ
- Singapore đến Sydney: 8 giờ

➤ **Thời gian di chuyển hàng không trong nước**

- Sydney đến Melbourne: 1 giờ
- Sydney tới Brisbane: 1 giờ

- Sydney tới Perth: 4 giờ
- Sydney tới Canberra: 35 phút
- Melbourne tới Brisbane: 2 giờ
- Melbourne tới Perth: 4 giờ
- Brisbane tới Perth: 6 giờ

## Y tế

Ít có nguy cơ về y tế tại Úc và nước máy công cộng có thể uống trực tiếp. Các dịch vụ y tế, nha khoa và tất cả các cơ sở y tế đều hiện đại tương tự như ở các nước phương Tây khác, chẳng hạn như Hoa Kỳ. Khách nước ngoài dễ dàng nhận được dịch vụ chăm sóc y tế, nhưng có thể phải thanh toán ngay lập tức cho các dịch vụ này bằng tiền mặt hoặc thẻ tín dụng.

## Trong một tình huống khẩn cấp, hãy gọi Triple Zero (000)

Để liên lạc với cảnh sát, cứu hỏa hoặc cứu thương trong một tình huống khẩn cấp, hãy gọi Triple Zero (000) từ bất kỳ máy điện thoại nào tại Úc. Các cuộc gọi này là miễn phí nhưng chỉ nên gọi Triple Zero (000) trong các tình huống đe dọa đến tính mạng hoặc mỗi giây phút đều mang tính quyết định, khi mà sự ứng phó khẩn cấp từ cảnh sát, cứu hỏa hay cứu thương là cần thiết.

Người trực tổng đài sẽ hỏi người gọi cần dịch vụ khẩn cấp nào – cảnh sát, cứu hỏa hay cứu thương – và sẽ thực hiện kết nối. Nếu gặp trở ngại trong việc nói Tiếng Anh, có thể yêu cầu có thông dịch viên sau khi đã được nối máy nói chuyện với dịch vụ khẩn cấp theo yêu cầu.

## Tập quán kinh doanh



Úc là một đất nước đa văn hóa với trên 200 loại ngôn ngữ và thổ ngữ được sử dụng. Úc cũng là nơi cư ngụ của những người dân đến từ trên 200 quốc gia.

Úc có một lực lượng lao động đa ngôn ngữ, có tay nghề và trình độ giáo dục cao, với trên 50% tốt nghiệp đại học và trình độ biết đọc biết viết đến 99%.

Việc kinh doanh làm ăn ở Úc tương đối dễ dàng, giống như các nước phương Tây khác. Người Úc thường chú trọng đến việc lập kế hoạch trước, tính nhanh nhẹn, các công việc tiếp nối và luôn thẳng thắn trong các cuộc thương lượng kinh doanh.

Người dân Úc có xu hướng ăn mặc khá bảo thủ trong các môi trường kinh doanh. Bộ vest đen, áo sơ mi trắng và cà vạt thường được ưa chuộng hơn trong khi các loại quần áo sặc sỡ không được phổ biến lắm. Một số công ty có thể chấp nhận việc ăn mặc tùy tiện, nhưng nếu bạn không chắc chắn về cách ăn mặc khi muốn đi đâu đó mới, nên ăn mặc chỉnh tề hơn là xuề xòa.

### ➤ **Đúng giờ tại nơi làm việc**

Giờ làm việc bình thường là từ 8:30 đến 16:30 hoặc từ 9:30 đến 17:30 với giờ nghỉ trưa khoảng 1 tiếng. Làm việc 5 ngày trong tuần, từ thứ Hai đến thứ Sáu. Việc làm thêm giờ không phải là hiếm, do đó Úc là một trong số những nước có thời gian làm việc dài nhất.

Các thời hạn phải được thực hiện chặt chẽ ở Úc. Xử lý công việc muộn hoặc giao hàng trễ cho khách hàng sẽ được xem như thiếu chuyên nghiệp và có thể bị đánh giá kém cỏi.

Người dân Úc nổi tiếng với lối sống thoải mái, nhưng thường rất đúng giờ với các cuộc hẹn kinh doanh. Việc trễ nãi trong các cuộc họp kinh doanh sẽ không được chấp nhận và được coi là rất thô lỗ. Nếu bạn đến trễ, phải gọi điện cho người hẹn gặp càng sớm càng tốt và báo cho họ biết bạn sẽ đến trễ. Đừng bao giờ đến gặp ai mà không có hẹn trước.

## ➤ Tương tác với các doanh nhân Úc

Trong các cuộc họp và đàm phán, người Úc có thể tỏ ra khá thoải mái. Nhưng hãy cẩn thận, họ là những doanh nhân khó khăn và thẳng thắn. Họ không hề dấu diếm và sẽ cho bạn biết những gì họ suy nghĩ một cách rất thẳng thắn. Đừng cảm thấy bị xúc phạm khi một người Úc nói thẳng với bạn rằng ông ấy cho rằng sản phẩm của bạn là không tốt lắm.

Trước cuộc họp, người Úc rất lịch thiệp và cởi mở, nhưng việc nói chuyện phiếm có thể khiến bạn bị loại ra, bởi vì khi đó là thời gian cho kinh doanh, đó chính là cuộc thảo luận khó khăn.

Khi người Úc gặp gỡ trong kinh doanh, họ (cả nam lẫn nữ) thường bắt tay trước và sau cuộc họp. Sẽ được xem là thô lỗ nếu không bắt tay ai đó khi họ chìa tay ra trước.

Nếu ai đó giới thiệu mình với tên riêng (first name), bạn có thể gọi họ bằng tên đó. Nếu bạn không biết cách xưng hô với ai đó, hãy dùng từ “sir” hay “madam” đều được.

Trong suốt cuộc trò chuyện như các cuộc họp và đàm phán, hãy nói rõ ràng và những gì bạn nói sẽ được hiểu đúng theo nghĩa đen. Hãy nói thẳng thắn, đừng nói vòng vo.

Khi nói chuyện với một ai đó, hãy chú ý giữ khoảng cách. Người Úc không thoải mái lắm nếu bạn dấn vào không gian riêng của họ, đặc biệt là nếu đó là một cuộc họp chính thức như với các đầu mối liên hệ kinh doanh.

Việc trao đổi danh thiếp không phổ biến như ở một số nước khác, nhưng không phải không có. Việc trao đổi danh thiếp thường chỉ nhằm mục đích thông tin mà không có các lễ nghi rườm rà. Danh thiếp nên được trao đổi ngay đầu cuộc họp. Do vậy, đừng quá lo lắng nếu bạn không nhận được một danh thiếp trở lại, điều này có thể là do người kia không có.

Việc tiếp xúc xã hội với các khách hàng bên ngoài văn phòng không còn là văn hóa kinh doanh của người Úc nữa. Các bữa trưa hoặc bữa tối mang tính kinh doanh vẫn xảy ra,

nhưng thường nhanh chóng, đơn giản và tập trung vào việc đạt được một số điểm đàm phán chứ không phải để lấy lòng khách hàng. Tương tự, việc cho và nhận quà không còn là văn hóa kinh doanh của người Úc và thường được coi là hồi lộ.

Uống rượu tại văn phòng thường chỉ được chấp nhận vào những dịp đặc biệt. Được phép uống rượu trong các cuộc họp mặt xã hội, nhưng tốt nhất là hãy để ý người chủ nhà và làm theo. Không giống như một số nền văn hóa châu Á, bạn không bị buộc phải uống rượu, nên có thể uống nước ngọt.

Người Úc ít khi lên lịch bàn bạc kinh doanh vào những ngày cuối tuần. Ở các thành phố, trang phục nghiêm chỉnh khi gặp gỡ kinh doanh là cần thiết nhưng ở các vùng nông thôn thường không cần trang trọng lắm.

### **Giờ làm việc và ngày lễ**

Giờ giấc làm việc thường kéo dài từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều, từ thứ Hai đến thứ Sáu. Hầu hết các cửa hàng ở trung tâm các thành phố lớn đều mở cửa vào ngày thứ Bảy và Chủ Nhật. Các ngân hàng mở cửa từ 9 giờ sáng đến 4 giờ chiều, từ thứ Hai đến thứ Sáu, với dịch vụ ATM 24/7. Các nhà hàng và cửa hàng tiện lợi thường mở cửa kinh doanh lâu hơn.

Người Úc thường có kỳ nghỉ hàng năm vào tháng 12 và tháng Giêng, kết hợp kỳ nghỉ lễ Giáng sinh và năm mới với thời kỳ nghỉ hè của các trường học. Do đó, hoạt động kinh doanh giảm bớt đi và có thể khó sắp xếp được các cuộc hẹn kinh doanh trong thời gian này. Các doanh nhân nên xác định xem liệu các đầu mối tiếp xúc sẽ có mặt trong suốt thời gian này hay không trước khi định thời biểu cho các chuyến đi tới Úc.

### **➤ Các ngày nghỉ lễ tại Úc**

<b>2019</b>	<b>Ngày lễ</b>
01/01	Năm mới (New Year's Day)
28/01	Quốc khánh Úc (Australia Day)
11/03	Canberra Day
19/04	Good Friday
20/04	Thứ Bảy trước lễ Phục Sinh
21/04	Chủ Nhật Phục Sinh
22/04	Thứ Hai Phục sinh
25/04	Anzac Day
27/05	Reconciliation Day
10/06	Sinh nhật Nữ hoàng
26/9	Ngày Gia đình và Cộng đồng
07/10	Lễ Lao động
25/12	Giáng sinh
26/12	Boxing Day

## Tạm nhập vật dụng và hành lý cá nhân

Một số loại hàng hoá nhất định có thể được nhập khẩu tạm thời vào Úc trong khoảng thời gian lên tới 12 tháng mà không phải thanh toán thuế.

Việc cho phép nhập khẩu tạm thời được quy định trong Mục 162 hoặc 162A của Luật Hải quan 1901.

Hàng hoá cũng có thể nhập khẩu tạm thời theo qui chế “Carnet”, một hộ chiếu quốc tế cho hàng hoá, theo đó việc thanh toán thuế được bảo lãnh bởi cơ quan phát hành carnet.

Hàng hóa dạng carnet được nhập khẩu theo Mục 162A và phải đủ điều kiện theo một trong những công ước nhập khẩu tạm thời quốc tế mà Úc là một bên tham gia ký kết. Có 2 loại carnet:

- CPD (Carnet de Passages en Douane): cho tất cả các loại xe.
- ATA: Bao trùm các loại hàng hóa như các mẫu vật quảng cáo thương mại, thiết bị chuyên nghiệp, thiết bị khoa học và các loại hàng hóa trưng bày hoặc sử dụng tại các sự kiện, hội chợ, triển lãm.

Hộ chiếu quốc tế Carnet phải có trước khi đến Úc. Khi hàng đến Úc, người giữ hộ chiếu carnet phải trình cho cơ quan Hải quan và Bảo vệ biên giới để xử lý và cũng phải trình lần nữa khi xuất khẩu hàng.

Hai yếu tố - bản chất của hàng hoá, mà sẽ được sử dụng là gì tại Úc, và người nhập khẩu hàng hoá là ai - sẽ xác định hàng hoá có hội đủ điều kiện nhập khẩu tạm thời hay không.

Hàng hóa nhập khẩu tạm thời bị ràng buộc bởi nhiều điều kiện. Điều kiện quan trọng nhất là bạn phải xuất khẩu hàng hóa đó trong phạm vi thời hạn đã được phê duyệt. Nếu hàng hóa không được tái xuất trong thời hạn nói trên, bạn sẽ phải thanh toán cho Hải quan một khoản tiền bằng với mức thuế lẽ ra phải trả ngay khi nhập khẩu hàng mà không được xử



lý như hàng nhập khẩu tạm thời.

Không có các hạn chế về việc nhập khẩu tạm thời máy tính cá nhân và các ứng dụng phần mềm để sử dụng trong các tình huống kinh doanh bình thường.

### Các cơ quan du lịch Úc

- Ủy ban Du lịch Úc (Australian Tourist Commission) <http://www.australia.com>
- Australian Capital Territory: <http://www.canberratourism.com.au>
- Ủy ban Du lịch New South Wales: <http://www.tourism.nsw.gov.au>
- Ủy ban Du lịch Victoria: <http://www.visitvictoria.com>
- Tourism Queensland: <http://www.queenslandholidays.com.au>
- Ủy ban Du lịch Nam Úc South Australia: <http://www.southaustralia.com>
- Ủy ban Du lịch Tây Úc: <http://www.westernaustralia.net>
- Ủy ban Du lịch Northern Territory: <http://www.nttc.com.au>
- Tourism Tasmania: <http://www.discovertasmania.com>

## Chương 9: Thông tin liên lạc

### Các đầu mối tiếp xúc

➤ **Đại sứ quán Việt Nam tại Úc**

Địa chỉ: 6 Timbarra Crescent, O'Malley, ACT, 2606, Australia

Phone: (02) 62868465; (02) 62866059

(02) 62901556; (02) 62901894; (02) 62866267

Fax: 61 - 2 - 6286 4534

Email: [yembassy@webone.com.au](mailto:yembassy@webone.com.au)

Website: [www.vietnamembassy.org.au](http://www.vietnamembassy.org.au)

➤ **Văn phòng Khoa học Kỹ thuật**

Địa chỉ: 01 Goble Street, Hughes, ACT 2605, Australia

Telephone/ Fax: (02) 61564396

Email: [Vem.SnToffice@yahoo.com.au](mailto:Vem.SnToffice@yahoo.com.au)

➤ **Thương Vụ Việt Nam ở Sydney**

Địa chỉ: 115 Commonwealth St. Surry Hill, Sydney 2010, Australia

Telephone: (02) 92116664, Fax: (02) 92116653

Email: [vntrade@bigpond.net.au](mailto:vntrade@bigpond.net.au)

➤ **Đại sứ quán Úc tại Hà Nội**

Địa chỉ: 8 Đào Tấn, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 4 3831 7755

Fax: +84 4 3831 7711

Website: <http://www.vietnam.embassy.gov.au/>

➤ **Tổng lãnh sự quán Úc tại thành phố Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: Tầng 20, Vincom Center, 47 Lý Tự Trọng, Quận 1,

Hộp thư: PO Box 659, Bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84-8 3521 8100

Fax: +84-8 3521 8101

➤ **Ủy ban Chứng khoán và Đầu tư Úc (ASIC)**

Ủy ban Chứng khoán và Đầu tư Úc (ASIC) chịu trách nhiệm quản lý chung Đạo luật Công ty năm 2001. Đạo luật Công ty là luật chính quy định việc đăng ký, kiểm soát và quản lý các công ty, bao gồm các công ty Úc và các công ty nước ngoài được đăng ký tại Úc.

ASIC cũng chịu trách nhiệm điều tiết thị trường tài chính và các nhà cung cấp dịch vụ tài chính và các sản phẩm tài chính (bao gồm việc cấp giấy phép liên quan và giám sát việc tuân thủ các điều kiện trong giấy phép) và chịu trách nhiệm giám sát hoạt động giao dịch trên thị trường tài chính được cấp phép trong nước của Úc, kể cả Sở Giao dịch Chứng khoán Úc.

ASIC giám sát việc tuân thủ các quy tắc về tính toàn vẹn của thị trường và có thể đưa ra

các thông báo vi phạm và chấp nhận thực thi các phán quyết thông qua Hội đồng Kỷ luật Thị trường.

➤ **Sàn giao dịch chứng khoán Úc (ASX)**

Sàn giao dịch chứng khoán Úc (ASX) là một trong 10 nhóm sàn giao dịch chứng khoán hàng đầu trên thế giới (đo bằng lượng vốn hóa thị trường).

Các hoạt động của ASX bao gồm các dịch vụ thị trường sơ cấp và thứ cấp, chuyển nhượng rủi ro và lưu ký chứng khoán cho cả thị trường vốn và thị trường thu nhập cố định. ASX chịu trách nhiệm điều hành thị trường, giám sát và thực thi việc tuân thủ các quy tắc hoạt động của sàn giao dịch, quảng bá các tiêu chuẩn quản trị doanh nghiệp giữa các công ty niêm yết và giúp giáo dục các nhà đầu tư bán lẻ.

Khi thực thi các quy tắc niêm yết chứng khoán ASX, ASX có thể đình chỉ một thực thể được niêm yết và / hoặc xóa một thực thể được niêm yết khỏi danh sách chính thức.

ASX cũng có thể yêu cầu thực hiện hành động khắc phục hoặc đưa một vi phạm đến ASIC để xem xét áp dụng hình phạt. Đối với những đối tượng tham gia thị trường ASX, ASX tiến hành các cuộc điều tra và áp dụng các biện pháp trừng phạt đối với mọi vi phạm Quy tắc hoạt động ASX. Theo Bộ luật Công ty, ASX có nghĩa vụ chuyển một số vấn đề nhất định sang ASIC để điều tra thêm. ASX không có quyền thực thi các điều khoản của Bộ luật Công ty. Tuy nhiên, ASX hợp tác chặt chẽ với ASIC liên quan đến việc giám sát các thực thể được niêm yết của ASIC theo bộ luật đó.

➤ **Hội đồng Tiếp quản**

Hội đồng Tiếp quản là cơ quan chính giải quyết tranh chấp khi xác định các tranh chấp liên quan đến việc tiếp quản và các giao dịch về quyền quản lý doanh nghiệp khác. Đây là một bộ phận xét duyệt gồm các chuyên gia trong ngành, bao gồm các thành viên bán

thời gian được chọn chủ yếu từ những người đang hành nghề tiếp quản (ví dụ, các chủ ngân hàng, luật sư và kế toán viên) và cộng đồng doanh nghiệp của Úc. Mục tiêu của Hội đồng Tiếp quản là giảm bớt việc tranh tụng chiến thuật trong các vụ tiếp quản, giảm chi phí tiếp quản và hỗ trợ thực thi luật pháp về tiếp quản. Hội đồng Tiếp quản là diễn đàn chính để giải quyết các tranh chấp về việc tiếp quản cho đến khi giai đoạn tranh chấp tiếp quản kết thúc.

➤ **Ủy ban Cạnh tranh và Người Tiêu dùng Úc (ACCC)**

Ủy ban Cạnh tranh và Người Tiêu dùng Úc (ACCC) là cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm đảm bảo các công ty phải tuân thủ các luật liên bang về cạnh tranh, giao dịch công bằng và bảo vệ người tiêu dùng. Điều này bao gồm việc thực thi các hoạt động chống cạnh tranh, sáp nhập và mua lại, các bộ luật công nghiệp, các phần về an toàn sản phẩm và giám sát giá của Luật Cạnh tranh và Người Tiêu dùng 2010 (CCA).

ACCC có thể thực hiện các hành động pháp lý khi tin rằng các điều khoản của CCA đã bị vi phạm bởi công ty. ACCC có quyền điều tra để buộc một cá nhân hoặc công ty cung cấp thông tin về một vi phạm bị nghi ngờ. ACCC có thể hành nhiều loại thông báo khác nhau (như các cảnh báo, chứng minh vi phạm liên quan đến người tiêu dùng), áp đặt các hình phạt bằng tiền và thực thi các phán quyết.

➤ **Các Phòng Thương mại Úc (theo tiểu bang)**

Mỗi bang đều có 1 phòng thương mại để xúc tiến các mối quan hệ thương mại và đầu tư, kể cả xuất nhập khẩu.

- Phòng Kinh doanh New South Wales: <http://www.nswbusinesschamber.com.au/>
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Queensland: <http://www.cciq.com.au/>
- Phòng Thương mại và Công nghiệp của giới chủ bang Victoria (Victorian Employers’



Chamber of Commerce and Industry): <http://www.vecci.org.au>

- Business South Australia: <http://business-sa.com/>
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Tasmania: <http://www.tcci.com.au>
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Western Australia: <http://www.cciwa.com>

➤ **Các hiệp hội ngành nghề hàng đầu**

(Liệt kê theo Mã Ngành Standard ITA)

Úc có nhiều hiệp hội ngành nghề và thương mại hoạt động tích cực, cung cấp nhiều thông tin và các chương trình khuyến công khác nhau để hỗ trợ các thành viên của họ.

➤ **Các Hiệp hội Kinh doanh Thương mại tổng hợp**

- Phòng Thương mại và Công nghiệp Úc: <http://www.acci.asn.au>
- Trung tâm Tranh chấp Thương mại Úc: <http://www.acdcltd.com.au>
- Tập đoàn Công nghiệp Úc - Australian Industry Group: <http://www.aigroup.com.au/>
- Viện Các Giám đốc Doanh nghiệp Úc - Australian Institute of Company Directors: <http://www.companydirectors.com.au>
- Viện Quản trị Úc - Australian Institute of Management – Victoria & Tasmania <http://www.aimvic.com.au>
- Hội Nghiên cứu Xã hội và Thị trường Úc - Australian Market and Social Research Society: <http://www.mrsa.com.au>
- Hiệp hội Bán lẻ Úc - Australian Retailers Association: <http://www.retail.org.au/>

- Hội đồng Kinh doanh Úc - Business Council of Australia (nhóm tư vấn chính sách):  
<http://www.bca.com.au>
  - Consult Australia (Trước kia là Hiệp hội các Kỹ sư tư vấn Úc)  
<http://www.consultaustralia.com.au/>
  - Hội đồng các nhà Môi giới Hải quan và Giao nhận Úc - Customs Brokers and Forwarders Council of Australia Inc. <http://www.cbfa.com.au>
  - Hội các Kỹ sư Úc - Engineers Australia: <http://www.engineersaustralia.org.au>
  - Viện các Lãnh đạo Kinh doanh - Institute of Business Leaders:  
<http://www.businessleaders.com.au>
  - Viện các luật sư về Bằng sáng chế và Thương hiệu - The Institute of Patent and Trade Mark Attorneys of Australia: <http://www.ipta.com.au>
  - Phòng Doanh nghiệp New South Wales: <http://www.nswbusinesschamber.com.au/>
  - Tiêu chuẩn Úc - Standards Australia <http://www.standards.org.au>
- **Các công ty kế toán (ACT)**
- CPA Australia <http://www.cpaustralia.com.au>
  - Viện Kế toán Úc - Institute of Chartered Accountants:  
<http://www.charteredaccountants.com.au/>
- **Thiết bị máy móc nông nghiệp (AGM)**
- Viện Barbara Hardy (trước kia là: Trung tâm Nghiên cứu Thiết kế Máy móc Nông nghiệp - Agricultural Machinery Research Design Center):  
<http://www.unisa.edu.au/barbarahardy/>

- Hiệp hội Máy kéo và Máy móc Úc - Tractor and Machinery Association of Australia: <http://www.tma.asn.au/>

➤ **Công nghệ sinh học (BTC):** AusBiotech: <http://www.ausbiotech.org/>

➤ **Sách/tạp chí (BOK)**

Hiệp hội những người bán sách Úc - Australian Booksellers Association  
<http://www.aba.org.au/>

➤ **Xây dựng (CON)**

- Australian Building Codes Board: <http://www.abcb.gov.au>

- Diễn đàn ngành xây dựng Úc - Australian Construction Industry Forum: <http://www.acif.com.au>

- Hiệp hội những nhà xây dựng Úc - Australian Constructors Association: <http://www.constructors.com.au>

- Quan hệ Đối tác về Cơ sở hạ tầng Úc - Infrastructure Partnerships Australia: <http://www.infrastructure.org.au>

- Hội Đường hầm Úc – Á - Australasian Tunnelling Society: <http://www.ats.org.au>

- Liên hiệp những nhà xây dựng dân dụng: <http://www.civilcontractors.com>

- Bộ Cơ sở hạ tầng, Vận tải, Phát triển Vùng và Chính quyền địa phương - Department of Infrastructure, Transport, Regional Development and Local Government: <http://www.infrastructure.gov.au>

- Hiệp hội Nhà ở - Housing Industry Association: <http://www.hia.com.au>

- Master Builders Australia Inc.: <http://www.masterbuilders.com.au>
- **Máy móc sản xuất hóa chất (CHM), Hóa chất công nghiệp (ICH)**
- Cơ quan Tư vấn Hóa chất - Chemical Advisory Service <http://www.cas.com.au>
- Hiệp hội ngành Nhựa và Hóa chất - Plastics and Chemicals Industries Association <http://www.pacia.org.au>
- **Máy tính/Thiết bị ngoại vi (CPT), phần mềm máy tính (CSF), dịch vụ máy tính (CSV)**
- Hội Máy tính Úc - Australian Computer Society Inc. <http://www.acs.org.au>
- Hiệp hội ngành Thông tin Úc - Australian Information Industry Association <http://www.aiia.com.au>
- Hiệp hội Công nghiệp Truyền thông Tương tác Úc - Australian Interactive Media Industry Association <http://www.aimia.com.au>
- Hiệp hội các nhà Phân phối phần mềm xem nhìn - Australian Visual Software Distributors Association Ltd <http://www.avsda.com.au/>
- Hiệp hội Công nghiệp Internet - Internet Industry Association <http://www.ii.net.au>
- **Tiếp thị trực tiếp (DIR)**
- Hiệp hội Tiếp thị trực tiếp Úc - Australian Direct Marketing Association: <http://www.adma.com.au>
- **Thuốc – Dược phẩm (DRG)**

- Hội Dược Úc - Pharmacy Guild of Australia: [http://www.guild.org.au/the\\_guild](http://www.guild.org.au/the_guild)
- Dược phẩm Úc - Medicines Australia: <http://www.medicinesaustralia.com.au>
- Chương trình Thông báo và Thẩm định Hóa chất Công nghiệp Quốc gia - National Industrial Chemicals Notification and Assessment Scheme: [www.nicnas.gov.au](http://www.nicnas.gov.au)
- Cơ quan Quản lý Hàng liệu pháp - Therapeutic Goods Administration: <http://www.tga.gov.au/>
- **Giáo dục/Đào tạo (EDS)**
  - Học hành cho người trưởng thành - Adult Learning Australia <http://www.ala.asn.au>
  - Viện Đào tạo và Phát triển Úc - Australian Institute of Training & Development <http://www.aitd.com.au>
  - Bộ Giáo dục, Việc làm và Quan hệ lao động - Department of Education, Employment and Workplace Relations <http://www.deewr.gov.au/>
- **Điện lực (ELP)**
  - Hội đồng Năng lượng Sạch - Clean Energy Council <http://www.cleanenergycouncil.org.au>
  - Công nghiệp và Đầu tư ngành Năng lượng thuộc chính phủ NSW - NSW Government Industry and Investment: Energy <http://www.industry.nsw.gov.au/energy>
  - Bộ Công nghiệp, Canh tân, Nghiên cứu Khoa học và Giáo dục đại học - Department of Industry, Innovation, Science Research and Tertiary Education <http://www.innovation.gov.au>
  - Hiệp hội Cung ứng Năng lượng Úc - Energy Supply Association of Australia



<http://www.esaa.com.au>

- Năng lượng và Nước - Energy and Water Ombudsman (Victoria):  
<http://www.ewov.com.au>
- Ủy ban Dịch vụ thiết yếu - Essential Services Commission <http://www.esc.vic.gov.au>
- Mạng lưới Thông minh Úc - Smart Grid Australia  
<http://www.smartgridaustralia.com.au/>
- Trung tâm Công nghệ tiên tiến Warren - Warren Centre for Advanced Engineering Ltd, [http://sydney.edu.au/warrencentre/front\\_page.html](http://sydney.edu.au/warrencentre/front_page.html)

➤ **Điện tử (EIP)**

- Tập đoàn Công nghiệp Úc - Australian Industry Group <http://www.aigroup.com.au/>
- Hiệp hội ngành Công nghệ - Technology Industry Association  
<http://www.tia.asn.au/home>

➤ **Công nghệ Môi trường (POL)**

- Hiệp hội ngành Nước Úc - Australian Water Association <http://www.awa.asn.au>
- Cơ quan Môi trường và Di sản - Office of environment and heritage:  
[www.environment.nsw.gov.au](http://www.environment.nsw.gov.au)
- Kinh doanh Bền vững Úc - Sustainable Business Australia <http://www.sba.asn.au/sba/>
- Hiệp hội Quản lý Chất thải Úc - Waste Management Association of Australia  
<http://www.wmaa.asn.au>

➤ **Phim ảnh, video và các sản phẩm ghi khác (FLM)**

- Hiệp hội Quyền Biểu diễn Úc Á và Hội các Chủ Bản quyền Cơ khí Úc Á - Australasian Performing Right Association and Australasian Mechanical Copyright Owners Society <http://www.apra-amcos.com.au/>
- Hội đồng Bản quyền Úc - Australian Copyright Council <http://www.copyright.org.au>
- Hội đồng các Hội Phim ảnh Úc - Australian Council of Film Societies <http://www.acmi.net.au/acofs.htm>
- Viện Phim ảnh Úc - Australian Film Institute <http://www.afi.org.au>
- Hiệp hội ngành Ghi âm Úc - Australian Recording Industry Association <http://www.aria.com.au>
- Hiệp hội các nhà Phân phối Phần Mềm Ghi Nhìn Úc - Australian Visual Software Distributors Association Ltd <http://www.avsda.com.au/>
- Hội Bản quyền Nghe Nhìn - Screenrights - the Audio-Visual Copyright Society <http://www.screen.org>
- **Dịch vụ tài chính (FNS)**
  - Australian Prudential Regulation Authority <http://www.apra.gov.au>
  - Ủy ban Đầu tư và Chứng khoán Úc <http://www.asic.gov.au>
  - Dun & Bradstreet (Australia) <http://www.dnb.com.au>
  - Ngân hàng Dự trữ Úc - Reserve Bank of Australia <http://www.rba.gov.au>
- **Thiết bị chế biến/bao bì thực phẩm (FPP) Thực phẩm chế biến (FOD)**
  - Viện Khoa học Công nghệ Thực phẩm Úc <http://www.aifst.asn.au>

- Hội đồng Thực phẩm và Tạp phẩm Úc <http://www.afgc.org.au>
- Hiệp hội các nhà Nhập khẩu Thực phẩm và Thức Uống <http://www.fbia.org.au/>
- Thực phẩm và Khoa học Dinh dưỡng - CSIRO Food & Nutritional Sciences <http://www.csiro.au/org/FNS.html>
- Hội đồng Bao bì Úc - Packaging Council of Australia Inc. <http://www.pca.org.au/>

➤ **Nhượng quyền Thương mại - Franchising (FRA)**

- Hội đồng Nhượng quyền Thương mại Úc - Franchise Council of Australia: <http://www.franchise.org.au>
- Văn phòng Tư vấn Dàn xếp Nhượng quyền Thương mại - Office of the Franchising Mediation Advisor:

<http://www.franchisingmediationadviser.com.au>

➤ **Dịch vụ Thông tin (INF)**

- Hội Máy tính Úc - Australian Computer Society Inc.: <http://www.acs.org.au>
- Hiệp hội ngành Thông tin Úc - Australian Information Industry Association: <http://www.aiia.com.au>

➤ **Dịch vụ Đầu tư (INV)**

Hội đồng Dịch vụ Tài chính - Financial Services Council: <http://www.ifsac.com.au>

➤ **Nữ trang (JLR)**

Hiệp hội Nữ trang Úc - Jewellers Association of Australia Ltd.: <http://www.jaa.com.au>

➤ **Máy công cụ/Thiết bị Gia công Kim loại (MTL)**

- Tập đoàn Công nghiệp Úc - Australian Industry Group: <http://www.aigroup.com.au/>
- Viện Công nghệ Sản xuất Úc - Australian Manufacturing Technology Institute Limited: <http://www.amtil.com.au>

➤ **Thiết bị ngành Y (MED)**

- Hiệp hội ngành Nha Úc - Australian Dental Industry Association Incorporated: <http://www.adia.org.au>
- Cơ quan Quản lý Hàng liệu pháp Úc - Australian Therapeutic Goods Administration (TGA): <http://www.tga.gov.au>
- Hiệp hội Công nghệ ngành Y của Úc - Medical Technology Association of Australia <http://www.mtaa.org.au>

➤ **Thiết bị ngành Khai khoáng (MIN)**

- Hiệp hội Than Úc - Australian Coal Association <http://www.australiancoal.com.au>
- Viện các nhà khoa học địa chất Úc - Australian Institute of Geoscientists <http://aig.org.au>
- Viện ngành Mỏ và Luyện kim Úc Á - Australasian Institute of Mining and Metallurgy <http://www.ausimm.com.au>
- Hiệp hội ngành Khoan Úc - Australian Drilling Industry Association <http://www.adia.com.au>
- Hội đồng Khoáng sản Úc - Minerals Council of Australia <http://www.minerals.org.au>

- Hội đồng Thiết bị và Dịch vụ ngành mỏ - Mining Equipment & Services Council of Australia <http://www.mesca.com.au>
- **Máy móc Dầu khí (OGM), Dịch vụ Thăm dò và Sản xuất Dầu khí, khoáng sản (OGS)**
- Viện Năng lượng Úc - Australia Institute of Energy <http://aie.org.au/>
- Hiệp hội Khí Đốt Úc - Australian Gas Association, The <http://www.aga.asn.au/>
- Hiệp hội Thăm dò và Sản xuất Dầu mỏ Úc - Australian Petroleum Production and Exploration Association <http://www.appea.com.au/>
- Hiệp hội ngành Đường ống dẫn Úc - Australian Pipeline Industry Association <http://www.apia.net.au/>
- Viện Khoa học Địa chất Úc - Geosciences Australia <http://www.ga.gov.au/>
- **Thiết bị Bao bì (PKG)**
- Hội đồng Bao bì Úc - Packaging Council of Australia Inc. <http://www.pca.org.au/>
- Nguyên liệu Nhựa, chất dẻo (PMR) Máy móc sản xuất Nhựa (PME)
- Hiệp hội ngành Hóa chất và Nhựa - Plastics and Chemicals Industries Association <http://www.pacia.org.au>
- **Thiết bị Kiểm soát ô nhiễm (POL)**
- Hiệp hội Nước Úc - Australian Water Association <http://www.awa.asn.au>
- Kinh doanh Bền vững Úc - Sustainable Business Australia <http://www.sba.asn.au/sba/>



➤ **Thiết bị ngành in/đồ họa (PGA)**

- Hiệp hội các nhà buôn nghệ thuật đồ họa Úc - Graphic Arts Merchants Association of Australia <http://www.gamaa.net.au>
- Hiệp hội Ngành In ấn Úc - Printing Industries Association of Australia <http://www.printnet.com.au>

➤ **Thiết bị Đường sắt (RRE)**

- Hiệp hội Thiết bị Đường sắt Úc Á- Australasian Railway Association Inc. <http://www.ara.net.au/>
- Công ty Đường sắt Úc - Australian Railway Industry Corporation <http://www.aric.com.au/site/>

➤ **Thiết bị an ninh/an toàn (SEC)**

Hiệp hội ngành An ninh Úc - Australian Security Industry Association Limited <http://www.asial.com.au>

➤ **Hàng dệt, may mặc và giày dép (TXP)**

Hội đồng các ngành công nghiệp dệt và thời trang Úc - Council of Textile & Fashion Industries of Australia Limited <http://www.tfia.com.au>

➤ **Dịch vụ lữ hành và du lịch (TRA)**

Liên đoàn các đại diện lữ hành Úc - Australian Federation of Travel Agents <http://www.afta.com.au>

**Các cơ quan chính phủ Úc**

➤ **Các cơ quan chính quyền liên bang chính**

- Bộ Nông Lâm Thủy sản <http://www.daff.gov.au/>
- Dịch vụ Bay Úc <http://www.airservicesaustralia.com>
- Hội đồng Mã số Xây dựng Úc <http://www.abcb.gov.au>
- Cơ quan Thống kê Úc <http://www.abs.gov.au>
- Cơ quan Thông tin Truyền thông Úc <http://www.acma.gov.au>
- Cơ quan Cạnh tranh và Người tiêu dùng Úc Australian <http://www.accc.gov.au>
- Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới Úc Australian <http://www.customs.gov.au>
- Bộ Quốc phòng <http://www.defence.gov.au>
- Bộ Ngoại giao và Thương mại <http://www.dfat.gov.au>
- Hội đồng Thẩm định Đầu tư Nước ngoài <http://www.firb.gov.au>
- Khoa học Địa chất Úc - Geosciences Australia <http://www.ga.gov.au/>
- Bộ Y tế <http://www.health.gov.au>
- Bộ Nhập cư và Công dân <http://www.immi.gov.au>
- Bộ Sáng tạo, Công nghiệp, Khoa học và Nghiên cứu <http://www.innovation.gov.au/Pages/default.aspx>
- Bộ Cơ sở hạ tầng, Vận tải, Phát triển Vùng và Chính quyền địa phương: <http://www.infrastructure.gov.au>
- Cơ quan Sở hữu Trí tuệ Úc - IP Australia: <http://www.ipaustralia.gov.au>

- Cơ quan Thanh tra và Kiểm dịch Úc <http://www.daff.gov.au/aqis>
- Cơ quan Thuế Úc <http://www.ato.gov.au>
- Cơ quan Quản lý Hàng liệu pháp, Bộ Y tế <http://www.tga.gov.au>
- Ngân khố <http://www.treasury.gov.au>

➤ **Các cơ quan phát triển kinh tế tiểu bang**

Australian Capital Territory (ACT): Phát triển Kinh doanh và Công nghiệp  
<http://www.business.act.gov.au>

➤ **New South Wales**

- Bộ Thương mại, Đầu tư, Cơ sở hạ tầng vùng và Dịch vụ:  
<http://www.business.nsw.gov.au>
- Thể thao và Giải trí Cộng đồng <http://www.dsr.nsw.gov.au>

➤ **Northern Territory**

Bộ Kinh doanh và Việc làm <http://www.nt.gov.au/dbe/>

➤ **Queensland**

Việc làm và Phát triển Kinh tế <http://www.dtrdi.qld.gov.au>

➤ **South Australia**

Bộ Phát triển Kinh tế và Thương mại <http://www.southaustralia.biz>

➤ **Tasmania**

Bộ Phát triển Kinh tế, Du lịch và Nghệ thuật <http://www.development.tas.gov.au>

➤ **Victoria**

Bộ Kinh doanh và Sáng tạo <http://www.dbi.vic.gov.au/>

➤ **Western Australia**

- Bộ Thương mại <http://www.commerce.wa.gov.au/index.htm>
- Bộ Mỏ và Dầu mỏ <http://www.dmp.wa.gov.au/>
- Bộ Phát triển tiểu bang <http://www.dsd.wa.gov.au>

### Tài liệu tham khảo

- Commercial Country Guide Australia 2018, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ
- World Factbook, CIA
- Doing business in Australia – 2018 - PWC
- Doing business in Australia - 2018, Clayton UTZ/Herbert Smith Freehills/Gilbert + Tobin
- Australian Department of Foreign Affairs and Trade
- Austrade
- Thương vụ Việt Nam tại Úc.